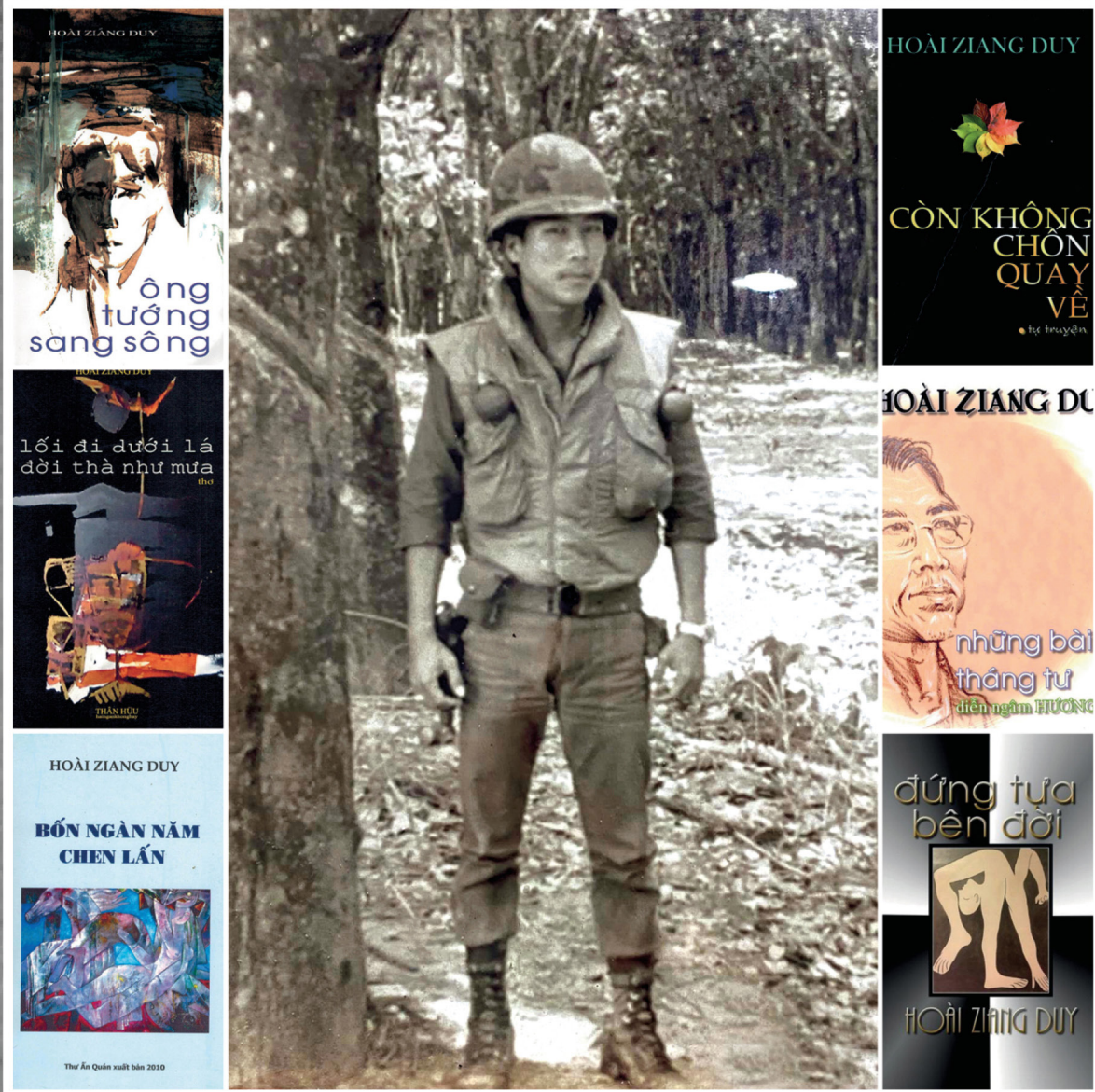




Nguyệt San  
**KBC**®

NĂM THỨ 22  
THÁNG 7 NĂM 2022



## VĨNH BIỆT NGƯỜI LÍNH CẦM BÚT **HOÀI ZIANG DUY**

TỪ RỪNG AN LỘC ĐẾN NÚI ĐỒI VIRGINIA . 2 | BÊN TRƯỜNG GIÁC ĐẤU . 6 | NHỮNG BÀI THƠ VIẾT TRONG THỜI CHIẾN . 10 | HOÀI ZIANG DUY, BIỂU TƯỢNG MỘT VĂN PHONG HIỆN THỰC ĐẦY SÁNG HÓA . 12 | ÔNG TƯỚNG SANG SÔNG . 15 | HOÀI ZIANG DUY: 'CÒN MẮT TRẦN GIAN THAO THỨC MỖI TRÔNG 'LỐI ĐI DƯỚI LÁ ĐỜI THÀ NHƯ MƯA' . 20 | NÓI VỚI NGƯỜI BẠN ĐỒNG MINH . 25 | NÓI VỚI NGƯỜI CHIẾN BINH HOA KỲ . 25 | RỒI CŨNG QUA ĐI . 26 | BẠN TÔI, HOÀI ZIANG DUY . 32 | VẼ CHÂN DUNG HOÀI ZIANG DUY . 33 | LẦN THEO NỖI CHẾT . 35 | TUỔI TRẺ HOÀI ZIANG DUY . 38 | GIA ĐÌNH HOÀI ZIANG DUY . 39 | HOÀI ZIANG DUY Ở HOA KỲ . 40 | HOÀI ZIANG DUY VÀ BẠN HỮU Ở HOA KỲ . 42 | RẤT GẦN MÀ CŨNG RẤT XA . 42 | THƠ THÁNG TƯ ĐEN . 45 | TRÒ CHUYỆN CÙNG NHÀ VĂN HOÀI ZIANG DUY . 46 | BỐN NGÀN NĂM CHEN LẤN . 52 | THƠ PHỔ NHẠC . 61 | HOÀI ZIANG DUY, NGƯỜI TÌNH THƠ VĂN . 62 | CÒN KHÔNG CHÓN QUAY VỀ . 64 | CẢM TÁC VỀ TẬP THƠ 'ĐỨNG TỰA BÊN ĐỜI' . 68 | CHUYỆN NGƯỜI NĂM CŨ . 70 | ĐỌC CHUYỆN NGƯỜI NĂM CŨ . 76 | BÀN TAY CÓ ĐIỀU CHƯA NÓI HẾT . 77 | DÒNG SÔNG XUÔI CHÁY . 78 | ĐÔI DÒNG NGHĨ VỀ NHÀ VĂN HOÀI ZIANG DUY . 81





**CỐ VẤN PHÁP LUẬT:**  
**Tổ Hợp Luật Sư**  
**ĐỖ PHỦ & ANH TUẤN**

**BAN CHỦ BIÊN:**  
**NGUYỄN HUY HÙNG**  
**LS TRẦN THANH HIỆP**  
**ĐỖ QUÝ TOÀN**  
**TRƯỜNG SƠN LÊ XUÂN NHỊ**  
**ĐINH LÂM THANH**  
**TRẦN VĂN GIANG**  
**HỒNG HUY**

**CỘNG TÁC VIÊN:**  
**PHẠM PHONG DINH**  
**TRẦN VĂN NGÀ**  
**PHẠM TÍN AN NINH**  
**MƯỜNG GIANG**  
**BẢO ĐỊNH**  
**HỒ ĐẮC HUÂN**  
**NGUYỄN VĂN KHANH**  
**CAPTOVAN**  
**NGỌC HẠNH (Phượng Vĩ)**  
**NGÔ MINH HẰNG**  
**BÁC SĨ HOÀNG CƠ LÂN**  
**TAM BÁCH ĐÌNH BÁ TÂM**  
**Nhóm HUYNH ĐỆ CHI BINH**  
(tại Japan, Pháp, Na Uy, Hòa Lan và Đông Bắc Hoa Kỳ)

**TRÌNH BÀY:**  
**H' NGUYEN**

**HÌNH ẢNH:**  
**GIA ĐÌNH HOÀI ZIANG DUY**

**PHÁT HÀNH - QUẢNG CÁO:**  
**HỒNG HUY**  
**ĐT: (714) 412-9013**  
**(714) 254-5141**

**Địa chỉ Tòa soạn KBC:**  
**9353 Bolsa Ave., K17**  
**Westminster, CA 92683**  
Email:  
**dungthaito@yahoo.com**  
**nguyetsankbc@gmail.com**  
Website:  
**www.nguyetsankbc.com**

# PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc khi biết tin:



## Ông THÁI SANH LỢI (Nhà văn/Nhà thơ HOÀI ZIANG DUY)

Sinh năm 1948 tại Châu Đốc, Miền Nam Việt Nam  
Khoá 9/68 Thủ Đức

Cựu Sĩ Quan Trung Đoàn 15 Sư Đoàn 9 Bộ Binh  
Đã qua đời vào lúc 6 giờ 30 chiều

Ngày 1 tháng 6 năm 2022 tại Virginia, Hoa Kỳ  
**HƯỞNG THỌ 75 TUỔI**

Chúng tôi xin thành kính chia buồn  
cùng chị Phượng Thảo Huyền và tang quyến.  
Nguyện cầu linh hồn người quá cố  
sớm yên nghỉ nơi cõi vĩnh hằng.

BẮC PHONG . BÙI CÔNG BẰNG . DIỄM PHƯƠNG . ĐOÀN VĂN KHÁNH . ĐỨC PHỔ . GIA ĐÌNH DOãn DÂN . HỒ ĐÌNH NGHIÊM . HOÀNG LỘC . HOÀNG KHỞI PHONG . HOÀNG THỊ BÍCH TI . HUYỀN VÂN THANH . ITALA PUCILLO . KIỀU HÙNG . LÂM CHƯỜNG . LÂM THÚY . LÊ HÂN . LÊ TRÚC KHANH . LÊ TRIỀU HỒNG LĨNH . LÊ HỒNG THÁI . LỮ QUỲNH . LUÂN HOÁN . LƯƠNG THỨ TRUNG . LƯU NHỮ THỤY . MINH NGUYỄN . NGÔ THỊ MỸ LỆ . NGÔ NGUYỄN NGHIÊM . NGỌC HOÀI PHƯƠNG . NHÀ CA . NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC . NGUYỄN AN BÌNH . NGUYỄN THỊ THANH BÌNH . NGUYỄN TƯỜNG GIANG . NGUYỄN ĐÌNH HIẾU . NGUYỄN VY KHANH . NGUYỄN TRỌNG KHÔI . NGUYỄN NHỮ MÂY . NGUYỄN ĐỨC MINH . NGUYỄN MINH NỮU . NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG . NGUYỄN VŨ SINH . NGUYỄN HỮU THỜI . NGUYỄN QUỐC TRỤ . PHẠM THÀNH CHÂU . PHẠM CAO HOÀNG . PHẠM VĂN NHÂN . PHAN NI TẤN . PHÙ SA LỘC . QUAN DƯƠNG . SONG VINH . THÀNH TÔN . TRẦN NHO BỤI . TRẦN BANG THẠCH . TRẦN PHÙ THẾ . TRẦN HOÀI THỨ . TRỊNH BỬU HOÀI . TRỊNH THANH THÚY . TRƯƠNG VŨ . TRIỀU HOA ĐẠI . TỬ HOÀI TẤN



An Lộc Mùa hè đỏ lửa 1972

# TỪ RỪNG AN LỘC ĐẾN NÚI ĐÔI VIRGINIA

NGUYỄN MINH NỮ

**H**oài Ziang Duy định cư ở Mỹ năm 1991 sau bảy năm đi lính, Bốn lần bị thương và sáu năm "tù cái tạo". Khi tinh thần ổn định anh cầm bút trở lại và cộng tác bài vở với các tạp chí Văn Học

(\*) Bức hình ở trang bìa và bức hình này do một phóng viên ngoại quốc chụp HZD tại khu rừng cao su ở An Lộc năm 1972; HZD ghi vội cho người phóng viên địa chỉ gia đình và nhờ gửi hình về Sài Gòn. Sau đó vài tháng, gia đình HZD nhận được lá thư không rõ tên họ người gửi kèm trong đó 2 tấm hình.

(của Nguyễn Mộng Giác), Hợp Lưu của Khánh Trường), và tham gia một tuyển tập của Văn Bút Miền Đông năm 1996. Tới năm 1999 mới xuất tập truyện đầu tay "Ông Tướng Sang Sông".

Tôi quen anh trong giai đoạn này, giai đoạn anh chuẩn bị phát hành tập truyện đầu tay. Anh hay ngồi với một người bạn trong Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại tại quán cà phê Nguyễn Gia Định trong khu thương mại Eden. Dường như đó là lúc Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại đang phân hóa cùng cực giữa hai phe Viên Linh ở miền Tây và Sơn Tùng ở miền Đông thành hai ban chấp hành Văn Bút Việt Nam. Sau đó, Văn Bút Quốc Tế đã dần xếp để cả hai cùng rút lui, một Ban Chấp Hành khác thành lập với chủ tịch là nhà văn Minh Đức Hoài Trinh. Có lẽ chính cuộc đấu đá giữa hai bên trong Văn Bút, khiến một người mới định cư ở Mỹ như tôi có cái nhìn e ngại với những người trong cuộc. Chúng tôi chào hỏi nhau nhẹ nhàng và không gân gỏi.

Giang Hữu Tuyên đưa tôi tập truyện và Thư Mời buổi ra mắt sách. Hoài Ziang Duy đã khéo léo bước ra khỏi cuộc tranh chấp của Văn Bút, khi buổi ra mắt sách được giao cho Hội Đồng Hương Châu Đốc tổ chức.

Tập truyện có cái tên rất gợi hình "Ông Tướng Sang Sông". Chưa kịp đọc tập truyện, chúng ta đã lập tức bị cuốn hút bởi cái tâm trạng xót xa, buồn nản, bi thảm và tuyệt vọng của một thể đứng chông chênh, một con đường đi mà không có đích đến mà cũng không có lối quay về. Tập truyện lại do Xuân Vũ viết lời giới thiệu, Xuân Vũ là tác giả



tập hồi ký “Đường Đi Không Đến” càng khiến tôi đỉnh ninh đây sẽ là tập truyện về những người lính chiến đấu đơn lẻ và vô vọng từ một cuộc chiến bị phản bội hồi hai mươi năm về trước.

Nhưng không phải vậy, “Ông Tướng Sang Sông” nói về một cuộc chiến khác, khốc liệt và bi thảm, thâm lặng nhưng không kém xót xa là chính trong nội tâm của con người. Sẽ đề cập tới tập truyện này trong phần sau.

Hoài Ziang Duy tên thật là Thái Sanh Lợi, sinh năm 1948 tại Châu Đốc, nhập ngũ năm 1968 học tại Trường Bộ Binh Thủ Đức, ra trường, là một sĩ quan tác chiến thuộc Sư Đoàn 9 Bộ Binh. Khi mang cấp bậc Trung Úy, và năm Đại Đội Trưởng, Hoài Ziang Duy đã là một mũi tiên phong dẫn quân vào giải tỏa thị xã An Lộc thuộc tỉnh Bình Long. Trận đánh khốc liệt và bi tráng đó in dấu rất sâu trong ký ức của anh, những khu rừng xanh đất đỏ của miền đông, những mẫu người dân hiền hòa chịu đựng bom đạn chiến tranh và cả những đồng đội bên nhau mà đa phần đã đến nơi đây nhưng không thể trở về. Bút ký “Chia Nửa Vầng Trăng” của Hoài Ziang Duy là một bút ký chiến tranh viết về mặt trận An Lộc vào Mùa Hè Đỏ Lửa 1972 là một bút ký rất thành công và phổ biến rộng rãi vì rất chân thật, xúc động và sắc xảo.

Cầm bút và kiếm sống bằng nghề bút từ thời rất trẻ. Trong lần trả lời phỏng vấn của Lương Trung Thư, Hoài Ziang Duy tâm sự:

“Những người viết văn làm thơ sớm, là mang khổ lụy vào thân.

*Kể ra khoảng thời niên thiếu học trung học, tôi đã viết truyện để kiếm tiền trang trải cuộc sống cho bản thân mình, nhiều hơn là lo học. Cũng may là đường khoa cử cũng trơn tru. Hồi đó mỗi lần một bài truyện đăng báo, được trả 300 đồng (thời giá may một cái quần tây vải Dacron là 300, một cái đồng hồ hiệu Telda, hay Luran là 350 đồng). Đăng ở nhật báo Tia Sáng, Ngày Mới, Dân Ta, Dân Tiến, Tiểu Thuyết Thứ Năm, Sống, Sóng Thân, Đời, và các tạp chí văn học,... Năm học lớp Đệ Nhị, thơ tôi được giới thiệu ‘Thơ và Tác Giả’ trên đài phát thanh Sài Gòn (chương trình Tuần Báo Nghệ Thuật Truyền Thanh). Sau này đi lính thì chỉ còn có thời giờ viết cho các tạp chí. Tôi thường xuyên viết cho tạp chí Trình Bày của Thế Nguyễn. Đời sống tôi rất cô độc (con út trong một gia đình, mất mẹ lúc lên 5, 6 tuổi). Sống ở đơn vị mà chỉ viết báo ngoài để lãnh tiền, khi về Sài Gòn thì ghé qua lấy...”*

Sống được bằng nhuận bút từ khi còn đang là học sinh trung học là một điều hiếm hoi và kỳ lạ vào cái thời mà chúng tôi lớn lên. Cầm bút từ năm 1965, khi vừa 17 tuổi, tính tới thời điểm hiện tại, Hoài Ziang Duy xuất bản được 6 tác phẩm gồm:

- Ông Tướng Sang Sông – tập truyện, 1999
- Lối Đi Dưới Lá Đời Thà Như Mưa – thơ, 2007
- Bốn Ngàn Năm Chen Lán – tập truyện, 2010
- Những Bài Thơ Tháng Tư – CD ngâm thơ, 2014
- Còn Không Chấn Quay Về – tự truyện, 2017
- Đứng Tựa Bùn Đời – thơ, 2019

Giữa thơ và văn, Hoài Ziang Duy tự nhận định mình thích làm thơ hơn, anh đã tâm sự:

“Còn thơ tôi, những lãng mạn, nông nản thiết tha như anh thấy trong nhận xét. Quả tình tôi cũng yếu đuối sống thật với chính mình qua những bài thơ. Khác với thực tế sống bên ngoài, đời sống tôi chừng mực, trật tự, không có lối buông thả, rượu chè (có lẽ vì vậy mà tôi ít có bạn bè, ít hình tượng làm dáng của một văn nghệ sĩ). Tôi vẫn thích làm thơ hơn, bởi nó trang trải những cảm nghĩ rung động kịp thời, hơn là một bài văn đòi hỏi sự chuẩn bị sống cho nhân vật, không phải sống thật với mình.”

Có một số bài của Hoài Ziang Duy lênh đênh nổi nhớ, mang mang tiếng vọng một quê nhà:

*“Đường hẹp quê nhà ta bắt nhớ  
Cuộc đời ai hát nhịp câu tre  
Hôm nay đường rộng*

*quan san bước  
Then cài ai khép đứng ngoài khe”  
(Đã Lỡ Cơn Đau Ngày Bóng Xế, LDDLTNTM, trang 15)*

Hay nói về những chuyến khởi hành mà không cần đích đến:

*“Đi đi tản là đi tản mạn  
Hành trang mang chỉ một chữ Đi  
Ngó thấy không gian  
ngôi phía trước  
Sao trời chung mệnh  
chiếu Thiên Di*

*Đi bỏ nước ca câu mất nước  
Lễ nghĩa xưa quân tử gánh gông  
Trúng trăm con nỏ  
trần bọt nước*

*Mới hay sĩ khí thổi ngoài sông”  
(Đi, LDDLTNTM, trang 25)*

Thơ hay, nhiều chất trữ tình, thiết tha nhưng có lẽ tâm huyết của Hoài Ziang Duy lại là phần



văn. Ở đó, HZD tạo hình nhân vật, xây dựng tình huống và thể hiện văn phong biệt dị tạo ra những tác phẩm có bản sắc rất riêng.

Thí dụ như tập truyện “Ông Tướng Sang Sông”, nhà văn Xuân Vũ viết trong lời giới thiệu đầu cuốn sách là:

*“Lối viết của Hoài Ziang Duy là một lối viết lạ kỳ, không giống ai, hoặc tôi chưa từng thấy giống ai trong nghệ thuật viết truyện ngắn. Cái lạ kỳ này có hai nhánh. Lạ kỳ quái gở và lạ kỳ nghệ thuật. Truyện của Hoài Ziang Duy nằm ở nhánh thứ hai.”*

“Ông Tướng Sang Sông” là tập gồm 11 truyện ngắn, với tựa của Xuân Vũ, bìa của Phạm Thăng. Cảm giác đầu tiên khi đọc tập truyện này là không có địa danh xảy ra, không có thời điểm xảy ra, không có nhân vật chủ chốt, không có những biến chuyển kịch tính và cũng không phải một đoạn văn êm êm nhẹ nhàng. Thực ra những biến động trong truyện đều khởi từ tâm tư suy nghĩ của các nhân vật kết nối với nhau bằng những câu trao đổi ngắn để mô tả diễn tiến câu chuyện.

11 truyện đó, qua đối thoại nhân vật, chúng ta hiểu được những chuyện viết giữa chiến tranh như: *Cành Lá Ưu Tiên, Bên Trường Giác Đấu, Mù Sương Cũng Biết Mơ*. Có những truyện viết về thời điểm sau khi chiến tranh chấm dứt, ghi những hậu chấn cuộc đời người chiến bại khi còn ở Việt Nam như *Trời Như Nhỏ Lại, Ông Tướng Sang Sông, Mỗi Ngày Mỗi Xa*, và những truyện viết khi thời gian là ở Mỹ, không gian là ở Mỹ

nhưng tâm tư vẫn là những vệt đen ám ảnh mang theo đất nước xa vời như: *Người Chôn Ký Ước, Đầu Côi Đi Về, Đám Tang Chử Nghĩa...* Là 11 truyện với các góc thấy khác nhau, nhưng sẽ nhận ra rất rõ ba điều:

1) Có một xuyên suốt chung với nhau là cái ám ảnh bi thảm của chiến tranh mà tác giả đã trải qua, theo tôi nghĩ là những cánh rừng đẫm máu của thị trấn An Lộc năm 1972, trận chiến mà tác giả đích thân tham dự. Ám ảnh đó, tâm trạng đó, kéo dài từ truyện đầu đến truyện cuối, kéo từ An Lộc máu đổ thịt rơi đạn bom gầm rú cho tới cảnh sống nhẹ nhàng, đơn giản giữa núi đồi Virginia ở những truyện cuối cùng.

2) Những đối thoại mỏng lung, hơi hợt, hờ hững và có vẻ như vô tình với nhau trong truyện lại là những điển hình rất sát với thái độ buồn thảm và chán nản tới độ chẳng muốn nói ra của các nhân vật như những bóng sắc, xuất hiện trong chớp mắt rồi mất tích giữa màn đêm.

3) Tất cả các truyện hầu như không thể tóm lược cốt truyện, Tôi nghĩ đây là một cố ý của tác giả, ông đã đưa vào truyện suy nghĩ của nhân vật, của nhiều nhân vật. Những tình tiết xảy ra như những con rối trong đèn kéo quân, chập chờn hiện ra và bắt độc giả phải hóa thân vào truyện, nhập vai bất kỳ nhân vật nào để tự tìm cái kết luận riêng mình.

Câu truyện chính được lấy làm tên cho toàn tập là truyện *Ông Tướng Sang Sông*. Trong truyện không có ông Tướng nào,

cũng chẳng có sông nào, truyện kể về một người đàn ông (*chắc vừa được tha ra từ trại "cải tạo"*) về bóc một cha dưới quê đem về thành phố (*có lẽ để an vị đầu đó trước khi đi xa*) trên chuyến xe khách về lại thành phố. Anh ta ngồi cạnh một cô gái xinh đẹp buồn thuốc lá lậu, khi gặp trạm kiểm soát, cô ta tạm mượn anh "làm chồng" để tránh bị khám xét. Khi cô gái xuống xe tại khu vực qua phà, cô ta mời anh vào nhà cũng là quán của cô ta, tạm nghỉ ngoài sân chờ tới sáng qua phà. Ở đó anh ta gặp anh ruột cô gái, cũng là lính chế độ cũ, là thương phế binh, đang hành nghề bán thuốc Nam trị bệnh thận (*cũng là thuốc lậu và lại là thuốc giả luôn*), vài câu chuyện vô thưởng vô phạt và chia tay. (*Những dòng chữ trong ngoặc, là những cái tôi đọc và suy đoán ra.*)

Vậy thì cái ý của câu truyện này là gì? Chắc mỗi người sẽ có một nhận định riêng. Còn riêng tôi, chính cái tựa câu chuyện là ý chính, cảm giác rã rời, vô định, và buông thả bỏ mặc cuộc đời trôi nổi bởi vì con chốt qua sông là con chốt thí, hướng hồ Ông Tướng vốn không thể ra khỏi bốn ô vuông của một bàn cờ, mà nay phải đẩy ra cuộc thế sang sông thì chỉ là cái xác không hồn.

Nhưng tôi lại tìm thấy câu trả lời cho cái ý của truyện đó, hay khác hơn cả tập truyện đó, trong đoạn kết của câu truyện cuối cùng *Đám Tang Chử Nghĩa*. Đoạn kết truyện đó như sau:

*“Ông nói tôi mang dùm ông tất cả sách báo ra trước hiên nhà.*



Cầm lấy diêm quẹt trong tay. Bàn tay ông run run, cúi xuống chầm lấy môi lửa. Lúc này đây, tôi thấy đau lòng quá, không thể một phút hủy đi cả một đời sống riêng tư dần vật. Tôi muốn ngăn lại, muốn duy trì sự tồn tại đã có từ trước. Nhưng ông bảo:

- Không cần thiết nữa con ạ.

Ánh lửa bốc lên, càng lúc càng lên cao, ông vẫn ngồi đó. Trên chiếc xe lăn, giọt nước mắt chảy đi trên đôi má già nua. Ông vẫn sống, sống sừng sững bằng thân phận chính mình.

Nhưng với tôi. Lúc này ông đã chết. Một cái chết thật dịu dàng."

Để kết luận bài viết lan man về Hoài Ziang Duy này, xin trích lại một đoạn bài trả lời phỏng vấn của anh với Lương Trung Thư (Tạp chí Da Màu) vào tháng 12 năm 2010. Trong đó khi nhắc đến một truyện ngắn đặc ý của anh, sau đó được dùng để làm tựa đề chung một tập truyện *Bốn Ngàn Năm Chen Lán*. Câu trả lời của anh ghi một kỷ niệm với người viết bài này:

"Thưa anh, thường thì trong một tập truyện, sẽ lấy một câu chuyện cho là ứng ý nhất để làm tựa sách. Với tôi không hẳn là vậy, dù truyện BNNCL đầy đủ hình ảnh cuộc sống mới lạ của người dân hai miền, sau ngày mất miền Nam, và nối tiếp thực tế một đời sống thực của người trẻ, người già trên xứ người. Truyện hợp với tâm tư tình cảm tôi lại là truyện *Nhân Gian Một Chỗ*, một thời ấu thơ của tôi, và hình ảnh ba tôi ngồi trên cái bục xi-măng trước nhà đợi chờ con đi tù về, là một ám ảnh khôn nguôi.

"Nhân nhắc đến cái tựa truyện *Bốn Ngàn Năm Chen Lán*, tôi kể anh nghe chuyện này. Cách đây mấy năm trước (khoảng năm 1998), Tuần báo Văn Nghệ (số 2, số 3 gì đó), ở tiểu bang Virginia có xin bài truyện này đăng báo. Cũng tuần đó, một tờ báo trong vùng này cho đăng một thư nói là "thư đọc giả" (viết tay, nhưng nặc danh, không ghi tên, địa chỉ), kêu gọi tẩy chay tờ báo Văn Nghệ (của Nguyễn Minh Nữ) vì đăng bài truyện tựa này (nhưng không nói tên tác giả HZD) cho là bôi bác cộng đồng vì có đoạn đề cập đến chuyện ca sĩ VN sang hát, con thì đi coi ở trong, cha thì ở ngoài biểu tình, và đưa tên ca sĩ (trong truyện tên Thu) là trùng hợp với tên ca sĩ thứ thiệt.

"Tuần sau đó tờ báo Văn Nghệ lên tiếng cho biết là truyện ngắn này đã đăng trên Tạp chí Văn Học ở California cách đây một năm (bây giờ báo Văn Nghệ đăng lại). Như vậy rõ ràng là nội dung hư cấu viết trước đây một năm lại trùng hợp với sự kiện này, một năm sau. Như anh thấy đó, chỉ một cái tựa tước cười và nội dung gây ra chuyện, thì thôi chi bằng lấy nó làm tên bìa sách cũng đáng phải không?"

Hoài Ziang Duy đang làm bệnh, tôi vừa cùng với Phạm Cao Hoàng đi thăm anh. Về nhà, tìm trong kệ sách đọc lại một số tác phẩm tiêu biểu của anh. Yêu thương văn tài và trân quý những điều anh ấp ủ. Vừa đúng 50 năm trôi qua, từ khi Trung Ủy Thái Sanh Lợi dẫn đại đội anh vượt bom đạn đi vào vùng đất Bình Long giải tỏa cho thị trấn

An Lộc, cho tới ngày nay, dù sống an vui với sự chăm sóc tận tình với sự yêu thương người bạn đời Đỗ Bình và hai người con gái của anh: Thái Thảo Uyên và Thái Đồng Phương. Ngay giữa núi đôi an lành Virginia, lòng anh vẫn còn cánh cánh như câu thơ anh viết xuống:

"Biết về đâu gọi hôn người  
năm cũ  
Máu xương hê đàn đạo khúc  
bi thương  
Mấy mươi năm một kiếp  
đoạn trường  
Sao với được nổi buồn đau áp ủ."  
(*Hình Như Có Điều Không Thế*  
- Thơ HZD)

Xin gửi tới anh một lời chúc an lành. ■

**NGUYỄN MINH NỮ**

Virginia, May 23, 2022<sup>1</sup>

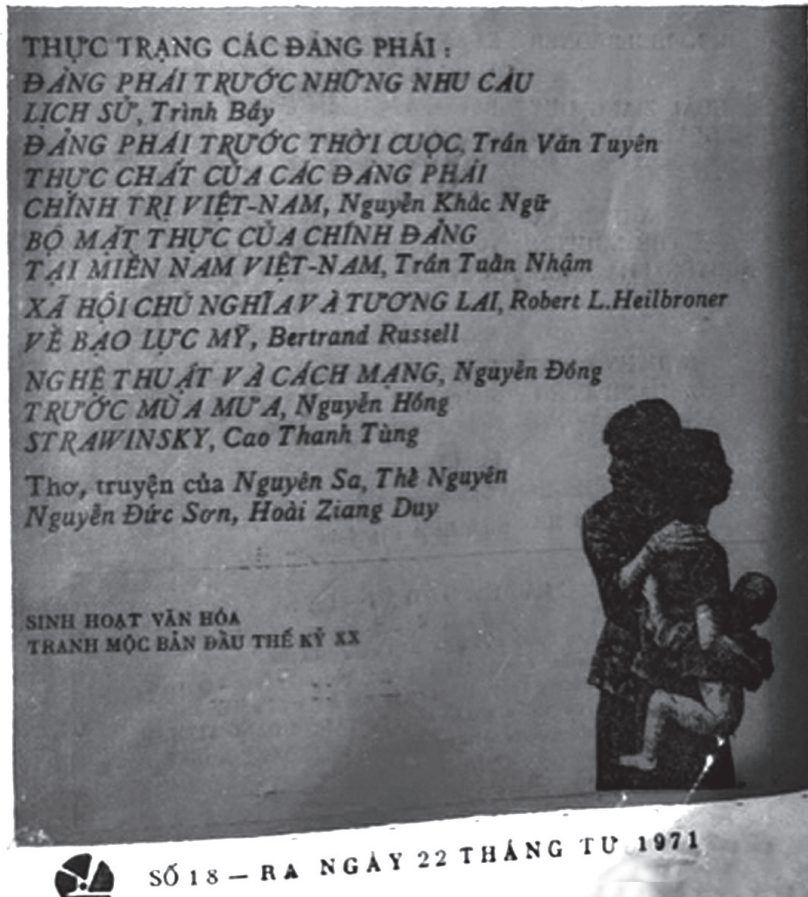


<sup>1</sup> Bài được viết trước khi Hoài Ziang Duy qua đời vào ngày 1 tháng 6, 2022

# Trình bày

tạp chí văn hóa chính trị xã hội  
ra ngày 1 và 15 mỗi tháng

# 18



## BÊN TRƯỜNG GIÁC ĐẤU

HOÀI ZIANG DUY

**C**hiếc máy bay tành tạch trên đầu sân bay rồi đáp xuống. Hai gã lính ném thuốc, kiềng băng ca chạy nhanh lại. Gã lớn tuổi cần nhân:

- Đ.M. Sao nhiều vậy, chưa ăn uống gì được.

Viên y tá trên máy bay tạt thương phân bua:

- Tụi tôi đã phải bay vòng vòng tránh tâm đạn tại nó, còn đặng mà.

Chiếc máy bay vẫn chưa ngừng hẳn, máy còn nổ, chong chóng quay vù vù. Tiếng la:

- De xe lại gân đây ông nội.

Gã tài xế rõ máy, bóp còi, ngoài đầu ra sau la lên:

- Coi được chưa? Được chưa?

Hai người lính đặt mấy cái băng-ca lên thùng xe. Một người leo lên sửa thế mấy cái ghế nằm. Chiếc máy bay lúc bấy giờ tành tạch bay lên. Gã lái xe thở khì. *Vậy là xong. Hy vọng chuyến chót.* Gã khoan khoái nhẩn ga. Chiếc xe vọt tới hụ còi. Cái đèn đỏ trước đầu xe quay vòng vòng thăm thiết.

Buổi chiều ở bệnh viện lặng lẽ thoải mái. Ngày nào cũng vậy, mỗi chiều Hạ lặng lẽ ngồi trên chiếc băng đá quen thuộc. Suốt tuần nay không ai hay biết. Họ đã nằm ở chôn này, khúc ruột đã mổ cắt hai, chưa vá lại. Ở đó đặt vào một cái túi nylon nhỏ, để cho nó chảy tiêu tiện ra lúc nào không hay. Kể ra cũng gọn thật. Hạ nhớ tới thằng bạn nằm bên nói: *"Đ. M. Mấy ông bác sĩ hay thiệt; hết chuyện chơi rồi, không cho ía dưới, như vậy là cha thiên hạ rồi. Ôi ta nằm, ta đứng, ta đi, ta nói chuyện với đào, ta vẫn đá ía tự do được, đui có thằng nào mắc cỡ."*

Hạ cũng cười cho vui. Tuần nay Hạ muốn về. Nôn nóng muốn về. Chỉ sợ bà mẹ. Bà mẹ mà hay thì điên lên mất. Ôi người đàn bà, người đàn bà một đời lo âu có con đi lính. Ba thằng tất cả. Chết hết một. Què quặt một thằng, và bây giờ tới Hạ. Vậy là đã xong. Hạ nghĩ gia đình Hạ cho đất nước này vậy là đủ rồi. Một phần đời người đã bỏ lại. Đã nằm, đã nghĩ suy. Buồn biết bao. Khi mà buổi sáng không nghe tiếng súng, nhìn chiếc xe thay băng đầy đi cọt két là lúc mời chào tiếng rên la; chờ tới phiên mình Hạ nghe sợ làm sao. Cái vết thương ở chân Hạ bây giờ chỉ còn chảy nước vàng, cũng may là không chạm





tới xương. Hạ nhớ bàn tay cô y tá sao chẳng nhẹ nhàng tí nào. Cây kéo với miếng bông quây quây vết thương. Nhắm mắt lại. Mồ hôi toát ra. Tưởng tượng. Ôi bàn tay em. Bàn tay em ve vuốt đời ta. Năm ngón tay ngà ngọc ngay trên ngực trên đùi. Vậy mà cũng không được. Sao cái mặt cô ta khó thương chi lạ. Cái bàn tay độc ác làm sao. Hạ nói: *“Rõ khéo, làm đau quá thì không có chồng đâu nghe.”* Cô cười cười: *“Đã quen rồi mà.”* Chắc trông mặt mình, cô ta tức cười lắm. Hạ nghĩ vậy. Rồi thôi. Đau quá, tê tái cả lòng cười cũng không nổi nữa, làm sao mà trêu.

Cả mẹ, cả em yêu dấu chắc không hay; và đồng bọn, giờ này chắc đâu ai buồn nghĩ tới Hạ. Hạ nghĩ mình không nghĩa lý gì hết. Có một sự rồ dại nào ở chính mình nữa. Đã nghĩ nhiều trên giường bệnh, ngó thấy những cánh tay cụt, những thân người đã không còn đủ hai chân, những người không còn nói được. Buồn nản cho một đời. Ôi một đời đã gởi cho chiến tranh. Người bạn trẻ nằm đối diện không nói. Lâm lâm. Người cha già nhăn nẻi mỉm cười khuyen dỗ: *“Con hãy sống cùng ba. Đời ba bây giờ chỉ có mình con. Ba sẽ đẩy con đi chơi. Buổi chiều, buổi sáng con vẫn thấy mặt trời, vẫn thấy gái, vẫn thấy cuộc đời được mà.”*

Người trẻ tuổi nín thinh. Những dòng nước mắt chảy ra âm thầm. Xin hãy trả lại tôi đôi chân ngày cũ, dù chỉ còn một cẳng được. Đòi chân ngày nào. Đã chạy, đã nô đùa trên lá. Đã bước nhẹ yêu đương. Hai mươi tuổi đâu. Ra trường hai tháng. Thôi đã hết, đã hết. Gã nác

lên nức nở. Người cha già ôm con, đôi mắt đỏ hoe. Hạ nhớ buổi sáng đưa con gái sững sờ khi nhìn thấy gã. Kích động. Bàng hoàng. Bỏ đi. Thật tàn nhẫn. Người cha già để cho con tự nhiên, tránh mặt. Đi đổ nước tiểu. Khi người khách đã xa. Gót giày đã lắng tiếng. Quay vào. Người tuổi trẻ nằm yên. Buồn bã. Lại khóc. Nước mắt ba khóc cho con; khóc cho một đời tuổi già sót lại. Những người đàn bà nuôi bệnh an ủi: *“Thôi cậu ơi. Đời mà. Thiếu gì. Con gái là vậy.”* Những đồng bọn, những con tê giác trên giường bệnh ngó nhau thờ dài. Tiếng la: *“Đ. M. Nản quá. Trời ơi ... ơi Trời!”*

Cả bọn quay nhìn gã đàn ông một mắt. Hắn ta cười hì hì. Thái độ bình thản của hắn làm ai nấy đều cười. Họ gọi người trẻ tuổi: *“Ngày anh. Buồn làm gì. Tôi kể anh nghe giai thoại thế này. Ở đây tháng trước, họ nói một ông Quân Tiếp Vụ không phải đi trận, mà bị đụng xe. Không biết làm sao, phải mổ bụng, cắt mấy tác ruột. Vá bụng xong, trên phòng mổ đưa xuống. Đối diện với hắn lại là gã Pháo Binh cưa một chân. Hắn ta giơ cái đầu gỏi cụt lên kêu ‘Ê ê tao bắn trực xạ ngay bụng mày nghe.’ Thằng Quân Tiếp Vụ rũ ra cười. Cười sảng sặc. Đút cha cả chỉ bụng mới may vào. Máu me tùm lum. Lại phải khiêng lên phòng giải phẫu. Mấy ông bác sĩ chửi quá.”*

Người bạn trẻ bây giờ đã tươi nét mặt, nhếch môi cười. Có tiếng la: *“Thằng nào đó cười theo coi chừng đút chỉ nghe.”*

Nghĩ tới chuyện cũ tự dưng Hạ thấy vui lây. Buổi chiều hình ảnh những người què quặt trong một

sinh hoạt đạo phố xanh cả Quân Y Viện. Có tiếng cửa sắt mở reng róc. Tiếng xe. Vẫn chiếc Dodge lao vào. Có tiếng nói: *“Nữa rồi, nữa rồi.”*

Chiếc xe thắng lại, de dít xe vào phòng lựa thương. Mấy gã thương binh mặc đồ xanh bu lại nhìn mặt kiểm quen. Hai người lính ban nãy la lên: *“Xích ra đùm máy ông ơi cho nhanh mà.”* Cánh cửa phòng xích mở. Rồi khép kín lại. Cả bọn tản ra. Lặng lẽ như năm tháng đi qua

Phút này Hạ nhớ tới hôm mình vào cũng vậy. Cũng giờ này, cũng đau đớn không hay biết gì. Tự dưng Hạ nhớ Ngàn vô cùng. Người con gái mà Hạ đã gặp. Đã ôm ấp. Đã khóc trong vòng tay Hạ. Nghĩ đến những ngày nghỉ dài hạn gặp Ngàn, Hạ nghe sung sướng vô cùng. Đời lính mà làm sao có những phép dài lâu vậy. Chắc Ngàn phải khóc vì sung sướng. Phải khóc khi biết Hạ đã đau đớn chịu đựng, không ai chăm sóc. Nghĩ tới bấy nhiêu Hạ nồn nóng muốn về. Bác sĩ bảo chưa thể vá hai đầu ruột bây giờ được. *Cứ để ruột ở ngoài vậy. Không sao, không sao đâu. Vài tháng sau lại sức, đến đây đem ruột vào.* Bàn chân Hạ nghe tê tê. Hạ đổi thế ngồi, kéo cây gậy lại ngã trên bạng. Câu lạc bộ bây giờ bắt đầu đông. TV chắc mở rồi. Lân nào cũng vậy đó. Hạ đã khó chịu không ít. Không hiểu sao mấy ông nào đó không đặt cái TV trên sân khấu bỏ trống đối diện này, mà lại đặt ngay trên đầu mấy kệ nấu phở dưới ấy. Khán giả thường thức ngược nhìn màn ảnh lại đồng thời phải coi mấy anh chàng nấu phở, bán cà phê, chặt nước đá cùm cụp. *“Bưng đi, bưng đi bàn số 2.”* Hạ nghĩ chắc họ muốn câu



khách, thương lính nghèo, vừa cho coi vừa cho ngửi mùi nước lèo. Qua cái âm thanh trong TV nghe không được, lẫn trong tiếng ồn ào: “*Bàn số 2 bung đi, bàn số 5 một tô ớt giá nhiều.*” Hạ thấy lưỡi dao anh chàng nấu phở loang loáng trên mặt thớt và một bàn tay đưa sau quẹt quẹt ở đít quần. Tiếng ca Thanh Tuyên nghe không rõ, càng ra vẻ thiết tha, nghẹn ngào. Hạ thấy rõ nhất chỉ còn là mùi nước lèo hủ tấu đang từ dưới cái kệ TV bốc lên.

Mười giờ hơn, Hạ rời khỏi câu lạc bộ, theo đám khán giả lục tục trở về phòng. Căn phòng với những ngọn *néon* xanh nhạt thấp sáng suốt đêm; và mấy cây quạt trần trên đầu quay vùn vụt.

Buổi sáng Hạ lại bị đánh thức bởi tiếng rên la của gã vừa ở phòng hồi sinh đưa xuống nằm cạnh. Tiếng đau đớn, nhức nhối mỗi mé của kẻ anh hùng vừa ngã ngựa. Thật thảm thương và bệ rạc. Ánh nắng mặt trời hắt vào khung cửa sổ chói chang. Vội tay khép lấy cánh cửa, Hạ nhìn anh ta cười buồn:

- Mới vô đêm qua hả? Ở đâu đó?

- Chương Thiện.

- Thứ nào?

Cái đầu hắn ta gục gặc, chậm rãi:

- 105.

Hạ nói:

- Thứ dữ rồi.

Trông mặt anh ta Hạ thấy quen quen như đã gặp đâu đó một lần. Tự dưng Hạ thấy có cảm tình thân thuộc. Trong phòng, sau những ngày mổ, Hạ thấy mình còn chậm rãi đi đứng được. Hai bàn tay còn cầm được cái lon rửa mặt buổi sáng. Bao

hiều đó so với những người nằm ỳ trên giường, Hạ thấy cũng nguôi ngoai an ủi chính mình. Bước xuống giường, Hạ nghe anh ta kêu:

- Anh làm ơn quay giường đầu này lên đùm tôi.

Vừa làm, Hạ hỏi:

- Gia đình anh hay chưa?

- Chắc hay rồi, ba bốn hôm nay tôi nằm phòng lạnh, vợ tôi có đến mà, chắc nó chưa hay cái chân tôi bị cưa. Một tiếng nổ. Kinh hoàng quá. Nghe tê tê rồi không biết gì cả. Tỉnh lại mới biết mình nằm đây. Khiếp cả đời.

Giọng anh ta chậm rãi bình thản. Hạ nghe lạnh lạnh làm sao. Hắn nói:

- Không biết chân tôi bây giờ ở đâu. Đêm qua mê thiếp thấy bàn chân mình về nhảy múa, nhắc cò cò đi. Tôi không còn nước mắt nào để khóc được nữa. Cả một đêm há hê ràn rụa nước mắt, thương cho phận mình. Bây giờ nghĩ đến ngày về. Ngày trở về với đội nặng gổ lóc cóc khua trên đường phố, thấy nản quá. Tại sao lại bị hất hủi khốn nạn vậy?

- Không sao đâu, vài tháng anh rắp chân giả rồi ai biết.

- Con vợ tôi biết chứ. Đêm ngủ làm sao tôi còn bàn chân gác qua mình nó. Chắc chắn nó sẽ khinh khi cuộc đời tàn tật của tôi.

Hạ cười cười ở lối nói chuyện của anh ta, nói xong đưa vài câu rồi đi xuống câu lạc bộ. Chốn này không có chỗ nào đi ngoài nơi đó. Hạ nghĩ vậy rồi nghe bắt thêm một ly cà phê sữa, cùng hơi thuốc lá. Đưa tay vào túi, Hạ vắn về tờ giấy bạc một trăm cuối cùng sót lại mà nghe tỉnh táo làm sao.

Khi cả phòng ăn cơm trưa xong, Hạ thấy người đàn bà đã ngồi bên cạnh hắn. Vợ hắn ta khóc rầm rức nhìn chiếc đùi cụt quần chặt cái bằng thun, kể lể: “*Trời ơi, trời ơi, anh ơi.*” Hắn ta một tay đặt lên đùi vợ, nói bằng quơ: “*Thôi em về đi, anh nằm đây một mình cũng được.*”

Người đàn bà hình như túi thân khóc nức nở. Hạ nhìn gương mặt chị ta. Gương mặt còn đẹp lạ. Khóc một chút, há hê, chị ta quay sang nhìn Hạ. Hạ gật đầu chào. Cái gương mặt còn đong đầy nước mắt đó, héo hắt cười buồn.

Từ ngày có thêm người đàn bà kề cận hắn, Hạ thấy mình đỡ lẻ loi. Ngày nào cũng vậy, chị ta cũng vào mang theo nhiều thức ăn, trái cây cho chồng, thỉnh thoảng biểu Hạ, cùng lời hỏi thăm, mỗi ngày một nồng nhiệt, quen thuộc hơn. Trong thâm tâm Hạ thấy mình yêu kính người đàn bà đó hết sức. Chị ta nói:

- Anh biết không, bây giờ nhà tôi tàn tật rồi, tôi khổ tâm lắm, nhưng tôi thương anh, vợ chồng mà, làm sao bỏ nhau được, tốn kém bao nhiêu tôi cũng lo chịu hết, miễn là anh được sung sướng thôi.

Hạ nghe, chùng như cũng nhiều cảm động, nói:

- Chị thiệt xứng đáng là người đàn bà Á Đông, anh thiệt có phước.

Nghĩ đến mình, đến Ngân. Không biết giờ này Ngân làm gì. Và mẹ. Người đàn bà già nua xế bóng. Hạ nghĩ, chuyện này con về với mẹ, không còn phải đi xa, không còn phải nói dối. Anh về với em, với thân thể bệ rạc này, với những vết tích trên thân thể. Đời của một người con



tra đi chinh chiến. Đã trả xong, trả hết. Cho ai? Cho đất nước này. Cho ai nữa? Còn ai? Hạ nghe chát chua vô cùng. Bao nhiêu người đã nằm xuống. Đã tàn tật trở về. Có ai biết ai hay, ngó ngang đến mình. Cũng may Hạ chưa phải mất đi cánh tay hay bàn chân nào. Nhưng lòng bị thương trước cảnh ngộ, trước cuộc đời bỏ quên lấy mình.

Rồi ngày nào Hạ cầm lấy tám giấy miễn dịch vĩnh viễn. Đời Hạ sẽ không còn phải nhớ, phải nghĩ suy. Đủ rồi. Bao nhiêu đó đủ rồi. Hạ sẽ tâm thường rút mình vào bóng tối cho người ta quên lãng. Quên lãng như một con chó đói. Ngày nào Hạ cũng nhìn thấy rõ người được đưa vào. Trên cái bảng danh sách bao nylon bên ngoài, tên một người xóa đi, thì một tên khác được viết bằng viết chì mờ choán vào. Ngày nào Hạ nghĩ khi chốn này vắng hoe, bác sĩ ngồi ngập ruồi, thì chừng ấy đất nước này mới có hòa bình. Bao lần nghe biểu tình, nghe đòi hỏi hòa bình tức khắc. Hạ buồn cười không ít. Sao không ai ra chốn này tiếp với chúng tôi hay nhìn anh em tôi đánh giặc? Bao lòng thù hận, bao bất mãn dồn nén chất chứa, biến tâm trạng Hạ đứng đưng. Hạ chỉ làm theo như một bốn phận. Phải làm vì ràng buộc và vì đời sống Hạ. Cuộc đời Hạ không biến đổi làm sao khác hơn. Lâu ngày rồi Hạ không còn nghĩ gì đến mình nữa. Bỏ mặc. Như đời đã quên Hạ. Một Hạ tâm thường, suốt đời chỉ nhìn thấy rừng núi sinh lây. Nhiều hôm ở buổi chiều vàng nào đó, nhìn núi đôi cảnh sắc, Hạ cảm thấy một niềm vui, một chút lãng mạn lảng lảng

nhè nhẹ. Hạ tưởng tượng đến đời sống mình ngày mai. Cũng cảnh đời nên thơ, cũng ấm êm như những người ở thành phố khác. Nghĩ vậy thôi. Rồi thôi.

Buổi sáng cho lành bộ quần áo xuất viện, Hạ nồn nao cả người. Trả lại bộ đồ xanh cho kẻ sẽ vào. Một bộ đồ trắng, một đôi giày, một cái mũ lưỡi trai, đôi vớ và năm trăm đồng bạc. Hạ lưng trần, quần xà lỏn, đứng chờ gọi tên mình. “Hạ. Nguyễn Văn Hạ.” “Có mặt.” Đưa tay nhận lấy phân mình. Mặc vào người. Rộng thùng thình. Cũng được, còn hơn không. Trời bắt đầu có nắng. Trở về phòng, Hạ nói từ già với một vài người còn nằm lại; lưng thưng trong đôi dép cao su, cầm cây gậy của bệnh viện tặng cho, chống đi. Nhìn những chiếc băng lạnh lưng chờ vớ. Khu giải phẫu. Con đường trải đá... “Không bao giờ,” Hạ nói: “Giã từ mi, giã từ mi. Không còn bao giờ ta muốn đến. Ghé qua một lần là muốn bỏ đi một đời. Thôi nghe.”

Ra khỏi cổng, nhìn đường xá xe cộ Hạ nghe thoải mái làm sao. Mới đây mà tưởng chừng đã lâu lắm rồi, Hạ không sống với đời sống này. Hạ thấy mình lạc lõng; mình lạ mình rồi. Hạ nói, “Đ. M. Ta là Hạ mà. Làm sao quên được.” Khi Hạ đứng lại ngã tư mỗi thuốc, một gã đàn ông lật đặt băng qua đường, vờ vai Hạ.

- Hi hi. Nhớ không?

Gật đầu, Hạ nói:

- Nhớ chứ. Sao đi đâu?

Gã đàn ông cười cười:

- Chờ đây, chờ đây. Một em thơm lắm.

Hạ nói:

- Thôi đi, tôi mà còn làm ăn gì được.

- Thì đứng chơi mà, vội đi đâu.

Gã khoe:

- Anh biết không, ngày nào tôi cũng đứng ở đây, chờ em chờ đi làm ăn, chia nhau mà. Thôi nghe. Cô ta đến kìa. Anh đi đi.

Quay lại, Hạ nhìn sững người đàn bà. Gương mặt chị ta tái đi, như hiểu người đàn ông kia đã nói gì với Hạ. Người đàn bà. Người đàn bà Hạ không quên mà. Chính gương mặt đó. Mỗi ngày hỏi thăm Hạ. Cho Hạ từng trái cam. Và Hạ một lòng cảm kính yêu thương. Bày giờ. “Thôi,” Hạ nói, “Tôi đi nghe.”

Lảng lảng với cây gậy chống xuống đường, cùm cụp nặng nề, như từng tiếng chân Hạ. Phút này Hạ không muốn nhớ gì hết, cả đến người đàn bà vừa gặp lại. Hạ nghĩ đến buổi về này. Ngày trở về hôm nay là đây. Ngàn. Ngàn yêu dấu của Hạ. Nghe bước chân khua của mình, Hạ nhớ đến câu hát của người thương binh: “Ngày trở về, anh bước lên trên quầng đường xa, trông thấy cái ... vi-la...” Rồi Hạ cười sảng sặc. Họ muốn dừng lại. Hạ thềm đứng giữa đường vạch quân ra đá. Cho hả hê. Cho nổi trôi cuộc đời. Nhưng một thoáng. Hạ vén áo lấy cái bọc nylon ở bụng vệt giữa đường. Rồi cười. Hạ nói:

- Đ.M. Mấy thằng cha bác sĩ hay thiệt. ■

**HOÀI ZIANG DUY**

(Đăng trên tạp chí Trinh Bẫy số 18, tháng 4-1971)

# những bài thơ viết trong thời chiến

## DẶN LÒNG

**N**gôi xuống, phóng đồ đang trải rộng  
Mấy điểm đỏ vàng tựa sắc mơ  
Mượn trước hàng hiên cho xuất phát  
Chợt thấy em cười nụ vẫn vơ

Ủi thôi, thôi cứ lời không ngộ  
Len lén trộm nhìn cũng dễ thương  
Thôn xóm làng kia em bỏ lại  
Ngủi trông, chốc lát bãi chiến trường

Người đi, đừng trách sao mắt hút  
Qua phút này đây, buổi phản công  
Cứ tưởng mùi hương vàng hoa cúc  
Giữ chi vương vấn chuyện bên lòng

Dàn xuống hàng ngang vào điểm trước  
Đột kích từng nhà, mới tỏ duyên  
Như thế tìm nhau, chân từng bước  
Kẻ thù ta, đấu hội cùng thuyền

Chờ tan trận đánh, ta về nhớ  
Xa lắm em cười lúc tiễn đưa  
Mai kia lại lấy tình dang dở  
Hẹn sẽ quay về đôi mắt xưa.

(Vĩnh Bình, 1971)

## KHÁT

**L**ội cả ngày nay không thấy nước  
Cả tiểu đoàn khô, núi cũng khô  
Thân chuối dập ra tưa đầu lưỡi  
Tường ngực em cười, sóng nhấp nhò

Ở đây cây đứng, đôi không gió  
Sống buổi nhân gian lúc chạnh lòng  
Bên kia biên giới nhà ta đó  
Có mối tình đâu, dạ thủy chung

Ở lúc dừng quân, tìm chỗ nghỉ  
Gọi lấy pháo binh bắn điểm dừng  
Không có bình an cho dưới thế  
Bên lề chiến cuộc thể đứng đứng

Ở lúc này đây ta thấy khát  
Khát lấy ân tình, mưa nửa đêm  
Ở chút bi-đông còn sót lại  
Khát vọng thanh bình, hạnh phúc em.

(Năm 71, trên đất Kampuchia)

## BUỔI NHẢY TRỰC THĂNG

**Đ**ếm đủ mười thặng cho sắp toán  
Lố nhố đứng ngôi đợi cuộc chơi  
Trước sau nhảy xuống trên đầu địch  
Nợ máu xương người trả thành thoi

Cất lên bốn liếp xoay quân gió  
Đong đưa chân duỗi ở lưng trời  
Điểm xuống là đây vùng địch ẩn  
Mỗi trận đi về cũng thế thôi

Mấy ô kính, rạch, trên nhìn xuống  
Như trái tám lòng trần trở nhau  
Pháo nổ cày lên cây bật khóc  
Mỗi vết thương người, một nỗi đau

Trước mắt tương lai đầu đứng lại  
Đong ruối phận người lính nổi trôi  
Như thế đùa vui câu sanh tử  
Nỗi lòng ai hiểu lúc đơn côi

Ở buổi chiều nay ta mắc võng  
Cột lấy hai đầu cây khẳng khiu  
Thân nhẹ tựa đời thường áo mỏng  
Thấy nỗi buồn riêng, bóng ngả xiêu

(Chương Thiện, 1972)

## ĐÊM, NGÀY, RỒI CŨNG QUA ĐI

Làm sao em biết được  
Buổi tối người đàn bà ôm con chạy trốn  
Từng loạt đại bác ân ái dôn dập nông nản  
Đêm hãi hùng nín thính  
Mặt nhìn mặt tối thui

Làm sao em biết được  
Nồi bồng hoàng sống trong bom lửa  
Bông bế con thơ bấy nhiêu gia tài  
Buổi sáng nhìn nhà cửa tan hoang  
Ruộng đồng cháy nám  
Người đàn bà ngói bệt khóc lóc  
Đôi vú lép chằng còn chút sữa  
Đứa trẻ nhỏ khóc thét đòi ăn  
Người mẹ đổ dành mấy điệu âu ơ  
Và người ta đi qua

Làm sao em biết được  
Trên cõi Việt nam có bao nhiêu người chết  
Có bao người vợ quần khăn sô  
Có bao quả tim cắt nhỏ bằm dập  
Có từng hơi thở rỉ máu nhỏ giọt  
Nước của hồ, của ruộng đồng tanh tươi  
Ngôi nhà thân đã cháy  
Cột kèo ngả xiêu  
Va con gà bươi thóc đi qua

Làm sao em biết được  
Có những cái chết kề cận  
Ở đâu cũng có những cái chết rình rập  
Những đố vỡ tan tành, xương da đồng thịch  
Gợn lớn trả cho đời  
Và người đội bóng lên lút đi qua

Làm sao em biết được  
Có những cái chết hào hùng  
Những cái chết hôm nay  
Ngày mai không ai nhắc đến

Những cái chết không lời nhắn gửi  
Những cái chết, trước, sau, một lần chết  
Vực lên từ cánh quạt trực thăng đáp xuống  
Chiếc poncho gói kín lạnh lùng  
Mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi năm  
Và người lính đồng đội đi qua

Làm sao em biết được  
Buổi sáng tàn đông lạnh lẽo  
Người ta quán mẹ trong chiếu rách nghèo nàn  
Có hai bàn tay đục trong  
Không bao giờ ấp lại  
Và lòng nhân ái gánh đất bước qua.

(Bình Thạnh thôn, 1973)

## LẠNH TUỔI VÀNG

Đêm tay tôi luống bồi hồi  
Niềm phân vân lạc đã thôi quay về  
Ngỡ hôn tôi ngủ cơn mê  
Lạnh vàng tuổi đại lễ thế giòng buồn  
Đỉnh xưa tình ái nhỏ tuôn  
Nay trong tiền vọng tôi buông tay rời  
Lại đây thao thức khung trời  
Buồn thương lớn tuổi còn lời bay xa  
Thôi nay thân phận lơ là  
Tôi ru em khóc mai xa cuộc tình. ■

HOÀI ZIANG DUY





## HOÀI ZIANG DUY, BIỂU TƯỢNG MỘT VĂN PHONG HIỆN THỰC ĐẦY SÁNG HÓA

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

**T**ập tuyển truyện Ông Tướng Sang Sông của nhà văn Hoài Ziang Duy bay qua nửa vòng trái đất, như một hạnh ngộ mang đầy vẻ chân tướng, chuyển tận tay tôi vào một buổi chiều tháng 5/2002. Sự xúc động đầu tiên, tưởng tượng cầm chắc tín hiệu tinh khôi của một hiền giả văn nghệ phố núi quê xưa, vẫn cuộn tròn tâm thức trong một định nghiệp văn chương.

Hình ảnh của 40 năm thoáng qua như gió thoảng, là hình ảnh chân phương cùng nhau bơi ngược dòng đời tự tán trong môi trường cuồng tín nghệ thuật. Bước trên tuổi trẻ, phong lưu ngất ngưỡng trên từng trang giấy mè hoặc kỳ diệu của từng tạp san tự lực, phải chăng là bước đầu cho định kiếp người làm văn nghệ? Một định kiếp chỉ được suy ngẫm trong giai đoạn này, mái tóc bắt đầu bạc phéch, ngôi xuôi dòng về dĩ vãng cũng chỉ ghi nhập lại bóng dáng một thời vẫy vùng xa xưa, Một thời, mà trên viên áo trắng còn vương vấn chiếc phù hiệu học trò, và tất cả bằng hữu văn nghệ đều ngất ngưỡng trên từng câu thơ, từng đoạn tùy bút của một thời để nhớ để thương... Tài hoa không hiển hiện đột biến, nhưng ít nhất cũng báo hiệu rằng tia sáng là của ngày mai. Vài tia sáng đầu đời như thế buộc chặt tư hướng sáng tạo định mệnh cho vài hiền giả sau này, mà Hoài Ziang Duy là một tia sáng ám áp định kiếp đó.

Đọc và nghiền ngẫm, ngoài vài ý tưởng tán thán gửi sang nhà văn, tôi chợt trùng điệp hòa đồng khi đọc qua ý tưởng của Phạm Thăng trong lời bạt giản dị, chân tình nhưng thật rõ nét hồn quê trong con tim:

*“Tôi xếp sách lại mà lòng băng khuâng. Các truyện ngắn của Hoài Ziang Duy đầy tình người quá... Và niềm vui thứ hai khi tôi đọc đến những dòng chữ nói về quê nhà thân thương, Tác giả đã viết: Là người ai không có*



quê hương để nhớ nhưng, ấm lòng. Quê tôi có cây cầu sắt bắc ra sông, không có tên, họ gọi là cầu Quan, chỉ để dành riêng cho quan chức thuộc địa mỗi chiều ra hóng gió nghe hòa nhạc. Thuở nhỏ chúng tôi lội dưới chân cầu, những khi trống vắng, leo lên. Cái quần xà lỏn trên thân thể gầy còm, đứng tông ngông dưới trời thanh, gió mát. Nhìn lên trời cao, mơ một ngày công hầu khanh tướng. Tuổi thơ tôi bắt đầu từ đó."

Quả thật, vịn tuổi thơ đứng dậy với nhiều mộng ước, mà là mộng ước của một nhà văn, thì thật tình công hầu khanh tướng như suy nghĩ ngày xưa, có màng gì với một tài năng, một người viết văn làm thơ rất sớm như anh Phạm Thăng nhận định. Và Hoài Ziang Duy đã vượt qua những đoạn đường gian lao, bước rục rờ trên *một văn phong hiện thực đầy sáng hóa*.

Nhà văn lập dựng nhân vật, thường diễn tả bằng tư hướng đối thoại nặng tính cách tính truyện giữa nội tâm. Thâm lặng đào bới li ti từ khe hở kỹ vãng, để đưa đến nhận định hiện trạng so sánh của suy tư, chất ngát trên lộ trình đi qua. Mà giữa dĩ vãng và hiện thực như đang xoay ngược bản thể trên từng bước đi chuyển cho chân lý trong đời sống. Dàn trải tâm thức đời thường trên từng nhân vật, là lối diễn dịch phân tâm cho ngôn ngữ văn chương của Hoài Ziang Duy. Một phong cách nhào nặn tinh vi của từng chuyển biến đôi lập của nội tâm, li ti, sâu sát, hóa thân trên hoàn cảnh hóa thân đột biến (đời thường mà nhân vật trôi dạt trong cảm ngộ). Sự cảm ngộ giữa lý trí và giữa dây dây những ngộ nhận, để làm lộ ra chân tướng hiện thực. Nhân vật trong từng câu chuyện, hình như luôn có tính độc thoại, chao đảo mãnh liệt giữa số kiếp và hoàn cảnh, đơn độc một cách tội nghiệp như giữa cuộc chất vấn bóng và hình, khiến tri thức như đứng trước gương soi phản quang chính nội tâm

và ảnh tượng chính mình (trong một sân khấu độc diễn). Hoài Ziang Duy khai hoang cho một lối viết chan hòa giữa tính truyện, có chi tiết thường đột biến như sự phân thân, nhân vật diễn xuất đa bản thể, như lối viết xé nát bản thể của Kinh Dương Vương... Nhưng tính truyện của Hoài Ziang Duy dù có đôi lập trùng trùng nhưng cũng còn vài giây phút nhập thân, thành tựu một kết quả cuối cùng mà người đọc khó suy đoán, trước đôi ngẫu hầu như xoay vòng trong những ngộ nhận.

Giữa cái có thể của định số trong hiện thực cuộc đời, phải chăng lại là cách giải quyết của một phương cách kịch tính, bất ngờ, đầy ngộ nhận. Văn phong Hoài Ziang Duy xoay sâu bằng nội tâm, mà phương cách độc thoại khiến tự truyện vi diệu khác thường, lạ nên riêng biệt vậy.

Suốt hơn 40 năm độc hành theo ngộ sống, lập luận của nhà văn quả là hướng đi tự lập, riêng mình, khó lẫn lộn với đối tác văn chương khác. Phương vị thật đơn lẻ và độc lập, nhưng sáng tạo trong phong cách viết Hoài Ziang Duy là một dấu ấn chân phương. Ngồi đọc lại những tuyển truyện Hoài Ziang Duy viết từ thập niên 60 vừa qua, mới nhận thấy sự đa dạng của một tài hoa tuổi trẻ dù bước vội vàng theo văn nghệ, đã chất mót được từ nhân dáng những giọt tinh hoa sáng hóa riêng mình. Thế Kỷ Mới, Văn Nghệ Học Sinh, Hiện Diện,... là bước đầu của cây viết trẻ, lập dựng phong thái văn chương đầy sáng tạo sau này. Tư thức sáng tạo trong nghệ thuật trải dài gần nửa thế kỷ trôi đi vùn vụt, vô hình chung là chất liệu hóa hiện kỳ diệu cho nhà văn một văn phong riêng lẻ, độc đáo, phong cách... Tất cả nhân vật trong sáng tác đều hướng về một tư thức chân thật, dù nghiêng ngã, rạn nát chân tâm, suy đoán, so bì với hiện thế một cuộc trôi dạt bi thống

trong một kiếp người. Cái thật trong cách hành văn của nhà văn, cũng là một cung cách sống suy tư của Hoài Ziang Duy, va chạm giữa bao nhiêu lý lẽ cần phân giải giữa cái thực và cái hư, mà chính yếu lại là cách giải quyết rớt ráo dù từng phân đoạn một. Các phân đoạn sẽ ráp nối ngẫu nhiên, sau khi biến hóa từng phân khúc trên từng đoạn đường bắt đầu hành trình AA' đến A'B rồi tiệm tiến về BB',v.v... lần dò từ cái 0 đến vô cực. Như vậy, kết quả của cốt truyện trong từng tác phẩm Hoài Ziang Duy dựa dẫm vào sự đột biến mà hình thành trên từng bước đi cách ly nhau, khác biệt nhau, rồi tự ráp nối thành một chuỗi dài, khiến người đọc khó suy đoán kết quả... Quả vậy, mỗi kết quả suy đoán là cung cách lần mò của người đọc, nhưng đường nét kỷ hà của dòng sáng tạo trong từng tính truyện đột biến theo từng thời khắc sáng tác, thì rất khó khăn cho tha nhân nếu muốn tiên đoán kết luận. Hậu quả quyền biến tính truyện trên từng bước đi hiện thực như lối viết của Hoài Ziang Duy, cái đích của cuối đường hầm chưa le lối tinh quang, nên người đọc chỉ lần mò trong khoảng không-thời gian vô thức, sự tiên đoán hướng tới chỉ là sự cảm nhận vô tri. Điều kỳ diệu trong sáng tác như vậy, ngoài sự tự tại với văn chương, còn giúp phong thái lãng du sương khói của người viết thể hiện được đặc thù sáng hóa kỳ diệu, đưa người chiêm ngưỡng có phong cách nhận định đa dạng, tùy hướng tâm tri ngộ của mỗi người.

Dùng hiện thực, tạo lập phong thái văn chương đi đến khai sinh dòng sáng tạo đặc thù, khiến văn phong Hoài Ziang Duy có nét nhìn lập thể, bóc trần được những vướng mắc từ tâm thức với lẽ sống, sự nô lệ thân phận con người là những vướng mắc cần được khai hoang. Nhà văn quả tình đã bước vào độc lộ của hiện thực, gói lại những cuộc réo gọi của



cuộc sống vào một hướng sáng tạo văn chương độc đáo, biểu hiện được một phong cách viết có kỹ thuật riêng biệt. Lối viết Hoài Ziang Duy sùng sững như ngọn núi hoang dã vươn mình vững chãi dưới đôi chân, có lối viết tương đồng với nhà văn Cung Tích Biên và Kinh Dương Vương, cố gắng khai hoạt hết những khí hậu cùng cực bi thảm trong kiếp người, đưa vào lập trình văn chương cho tồn tại giữa thế gian như một nhân chứng hiện hữu giữa thời đại. Cũng trước những cùng cực, thảm khốc của cuộc sống, nhà văn Kinh Dương Vương bóc tách hiện thực vạch ra những bí ẩn cực đoan tàn nhẫn giữa nhu cầu sự sống, văn Kinh Dương Vương mang đầy sắc thái dương tính như quạt đỏ ngọn lửa săn đuổi cùng cực bản ngã, khai sinh lối viết giăng xé, tách bóc từng tế bào của sự vật, hầu tìm trong sự phân cách ghê rợn giữa bản thể người và thú sự trùng lặp hoang dã và nhân bản. Vì vậy, phong cách văn Kinh Dương Vương đặt nặng một tìm tòi nhân bản sáng hóa bóc phá, nhào lộn bất cứ lúc nào trên ngọn lửa hóa sinh, tìm tòi một sinh thái đa dạng cho ngôn ngữ, diễn đạt một cách tàn phá sâu lắng của ý thức. Điều này, Kinh Dương Vương và Hoài Ziang Duy có nét tương đồng trong phong thái khai sinh phương hướng soi rọi tận cùng bản ngã. Nhưng sự đột biến kỳ diệu trong văn Kinh Dương Vương là sự tìm kiếm, kể cả áp dụng sự chao đảo tan nát trước hiện thực, nhào nắn định mệnh con người bằng ngọn lửa dương tính mãnh liệt... (Truyện Bí Đái, Đường Kiếm,... trên các tạp chí trước 1975, như Văn, Văn Học, Bách Khoa,...) là một lối sáng tạo cực kỳ mãnh liệt. Ngược lại, trên bến đợi của dòng thời gian, như định kiếp tằm tấp trôi chảy trầm lặng của từng mảng lục bình, sự thể hiện trên văn phong Hoài Ziang Duy trước nỗi thống khổ, như một hiện thực tiệm tiến xuôi

ngang cuộc đời, lại thay đổi từng bước một, mà “*cái ngập mệt môi, che dấu tiếng thở dài, chỉ còn mình ông trong bóng tối*” của lão Tư, kể từ lúc đổi đời đã trở thành nạn nhân của thời cuộc (*truyện Một Đời Người Một Nỗi Lặng/tác phẩm, Bốn Ngàn Năm Chen Lấn*). Sự suy nghĩ trầm lặng đột biến trong một nhân cách, có ai thấu hiểu hết nỗi đau gắn liền với lão Tư là nỗi đau thâm lặng, nhâm lẫn trong ngôn ngữ, nhâm lẫn con người trong lịch sử, trong thực tế cuộc sống, trong bức tường chính trị... Cách diễn tả hiện thực cuộc đời một cách lặng lẽ thẳng thắn, không đột biến bằng những nét dị thường, tàn phá như văn Kinh Dương Vương, người viết xem đó là một bản năng kiến trúc đa dạng xấp lóp trong bản thể sinh vật, giăng xé tang thương, ẩn ức sâu thẳm, bùng vỡ tàn nhẫn, trần trở dần xé và đọa đày... Quả thật, trên bước đường sáng hóa nghệ thuật, hai nhà văn đã trình diện hai phương cách giải quyết hiện thực khác biệt.

Nhà văn Cung Tích Biên như ngọn núi sùng sững, hiện thân như một yếu chỉ phải có trong dòng văn chương Việt. Cung Tích Biên bắt đầu là một hiện tượng văn học ngay từ thời tuần báo Nghệ Thuật của Mai Thảo, cách đây gần nửa thế kỷ. Nhưng sau 1975, Cung Tích Biên đã hóa thân một cách lộng lẫy, văn phong là một hướng tinh quang hiện thực, phát tích một khuynh hướng tân văn cực kỳ bác học. Phá vỡ những giai đoạn viễn vọng của thời Nghệ Thuật xa xưa, nhà văn Cung Tích Biên đứng dậy bước vào thực tế của một cuộc sống đầy rẫy tà mị, của một lớp người quái dị làm chao đảo cả một xã hội văn hiến ngàn đời. Đi giữa một hiện thế hoang dã, phủ đầy sương khói liêu trai quái đản, nên những bộ trường thiên tiểu thuyết của nhà văn đã là nhân chứng lập thể cho thời cuộc? Tính truyện của bộ sách tuyệt

điệu, đa phong cách đầy rẫy nét hóa thân kinh dị, quái quỷ, liêu trai,... từ Chuông Trại (hay Trường Chạy) đến Thăng Bất Quý, v.v...

Cung cách khai sáng dòng văn chương của ba nhà văn là phương cách lập ngôn, trình diện với hiện thực bằng một con đường đi về hướng vĩnh cửu khác nhau, nhưng tụ chung ánh tinh quang vi diệu của ba phong cách, đã bóc phá được sự yên lặng mòn mỏi nghèo nàn của lối đi vào văn học hôm nay.

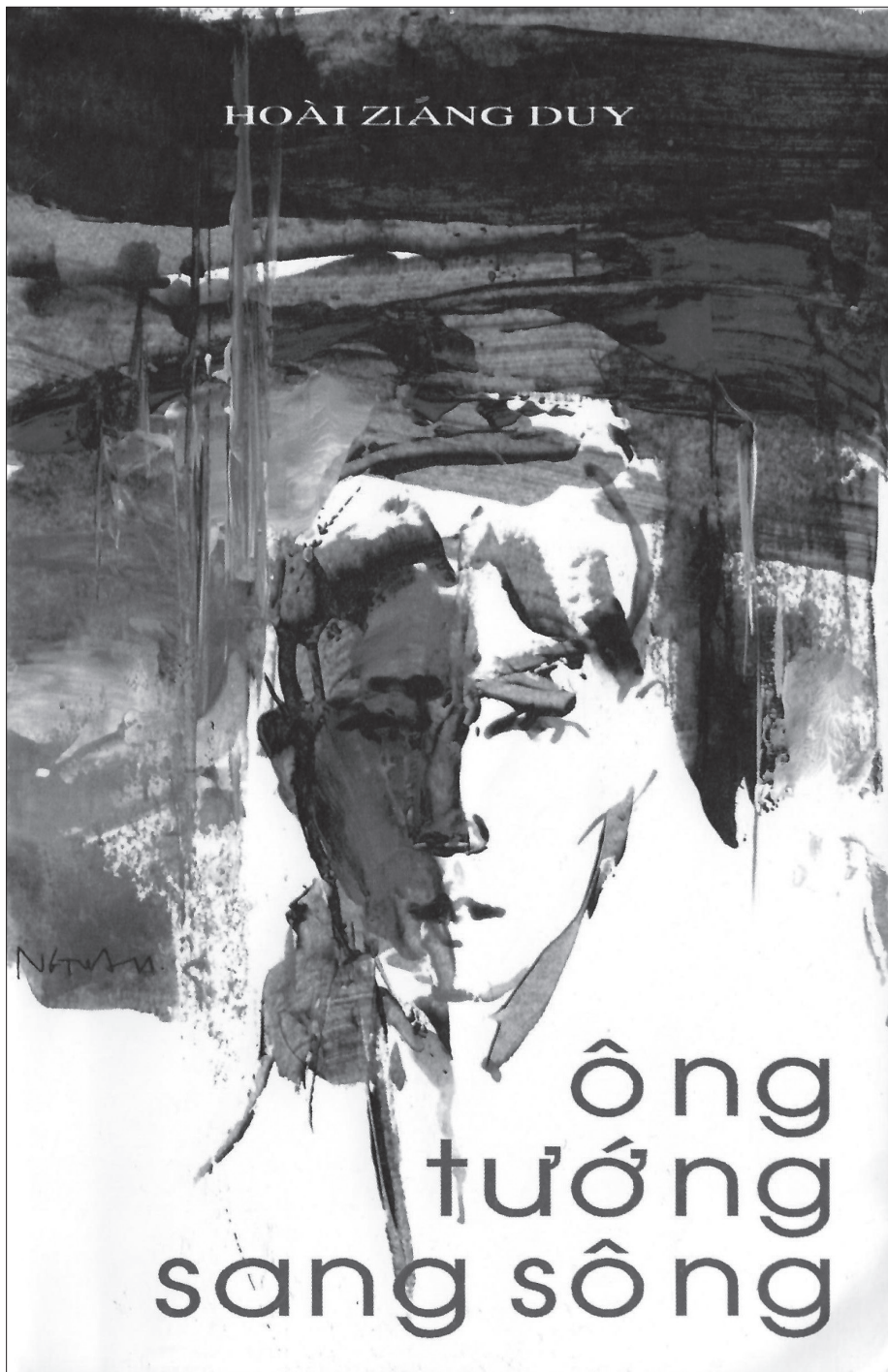
Suốt quãng đường hành hiệp gần nửa thế kỷ nay, tính truyện trong suốt đời cầm bút sáng tác của nhà văn Hoài Ziang Duy, bao giờ cũng đầy đầy nét sáng tạo tư duy nhất quán, hồn hậu của con suối dòng sông, của ngọn núi tĩnh lặng, của mệnh mang đồng bằng... Nhà văn vác trên vai một hướng đi tự lập, mà phong cách sáng tạo trong văn phong là một độc đáo riêng biệt, đầy tình người, bằng một lối viết mà nhà văn Xuân Vũ bắt lèn lời kinh ngạc:

*“Lối viết của Hoài Ziang Duy là một lối viết lạ kỳ, không giống ai, hoặc tôi chưa từng thấy giống ai trong nghệ thuật viết truyện ngắn, Cái lạ kỳ này có hai nhánh. Lạ kỳ quái gở và lạ kỳ nghệ thuật. Truyện của Hoài Ziang Duy nằm ở nhánh thứ hai.”* ■

**NGÔ NGUYỄN NGHIÊM**  
Viết tại Thư Trang Quang Hạnh







**C**hiếc xe đang ngon tron đột nhiên thắng gấp rồi dừng hẳn lại. Tôi chưa hiểu chuyện gì xảy ra. Đèn trên xe cũng tắt hẳn. Có tiếng lao xao di chuyển hàng hóa. Một lúc gã tài xế chớp đèn, nổ máy cho xe từ từ tiến vào lề đường rồi tắt ngấm. Bóng tối. Gió đêm thoáng mát từ ruộng đồng. Tôi hỏi người kế bên, “Xe hư hả?” “Không đâu.” Giọng cô nhỏ nhẹ nhưng hơi run. “Anh chưa gặp à?” “Gặp cái gì?” “Lên đâu? Tránh trạm đàng trước.” “Bao lâu?” “Cũng phải chờ coi chắc chắn cả giờ đồng hồ.”

Tôi sửa lại thế ngồi. Cái lọ trên tay đặt hẳn xuống đùi. Tự dưng tôi thèm một hơi thuốc. Bật lửa. Thổi một hơi qua ngoài khung cửa. Cô gái kế bên có vẻ không quen mùi thuốc trong không khí chật hẹp. Hình như cô có vẻ hồi hộp. Không nói. Tôi xin lỗi rồi đưa tay dụi điếu thuốc vào thành xe. Cái lọ lại đong đưa. Tôi giữ lại. Có tiếng hỏi “*Cái gì trong đó vậy?*” Người đàn ông phía trước quay đầu hỏi, “*Quý không?*” Tôi nói cho qua, “*Hài cốt.*” Giọng ai đó phụ họa, “*Lúc này mà được hài cốt Mỹ là vô mệnh một đời.*” Tôi cười, “*Mỹ, Việt gì cũng là con người thôi.*”

Có mấy người xuống xe đang bật lửa. Bóng đêm này đây và ánh lửa. Lửa hừng hực như còn trước mặt ở chuyến quay về. Tôi đang được tự do mà. Đừng sợ. Mà sợ cái gì lúc này. Mọi việc rồi cũng qua. Dẫn thân xác về được là may rồi. Có bao người đã chết. Đâu được một nắm mồ. Đã yên đầu. Trước mặt tôi đó. Cả đoàn người như đi chợ. Gió, túi, bao bị. Tôi cũng vậy thôi. “*Lấy cốt?*” “*Ừ, lấy cốt. Giải tỏa nghĩa trang mà.*” “*Để làm gì?*” “*Khai thác mặt bằng.*” Khai thác cái gì không cần biết. Giải tỏa trước đã. Bán đất cho người nước ngoài xây dựng. Họ làm cái gì thì tùy. Không lấy, không di chuyển là đến hạn kỳ xe ủi san bằng.

Tôi đã trở về kịp thời hay nói là còn may mắn trước một tuần. Tôi nói với người phụ trách giải tỏa, “*Chú giúp dùm.*” “*Ừ thì giúp những thủ tục nhiều lắm. Phải chi cho từng khâu.*” Tôi hỏi lại, “*Khâu gì?*” “*Thì đại khái từ A đến Z.*”

Ngôi mộ cha tôi. Người nằm yên chôn này dưới tàng cây bóng mát. Đất mua vĩnh viễn theo phân lô. “*Đã mua sao phải giải tỏa?*” “*À cái này là quyền lợi nhà nước trên hết. Mình phải hy sinh. Đã chết rồi thì ở đâu cũng vậy thôi.*” “*Còn vấn đề bồi hoàn?*” “*Cái*



*đó tùy bà con, tốt hơn nên kiếm nơi khác; hỏi người khác. Ở đây hết trách nhiệm. Xong rồi thì chúng tôi cũng đi làm việc khác.”*

Bia mộ cha tôi, ai đó đã sửa đi năm chết từ mấy ngày trước. Chết một năm qua được lên thành bảy năm. Hợp tình hợp lý trên năm năm. Đó là vấn đề vệ sinh. Sớm quá lại ô nhiễm môi trường. Lòng tôi ngao ngán. Không còn gì để nói. Không có tự do nào hơn sự im lặng. Nói với ai? Nói làm gì? Ai nghe? Ai giải quyết? Làm theo đã, nếu không muốn cù cửa lúc này. Đó là sự sinh tồn.

Nhát cuộc đầu tiên con giúp cha rời khỏi chốn này. Đừng nằm đây. Đừng dan díu với côi ô trọc này. Ở phương trời xa người ta cũng đòi hỏi tìm kiếm lấy về. Năm đất cỏ mọc chưa xanh. Một năm qua thôi. Chưa kịp làm gì. Chưa đủ xi-măng gạch vôi để làm chuyện đó. Hai gã thuê mướn lành nghề để yên cho gia đình sắp xếp theo ý. Một gã nói, *“Làm từ từ không động đâu; đào chung quanh thôi. Chúng tôi làm chuyện nghiệp mà. Nhìn qua một cái là biết giàu nghèo, có chôn giấu gì không.”*

Xuong một lớp đất nữa. Nấp quan tài đã lộ. Người nằm đó. Màu nước hồng nhạt lấp xấp trong áo quan. Lớp đất sét chình chịch kêu theo mỗi cái nhấc chân của gã. Một làn gió thổi qua nhanh. Gã dùng hai bàn tay thọc xuống quơ quào nắn nót một lúc. Một lúc rồi một lúc. Gã dùng đồ nghề là hai thanh tre này lấy từng ống xương. Một tay vuốt, một tay đưa lên. Xối nước trước khi xối rượu cho đỡ hao. Xương dài, xương ống. Xương lồng ngực và sọ nè. Cái sọ người màu đỏ hung hung. Cái tình thần. Máu mủ ruột thịt không làm tôi sợ hãi. Mùi hôi nồng trong không khí làm tôi gớm ghê. Cha tôi đó. Người là đó. Sống trên trần gian và dưới lòng đất. Dung nhan người đầu đã vậy. Khuôn mặt người

hiên từ thanh thản lúc sống. Còn cái nhìn trước lúc tôi ra đi, và tình thương là nỗi hoài mong chờ đợi con về. Đầu đã gặp một lần cuối. Người đã chết một lần. Hôm nay gặp lại người nằm đây. Giọng nói, kỷ niệm. Nỗi âu lo của người tôi đã mang theo trong suốt thời gian dài mất hút.

Tôi mất mẹ từ thuở nhỏ. Tôi không nhớ rõ tình thương ở người đàn bà khi trưởng thành. Có chăng là nỗi nhớ dịu dàng pha lẫn tưởng tượng ấm êm. Tôi ở với người cho đến ngày bước ra cuộc đời. Người ở lại trong ngôi nhà cổ xưa một thời kỷ niệm, an nhàn tu thân. Cho đến ngày mất nước. Thế giới thu nhỏ lại, tập trung lại làm một, nhìn ra cho cả nước. Cha nói cho không hơi hận. Tất cả là mệnh nước vận thời. Đừng buồn. Tủi nhục. Sống phải làm lại. Sống sao cho lòng thanh thản. Hôm nay người nằm đây. Con đã trở về. Trở về từ chính cuộc đời xa vắng đau hiu. Không phải thấy nụ cười của cha. Không còn giọng nói trầm ấm già nua, mà là xác thân đã hóa cốt.

Áo quan phải mua thêm lần nữa để di chuyển vào lò thiêu. Tôi không muốn chôn người. Còn chỗ nào là chốn nương thân. *“Hai chục phút đốt.” “Được rồi.”* Thêm tiền là được bốn chục phút đốt để ra tro, để khỏi vào cối giã đập. Ánh lửa. Lò thổi. Mùi cây cháy, mùi khét thịt da bay bổng lên trời. Khi ngọn lửa đã bùng cao, linh hồn cha vượt thoát. Bỏ lại xác thân như đồng tro tàn lụn bại. Gọi số. Nhận mâm rút ra. Những máu vụn trắng xóa cong queo. Đây nhé. Tiên sẽ vượt qua khâu cối đập để tới thủ tục sắp vào lọ. Cái lọ này ở đây cung cấp, không giá trị lắm đâu. Nếu muốn quý giá trân trọng thì bước ra mấy bước tùy nghi chọn lựa, bày bán sẵn kể bèn. Thị trường tự do mà. Tự do mua chọn lựa, có khăn, có dây đỏ bán riêng. Có khác

tên, lộng hình. Bây giờ thì ghi năm chết thật. Ông thấy không. Cái nào của mình mới là thật. Còn của chung của cuộc đời sao cho khỏi lẫn lộn. Trần gian muôn màu mà. Gã cười khà khà. Đây nhé. Cũng lại đây nhé. Ông coi kỹ. Xương chân phải sắp trước, nằm dưới, rồi từ từ lên. Cuối cùng mới là xương sọ. Đóng nắp bao khăn. Cột dây đỏ. Thế là xong. Cám ơn. Ở thì cám ơn nhưng trước khi về nhớ gặp sếp tôi đứng chờ. Làm gì hả? Chút quà cho miệng ăn, miệng nói, đã giúp lo toan từ A đến Z. Đưa ở đây? Không sao. Đừng ngại. Không có gì lộ liễu cả. Mình làm công khai thì ngại gì phải che giấu. Ở đây ai cũng thành thật cả. Thành thật cả lúc nhận tiền tình cảm. Cám ơn. Cái tiếng cám ơn đáp lại từ gương mặt người đứng chờ sẵn. Tôi không nhìn rõ. Chỉ còn có lọ này.

- Hình như anh mới được tha?

- Cũng mới.

- Tội nghiệp.

- Ủ mà anh đừng buồn. Trong ngoài có khác gì nhau. Rồi vợ đầu không thấy đi chung?

Tôi cười buồn:

- Bây giờ ở một mình.

- Thiệt hả. Ủ vậy cho khỏe thân.

Cô ta vừa nói vừa nhìn vào mặt tôi như muốn nhận diện cái dung nhan mùa hạ. Lúc này tôi mới thấy mười ngón tay cô sơn đỏ, cái màu đỏ hồng nhạt như thịt da vừa nước ở lần lấy cốt. Cô chìa mấy ngón tay ra:

- Anh biết không, phải sửa soạn một chút để tránh cái nhìn. Đôi khi phải làm duyên làm dáng để vượt qua ải. Cơm áo cuộc sống mà. Mỗi ngày phải đi, phải đối đường, phải tránh mặt mới sống được.

Nàng để tay lên thành ghế. Cái bàn tay còn nóng nóng như muốn an ủi, cảm thông. Tôi để yên. Nàng nói:



- Anh hút thuốc đi. Em không khó chịu đâu.

Đêm. Trời lạnh. Con buồn ngủ dễ kéo đến. Nhưng với nàng hình như tỉnh táo hơn. Tôi khe liếc. Trên khuôn mặt đó sự lương thiện lặng lẽ. Nàng không ngủ. Hôi hộp. Tôi chuyển lọ qua bên; khép đui, sửa lại thế ngồi. Mắt nàng nhìn về phía trước. Tôi cũng nhìn về trước. Bóng tối như con đường hầm còn sâu hút. Ngày đây. Tôi trở về. Không còn gì ngoài nỗi tủi nhục. Tôi muốn nói với em ở phương trời xa tôi đã trở về. Không cần phải kể lễ. Bao người đã nói. Chuyện mà ai cũng nói, cũng cảm hận, cũng thương giùm. Tôi không muốn trở thành kẻ tội nghiệp. Em nói, *“Em phải đi trước vì tương lai con cái. Không thể ở lại làm bốn phạm nuôi chồng. Chờ đợi chỉ thiệt thêm thân và lãng phí thời gian. Anh phải sống vững như một người hùng có độ.”* Liệu tôi có còn là người hùng nữa không? Ở một đất nước mà ra ngô gặp anh hùng thì bây giờ tôi chỉ là kẻ hèn mọn, muốn được làm người không để yên thân hơn. Tôi không bỏ chạy vì ngu dại. Tôi không dám chết vì khiếp nhược. Chạy đi chạy xa lúc đương thời để giữ lấy cái tôi, cái hào quang còn sót lại, giữ lấy danh dự một đời để nói với người chung quanh tôi là kẻ không ngả ngựa. Em an ủi, *“Hồi trước khi lấy anh, em vẫn mong sau này anh trở thành một tướng lãnh.”* Người lớn đã chạy đi nhiều rồi thì kẻ ở lại mới thực sự là người hơn, trong lòng em anh vẫn là một người để em tôn kính, dù khổ đau, tủi nhục đã lột trần truồng. Một người tướng thâm lặng, sống vững với khổ ải truân chuyên, không làm mất đi nhân cách chính mình. Không có chiến trường để anh thi thố. Chỉ có xương máu góp phần. Cái còn lại mới là đáng quý. Giữ gìn được nó khi chung cùng với nhau một phần bình đẳng anh em,

không còn kẻ trên người dưới. Chỉ có liêm sỉ mới nhận chân bộ mặt thật của mỗi người. Em vẫn chờ vẫn hoài mong hình ảnh trước đây em đã nương tựa. Bây giờ đây tôi trở về. Đã thay cánh áo. Bỏ lại màu áo sọc xanh trắng. Sống một cuộc sống tầm thường trong một xã hội bất bình thường. Đôi lúc phải quên mình là ai thì làm sao dám nghĩ mình là tướng.

Canh bạc đời đã đổi. Những đoàn hát. Những màn diễn với các tên hề làm tên tướng ngày ngộ lối bịch. Những bàn cờ với xe pháo mã sang sông. Chỉ còn có sĩ, tượng, bao che một ông tướng cùng quân trên các ô vuông của mỗi ngày. Bên tách trà ẩn dật. Không có Khắc Chung của năm Đinh Mùi cứu lấy công chúa Huyền Trân trên giàn thiêu, thông dong trên biển cả với mối tình thâm lặng. Biết bao ân tình, ấm êm với đất trời rộng mở, mười tháng lênh đênh mặc cho mưa gió bão bùng với chiếc thuyền con, mặc cho những ray rút trong cuộc đời Huyền Trân. Để rồi năm sau (Mậu Thân) cũng trả về Thăng Long bỏ cuộc. Không có rượu ngon để Hàn Tín nghe theo lời Giã Kiệt. Thế chân vạc chia ba thiên hạ mà giữ lấy cơ đồ. Lịch sử đã sang trang. Những dấu ấn vẫn phân biệt điều hơn thiệt. Nhìn lại thân thế mình. Tướng của ta là tướng của lỗ làng. Có còn oai hùng không sau hai lần bại xứ. Có còn máu nóng không với áp huyết cao. Có còn khao khát không với loét tá tràng do ăn cỏ, lá rừng. Chỉ còn trái tim dù là đập nhẹ nhưng âm í với tình yêu, với nỗi nhớ ngậm ngùi.

Cái lọ này đây. Tôi đã trở về. Cha đã chết hai lần. Tôi đã sống lại với phần đời qua đã chết. Còn bàn tay này đang áp trên tay tôi. Là nàng. Không phải là em. Không phải là mối tình xưa cũ thủy chung. Trên một chuyến

đi đồng hành. Nàng ngủ? Không. Còn thức. Đột nhiên một chiếc xe tuôn vừa đến. Không phải. Ánh sáng của máy xe gần máy đèn người.

- Mở đèn lên. Khám xét.

Đèn trên xe bật sáng như ý muốn. Hai người đàn ông mặc thường phục lên hai cửa trước sau. Người còn lại leo lên mui. Nàng ngồi kế bên nói vào tai tôi:

- Anh bình tĩnh nghe.

Ánh đèn pin rọi vào các góc kẹt chỗ ngồi. Gõ gõ vào trần xe. Từng người. Từng món hàng.

- Anh này. Cái gì đây, cầm cái gì, cái gì dưới chân trong gió này?

Lúc này đây, nàng bình tĩnh lạ. Nàng cười duyên chỉ vào tôi:

- Vợ chồng em đi lấy cốt cha về. Anh thấy không? Cái bình đựng hài cốt đó. Còn mấy món này mua về cho mấy đứa con tụi em. Anh biết mà, lúc này nghĩa trang giải tỏa nhiều lắm.

Chao ôi trong một phút tôi đã có người vợ kế bên kế cận. Chưa kịp nói, nàng đã nắm lấy tay tôi lắc lắc:

- Anh kéo sáo lên, em ngộp lắm. Tim em đang mệt nè.

- Cô nói thật không? Người mặc thường phục hỏi.

- Vợ chồng em đi về mệt mỏi lắm, chỉ mong mau tới nhà.

Gã đàn ông soi mới nhìn lấy nàng. Nàng ngả đầu vào vai tôi. Cái mùi da thịt đàn bà đã lâu không gặp. Nàng thâm thì như không cho tôi nói. Thật ra tôi cũng không biết gì để phản ứng. Họ như những con mối chờ cơ thoát hiểm. Lúc này đây nàng dịu dàng, dễ thương như người tình nhân lâu ngày. Mái tóc nàng mấy cọng đâm vào mặt mũi tôi nhột nhột. Tôi muốn ngồi nhích ra một chút. Chật cứng. Nàng chồm theo. Cánh tay tôi quờ quạng đụng vào gói đồ đã nằm lúc nào giữa tôi với nàng. Cái đui căng cứng đang



gác lên một phần thân thể tôi. Tôi nghe tim nàng đập mạnh. Chắc không phải cái háo hức của xác thịt. Tim nàng đập đàng khác. Còn tôi ngọt ngọt vì hơi thở nóng của nàng. Buồn cười. Không thể nói. Lặng thinh.

Một thoáng. Gã bỏ đi. Ánh đèn pin qua hướng khác. Nàng bỏ tôi. Ngồi ngay thẳng lại. Vuốt mái tóc. Nhìn tôi. Cười. Lúc này nụ cười nàng sung sướng hơn. Cái cười đẹp. Thỏa mãn như sau lúc làm tình. Nàng nhắm mắt lại. Chỉ còn tiếng thở. Tim nàng như đập chậm lại. Còn tôi rộn ràng. Một lúc. Gã trên mui leo xuống. Tiếng oang oang:

- Bác tài sửa xe xong chưa, chạy đi đến phà cho bà con ăn uống.

Có tiếng dạ ngon lành. Ánh đèn xe chiếu sáng. Đèn trong xe tắt ngấm. Có tiếng nàng:

- Xin lỗi nghe. Em phải làm vợ anh một lát.

- Thì tôi cũng đã làm chồng cô trước mặt mọi người.

- Ở đời, nàng nói, đôi khi cũng phải thực hư. Mượn tạm rồi bỏ.

- Có trả vay tôi cũng quên hết qua ngày. Không biết tôi là người chồng thứ mấy trên chuyến đi của cuộc sống cô?

- Không đâu. Mới là lần đầu. Kẹt quá em mới nghĩ ra.

Nàng sống khôn lanh. Chụp lấy cơ hội từng lúc từng thời. Còn tôi? Ôm áp ngày tháng cũ nặng nề. Thử thả như nàng. Cũng là cách đối đầu. Bỏ đi, bỏ hết đi. Ở đây bây giờ là bộ mặt mới. Cơ áo. Những vật lộn không ngừng nghỉ. Quay cuồng với xưa nay cũng không đi tới đâu.

- Bây giờ em ngủ nghe.

- Một chút tới phà.

- Không qua được đâu. Phải chờ sáng. Đến nhà em ở bên này bờ. Em xuống. Một ngày đã xong.

Nàng nhắm mắt lại. Chiếc xe đang lăn bánh. Mọi người đã yên. Phút rộn

ràng đi qua trong tôi. Không còn gì để nói. Tôi nhìn qua nàng. Cái đầu tựa ngay ngắn trên băng ghế. Vai tôi không còn là chỗ tựa. Gương mặt nàng thanh tú. Đôi mắt lim dim. Không có tiếng nũng nịu hừng hực lửa. Chỉ còn tiếng thở. Hơi thở đều đặn. Nang lém linh dễ thương. Tôi nghĩ. Nhưng chắc thương không dễ.

Chiếc xe đến bến bắc là đã hai giờ sáng. Tất cả phà đã neo ngủ yên. Hàng quán rộn ràng. ti-vi, đầu máy trang bị cho mỗi quán đặt phía trong cho khách ngồi chờ. Phim Mỹ, phim Hồng Kông, băng nhạc Paris By Night. Cái gì cũng có. Họ cũng sống hòa nhập với trào lưu. Kịp thời. Những ngọn đèn thấp sáng bằng máy phát điện. Mùi thịt nướng âm ỉ bay thơm làm tôi thấy đói. Ngoài sân, dọc theo con đường xuống phà, bàn ghế được bày hẳn ra. Tự do ngồi, muốn đứng, muốn đi. Bởi là đêm chờ sáng. Thế giới an phận đã hàng bao lâu năm này tháng nọ. Nàng nói:

- Anh ghé nhà em ngồi chờ. Tiện lắm. Cảnh quán. Nhà em cho mượn ghế bố xếp. Anh cần ngủ không. Giúp em một tay chuyển mấy hàng này xuống.

Nàng lẳng xăng lạnh lẽ. Đôi chân tôi tê cứng sau mấy giờ đông hồ, lúc này cũng dẻo dai. Tôi như bị lừa đi ở lời nói dẫn dụ của nàng. Chút tình mà. Tôi không nghĩ gì khác. Còn nàng góp phần phục vụ kinh tế.

Nàng bước vào nhà. Tôi theo. Những giọt mồ hôi đọng trên mặt nàng. Nàng bước vào trong góc khuất tôi. Cánh tay đang lần xuống lưng quần. Một dây gối bịch quần ngang lưng đang gỡ xuống. Ngăn ngừa một lúc. Nàng nhìn tôi. Bàn tay cùng lúc với thế xoay lưng. Nàng lấy gói thuốc Con Mèo nhỏ từ trong nịt ngực.

- Tặng anh nè. Dấu sao anh cũng đã giúp. Hút đi chờ sáng.

Tôi định không lấy. Nhưng nhớ mùi nàng. Tôi nhận. Chiếc ghế bố nàng cho mượn. Dĩ nhiên không phải trả tiền. Tôi ngả lưng. Trời đêm trăng sáng. Gió từ bờ sông mát lạnh. Ly cà phê đen nóng. Mùi cà phê trộn bắp. Uống đã quen. Chỉ cần nóng. Đừng phải ngọt để còn chút vị đắng. Tôi định lấy gói thuốc nàng tặng mở hút. Không hiểu nghĩ sao, tôi bỏ lại vào trong ngực. Gói thuốc tôi còn một nửa, cho xong đi trên chuyến đường.

Nàng trở ra. Áo quần đã khác. Nhỏ nhắn hơn lúc ngồi trên xe. Nàng chỉ vào người đàn ông giới thiệu là anh nàng:

- Đừng ngại. Nàng nói.

Gã đàn ông dáng đi khập khễnh ngồi kế bên, đặt cây đàn xuống. Gã đã có tuổi. Tôi hỏi:

- Đi lính hồi trước?

- Ừ.

- Đơn vị nào vậy?

- Sư đoàn 9 Bộ Binh.

- Anh có bạn rồi đó. Bây giờ em đi ngủ đây.

Nàng chu đáo quá. Tôi nói cảm ơn.

- Cảm ơn anh mới đúng.

Nàng nhoèn miệng cười. Nụ cười tinh quái:

- Có qua đây ghé lại.

Nàng đi vào trong khuất bóng. Tôi muốn gọi nàng ngồi lại. Không tiện. Cái dáng dấp yếu điệu khoan thai từng bước xa tôi.

- Con nhỏ bỏ học đi buồn. Lâu ngày rồi dạn dĩ. Gã đàn ông nói.

- Đừng nghĩ nữa. Anh tên gì?

- Phát.

Còn tôi, tôi nói bừa một cái tên. Tôi sợ người ta nhận ra mình. Nỗi sợ hãi lâu năm đeo đẳng như thành một thói quen.

- Chân bị thương hả?

- Ừ, đánh một trận ngày cuối. Tiểu đoàn không chịu bàn giao. Làm sạch một mẻ trên Quốc lộ 4 rồi tan hàng. Bị



thương nhẹ thôi, nhưng lúc ấy đầu còn bệnh xá gì nữa, lo liệu một mình rồi thành tật. Anh cũng là người cũ?

- Mới được tha.

- Ở lâu không?

- Cũng lâu.

- Sĩ quan hả?

- Đại khái thôi, nhắc lại làm gì. Sao lại có đàn, thức sớm vậy?

- Anh muốn nghe không. Tôi ca bản “Rừng Lá Thấp” tuyệt lắm. Thức sớm quen rồi, ca hát dọn hàng.

- Anh bán gì vậy?

- Thuốc bổ thận, đau thận gia truyền. Người đàn ông mình lớn tuổi. Đi xe ngồi lâu, ngồi chặt tê cứng. Xuống xe là thấy rêm mình ngay. Tôi bán ở đây đã lâu, sinh sống từ sau lúc sập tiệm.

Tôi nhớ tới nàng. Nhớ không khí trên chuyến xe. Nhớ hơi thở nóng. Cặp đùi nàng gác lên tôi. Tự đứng tôi cũng cảm thấy mình thận suy muốn đau. Gã nói:

- Anh cần không? Tôi biểu anh. Mình cùng chung một phận mà.

Tôi nói, “*Thôi được, cảm ơn.*” Gõ thuốc nàng cho. Mùi mồ hôi, mùi da thịt hình như còn phảng phất. “*Hút cái này vào là sẽ khỏi.*” Gã không hiểu nhưng cũng cười.

Đã lâu như được dịp, gã nói huyền thoại về chuyện năm tháng cũ. Phê bình các tướng chạy đi. Chỉ còn lại những tên lính ngày ngộ cảm sủng đến phút cuối cùng. Gã nói nhiều quá làm tôi đâm nhột, dù tôi không chạy đi. Nhưng tôi hiểu. Tâm trạng này trước đây tôi cũng bị. Lâu ngày rồi nói hoài bằng thừa. Tôi muốn quên. Không muốn nói lại đời sống tủ nhục. Chỉ còn cảm giác, mỗi khi ai nhắc đến. Với hạnh phúc, với em, tôi vẫn là người tướng cô độc. Em vẫn chờ mong tôi vượt thoát. Đến với bến bờ chung

thân. Nhưng ở đây ngược lại. Người ta đang chờ họ trở lại. Một sinh khí mới, một đời sống mới. Sẽ phải náo nhiệt hơn ở đời sống thành thị. Còn ruộng đồng ắt phải héo hon. Đẩy vào phía trước, vào nhịp tiến hóa của một tầng lớp nào đó. Còn đằng sau. Đời sống bình thường như nàng. Nàng đang làm kinh tế. Nàng phục vụ cái chung để có cuộc sống bình thường. Với tôi lại khác. Tôi không có nghề gì. Kể cả thuốc đau thận gia truyền. Căn bệnh lâu năm không dễ gì được khỏi một sớm một chiều. Cái bất bình thường nhiều quá, lẫn lộn trong đời sống bình thường làm tôi hụt hẫng.

Phát nói với tôi:

- Bây giờ tướng tá không còn nữa.

Họ chỉ như những người Thượng Sĩ già năm xưa. Có vậy đi, mới thấy gần gũi với người lính chiến đấu mình. Đã lâu. Tâm hồn mọi người lắng đọng. Còn cái lọ này?

- Hải cốt cha tôi.

- Cốt nhục trùng phùng Anh cũng còn may mắn hơn gia đình những người Mỹ mất tích.

Cùng một lúc, tôi nghe. Tôi đang nghe. Hình như cái bất bình thường của mình dịu xuống. Tôi cảm thấy dễ chịu hơn với chính mình. Nếu mà không gặp nàng, không ngồi đây, không gặp người thương binh bán thuốc đau thận, tôi đã không phải một đêm trở thành người Thượng Sĩ già trong lòng Phát. Cái hư vị danh tướng. Cái vị kỷ, tự ái của mình bị lột xuống. Tôi không phải buồn. Đời sống là sự cô độc. Tự do là sự cô độc. Tôi đã gặp lại người. Gặp cha tôi. Như Phát nói “cốt nhục trùng phùng”. Quý trọng cái có còn hơn không. Người sẽ gần gũi bên tôi. Không chia lìa. Không nằm yên ở một nơi nào lạnh lẽo. Người không nằm ở đất. Trên tay tới bây giờ. Chỉ

có trời cao. Ánh lửa đã đưa người lên cao vượt thoát. Trong tâm hồn tôi, người cha già một đời nặng nợ không thấy mặt nhau lúc cuối. Nhưng tôi vẫn sống bên người. Hình ảnh lúc sinh tiền. Không khí thân quen ngày cũ. Kỷ niệm là những ôm ấp vô về.

Năm giờ sáng. Tiếng còi hụ đánh thức, Tiếng dầy xích loảng xoảng được mở cho khách bộ hành. Con đường hẹp cầu thang dẫn lối. Đoàn xe nằm chờ rô máy chuẩn bị cho một ngày thức dậy. Tôi đứng lên trả tiền. Phát đang chuẩn bị dọn hàng.

- Thuốc đau thận có sẵn đây không?

- Có chứ.

- Hay thật không?

- Nhiều người nói uống kết quả mà.

- Anh có uống qua chưa?

- Không có. Tôi bán nhưng không uống.

- Vậy sao nói thuốc gia truyền?

- Anh lấy đi. Tôi bán niềm tin. Cứ nghi thận suy rồi sẽ khỏi. Có tin là ắt được.

Tôi cầm lấy viên thuốc tẽ màu đen thăm nhét ở túi quần. Nhìn vào trong. Chắc nàng còn mê ngủ. Hương da thịt còn thoảng trong đêm. Quàng vai xách. Ôm lấy lọ. Một bên vai nhẹ hóng không có ai gói đầu.

Từng bước. Tôi đã đi trở về. Từ cõi chết. Gặp lại người chết. Niềm hạnh ngộ thật đau lòng. Trên chuyến xe. Một nhịp đập. Đời sống mỗi ngày như thế đó. Còn bao lâu, một ngày như mọi ngày.

Từng bước. Tôi đi trên nền xi-măng bước ngang vòng xích mở. Ở phương trời xa em đang chờ một hạnh phúc tới. Tôi đang đi về phía trước mặt. Cốt nhục thăm tình trên tay. Tôi lừng lững bước. Giản dị một điều. Tôi xuống phà qua sông. ■

**HOÀI ZIANG DUY**

# HOÀI ZIANG DUY: 'CON MẮT TRẦN GIAN THAO THỨC MỎI' TRONG 'LỐI ĐI DƯỚI LÁ ĐỜI THÀ NHƯ MƯA'

LÂM HẢO DŨNG



Hoài Ziang Duy, anh là người làm thơ rất sớm và đồng hành cùng nhiều anh em khác, đặc biệt ở Châu Đốc, quê nhà của anh. Những Ngô Nguyên Nghiễm, Mặc Lan Hoài, Phạm Yến Anh, Lưu Như Thụy, Nguyễn Thành Xuân,...

Gia nhập Quân Đội và cũng đau niêm đau chung đất nước. Tù đày và bỏ nước ra đi. Xứ người, tâm trạng ray rứt, cuộc sống mới đầy những thử thách, và ở anh, khám phá một lối suy nghĩ rất xác thực:

*"Từ em tay phố ngõ ngang  
Từ Hoa thịnh Đôn*

*đem Sài Gòn sang*

*Điệu hò câu hát ngón ngang*

*Điệu oan trái khúc*

*điệu tràng tịnh thân*

*Bước qua phấn bụi hồng trần*

*Mặt xúc xác đỏ môi phần an cư*

*Dầu xoay vòng vận bù trừ*

*Bê trong, mặt trái kẻ thù chính ta"*

*(Ngày Tôi Lạ Mặt, trang 10)*

Mùa xuân nơi đất khách đã được nhiều quý thi nhân miêu tả và qua cá nhân anh nổi rung động được thể hiện bằng "môi mềm tỉnh say", cũng là lẽ thường hằng, nhưng nổi bật đặt một bóng dáng quê hương ngàn dặm vẫn trĩu nặng trong lòng:

*"Nghe câu chúc tụng ước lời*

*Quê hương dáng đứng*

*một thời để yêu*

*Ngàn tay mộng giấc đăm chiêu*

*Xuân nay bến vắng dò chiều*

*hỏi thăm*

*Gọi người một tiếng trăm năm..."*

*(Bài Lục Bát Đêm Xuân, trang 11)*

Tác giả bản khảo, đặt cơ hồ không biết bao nhiêu câu hỏi: "Tâm nhân ái thiên đường đóng cửa, sông sâu cạn lắng, đại bác xưa đầu tiếng



nghe lời, nụ tâm xuân gieo mầm khổ hạnh...”, những dòng tư tưởng chảy miên man trong trí óc còm cõi của tác giả:

“Cứ giả dụ ta làm Từ Thức  
Nhớ quê hương  
lợi xuống hồng trần...”

hoặc hoang tưởng rất đời:

“Phải không em, ta còn tổ quốc?  
Bỏ quên đâu chẳng thấy đem về  
Em có nhật nửa hôn sỏi vỡ  
Ném lại gân đánh thức quê hương”  
(Nụ Tâm Xuân, trang 12)

Vẫn chung dòng chảy quê hương, có khác chẳng hình ảnh nơi chôn nhau cắt rốn qua vị trí địa lý, nhân văn, tôn giáo của mỗi miền:

“Ta đi bỏ lại quê nhà cũ  
Nước đổ bọt ngàn trần trở nhau  
Chẳng hay em nhớ cơn cuồng nộ  
Đổ xuống âm thâm gương vỡ đau”

Hay so sánh cùng với đất mới quê người, một nơi cửa nhà luôn luôn đóng và một nơi lúc nào cũng rộng mở:

“Đường hẹp quê nhà ta bắt nhớ  
Cuộc đời ai hát nhịp câu tre  
Hôm nay đường rộng  
quan san bước  
Then cài ai khép đứng ngoài khe”  
(Đã Lỡ Cơn Đau Ngày Bóng Xế,  
trang 15)

Năm cũ trời qua, chiến chinh đã tàn, như ước mơ của một người thơ của thập niên sáu mươi: “Em ơi ngựa đã xa bây / Chiến chinh rồi cũng có ngày sẽ tan” (Mặc Yên Thủy). Nhưng tan như thế cuộc này, đã gây thương tổn cho con người, lúc nào cũng suy tư, mãi cảm như anh thì thật là oan khiên, nghiệp chướng:

“Nghe tiếng mưa  
tưởng chừng ai vượt mặt  
Thối qua đời hạnh phúc  
đã xanh thêm  
Căn nhà dọc nhiều gian  
ta nằm đất

Chật bề lưng  
mà rộng lấy tình người  
Để mai đó khi tương lai đứng dậy  
Đổi tự do ta thêm có nụ cười...”

Câu thơ làm xao xuyến hồn người: “Chật bề lưng mà rộng lấy tình người.”

Vẫn ai hoài xót xa như Trần Hoài Thư, nhớ những chiến hữu đã buông tay đầu đó ở một vùng quê Bình Định hay suối rừng Tây Nguyên hoang vu. Ở Hoài Ziang Duy, “thân tại ngục trung” mà: “Đêm ba mươi ta ngời nhớ nước / Hôn tịnh tâm sâu lắng xích xiềng / Chén trà thơm tình gia vị ý / Nước đầu còn cạn nỗi oan khiên.”

Mùa xuân của tác giả, buồn, đau lẫn lộn, dài như đêm Ba Mươi tối tăm, chờ ngày mai tươi sáng đúng nghĩa, vẹn tình.

“Đêm Ba Mươi bao người bỏ nước  
Bỏ lại phần Vị Quốc Vong Thân.”  
(Ta Nhớ Dùm Nhau Đêm Ba Mươi, trang 17)

Và bàng khuâng tư lự:  
“Nỗi buồn sợi tóc ché thưa  
Ngôi đây dựa góc tuổi trưa  
ngóng về...”

(Rừng Xưa Đã Khép, trang 19)  
Tác giả trần trở, và dường như chỉ tâm sự với chính mình, một con tim khổ nạn trong bể dầu đời: “Như chuyện kể, tích xưa / Không có kẻ thắng người thua / Chỉ là tưởng bỏ cuộc / Từ bài học phẩm giá chiến tranh / Không có phần tiết hạnh” – Đêm Bến Sông Xưa, trang 20).

Tâm tình ấy được thể hiện rõ nét trong bài Tự Tình Khúc, trang 22:

“Khi nói ra  
nhận mình người nước Việt  
Chỗ trú chân vẫn lạc địa chỉ buồn  
Cảm ơn đời chỗ dung thân lớn  
Nhưng nhỏ nhoi tội lấy cội nguồn  
Ta bán này  
Tim mất nước...”

Nỗi u uất của tác giả chùng nặng tưởng như không bao giờ đặt xuống được. Đi có nghĩa là rời xa một điểm và đến một nơi nào, theo tác giả ví dụ qua toàn bài, tưởng như những hình nhân chuyển động trong cuộc sống. Phương thức đi cũng được tác giả trình bày thú vị như: “Đi nghĩa là đứng lại, đi bằng hai cẳng ngược, đi làm thi sĩ, sư ôm bình bát, lưng bà chùn bước, từ em vạt nắng chân son, trẻ thơ bước...” Nhưng trong bước đi ấy vẫn mang nỗi nhớ trong lòng, một không gian mộng tưởng nào đó, một cuộc chia lỵ khởi thủy từ nguồn cội dân tộc:

“Đi đi tản là đi tản mạn  
Hành trang mang chỉ một chữ Đi  
Ngó thấy không gian  
ngôi phía trước  
Sao trời chung mệnh  
chiếu Thiên đi

Đi bỏ nước ca cầu mất nước  
Lẽ nghĩa xưa quân tử gánh gồng  
Trúng trăm con nở tràn bọt nước  
Mới hay sĩ khí thổi ngoài sông”  
(Đi, trang 25)

Một ý tưởng lạ, đẹp hay là một mối tình vụng dại của thời thơ ấu, khoảng không gian có áng mây trời, con hẻm nhỏ ngày hai buổi đi về. Thế sự đời đời, tình cờ chân bước qua cảnh cũ, một đêm nào thao thức:



“Chị ạ, bây giờ em mới khóc  
Chị khóc dùm em sông nước trôi  
Như thế dùm nhau tình khổ nhọc  
Một nén hương thơm

lạnh chỗ ngồi.”

(Chị, trang 27)

Cũng không thể không nhắc đến nhà thơ Kiên Giang Hà Huy Hà trong thi tập “Hoa Trắng Thôi Cài Trên Áo Tím” với những câu gợi nhớ đến vùng quê của Hoài Ziang Duy:

“Năm nào thiếu áo

không mừng ngủ

Nhớ đến bàn tay gái Thất Sơn  
Len lỏi nhỏ bâng đơm đềm nóp  
Mặc cho tiếng súng vọng bên đồn  
Qua mùa nước nổi vùng Châu Đốc  
Nhớ lá Cà Mau, nhớ lóng tre...”

(Đẹp Hậu Giang)

Ở tác giả, tình tự khúc chiết hơn, vì là hơi thở của con người Hoài Ziang Duy trải dài theo năm tháng thăng trầm của đời sống. Những gió câu Quan, Bồ Đề Đạo Tràng ngay giữa lòng thành phố, như một biểu hiện rõ nét màu sắc tôn giáo của dân miền Tây, đặc biệt Châu Đốc là nơi huyền nhiệm, phát sinh ra nhiều tôn giáo.

“Một thuở mỗi ngày ta đón đợi  
Đò chuyến Côn Tiên,

áo trắng sang

Cẩn táo Châu giang

cười ngọt tiếng

Ai xô câu hát điệu tình tang

...

Diễn diễn vàng bóng mùa nước nổi  
Nhớ dòng An Phú, tủi lòng thương  
Nhớ đất Vinh Ngươn, trời hiu hắt  
Nghe tiếng buồn rơi,

rụng cuối vườn

Mỹ Đức hẹn mùa thơm nhơn chín  
Châu Phú đi về rợp bóng nghiêng  
Lụa, lânh Tân Châu còn khép nép  
Mía, đường thốt lốt tỏ lương duyên  
Ở đỉnh núi Sam mây ngó xuống  
Em giấc trưa nông gió Tịnh Biên  
Cốm dẹp Tri Tôn mềm điệu múa  
Trăng chờ đêm Rằm

buổi chợ phiên...”

(Bài Tình Nhân Xưa, trang 29)

Như những lời vỗ về, nâng niu đời nhau trong cuộc sống, nhẹ gót thăng trầm, để thấy đời còn bao dung:

“Sáng thức dậy

Đứng lên từ quá khứ

Chỗ em nằm là chỗ trống đời ta

Chiều hôm qua nắng tìm

chim bỏ xứ

Trong mắt em

giọt nước đọng bên nhà”

(Thương Lấy Đời Nhau, trang 32)

Những câu: “Mưa hay nước mắt hai hàng” (Mưa Trong Hồn Lục Bát, trang 36) đến “Trời tháng tư buồn cho cả năm (Ai Nhủ Lòng Đau, trang 37) nỗi đau se sắt nhẹ nhàng; đến “Như là như thế nào” (trang 38), cơn đau bật thành tiếng khóc, như một bức họa sống, vẽ vơi muôn cảnh trạng đau lòng, quặng trong những thanh âm buồn tưởng chừng không rơi rớt một tiếng nhạc hân hoan:

“Như là như thế sao

Ngày vỗ tay hoà bình

Đêm hoan hô ly tán

Mẹ khua dòng nước mắt

Thắt lấy ruột gan”

Hay đắm hôn trong lời tụng niệm “Qua đi qua đi, bên kia bên bờ, qua đi qua đi...” Cuối cùng, tác giả vẫn không tin vào hiện thực phò bày:

“Như là như thế sao

Cứ phải tưởng không là như thế”

Tác giả, dường như, mà nổi bi thiết siết chặt từng sợi dây thân kinh, máu tim cũng co thắt từng cơn: “Thành sầu khổ sao phá vẫn không tan” và “Sớm hôm nay, ai xuống phố ngõ ngang / Chung cây cỏ, màu hoa thay sắc lạ...” Sự từ khước một hiện thực đốn đau vẫn vây chặt lấy mình, tác giả vô hình chung như lạc loài vào cõi âm ty địa ngục, một chấp nhận không thể khả thi cho tác giả vào giai đoạn đen tối này:

“Ta thấy em

Người không quen ngồi khóc

Ghế đá buồn

cũng thương xót bàng quơ

Người thân quen trở thành mặt lạ

Người không quen

sao gần gũi vô cùng

Phải thế không

Người mang đôi nạng gỗ

Đong đưa mình,

chân bỏ ở rừng xưa?”

(Cơn Thao Thức Mù Lò, trang 43)

Tác giả có những câu lục bát dễ thương như: “Khóc đi cảm nín nỗi lòng / Môi khô mắt nghẹn bênh bông thời gian / Chén ly bôi vỡ hôn tàn / Nghe khua phố cũ muồn màng gót đêm..” (Chỉ Một Mình Ta, trang 52). Hoặc quán quýt bên nhau trao đổi chút ân tình: “Dấu sao hương lửa ngọc ngà / Lối đi dưới lá đời thà như mưa” (Lối Đi Dưới Lá Đời Thà Như Mưa, trang 53). Có thể đây là những vướng mắc trong lòng tác giả, nên Hoài Ziang Duy chọn bài thơ này làm nhan đề cho thi tập.

Nội tâm tác giả luôn luôn mâu thuẫn, những ngày hạnh phúc, yên





ồn quê người, lại thấy xót xa thời  
khốn cùng ở quê hương, lúc xa rời  
lửa đạn lại nghe nặng nặng nỗi  
trách hờn bản thân với tâm tình  
vong quốc:

*“Đâu phải này sông Dịch*

*Đâu phải làm Kinh Kha*

*Mới biết đời mưa bụi*

*Mới biết đời lẻ loi*

*Của tình ta dậy sóng*

*Của biển chiều bằng khoáng*

*Của đời ta tráng sĩ*

*Tráng sĩ hề buồn tẻnh”*

*(Nỗi Buồn Kinh Kha, trang 59)*

Trong “*Hoà Bình Già Biệt, trang 60*”, tác giả sâu quay quắt trong vòng kềm gai, ôm bóng mình cô độc, chí cao mà canh tàn chiếu lụn. Chẳng lẽ không có lối thoát, và an phận kiếp đọa đày. Hoài Ziang Duy hẳn phải nhớ những ngày chiến đấu gian khổ, nhưng có tình chiến hữu, có không khí tự do, cũng xuôi ngược từ Chương Thiện về giải tỏa cho An Lộc vào mùa hè đỏ lửa 1972. Đoạn video được tác giả lưu giữ như một sử liệu quý giá vô vàn cho đời chiến đấu của anh:

*“Chập chờn cơn thức mới*

*Sống là say*

*hay tỉnh mộng thực đời”*

“*Đêm mơ từ tiếng nổ*” quả là một giấc mơ hiện thực của tác giả, trong đó tình người đứng dậy theo cùng nỗi vui lan tỏa mọi miền đất nước: “*Đã sáng lên / Đời hân hoan bước mới / Pháo nổ cao pháo chụp trời tỏa sáng / Ngẩng cao đầu chờ buổi vinh quang.*” Tay trong tay reo hò như buổi mai dựng cờ chiến thắng:

*“Đường thênh thang trăm nẻo*

*Rủ nhau cười*

*Sống một thời bằng một phút sống*

*Hôm nay*

*Ôi nước mắt*

*Phúc ơn đời sung sướng.”*

Hòa bình đến, cho trẻ thơ những nụ cười, chân tung tăng trên đồng lúa hay bên lũy tre làng, em rạng rỡ môi cười ôm nhành lúa mới, quên đi những ngày nắng xé, những đêm buồn, những đau thương tai kiếp. Ôi cả một trời dẫu yều bưng dậy đón gió tự do. Và nghe tác giả hân hoan đi nói lại tình người, sau những năm bị ngu quên, bị trói buộc trong thời hoàng hôn nhân thế:

*“Thấp lại*

*Khuôn mặt em hiền dịu*

*nét thanh bình*

*Môi chúm chím*

*làm lòng anh bất nhớ*

*Lún đồng tiền đời má đỏ*

*Tự do”*

*(Hoà Bình Già Biệt, trang 63)*

Trường khúc này của tác giả như một lời hiệu triệu khích động mọi người tham gia cho ngày hội lớn. Tâm hồn tác giả rung động dạt dào và ước mơ như biển rộng sông dài của ý nghĩa tự do.

Sáu năm trong vòng lao lung, tác giả buồn sâu kín. Nhìn buổi chiều đang chết và đêm thản nhiên trêu ghẹo nỗi xót xa của mình, cũng như chiêm nghiệm nỗi cay đắng về tình bạn đồng minh. Hoài Ziang Duy đã có những ưu tư sâu thẳm, và giọt lệ của anh nếu có là những giọt lệ tiễn đưa hồn người về nơi miền viễn:

*“Sáu mùa đông*

*trên một chiếc xe tang*

*Đi qua một nghĩa địa buồn*

*Của những lãng quên*

*Bởi niềm tin ở người*

*cùng chúng tộc*

*Sống bằng lời lừa dối ngụ ngôn”*

Do đó, đất nước tác giả rơi vào những hệ lụy, tang thương cùng cực. Đó hẳn phải là nguyên nhân khiến chàng gân như lúc nào phần hận:

*“Những khu trại tập trung*

*Của chiến tranh và hòa bình*

*Hoà bình*

*không chung cùng lý tưởng*

*Chiến tranh ý thức*

*mà không cùng ý thức*

*Sống bên nhau*

*mà đau xót hận thù”*

Và cuối cùng tác giả cảm hoài:

*“Bởi tự do là cuộc đời hai ngăn kéo*

*Giữ tự do trong cuộc sống tự do*

*Trên quê hương*

*mà lòng không gân gũ*

*Bởi bên lê đầu thấy*

*dáng thân quen”*

*(Sáu Mùa Đông Trên Một Chiếc Xe Tang, trang 73)*

Như một lời trần tình tha thiết gửi người bạn đồng minh trên quê hương Việt Nam nhục nhằn, khổ nạn. Chúng tôi mở vòng tay chào đón sự trợ giúp của các bạn trong hy vọng quê hương chúng tôi sớm có thanh bình. Cùng lúc đó, các anh cũng mang vào những hệ lụy của xã hội cùng nhịp nhàng với cường độ chiến tranh gia tăng: “*Với cuộc tình vung vãi rớt rơi / Building đường phố, mìn nổ không thưa.*”

*“Dân tộc này và ngôn ngữ đó*

*Nú bàn tay*

*chẳng nắm được bao giờ”*

hay của một tương lai vô định:

“Mỗi chúng ta nhận cho mình  
hướng sống  
Chết là cười một lúc – thành thời”  
(Nói Với Người Bạn Đồng Minh,  
trang 81)

Tâm trạng của những người con nước Việt, ưu thời mãn thế, nhất là đang ở giai đoạn cầm súng, cách suy nghĩ do đó cũng chân thật, rộng mở hơn.

Trong “Mưa Bay Trong Trời, trang 82”, tác giả có những câu thơ nhẹ nhàng: “Yêu đã bao chiều vẫn thấy yêu / Ngàn năm mưa vẫn nói trăm điều / Bàng khuâng nghe chút tình chần chiếu / Ai lấp ban đầu nỗi tịch liêu” hoặc cùng âm điệu tha thiết trong “Bàn Tay Mùa Đông, trang 83”:

“Thời mỗi phận người  
một cảnh riêng  
Bàn chân của gió dấy ưu phiền  
Em thừa bước dạ như tâm gởi  
Trang điểm cho tình  
mặn mối duyên”

Và trong “Bài Ru Phương Thảo, trang 84”, tác giả ngậm ngùi trong thân phận loi lè, mồ côi:

“Với đây kỷ niệm ôm nhìn  
Tôi trong tôi khóc  
còn hình dung tôi  
Đây em còn nửa vành môi  
Còn tẻ tái lạnh đời trời nổi, buồn”

Hoặc sâu cảm gặp một người: “Kiếp ca cầm che dấu lấy niềm đau,” hồn thơ rung những cung bậc xót xa:

“Nên dù hát  
cho người dân thương nhớ  
Trăm con buồn  
rủ dậu chốn đời sang  
Thân con gái  
nay cười ra nước mắt

“Ôi ngàn thu lỡ mấy phím tơ đàn”  
(Ngọt Ngào Hương Phấn, trang 87)

Chặng cuối cuộc đời được tác giả phác thảo: “Năm khô đất lạ đen già tuổi đơn,” lòng vẫn nhớ về phương đông với cuộc tình thanh xuân:

“Này nghe chim ngủ trong hồn  
Giọng thơ lục bát đã xôn xao về”  
(Hồi Cuối, trang 88)

Nằm trong định luật chung của kiếp người, tác giả an nhiên: “Năm đầu dây thòng lọng / Tự trông cổ lấy mình.” Hãy chấp nhận những gì xảy ra cho đất nước, hãy âu lo thấp sáng cuộc sống mình. Bởi ước nguyện của tác giả như mây cao, biển rộng, vẽ ra một chân trời mới, một vận hội mới cho quê hương đã tàn lụi theo bụi thời gian:

“Đã chọn trên ngón tay mình  
phần số muộn  
Dẫu có buồn râu vô hạn  
Lãnh đạm với rừng lau  
Tội tình ta đốt đuốc  
Hủy diệt lấy riêng mình”  
(Về Chốn Bình Yên, trang 91)

Trong “Lối Đi Dưới Lá Đời Thà Như Mưa”, Hoài Ziàng Duy đã dành gần hơn nửa thi phẩm diễn đạt tâm trạng đờn đau, ray rức, đôi khi u uất về một quê hương bị “đóng cửa” rất chân tình và cũng rất tội tình. Nỗi lòng ấy, nếu không phải phát xuất từ tình yêu đất nước đậm đà và trách nhiệm ân cần của người cầm súng, giữ đất, an dân. Chúng ta xem lại những tựa đề: Đã Lỡ Cơn Đau Ngày Bóng Xế, Ta Nhớ Dùm Ta Đềm Ba Mười, Đềm Bến Sông Xưa, Như Là Như Thế Sao, Nỗi Buồn Kinh Kha, Hòa Bình Gia Biệt, Sáu Mùa Đông Trên Một Chiếc Xe Tang, Nói với Người Bạn Đồng Minh,... là những

nỗi niềm, vết đau day nghiền hồn tác giả khôn nguôi.

Dù tác giả đã phân chia rõ ba phần chánh trong thi tập: Phần một – Quê Hương, phần hai – Vô Bụi Chiến Trường, phần ba – Quê Người, Nhớ Lại. Tuy nhiên, chúng ta vẫn thấy ẩn hiện, rải rác trong thi tập, vì sao anh bỏ súng và vì sao anh rời quê hương.

Theo thiên ý chúng tôi, tác giả là một người đã dâng hiến trọn tâm hồn và thể xác mình cho quê hương rất tận tụy, một người mà tâm sự lúc nào cũng canh cánh: “Ta đuổi bước / Cuộc hôm nay tiếng nổ đời hện ước” để hoài vọng: “Nay đã tỏ / Hoà bình ơi thánh thót...”

Thơ anh như chất cà phê quánh đặc, khi thường thức, chúng tôi chỉ thắm giọng qua vị giác, khoan thai, từ tốn, bởi hồn anh say ngủ trong thơ, kết tinh thành những mạng nhện buồn, hận mệnh mang... ■

**"LỐI ĐI DƯỚI LÁ  
ĐỜI THÀ NHƯ MƯA"**

Tập thơ do Thân Hữu xuất bản năm 2007

Tranh bìa: Nguyễn Quốc Tuấn

Trình bày: Nghiêu Minh

Ấn loát: Huỳnh Thị Bé Năm

**LÂM HẢO DŨNG**

(Đây chỉ là cảm nhận riêng tư của người đọc thơ viết về một người thơ. Mong quý bạn đọc thông cảm nếu có gì sai sót.)



# thơ HOÀI ZIANG DUY

## NÓI VỚI NGƯỜI BẠN ĐỒNG MINH

**P**hải gọi tên quê hương tôi trước nhất  
Bởi ở đó  
Là khốn khổ, đói cùng, nghèo đói  
Nước mắt chứa chan  
Không có lời bày tỏ nào  
Cho những người từ xa tới  
Không có sự thân thiện nào bằng  
Khi đứng cùng vực chết

Này người bạn đồng minh ơi  
Có nghe xứ sở tôi nhiều nhưong trời đạn  
Sương khói ngút ngàn vẫn suốt quanh năm  
Anh đến đây với nhiều trò rất lạ  
Với cuộc tình vụng vãi rớt rơi  
Bởi ngã ngớn như trò chơi một buổi  
Che bàn tay soi lấy lúc mưa mù

Quê hương tôi chết đau thương, chết buồn bã  
Buyn-đinh, đường phố, mìn nổ không thừa  
Bất cứ lúc nào sáng trưa chiều tối  
Mỗi chúng ta dành tặng số phận mình  
Không có lời thiết tha, hòa bình nào  
Đổ xuống nơi đây  
Trên ruộng đồng, trên hầm trú ẩn  
Trên đôi vú già  
Của mẹ Việt nam  
Khi anh dừng bước lại  
Một nơi nào đó  
Anh sẽ nhìn thấy  
Như khi trên phà qua sông  
Đứa trẻ nhỏ sẽ chào anh quen thuộc  
Người ăn xin mù mắt  
Rất ung dung kể lẽ bản thân mình  
Và người tàn tật trên đôi nạng gỗ  
Rất vô tình nhìn dòng nước chảy xuôi

Có dòng sông chia cắt  
Có con kinh nhỏ hầm hiu  
Dân tộc này và ngôn ngữ đó  
Níu bàn tay chẳng nắm được bao giờ  
Đêm lên cơn với từng hồi khắc khoải  
Đêm thanh bình đêm buồn ngán mông lung  
Không có sự bình yên nào  
Đặt ngoài chông mìn gài sẵn  
Không có chén cơm nào  
Dành sẵn phút lâm chung  
Như thể chúng ta mỗi ngày mỗi buổi

Kinh nước chảy buồn, lúc cạn lúc sâu  
Như đêm nghe tiếng đại bác  
Như đêm ngỡ chẳng là mình  
Bởi tối đen chẳng nhìn nhau rõ mặt  
Đạn vô tình thăm hỏi rất tươi vui  
Mỗi chúng ta nhận cho mình hưởng sống  
Chết là cười một lúc  
Thành thời.

(02/1968)

## NÓI VỚI NGƯỜI CHIẾN BINH HOA KỲ

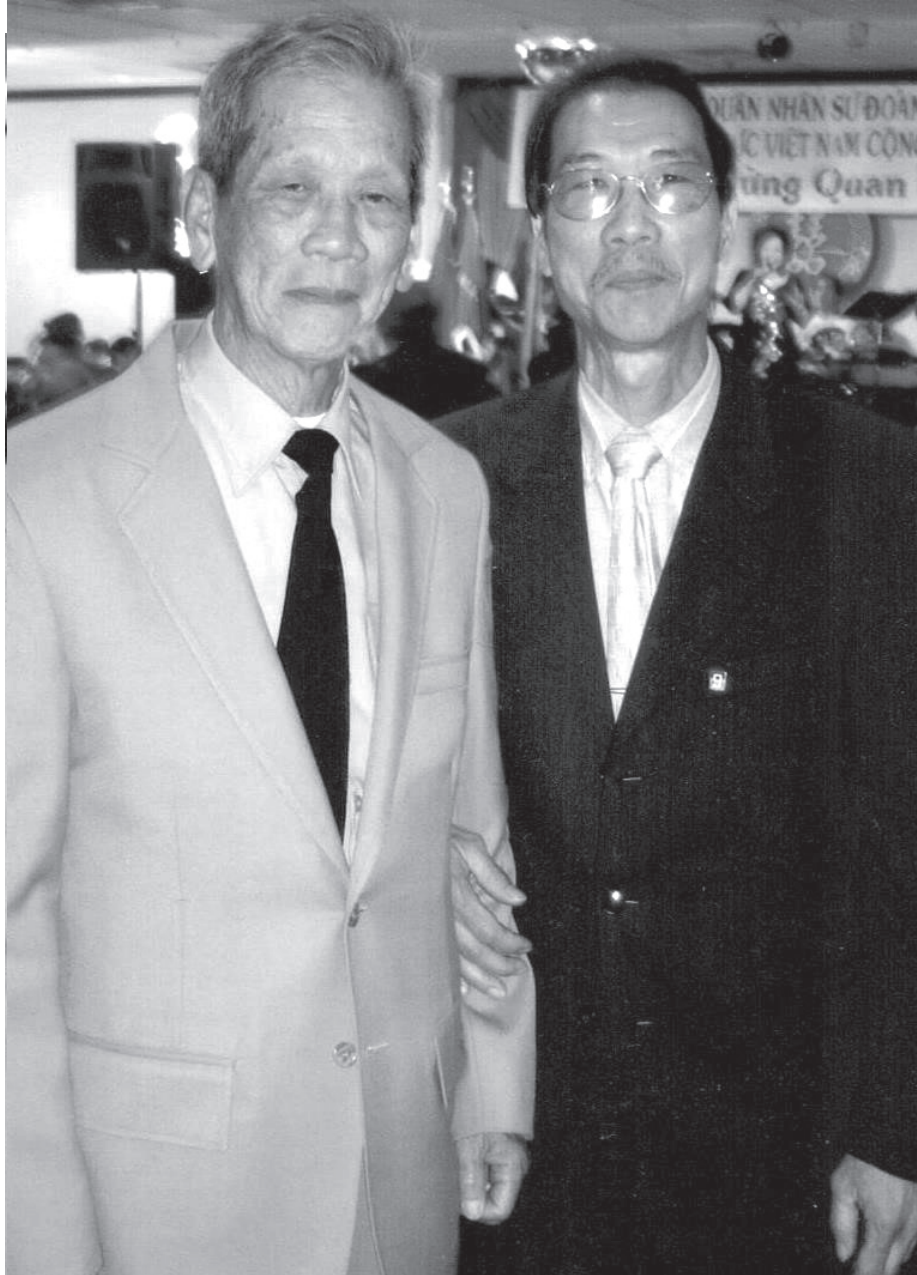
**N**ăm xưa anh tham chiến ở miền Nam Việt Nam  
Vai trò chiến binh, lực lượng đồng minh  
Của thế giới tự do  
Máu xương anh, đổ xuống trên miền đất xa lạ  
Nhưng thật quen thuộc với địa danh  
An Khê, Khe Sanh, Chu Lai, Đà Nẵng, Cam Ranh  
Đến cả đồng bằng sông Cửu Long, Đồng Tâm, U Minh  
Sinh lấy đĩa vắt  
Chúng ta chiến đấu cùng chung chiến tuyến  
Thấy thế nào là cái chết hy sinh  
Cho một cuộc chiến dài lâu  
Không có lối thoát  
Chỉ giải quyết bằng bom đạn  
Cày lên hầm sâu, đồi núi, rừng già  
Cái chết nào  
Tựa cũng như nhau

Không nghĩ có một ngày  
"Tiền đồn thế giới tự do" mất đi  
Mất nước, mất thủ đô Sài Gòn  
Chiến tranh trở thành thương mại hoá bán buôn  
Cho lợi nhuận dân tộc trước hết  
Cho sự bội phản trên bàn hội nghị  
Cho lý lẽ quay lưng  
Với chiến tranh Việt nam, tướng tư lệnh  
Wesmoreland nói:  
"Một cuộc chiến mà người Mỹ không có quyền  
thắng, không có quyền thua"  
Thế nên mặc cả với kẻ thù  
Chiến tranh kết thúc  
Danh dự chỉ dành cho cuộc rút quân  
Sự thú nhận  
Bỏ rơi

Chỉ có quân đội Hoa Kỳ  
Những người cầm súng không quên chúng tôi  
Trong tình đồng đội, hy sinh xương máu  
Sống còn ở mặt trận, không ai muốn bỏ ai  
Trước sự đối đầu với kẻ thù  
Đâu nghĩ có một ngày chúng tôi  
Sống trên đất nước này  
Thân phận người di tản  
Đất nước không còn  
Cuộc sống lưu vong  
Ở đây đường phố an lành  
Một đất nước thanh bình  
Không có hiểm họa chiến tranh  
Đôi khi tự hỏi lấy mình  
Cuộc đời trở trêu không thể hiểu  
Nếu không mất miền Nam  
Làm sao có hàng triệu người vượt thoát  
Tản lạc trên toàn thế giới  
Phải chăng là sự đánh đổi?  
Nếu không mất chính phủ Sài Gòn  
Làm sao có gia đình, nhân dân miền Nam  
Định cư trên xứ sở Hoa Kỳ  
Và nhiều quốc gia khác  
Mở ra một trang sử mới  
Còn đó  
Một dân tộc Việt Nam Tự Do  
Trên phần đất tạm dung  
Quân dân miền Nam ra đi  
Hoà nhập dòng người  
Đổi thay căn cước dân tộc  
Đổi thay nguồn cội gia đình, thế hệ về sau  
Phải chăng là sự đến bù?  
Trở thành tình bằng hữu công dân  
Cho nên khi nghĩ về định mệnh trả vay  
Thật tình có những điều không thể hiểu  
Chỉ có một điều hiểu được  
Số phận người dân ở lại, đúng như lời của cố  
Tổng thống Ronald Regan ngậm ngùi phát biểu  
"Đằng sau việc bỏ rơi Quân đội miền Nam, là bỏ  
lại cả một dân tộc, nhân dân miền Nam đắm chìm  
lâu dài trong tăm tối điều linh"  
Chuyện cũ qua rồi  
Đâu ai biết chuyện ngày sau  
Xa vơi  
Sẽ tới. ■

(04/2019)

HOÀI ZIANG DUY



Tướng Trần Bá Di (bên trái) & Hoài Ziang Duy (13/3/2005)

## RỒI CŨNG QUA ĐI

HOÀI ZIANG DUY

Tướng Niệm Cố Thiếu Tướng Trần Bá Di (1931 - 2018)

Mọi việc rồi cũng qua đi. Câu nói quen thuộc dằn lòng ở những lần chịu đựng trong hoàn cảnh khốn khổ. Tất cả là những đổi thay, như mơ ước sẽ có một ngày tốt đẹp trở lại với đời sống chúng ta. Năm xưa nếu không mất nước, không gây đổ tương lại, ắt hẳn không có đời sống lưu vong bây giờ.

Thời gian, mọi sự rồi cũng qua đi. Đúng vậy, những bài hát, lời ca từ buổi đầu cảm đoán, giờ đây nó trở thành một sức sống trong giới trẻ, cho người thường ngoạn trong tình cảm gần gũi, cũ người mới ta. Âm nhạc miền Bắc đi vào Nam đầy sắc máu, bản giết hận thù, không có tình yêu, không có tình tự dân tộc. Để rồi tự nó mất đi theo chiếc nón cối, đôi dép râu lỗi thời lạc

hậu. Chủ nghĩa chuyên chính vô sản, được thay bằng cuộc sống hưởng thụ ở mỗi cá nhân từ tài sản nhân dân, đất đai chiếm được, đổ đầy vào túi. Họ có đây bồ không đây để rút kinh nghiệm, rút mãi rút hoài không bao giờ hết, rút cạn tài sản nhà nước, bạc tiền nhân dân làm của riêng, để rồi ung dung nhận khuyết điểm là một đặc ân thay phiên từng người. Tất cả những năm dài làm trật rồi sửa, cho thấy Cộng Sản lấy miền Nam bằng vũ lực nhưng không thể trị vì, không biết làm cho đất nước tốt hơn, bởi guồng máy lãnh đạo, những người không có khả năng, không có trình độ văn hoá phù hợp với chức vụ địa vị. Họ chỉ đóng vai trò của nhân vật trong vở kịch, tuồng hát, sân khấu chính trị.

Trong hoàn cảnh và tâm trạng chung cùng, chúng tôi có một quá khứ, có một trời di vãng để ngậm ngùi ngó lại quãng đời qua, gần gũi ở nỗi buồn chung mất nước. Còn ở quê nhà sau bốn mươi năm, một thế hệ mới sống dưới chế độ Cộng Sản, được rèn luyện trong khuôn khổ thể chế chính trị mù, không thể nói khác những quy định dưới áp bức, nhận chịu sự ban phát lâu ngày trở thành một điều hợp lý tự do cho mình, đâu biết gì khác biệt năm xưa, hay thế giới bên ngoài. Cho nên khó mà có sự hiểu biết, cảm thông lẫn nhau ở tuổi trẻ, cùng một thế hệ người Việt trong và ngoài nước.

Thật vậy, không khác gì chúng tôi đang sống trong đất nước tự do, tự do nhưng lòng đau khi thấy chính giới Hoa Kỳ, sau khi bỏ rơi miền Nam, tiền đồn chống Cộng. Giờ đây lại tiếp sức nuôi dưỡng chế độ Cộng Sản. Có gì để tin tưởng cho tương lai Việt Nam? Có gì để tin tưởng những đồng minh năm cũ? Phải chăng chỉ có một ngày tức nước vỡ bờ. Lòng dân lòng



người, thời thế đổi thay theo vòng xoay bất chiến tự nhiên thành. Khác gì có ai tin được, ngày nay trên thế giới, quốc gia Việt nam Cộng Hòa không còn.

Người lính năm xưa giờ đây không màng đến súng đạn. Đất nước Việt Nam không còn tên bay đạn lạc. Nhưng có điều không thể hiểu là từ buổi giao thời cho đến bây giờ. Hơn bốn mươi năm qua, nhà nước CSVN vẫn sợ, sợ người chung quanh trong và ngoài nước, sợ lấy bóng ma người lính, chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Dù rằng tất cả đã mất hết, già cỗi với tuổi đời thời gian. Cơ quan tuyên truyền lúc nào cũng dè chừng, coi tình trạng dân trí đòi hỏi nhân quyền, chống đối bất công ở xã hội là thành phần phản động theo chế độ cũ. Cho dù họ không lấy đầu ra, vẽ được hình tượng chế độ cũ như thế nào. Nó là sự ám ảnh, sợ hãi bằng cách quy trách để bắt bớ giam cầm. Họ sợ sự thật và ngay cả sự thật cũng không hiểu làm sao họ sợ, khi quyền lực đã gom về một mối đang trên quốc gia trị.

Tôi đứng lại đây chốn này, như năm tháng qua đi dài còn đứng đợi. Trời đã về chiều tựa vào đời sống tôi, cái tuổi phải nghỉ sau nhiều năm dài vất vả. Cái khoảng cách ở tuổi còn đi làm và tuổi về hưu, thấy vậy mà ngăn lắm, ngăn như thời gian còn lại để thấy mình không còn bao lâu ở một kiếp người. Cảm giác tất bật sáng đi tối về trước đây, giờ sống cho phân đời còn lại, mới thấm thía nghĩa tình một đời riêng, mới thấy sống gần, nhớ nhiều hơn quãng đời qua lập lại.

Tôi muốn nhắc đến Tư Lệnh Sư Đoàn 9 của tôi. Thiếu Tướng Trần Bá Di, người đã bị giam cầm 17 năm sau ngày mất nước. Tôi gọi điện thoại thăm khi ông mới đến định cư. Mừng lắm, có người còn nhớ đến, là

còn nghĩa tình. Ông đã dặn dò anh em, chỉ muốn gọi ông bằng "anh Ba", như danh xưng trong gia đình. Tôi hiểu tâm trạng ông, một người tù lâu năm, chán chường trong nghịch cảnh, khi tất cả đã mất hết. Ông là Tư Lệnh Sư Đoàn đầu tiên ở Vùng 4, chỉ huy tất cả các đơn vị tăng phái hành quân ngoài lãnh thổ, qua đất nước Kampuchia, năm 70-71. Hồi đó quân đội chúng ta không có quyền qua đất nước bạn, kể cả quân đội Hoa Kỳ. Lợi dụng yếu điểm này Việt Cộng ở miền Nam hay Cộng Sản Bắc Việt lập căn cứ địa bên đất Miên, thường lui quân về khi bị truy kích. Một lần ở mặt trận Kiến Tường, ông đã ra lệnh mệnh cho một tiểu đoàn, tiếp tục truy kích địch qua biên giới, khoảng một hai giờ thì rút về. Không ngờ tràn qua mặt khu Ba Thu lần đó, gần hai ngàn súng đủ loại chững bầy trên giá cây trong căn nhà lá, không cần giấu giếm. Trước chiến lợi phẩm quá lớn với tình hình này, buộc lòng phải báo cáo về Bộ Tổng Tham Mưu để xin lệnh.

Có thể do tính cách chiến lược, Bộ Tổng Tham Mưu đã bật đèn xanh, đề ra kế hoạch hành quân qua đất Kampuchia yểm trợ cho chánh phủ Lonol, đánh thẳng vào hậu cần địch. Tôi còn nhớ thời gian này (đầu tháng 5 năm 1970) Thiếu Tướng Nguyễn Việt Thanh – Tư Lệnh Quân Đoàn 4 – xuống thăm một tiểu đoàn, thuộc Sư Đoàn 9 đang hành quân ở Kiến Tường (bên phần lãnh thổ Việt Nam.) Khoảng nửa giờ sau, trực thăng đáp xuống bốc Thiếu Tướng Tư Lệnh Vùng. Phi cơ vừa cất lên quay đầu chuyển hướng, bắt thân một trong hai trực thăng võ trang Mỹ, bay vòng trên không bắn dọn bãi, lượn xéo ngang và đựng vào trực thăng của Tướng Thanh. Cả hai chiếc bốc cháy và rớt liền. Tất cả đều tử nạn, kể cả đại tá có

vấn Mỹ đi theo. Mọi chuyện chỉ xảy ra tích tắc trước mắt binh sĩ tiểu đoàn. Thiếu Tướng Nguyễn Việt Thanh là vị tướng tài giỏi thanh liêm trong Quân Đội. Tên ông được đặt tên cho bản doanh Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 9 BB tại Vĩnh Long, và được sắc phong thân, tử vì nước.

Đối với Tướng Di, ông là người tôi kính trọng trong đời quân ngũ. Lần đầu tiên ông biết đến tôi khi tôi cùng hai sĩ quan Ban 3 viết bài về kinh nghiệm chiến trường nộp cho Bộ Tổng Tham Mưu. Thời đó VC thường sử dụng thế đánh chốt, rất mới mẻ. Sau khi bài chuyển về Sư Đoàn duyệt, Tướng Di xuống trung đoàn, và hỏi Đại Tá Cẩn, bài "Thế Diệt Chốt và Cầm Địch" của ai viết. Tôi được gọi trình diện Tư Lệnh. Ông nói bài này ngoài phần nộp về trên, sẽ giao cho Trung Tâm Huấn Luyện Sư Đoàn học tập. Thật ra cũng nhờ tôi có khả năng viết lách trước đây, cộng thêm kinh nghiệm bản thân ở chiến trường, nên được việc.

Ở Trung Đoàn 15, chúng tôi gọi Tướng Di là "Ông Già trà đá", bởi vì cách ngày là ông xuống Trung Đoàn, qua Trung Tâm Hành Quân theo dõi tình hình, một lát ông sang phòng thuyết trình ngôi đó. Nhà bếp công vụ theo lệ thường, biết ý mang lên đĩa bắp nấu hay mấy củ khoai, cùng ly trà đá. Tướng Di không uống rượu hay nhậu nhẹt, hút thuốc. Khi cần tản thương gấp, ông cho mượn máy bay riêng của Tư Lệnh, (lấy bao vải ghé ngôi có gắn hai ngôi sao ra), sĩ quan trực đi bay bốc thương binh, sau đó cho lính rửa tàu trả lại. Thỉnh thoảng ông ăn cơm buổi trưa chung với sĩ quan trung đoàn.

Cho đến khi tôi trở lại đơn vị sau khóa học Quân Báo (sau tuần đó Đại Tá Cẩn đổi đi), buổi trưa ông xuống trung đoàn như lệ thường. Ông hỏi



thăm tôi về khóa học. Đêm hôm đó công điện Sư Đoàn đánh xuống, nội dung tham chiếu khẩu lệnh của Thiếu Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn, chỉ định tôi giữ chức vụ Trưởng Ban 2 Trung Đoàn (thay thế sĩ quan đại úy vừa bàn giao tuần trước). Sáng hôm sau ông xuống cùng với Trung Tá Ninh, Trưởng Phòng 2 sư đoàn, chúng kiến bàn giao. Sự việc thật bất ngờ, vì không theo thủ tục hệ thống quân giai, đề nghị trình ký trước đây. Đối với tôi, vị trí nào cũng là chỗ làm việc như trước đây tôi đã làm. Hơn ai hết tôi biết mình không có phe đảng, tiền bạc lo liệu gì cả. Trước câu hỏi của Đại Tá Lâm – Phụ Tá Hành Quân Sư Đoàn đang xử lý thường vụ trung đoàn trưởng – Thiếu Tướng Di nói về tôi “Ông ấy làm được, tôi để ý ông ấy lâu rồi.” Sau đó ông bảo tôi vào phòng gặp riêng, và muốn tôi làm theo ý ông trong việc theo dõi mỗi đơn vị VC bằng một màu viết chì mờ khác nhau, để biết thói quen di chuyển một tuần, một tháng.

Có điều phải nói là hầu như tất cả sĩ quan trung đoàn, đều không biết Ban 2 làm gì, cho đến ngày mất nước. Chỉ thấy hàng ngày tôi thuyết trình, rồi đi bay với trung đoàn trưởng, qua lại Trung Tâm Hành Quân thế thôi. Giờ đây chiến tranh không còn nữa, tôi muốn chia sẻ với bạn ít điều, trước đây do vấn đề bảo mật không cho phép, gây hiểu lầm trong tình anh em.

Công việc theo lệ thường mỗi sớm tôi thuyết trình trước tiên về tình hình địch, tin tức độ mật A1, A2 từ Phòng 2 Quân Đoàn, Sư Đoàn, kể đến là phân Ban 3 với kế hoạch hành quân từng tiểu đoàn, hay nếu có trực thăng vận cho một ngày. Thiếu Tướng Di xuống trung đoàn thường hay gặp riêng tôi, để nghe báo cáo về tin mà tôi không thuyết trình. Thật

ra, không mấy người để ý Ban 2 Trung Đoàn có một toán kỹ thuật thuộc Phòng 7 Bộ Tổng Tham Mưu, nhưng mang phù hiệu Sư Đoàn 9, cả Biệt Động Kỹ Thuật (cấp đại đội) thì đặt ở Sư Đoàn. (Xin đừng nhầm lẫn với Biệt Động Tác Chiến Điện Tử, theo tiểu đoàn hành quân cài đặt *sensor*, thuộc Phòng 3 Sư Đoàn). Khi đổi vùng hành quân, có khi toán kỹ thuật có sẵn, có khi tôi phải đi với anh em này về sư đoàn bạn, để chép tay cái *code* mở khoá, ngày giờ đơn vị địch lên máy chuyển lệnh, khoá mở đánh *morse*,...

Trước đây, các đơn vị hành quân chúng ta thường dùng khoá KDC cấp phát để mã hoá chuyển tin, còn ở đây là bản chép tay. Ở Bộ Chỉ Huy Hành Quân Trung Đoàn, toán kỹ thuật này dựng lầu riêng cách biệt, dựng ăng-ten riêng với Trung Tâm Hành Quân để trực máy bắt tin của địch. Chỗ làm việc này không ai được vào, kể cả trung đoàn trưởng (không thì tắt hệ thống, do qui định bảo mật). Nhân viên bắt được bản tin qua máy, mở xong chuyển tay qua (với bản đánh máy giấy màu vàng có hàng dây lỗ bấm tròn) cho Trưởng Ban 2 để phán đoán ước tính (toán kỹ thuật chỉ làm nhiệm vụ vậy thôi). Ở Ban 2 có đầy đủ tin tức, trận liệt đơn vị địch như ngày giờ xâm nhập, quân số, di chuyển từ đâu đến, đôi khi có cả hình C trưởng, D trưởng (tin nhật tu từ Phòng 2 Bộ TTM theo hệ thống hàng dọc trong ngành). Tin từ toán kỹ thuật bắt được, tôi chỉ trình miệng với trung đoàn trưởng, không báo qua Phòng 2 Sư Đoàn, không qua hệ thống vô tuyến và đốt bỏ, không lưu hồ sơ.

Một ngày nghe tiếng pháo binh trung đoàn tác xạ, không ai báo ai, đều trở vào Trung Tâm Hành Quân, vì biết có tiểu đoàn chạm địch. Đại Tá Diều là người nóng lòng muốn biết

về địch. Tôi qua lầu bên vào ngôi với anh em, trong lúc máy vẫn mở nghe địch liên lạc điều quân (lúc trận đánh xảy ra địch nói bằng bạch văn), rồi trở qua Trung Tâm Hành Quân. Kết quả dĩ nhiên hoàn toàn thuận lợi khi chúng ta biết rõ vị trí ý đồ của địch. Về phía bộ chỉ huy địch, họ cũng bắt được tần số truyền tin của mình, do cấp tiểu đoàn trên hệ thống máy bị lộ. Do vậy mà nhiều lần cả hai bên đều tung tin giả để gây rối kế hoạch lẫn nhau. Phán đoán đúng sai thiệt giả, hay dở tùy thuộc vào khả năng ước tính, phân tích của sĩ quan Ban 2 trung đoàn. Còn kế hoạch hành quân cho các tiểu đoàn mỗi ngày? Mỗi tối Ban 2 có nhiệm vụ trình riêng tình hình địch, với Trung Đoàn Trưởng. Sau đó ông lệnh cho Ban 3 vẽ phóng đồ hành quân để sáng hôm sau chuyển lệnh. Bản đồ thì do Ban 2 cấp phát, đưa xuống trong hành quân từng tiểu đoàn, hay khi tiếp viện đổi vùng, giải toả, mặt trận nơi khác.

Vấn đề tình báo tác chiến, với kỹ thuật như đã nói, chỉ thiết lập ở tất cả đơn vị trung đoàn thuộc sư đoàn bộ binh, phục vụ cho chiến trường. Các Lữ Đoàn Thiết Giáp, Liên Đoàn, Phòng 2 Tiểu Khu, hoàn toàn không có phân hành chuyên môn này, kể cả các đơn vị khác ngành. Trong trường hợp bắt tin, do địch không lên máy liên lạc, chứng đó qua hệ thống sư đoàn, xin chụp không ảnh vùng hành quân để xác định. Những tiếng nổ ì ì âm trên không nghe được, là lúc máy bay đang chụp, sĩ quan giải đoán không ảnh sẽ phân tích.

Nói chung tin tức tình báo, giải đoán chính xác phần lớn bảo vệ sự tồn thất, sinh mạng binh sĩ. Vai trò của Trưởng Ban 2 Trung Đoàn, giúp Trung Đoàn Trưởng quyết định, gắn liền với chiến công đơn vị. Các vị Tư Lệnh Sư Đoàn 21, Sư Đoàn 7 nơi



chúng tôi hành quân qua, đều rất quan tâm đến loại tin tức chúng tôi có được, so với tin tức sư đoàn bạn. Thật ra vấn đề chỉ giản dị là toán kỹ thuật có tiếng năng mở máy trực hay không, chịu khó rà theo tần số khi dịch thay đổi hay không, bởi công việc của toán này chỉ trực tiếp với một mình Trưởng Ban 2 Trung Đoàn, không ai kiểm soát, việc làm hoàn toàn biệt lập, chỉ liên lạc khi cần thiết. Nhiều lần ở nửa đêm, họ lay chân tôi dậy đưa bản tin, tôi qua gõ cửa phòng ngủ Trung Đoàn Trưởng, cho lệnh báo động, pháo binh trung đoàn bắn tức thời ở điểm chấm sẵn, kịp lúc báo động cho tiểu đoàn biết, dịch sắp sửa tấn công, thì y như rằng mọi việc xảy ra trước năm, mười phút. Tôi có may mắn là toán kỹ thuật trực thuộc trung đoàn rất giỏi, và có tinh thần trách nhiệm.

Năm đầu ở trại cải tạo, quân đội Cộng Sản giam giữ chúng tôi là Trung Đoàn 95. Họ lên lớp và chỉ Pháo Binh Sư Đoàn 9 tham thiết. Ngôi đó không phải là dân Pháo nghe cũng khó chịu. Nhưng tôi biết họ nói đúng. Cách tổ chức di chuyển pháo theo hành quân lưu động rất hay, khác với các sư đoàn cố định khu trách nhiệm. Thật ra sư đoàn bộ binh nào trang bị cũng giống nhau. Mỗi sư đoàn có 4 tiểu đoàn pháo binh, chia ra mỗi trung đoàn có một tiểu đoàn pháo binh 105 ly cơ hữu. Khi trung đoàn chúng tôi xuất phát hành quân, chỉ có một pháo đội kéo súng theo Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn, đóng trên mặt lộ hay căn cứ. Số sĩ quan, binh sĩ pháo binh (thuộc tiểu đoàn pháo binh cơ hữu trung đoàn) được chuyển vận bằng trực thăng đưa người xuống, thay thế các vị trí súng pháo binh địa phương thuộc quân khu, rồi bốc toán pháo binh đó đi, đó

đạn pháo xuống, điều chỉnh đạn được trên giấy tờ sau. Nói cho dễ hiểu là hoán chuyển đổi người, chứ không đổi súng (tiểu đoàn pháo không cần kéo súng theo). Cho nên khi vào vùng hành quân, cấp tiểu đoàn trên phóng đồ hành quân, vòng tròn pháo yểm là mười khẩu pháo cho một tiểu đoàn, sẵn sàng tác xạ.

Thời gian sau, khi Chuẩn Tướng Huỳnh Văn Lạc thay thế, ông chỉ thị cho các tiểu đoàn trưởng bộ binh, quy định nếu không đựng trận, gọi pháo binh bắn trên 500 quả thì bị phạt, còn khi đựng trận, gọi bắn dưới 500 quả cũng bị phạt. Tôi nghĩ sau này dù hạn chế đạn được, nhưng tình hình cần giải quyết thì cũng không giới hạn. Bằng chứng cho thấy đến gần tháng 4 năm 75, Thiếu Tá Thảo – Tiểu Đoàn Trưởng 93 Pháo Binh – báo cáo xin ngưng tác xạ vì tất cả pháo súng bị nóng nòng, lý do đã bắn trên 100 ngàn quả. Đại Tá Diêu lớn tiếng không muốn ngưng vì không tin, Thiếu Tá Thảo chứng minh 10 khẩu bắn một lượt hơn một giờ qua. Điều này cho thấy Trung Đoàn 95 Việt Cộng chứ rửa Pháo Binh Sư Đoàn 9 không sai, với mức độ pháo dập dữ dội họ đã chịu đựng.

Tôi ở Tiểu Đoàn, rồi Trung Đoàn 15, dưới nhiều thời kỳ trung đoàn trưởng. Mỗi ông để lại trong tôi tình cảm riêng biệt khác nhau. Với Đại Tá Hồ Ngọc Cán là người tôi có nhiều kỹ niệm. Trung Tá Anh là người hiền lành, quan tâm đến đời sống thuộc cấp gần bên. Trung Tá Phan Thế Thường là người thân thiện dễ mến, vẫn liên lạc về sau với tôi khi ông đổi đi (rồi trở lại). Tiếc thay cho đến bây giờ hỏi thăm, không ai biết tin tức sống chết. Riêng với Đại Tá Khiêu Hữu Diêu, đi với ông tôi mới học khôn, tiếp xúc biết được nhiều chuyện đây mơ rã má trong Quân

Đội, ông giao du liên lạc với nhiều sĩ quan đồng cấp. Cũng qua ông, tôi mới biết cái áo giáp Nhảy Dù thời quân đội Pháp như thế nào. Nó là một áo vải bố chia ra từng ngăn dọc, trong lót từng thanh thép dây chống đạn. Ông từ Bộ Tổng Tham Mưu đổi về Quân Đoàn 4, rồi đến thay thế trung đoàn trưởng. Đa số các vị đại tá tỉnh trưởng, hay thuộc binh chủng Nhảy Dù trước đây là đàn em của ông, khi tôi đi với ông ghé qua các tỉnh. Ở vùng hành quân, khi Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam – Tư Lệnh Sư Đoàn 7 BB – xuống thăm trung đoàn. Trên trực thăng bước xuống lúc nào Thiếu Tướng Nam cũng chào trước với câu nói “*Kính Đại Tá.*” Đại Tá Diêu kể tôi nghe, thời trước dạo ông còn làm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 1 Nhảy Dù, lúc đó Tướng Nam vừa đi học ở Mỹ về, lên đại úy, làm sĩ quan Ban 3 Tiểu Đoàn dưới quyền ông. Dù sau này cấp bậc Tướng Nam đi lên trước, nhưng gặp ông, tôi thấy Tướng Nam vẫn chào kính giữ tình thầy trò. Có điều ở Đại Tá Diêu, có thể do mang cấp bậc đại tá quá thâm niên, lối cư xử của ông đối với các trung tá, đại tá, tư lệnh phó sư đoàn đơn vị bạn, đôi khi ông có thái độ đứng đưng. Đi theo ông họp hành chứng kiến, đôi lúc tôi thấy cũng ngượng, ngại mất lòng. Một lần, BCH đóng tại Phụng Hiệp, buổi trưa ông rủ tôi về Cần Thơ đến Hội Quán Tỉnh Trưởng ăn cơm Tây. Hôm đó Chuẩn Tướng Hưng – Sư Đoàn 21 – xuống thăm trung đoàn, nhưng Đại Tá Diêu không có mặt. Sau đó Tướng Hưng gọi công điện qui định, nếu trung đoàn trưởng đơn vị tăng phái, rồi BCH phải thông báo cho Tư Lệnh. Lần khác ở trung đoàn nhận điện thoại từ văn phòng Đại Tướng Cao văn Viên gọi xuống, muốn ông về gặp. Tư Lệnh Quân Đoàn – Tướng



Nguyễn Vinh Nghi – cho ông về Sài Gòn 2 ngày. Trở xuống, ông nói với tôi, tưởng làm Trưởng Phòng 7 Bộ Tổng Tham Mưu thì ông nhận, chứ chức Giám Đốc Nha Kỹ Thuật thì thôi, ông về chờ. Ông có đủ che bao và nhất là sau này khi Tướng Nam về làm Tư Lệnh Quân Đoàn 4, con đường quả thật trơn tru theo ý ông muốn, dù rằng chỉ được một thời gian trước ngày mất nước. Qua ông, tôi biết rất nhiều chuyện, trong đời quân đội trước sau. Tính tình Đại Tá Diêu đối với mọi cấp là vậy, nhưng với Thiếu Tướng Di, tôi thấy Đại Tá Diêu rất vị nể kính trọng, khi Thiếu Tướng Di thường xuyên xuống trung đoàn.

Nhắc lại những trận đánh, nghi lại năm tháng qua, cho đến ngày tan hàng mất nước, làm sao không thấy đau lòng tủi nhục. Người đứng ngoài cuộc, tuổi trẻ lớn lên, thành phần phản chiến đổ lỗi cho người lính VNCH. Họ đâu hiểu sự bỏ rơi, cắt viện trợ và hơn hết là sự quay lưng từ phía Hoa Kỳ theo chiến lược thỏa thuận giao miền Nam cho Trung Quốc. Trước tiên từ chiến thắng của miền Bắc, sau đó là từng bước một Hán hoá, lãnh thổ hai miền, như chúng ta đã thấy mấy mươi năm qua.

Chiến trận giờ đây đã lụn tàn, dấu tích không còn. Nhắc nhớ, chỉ như gió thoảng chiều hôm, chúng ta chỉ là người công dân bình thường, trước sự đã rồi. Chỉ có điều, thỉnh thoảng đọc thấy những bài báo, sách vở thêu dệt, kể cả ta và địch, từ quan quân đến người cầm bút, tạo ra những hoàn cảnh nên thơ, lịch sự ở lòng tử tế cho phù hợp với nhân bản con người. Với những cường điệu quá lộ được thêu dệt trong sáng tác. Không thể tin được chuyện kể bắt tù binh ở chiến trường buổi sáng, mà buổi trưa dẫn ra Huế ăn

phở, chiều tối đưa đi coi xi-nê rồi thả địch về (kết thúc bài viết là hồi sau chiến tranh gặp lại). Hay những câu thơ đi hành quân mà bắn súng khơi khơi lên trời may rủi, chuyện ngội uống rượu với bộ đội Bắc Việt, trong thi ca lúc nào rượu cũng được đề cập đến, kể cả khi đụng trận. Bài viết không trung thực chút nào trong cuộc chiến. Tác giả cho thấy tấm lòng nhân ái? Nhưng với tôi, người đọc sẽ không cảm thấy quân đội miền Nam vô kỷ luật, không có tinh thần chiến đấu, phản chiến, bạc nhược. Không có cấp chỉ huy nào để người lính tự bản chơi theo ý mình. Ở đâu, quân đội nào cũng có kỷ luật, nhất là ở chiến trường, lại càng khắc khe nghiêm chỉnh hơn hết, chuyện tử sinh, tôn vong thắng bại chính ở tinh thần đồng đội, mệnh lệnh từ cấp chỉ huy. Sống chết còn hay mất, chỉ cần thời gian hai mươi phút đầu súng nổ, là biết mệnh số chung cuộc. Biết bao ngàn người lính, biết bao đơn vị chống trả hy sinh cho đến phút cuối cùng.

Hơn thế nữa, những sự thật nói ra cũng nhằm minh chứng cho sự hy sinh ở người nằm xuống, hay những thương binh tàn phế còn sống dở chết dở trên phân đất quê nhà. Chiến tranh nào cũng vậy, ngoài chết chóc ly tán gia đình, còn có những bất công đầy dẫy trước và sau cuộc chiến. Người thắng kẻ thua, bên nào cũng có thành phần thua thiệt. Kẻ thua thiệt trước tiên là những người lính bị loại ra khỏi vòng chiến, những thương binh với mức độ tàn phế vĩnh viễn. Không có gì đền bù cho một kiếp người khốn khổ, không có bù đắp nào trả lại hạnh phúc gia đình cho kiếp phế nhân, nhất là khi chiến tranh hai miền kết thúc. Thực tế cho thấy thành phần thương phế binh miền Nam, đời sống bị ngược đãi như thế nào.

Trước đây, cầm cuốn sách “Ông Tướng Sang Sông” tôi gửi tặng, có lần Tướng Di hỏi người gân bên: “*Tại sao phải là ông tướng sang sông?*” Giờ đây không chỉ riêng ông mà người nào cũng qua bến bờ. Trang sử đã lật qua, quá khứ một thời trôi theo sông nước, buông tay theo cuộc đời lưu lạc. Ông là người được đào tạo tốt, trước đây đã theo học khóa Bộ Binh Cao Cấp tại trường Fort Benning, Georgia hay trường Chỉ Huy Tham Mưu Fort Leavenworth, Kansas Hoa Kỳ sau này (1965). Ở Sư Đoàn, ông tự học lái trực thăng với phi công bên ông, và tự học thêm văn hoá cho chính mình.

Nhìn ông đi bay, và cách ngày xuống các trung đoàn hành quân theo dõi, đủ thấy ông đặt nặng hoạt động hành quân hơn ngồi ở Sư Đoàn. Tôi nhớ có lần Bộ Tư Lệnh Tiên Phương Sư Đoàn đóng tại Căn Cứ Vĩnh Nhi (gần Cai Lậy) trên Quốc Lộ 4. Một đêm Việt Cộng đột nhập từ mặt phòng thủ của pháo binh. Địch tràn vào sát Trung Tâm Hành Quân, Tướng Di ngủ lại tại đó khi bị tấn công. Trước đây căn cứ này do Trung Đoàn 15 thiết lập, tôi biết tất cả đều có bờ thành đất, do Công Binh ủi cao lên khỏi đầu. Mọi đường di chuyển hẹp từ nơi này sang nơi khác, đều nằm trong phạm vi rào kẽm gai. Cho nên khi địch tấn công dù có lọt vào trong, không có đường nào để đi ngoài con đường cố định dưới họng súng qua các lỗ châu mai phòng thủ. Chính vì vậy, dù đã lọt vào, địch cũng không xâm nhập vào trong được. Suốt đêm tới sáng đơn vị phòng thủ chỉ có một đại đội Trinh Sát đánh chiếm lại từng khu một. Do Tư Lệnh Sư Đoàn bị kẹt bên trong, nên lực lượng tiếp viện được nhanh chóng đưa đến. Bên ngoài quốc lộ, Thiết Đoàn Kỹ Binh từ Long Định xuống tiếp ứng. Ba giờ sáng, tiểu đoàn tôi tại Chi Lăng, được lệnh chuyển quân xuống Kiến Hoà chặn đường rút của





địch, ngang qua Bộ Tư Lệnh sáng sớm, còn mù mịt khói súng.

Tôi nhớ năm đầu Xuân tại căn cứ hành quân Chiến Đoàn 15, trong phòng thuyết trình, ông khai chai sâm-banh chúc Tết đơn vị. Có tiếng nổ, rượu tràn. Cái nắp bần đập kín bắn thẳng vào khung hình treo đầu tường. Có tiếng kính vỡ, rớt xuống đất. Khung hình Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu rơi xuống, như báo hiệu điềm trời. Tất cả mọi người cười gượng, như không có chuyện gì ngoài chuyện hợp mặt đầu năm. Gần cuối năm đó Thiếu Tướng Di cho hay sẽ đổi đi Quân Đoàn 1 làm Tư Lệnh Phó cho Trung Tướng Ngô Quang Trưởng. Trước ngày ra đi, (tuần cuối tháng 10 năm 1973), ông xuống BCH hành quân của Chiến Đoàn 15 đang đóng tại Long Mỹ (thuộc Chương Thiện) ngủ lại qua đêm, lúc đó trung đoàn trưởng là Trung Tá Anh. Đêm đó, trời mưa nhỏ có lựu đạn nổ tại chợ Long Mỹ. Trung Tá Anh lệnh cho tôi ra trước xem xét, sau đó Thiếu Tướng Di và Trung Tá Anh ra quan sát. Tướng là vậy, nhưng chỉ hai ngày sau lệnh thay đổi, Thiếu Tướng Trần Bá Di về làm Tư Lệnh Phó cho tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, Tư Lệnh Quân Đoàn 4.

Thiếu Tướng Trần Bá Di là người rất am tường chiến trường ở quân khu sinh lầy, ông đã giữ mọi chức vụ từ Trung Đoàn Trưởng, Tỉnh Trưởng, Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn, cho đến Tư Lệnh Sư Đoàn 9 BB hơn bốn năm. Do thời gian lâu ở một đơn vị, ông xuống thường xuyên các nơi, nên ông biết rõ khả năng từng người ông tin dùng. Ông không bị mua chuộc hay vị nể bởi những gởi gắm. Đó là trường hợp ở tôi, khi Chuẩn Tướng Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn muốn cho người thay tôi, lấy lý do tôi có lệnh phạt, thời gian tôi ở tiểu đoàn có lính đào ngũ (đơn vị chiến đấu nào mà không có lính đào ngũ).

Thiếu Tướng Di phê trên phiếu trình công văn gởi đến. "*Tôi là Tư Lệnh Sư đoàn hay ông ấy Tư Lệnh?*" Khoảng 6 tháng sau điệp khúc cũ lập lại, gởi đến trình lên lần nữa. Ông nói: "*Ngày nào tôi còn Tư Lệnh là ngày đó ông Lợi còn làm.*" Cả hai lần, Trung Tá Ninh – Trưởng Phòng 2 Sư Đoàn – đều cho tôi hay. Thật sự tôi không hề biết chuyện Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn "có lòng quan tâm đến nội bộ đơn vị" xa như vậy. Với tôi Thiếu Tướng Di chưa bao giờ nhắc đến chuyện này. Mọi việc coi như xếp lại, không có gì xảy ra.

Tôi không sống gần gũi bên Tư Lệnh, không có quan hệ riêng tư nào ở đời sống bên ngoài. Ông chỉ đến trung đoàn gặp tôi qua nhiệm vụ hành quân. Dù do ông cất nhắc ở chức vụ Trưởng Ban 2 Trung Đoàn (bước đi lên cho kế tiếp), một chức vụ chỉ huy không có tiền bạc gì đem lại cho bản thân, có chăng là có đại đội Trinh Sát trực thuộc, hàng tháng tôi phải báo cáo lên trên, về tình trạng tham chiến quân số, trang bị, hành quân. Công việc tiếp xúc là với địch quân ở chiến trường, đi bay với Trung Đoàn Trưởng đổ quân, vẫn là chốn hành quân, đầu phải là chốn an thân thụ hưởng, tất cả đều là mệnh số nhận chịu. Nhưng cũng chính cơ sự xảy ra này, tôi hiểu được sự tranh giành chức phận, qua tiền bạc phe đảng, ở đâu cũng có. Tôi cảm thấy chán và nhìn lại đời sống bản thân, gia đình mình.

Với nghề cầm bút, ở đơn vị tôi không có sáng tác văn học gì phục vụ cho báo chí hay phát thanh của Sư Đoàn. Tôi chỉ có ba lần ngồi bàn giấy bắt đầu đi, do có người đề nghị. Lần thứ nhất tôi viết bài "Thế Diệt Chốt và Cầm Địch" (tôi ký tên, cấp bậc). Bài kế, "Bình Long Anh Dũng" (Đại Tá Cán kỳ). Bài thứ 3, bài này là một tập dày, Trung Đoàn Trưởng cho nghĩ một tháng lên xuống (hành

quân và hậu cứ) để tiếp xúc và tìm hiểu tài liệu các ban ngành Trung Đoàn, để viết thành "Huấn Thị Điều Hành Căn Bản cấp Trung Đoàn Bộ Binh (Đại Tá Điều kỳ) để nộp về Bộ Tổng Tham Mưu theo quy định.

Tôi là người ở đơn vị này từ ngày mới ra trường rồi đi lên, nhưng với Tướng Di, tôi nghĩ ông là con người tình cảm, nặng lòng với Sư Đoàn 9 nhiều hơn các vị tư lệnh trước. Dịp tôi thực tập Không Trợ 2, ở Trung Tâm Hành Quân Không Quân và Quân Đoàn, tôi xin gặp ông trong văn phòng Tư Lệnh Phó Quân Đoàn. Khi nghe tôi muốn xin chuyện chuyển, ông than một câu nghe chí tình: "*Ông Ginh đi rồi, giờ ông cũng đi nữa thì còn ai làm việc cho Trung Đoàn.*" Nghe ông nói lòng tôi thấy bồi hồi. Ông đã rời đi nhưng tấm lòng ông vẫn còn ở sư đoàn cũ, biết và nhớ đủ mọi người.

Qua rồi một thời năm cũ, đôi lúc một mình nhớ lại chuyện đời qua, bạn lính, bạn tù, tình lính, tình người, trong tháng ngày còn lại này, lòng không khỏi xót thương ngậm ngùi. Những năm tháng nghĩa tình bên anh em sống chết, gian nguy cực khổ để rồi cuối cùng là những chung cùng mặt trận, theo phận số đất nước.

Bạn tôi cho hay, mới đi thăm Tướng Di về, nghe nói ông đã yếu đi nhiều sau tai nạn xe, tuổi đời đã lớn (ông sinh năm 1931), chắc không đủ sức đi xa cho lần hợp mặt. Tôi chợt nao lòng khi nghĩ đến chuyện năm nào, muốn nói một lời cảm ơn thâm lặng, chưa bao giờ nói, chuyện không mấy người biết. Cho dù hôm nay ông là "Anh Ba" trong gia đình thuộc cấp, nhưng với tôi ông vẫn là Thiếu Tướng Tư Lệnh ngày nào.

Rồi khi mọi chuyện tàn phai, vật đổi sao dời, vẫn là giai đoạn của một thời để nhớ, một đời không quên. ■

**HOÀI ZIANG DUY**



## BẠN TÔI, HOÀI ZIANG DUY<sup>(\*)</sup>

TRẦN PHÙ THẾ<sup>(\*\*)</sup>

**D**uy ở Châu Đốc. Tôi ở Sóc Trăng. Hai đứa cùng dân miền Tây. Thuở học trung học cùng văn nghệ văn gừng, nhưng chưa bao giờ gặp nhau. Mãi mười năm trước hai đứa mới có cơ hội bắt tay lần đầu tại nhà Trần Ngọc Mỹ (TP Atlanta). Gặp nhau tay bắt mặt mừng như đã thân tình từ trước. Hai năm sau, có lần đến thủ đô Washington du lịch đã được nhà văn Hoài Ziang Duy và phu nhân mời ở lại cùng gia đình. Tôi và Phan Văn Phụng ở lại nhà Duy 3 ngày. Lần đó Duy chở tôi đến nhà Phạm Cao Hoàng thăm và gặp nhà văn Nguyễn Minh từ Việt Nam qua. Thật may được gặp gỡ họa sĩ Đinh Cường, vợ chồng nhà văn Trần Hoài Thư, nhà văn Nguyễn Minh Nữ. Hôm đó thật là vui. Chủ nhà Phạm Cao Hoàng đã chiêu đãi khách bữa tiệc thịnh soạn, thấm tình văn nghệ. Từ đó hai đứa liên lạc nhau thường xuyên. Lúc nhắc chuyện xưa hoặc chuyện nay, coi như giải trí là niềm vui của

tuổi già. Duy rất trầm tính ít nói, chỉ thân thiết với những người đồng cảm với mình.

Với gia đình: Hoài Ziang Duy là người chồng người cha tuyệt vời. Đời Duy: tất cả cho vợ con, và nghiệp viết văn, làm thơ. Trong Duy có hai con người: một nhà văn, một nhà thơ. Có một điều đáng nể nhất là viết văn và làm thơ Hoài Ziang Duy đều thành công. Tôi được biết ba tập truyện ngắn và hai tập thơ của Duy xuất bản trong 23 năm qua: (1) Ông Tướng Sang Sông (2) Bốn Ngàn Năm Chen Lấn (3) Còn Không Chấn Quay Về (4) Lối Đi Dưới Lá Đồi Thà Như Mưa (5) Đứng Tựa Bên Đồi.

### ĐỨNG TỰA BÊN ĐỒI

*Ta sống đời nhau trong quá khứ  
Lòng cũng theo buồn ở cuối dòng  
Đôi khi nước mắt giùm nhật thực  
Nghĩa tình, tựa lấy một dòng sông*  
(HZZD)

Hầu hết những tác phẩm trên đều bán hết trong vòng sáu, bảy tháng. Có nghĩa là sách của Hoài Ziang Duy có chỗ đứng vững vàng trong độc giả người Việt.

Có lần Hoài Ziang Duy tâm tình với nhà phê bình Lương Thư Trung trên tạp chí mạng Da Màu:

*“Những người viết văn làm thơ sớm, là mang khổ lụy vào thân. Kể ra khoảng thời niên thiếu học trung học, tôi đã viết truyện để kiếm tiền trang trải cho cuộc sống của bản thân mình, nhiều hơn là lo học. Cũng may là đường khoa cử cũng trơn tru. Hồi đó mỗi lần một truyện đăng báo, được trả 300 đồng (thời giá may một cái quần tây vải Dacron là 300, một cái đồng hồ hiệu Telda, hay Luran là 350 đồng). Đăng ở nhật báo Tia Sáng, Ngày Mới, Dân Ta, Dân Tiến, Tiểu Thuyết Thứ Năm, Sáng, Sáng Thân, Đời,... và các tạp chí văn học... Năm học lớp Dự Nhị, tôi được*



giới thiệu "Thơ và Tác Giả" trên Đài phát thanh Sài Gòn (chương trình "Tuần báo Nghệ Thuật Truyền Thanh"). Sau này đi lính thì chỉ còn có thì giờ viết cho các tạp chí. Tôi thường xuyên viết cho tạp chí Trình Bầy của Thế Nguyên. Đời sống tôi rất cô độc (con út trong một gia đình, mất mẹ lúc lên 5, 6 tuổi). Sống ở đơn vị mà chỉ viết báo ngoài để lãnh tiền, khi về Sài Gòn thì ghé qua lấy."

Trong bài viết này tôi xin chia sẻ thêm về quan niệm sáng tác thơ, văn của tác giả "Ông Tướng Sang Sông" khi tâm sự với anh Hai Trâu:

"Còn thơ tôi, những lãng mạn, nông nản thiết tha như anh thấy trong nhận xét. Quả tình tôi cũng yếu đuối sống thật với chính mình qua những bài thơ. Khác với thực tế sống bên ngoài, đời sống tôi chùng mịch, trật tự, không có lối buông thả, rượu chè (có lẽ vì vậy mà tôi ít có bạn bè, ít hình tượng làm dáng của một văn nghệ sĩ). Tôi vẫn thích làm thơ hơn, bởi nó trang trải những cảm nghĩ rung động kịp thời, hơn là một bài văn đòi hỏi sự chuẩn bị sống cho nhân vật, không phải sống thật với mình."

Nghe tin Hoài Ziang Duy đang nằm bệnh<sup>1</sup>, tôi viết những dòng tâm tình này gửi đến Duy. Cầu mong Duy vượt qua khổ nạn. Cố lên Duy ơi! ■

**TRẦN PHÙ THẾ**

South Carolina, 24/5/2022



<sup>1</sup> Bài được viết trước ngày HZD qua đời (01/6/2022)

# VẼ CHÂN DUNG HOÀI ZIANG DUY

LÃM THÚY

Anh mô côi mẹ lúc còn thơ  
Mẹ vẫn đi về trong giấc mơ  
Dịu dàng,

âu yếm niềm thương mến  
Xoa dịu lòng anh những đợi chờ

Anh có người cha rất tuyệt vời  
Quên mình lo cho trẻ mồ côi  
Chẳng màng tìm kiếm

tình duyên mới  
Chỉ cốt cho đời con trẻ vui

Anh có người chị rất yêu thương  
Cốt để em yên dạ đến trường  
Bỏ mặc xuân thì qua vội vã

Dốc lòng chăm sóc đám em ngoan

Anh có êm đêm mối tình thơ  
Người con gái ấy buổi ban sơ  
Yêu người văn sĩ, người thi sĩ

Và suốt đời hết dạ tôn thờ

Anh sống hết lòng cho Văn Chương  
Mà hôn thao thức nỗi cô đơn  
Vẫn luôn tìm kiếm,

luôn khao khát  
Cái đẹp muôn đời giữa thế gian

Có lẽ một thời chinh chiến xưa  
Một thời nắng lửa, đạn như mưa  
Chiến trường An Lộc

sôi mùi máu  
Trong anh còn mãi đến bao giờ

Giờ đây trong vòng tay yêu thương  
Vợ hiền tận tụy với con ngoan  
Còn ngày sum họp, còn vui sống

Mong anh tìm được nổi bình an

Tôi vẽ chân dung Hoài Ziang Duy<sup>(2)</sup>

Bằng lòng mến mộ, tình cố tri  
Cầu mong anh khỏe, tâm an lạc  
Đời vốn phù sinh có đáng chi! ■



**LÃM THÚY**

Maryland, 27.5.2022<sup>(1)</sup>

<sup>(2)</sup> Hình nền của bài thơ này do cháu Levana Ngô Thanh Duyên vẽ chân dung Ông Ngoại Hoài Ziang Duy



# LẦN THEO NỔ CHẾT

HOÀI ZIANG DUY

Viết để Tưởng Nhớ Cố Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn (1938 -1975)

Tôi thấy lại ngày cũ một thời tuổi nhỏ tôi. Tôi thấy lại đời sống của mấy chục năm xa vắng, một thuở yêu đương, một thời chinh chiến với khổ đau bất hạnh ở 117 truyện ngắn của ngân ấy tác giả trong bộ sưu tập ba cuốn "Văn Miền Nam Trước Năm 75". Quá khứ gắn lại từ những trang sách là một đời sống thực, một thời đao binh khói lửa ở miền Nam Việt Nam, với những lãng mạn khát khao của những người viết tự do, viết cho mình, cho bằng hữu, cho tháng năm sau này.

Và bây giờ quá thực, nó không mất. Những đứa con lạc loài trong cùng cảm giác về lại mái nhà. Ở người đọc, ở những con chữ rộn ràng, thân phận con người. Tôi tìm lại tôi, và có thể bạn, đọc lại hay người mới đọc lần đầu, sẽ thấy lại chợ trời chữ nghĩa, không khí văn chương miền Nam thuở nào.

Cái hạnh phúc tìm được tưởng chút ấm êm trải dài, bất chợt khựng lại. Đó là lúc những bút hiệu quen thuộc như Doãn Dân, Y Uyên, Song Linh,... Tên tác giả được ghi chú "chết trận" ở cuối bài.

Chỉ mấy hàng ngắn ngủi đó thôi, nhưng trong tôi xao xuyến chút ngậm ngùi. Họ là những người chết trẻ, đi vào cõi chết với tâm hồn của người viết nửa chừng. Họ chết trước, chết giùm chúng tôi những người cầm bút, cầm súng trong cùng một cuộc chiến khổ nạn.

Bây giờ là tháng Mười, tháng Mười với mùa thu se lạnh trên xứ người, nhưng tháng Mười với tôi, ký ức không quên, một trong mấy lần chết lụng chừng không thật. Chuyện ở trung tuần tháng Mười năm 1972. Như lệ thường, trung



đoàn hành quân trực thăng vận. Buổi sáng sau khi đổ các tiểu đoàn xuống, đi theo mục tiêu ở phóng đồ hành quân. Cho đến buổi trưa, bóc Tiểu đoàn 3/15 xuống lần ranh Long Tiên, Long Sơn. Xuống được hơn hai đại đội, thì chạm địch dữ dội. Tình thế không mấy thuận lợi cho quân vừa xuống đất. Lúc bấy giờ là hai giờ trưa. Bộ Chỉ huy Hành quân Trung đoàn 15 BB, đóng tại Ba Dừa, đồng nam Cai Lậy. Tôi đang trực ở Trung tâm Hành quân, qua máy nghe Đại tá Căn gọi về, bảo tôi chuẩn bị ra bãi. Đã nhiều lần với tôi như vậy, tôi biết ông sẽ xuống đất tham dự trận đánh sau khi đổ quân xong. Ông có lý do của ông để nâng cao tinh thần binh sĩ. Gọi một sĩ quan hành quân đi theo, để đến nhận báo cáo tọa độ điểm ngủ, chuyển lệnh cho ba tiểu đoàn và đại đội Trinh Sát, liên lạc Bộ Chỉ huy ở nhà. Đó là lúc Bộ Chỉ huy nhẹ chúng tôi ở lại với tiểu đoàn qua đêm. Gọi là "Bộ Chỉ huy nhẹ" thật sự chỉ có một mình tôi để làm phần việc này, dưới ánh đèn pin nhỏ cầm tay với bản đồ trong cánh lều poncho che chắn, mỗi lần như vậy tôi rất cực trong nhiệm vụ của mình.

Trên máy bay chỉ huy lúc bấy giờ, chỉ có Đại tá Căn, Trung tá Jonhson – cố vấn Mỹ – và tôi. Không hiểu sao lần đó lại không có tiểu đoàn trưởng Pháo Binh như lệ thường. Năm chiếc trực thăng của Phi đoàn Thần Điều tiếp tục bóc quân đổ xuống mặt trận, tình hình có vẻ khó khăn hơn từ phòng không địch. Lối đổ quân của Đại tá Căn là càng xuống sau, càng gần vào mục tiêu hơn. Về phía phi hành đoàn ý kiến muốn ngưng nửa chừng, do vấn đề an toàn. Nhưng

Đại tá Căn quyết định bất cứ giá nào, phải cho xuống đủ tiểu đoàn để tiếp ứng. Lúc bấy giờ máy bay chỉ huy bay vòng vòng trên mặt trận để theo dõi. Pháo binh vẫn bắn ở tọa độ chạm. Chúng tôi xuống thấp, xuống thấp nữa, đang ở độ cao khoảng 700 feet. Thành linh, một ánh lửa vụt tới. Một tiếng nổ lớn, máy bay rung động. Tôi nghe qua hệ thống vô tuyến từ tiểu đoàn dưới đất: "*Máy bay Thủy Tiên đứt đuôi rồi.*" Thời đó trực thăng, ống tổng khói còn thổi ngang về phía sau (nên dễ bị loại tâm nhiệt hít vào, sau này mới thiết kế cho thổi lên trời). Lần này đạn SA-7 chui tọt vào ống khói và nổ đứt thân máy bay. Lúc bấy giờ máy bay chỉ còn thân phía trước, mất thăng bằng, lao đảo. Hai viên phi công – tôi chỉ nhớ một người là Trung úy Diệm (*pilot* trực thăng) – giật cần lái cho phi cơ tăng lên liên tục, để làm giảm sức rơi xuống chậm lại. Kính chắn ở đầu phi cơ bị sức gió thổi bung. Tiếng Đại tá Căn la lên trong ống liên hợp: "*Máy bay Thủy Tiên rớt rồi.*" Quay sang tôi ông la lên: "*Đưa máy cho Mỹ.*" Tôi đập máy truyền tin qua hần ta. Viên trung tá cố vấn Mỹ làm dấu thánh giá.

Lần đầu trong đời tôi biết cảm giác của người sắp chết. Khi con người trong một tình huống không còn lựa chọn nào khác. Không hốt hoảng, không là mình, không là gì hết, bởi mọi sự chỉ diễn ra trong tích tắc. Thoáng chốc tôi nghĩ đến cha tôi, người mà tôi vương vấn sống một mình nơi quê nhà, đến người vợ của mối tình từ thuở học trò, rồi thôi. Tôi còn đủ tỉnh táo, niệm Phật được hai câu là máy bay quay vòng vòng lao thẳng xuống. Tôi không còn chỗ nào bám giữ, cả

thân mình bị xóc tàng lên cao và rớt xuống, ngực đập vào thành ghế ngồi của viên phi công phía trước.

Một tiếng động vang lên, khi máy bay rớt dừng chúi thẳng xuống sinh đất. Bên trong máy bay mọi người bị tung lên, đầu chúi xuống đất, chân đưa ngược lên trời. Không khí yên tĩnh, bất động. Mấy đôi mắt nhìn nhau không nói. Một không khí chết. Tiếng người phi công la lên: "*Chun ra, chun ra, Đại Tá.*" Tôi lấy bàn tay chùi vết máu từ tuyến mang tai chảy xuống, biết mình còn sống. Bên ngoài tiếng đạn AK, tiếng đạn M-16, M-79 nổ tung bùng. Thì ra trong lúc máy bay bị bắn rớt, diễn tiến xảy ra trước mắt cánh quân ở dưới. Một đại đội được lệnh bỏ ba-lô để nhanh chóng đưa quân tràn về hướng phi cơ rớt. Tiếng la "*Chun ra, chun ra...*" là tiếng kêu đánh thức cái không gian bất động trong thoáng chốc. Vì máy bay vùi thân chúi dưới sinh, cửa hai bên thân đóng kín. Mọi người chỉ còn cách thoát ra từ cửa kính chắn ở đầu phi cơ bị sức gió văng mát. Tiếng la của viên phi công: "*Chạy đi, máy bay nổ.*" Xoay mình được hai bước, Đại tá Căn bảo tôi lấy máy liên lạc. Tôi đưa bàn tay xuống, nâng máy lên, chiếc cà-rá mang ở ngón tay tuột mát. Khi lấy được máy, coi ra ống liên hợp bị đứt. Không còn sử dụng được, tôi quăng lại. Có tiếng la "*Máy bay nổ.*" Tôi bỏ máy xuống, quay mình chạy theo. Tâm trạng lúc bấy giờ vừa hốt hoảng thoát chết, vừa nghe tiếng đạn bên tai. Chúng tôi chưa đủ thời gian định vị phương hướng, cảm đầu chạy vô bì rừng trước mặt thấy lối nhỏ lính đội nón sắt là chạy về hướng đó. Hai viên phi công kè hai phụ xạ thủ bị thương chân. Tôi kè Đại

tá Căn, ông bị thương ở miệng do ống liên hợp xóc vào, ba bông mai trắng thêu trên cổ áo lúc này thật nổi bật. Trung tá Johnson thì một thân một mình lo liệu. Chạy cách máy bay khoảng mười thước, thì máy bay phùng lửa, bắt mỗi cho đạn trong máy bay nổ tứ tung. Cũng nhờ may mắn này mà địch không băng ngang đồng trống rượt truy kích, trong lúc hướng trước mặt chúng tôi là đơn vị đang tràn lên bắn cầu vồng, yểm trợ cho chúng tôi chạy về phía trước.

Lúc này trên bầu trời xuất hiện hai trực thăng võ trang, bay theo máy bay của Đại tá Lâm (Trung đoàn trưởng Trung đoàn 14) đang hành quân ở Kiến Hòa, được Bộ Tư lệnh Sư đoàn điều sang, đang bắn róc-kết yểm trợ. Bất thành linh, máy bay Đại tá Lâm đáp khẩn cấp chặn đầu, bóc cả đoàn chúng tôi lên. Máy bay chỉ huy đưa anh em Không Quân về phi trường Căn Thơ, cố vấn Mỹ xuống luôn. Chúng tôi về Bệnh viện 3 Dã Chiến ở Mỹ Tho. Thú thật lúc chết sống, mình còn sức để chạy. Bây giờ về nơi an toàn, mới nghe toàn thân ẽ ảm, đi đứng khó khăn, trước ngực, sau lưng cơn đau không chịu nổi. Lúc chờ kết quả chụp quang tuyến, tôi nghe có điện thoại của Thiếu tướng Di, Tư lệnh Sư đoàn 9 gọi tới thăm hỏi tình hình. Đại tá Căn nói: “Nếu Thiếu Tướng cho tôi nghỉ tại chỗ đơn vị hành quân, không bay hai tuần thì tôi vẫn ở mặt trận coi Trung đoàn được.” Trả lời về phần tôi, ông nói tình hình tôi có vẻ nặng hơn. Sau nửa giờ đồng hồ khám bệnh, Đại tá Căn nói với tôi: “VẬY LÀ MÌNH KHÔNG CHẾT, RỒT MÁY BAY MÀ KHÔNG CHẾT LÀ SỐ MÌNH KHÓ CHẾT.” Máy bay chúng tôi bị bắn rớt, lúc ở giai đoạn này là chiếc thứ

19 của Quân đoàn 4, và là lần đầu tiên tất cả đều sống sót.

Đại tá Căn rủ tôi ra trước cổng bệnh viện. Ông hỏi, “Mày có tiền mang theo không?” Tôi mở bóp coi, đáp “Có bốn ngàn.” Ông nói, “Đủ rồi.” Đứng trước cổng, một chiếc xe Jeep của viên Đại úy Tiểu khu vừa chạy tới. Ông đưa tay chặn xe nhờ quá giang ra khách sạn Minh Cảnh, có bar rượu trên lầu. Lúc này quân áo hai thầy trò còn dính bùn đất. Ngồi trên quán, ông kêu chai Henessy, một đĩa đậu phộng, chúng tôi nói chuyện vừa qua. Một lát, rượu thấm, vết thương chịu đựng cũng thấm. Ông mệt, tôi cũng mệt. Vừa lúc ba xe Jeep của trung đoàn, tìm được địa điểm của hai thầy trò ngồi nhậu để rước về. Ông hỏi tôi, “Mày về hay ở lại đây (tức bệnh viện)?” Không chờ tôi trả lời, ông nói luôn, “Thôi về Bệnh xá Trung đoàn nằm đi. Số mình lớn mà, không chết đâu. Không biết trong bọn mình mạng ai cứu ai.”

Chúng tôi trở về căn cứ hành quân. Vừa xuống xe, sĩ quan trung đoàn xum xoe chạy đến bên Đại Tá. Phần tôi lúc còn đang trong cảm giác lạc lõng, bất chợt một dáng người nhỏ bé nắm tay tôi. “Ông thầy có sao không?” Tôi nhận ra Sâm. “Sao mày không theo vô Tiểu Đoàn?” “Nghe tin máy bay rớt, em trốn lại coi ông có sao không, rồi mai theo chuyển supply đạn vào.” Tôi nhìn lấy nó. Người thân của tôi lúc này là đây, là người lính nhỏ ở đơn vị theo tôi mấy năm rồi. Tôi từ tiểu đoàn về đây, cùng lúc với ba sĩ quan khác, những người bị thương nhiều lần, gọi là cho nghỉ tạm một thời gian, nhằm thay thế một lúc các sĩ quan khác chuyển chuyển sau trước với trung đoàn trưởng đối đi (Đại tá Lăng).

Sâm là người lính ở gần bên tôi. Hồi đó Huỳnh Văn Sâm khi được bổ sung về đơn vị, máy bay thả xuống trong hành quân. Tôi nhớ cận ngày lễ Giáng Sinh. Nghe nó hỏi mấy người lính đứng gần, “Ở đây không có làm Noel hả?” Mấy thằng ôm bụng cười, “Đúng là thằng em ở Sài Gòn, cái mạng mây chưa xong, ở đó mà lo.” Thật vậy, ở chiến trường không có mùa Giáng Sinh. Có chăng là có tấm lòng, có kỷ niệm ở bài hát qua radio mang theo. Có không tình yêu bỏ nơi chốn cũ. Vui bên tiếng nói cười, rộn ràng đèn đuốc, có tiếng chuông nhà thờ ở thành phố, nơi chốn bình yên. Có sách vở thơ văn ca tụng mang theo ở túi ba-lô. Tất cả là nỗi nhớ.

Còn ở đây, chỉ có chết chóc máu xương, có nỗi chết cận kề. Một tình yêu đơn độc, người đi chắc buổi nào về. Sâm lúc đó, còn quá trẻ với vóc dáng, khuôn mặt búng ra sữa. Thường tình, tôi giữ nó lại chung với mấy người lính quanh mình. Sâm gần bên tôi ở chiến trường mười sáu tỉnh đồng bằng, ở mặt trận Kampuchia, ở An Lộc. Tình cảm thấy trò như một tình thân trong nhà. Ở lâu đã quen, rời đi về đây tôi thấy cũng buồn, cũng nao lòng xao xuyến khi nhìn thấy lính tráng đơn vị mình. Thật ra có gì ở ngày cũ? Có gì ở khung cảnh đó? Hay chỉ có chết chóc, trận đánh, mìn nổ, thương tích. Không có tương lai, không có gì hết. Vậy mà sao, vẫn nhớ vẫn buồn. Phải chăng cái tình thân gần gũi bên sống chết không rời, sống là không chấp nhận, nhưng khi xa lại thấy ngậm ngùi nuôi tiếc. Tất cả là sự mệt mỏi ở tuổi trẻ, hư hao với năm tháng, không biết bao giờ tới phiên mình nằm xuống.



Lên bị thương – lên thứ tư đó – tôi không về phép. Tình hình chiến sự căng thẳng, trung đoàn phải tăng phái giải tỏa nhiều nơi, nhiều chỗ. Sĩ quan đại diện trung đoàn phải ra ngoài nhiều hơn. Không đủ người, tôi ở lại trung đoàn trên hành quân, có bác sĩ điều trị. Vết thương bên ngoài không có gì trầm trọng. Nhưng nội thương từ huyết ứ bên trong, đau nhói sau lưng, mỗi không cách nào chịu nổi khi ngồi lâu. Chụp quang tuyến cũng không thấy gì. Uống, chích thuốc bớt cảm hơi vậy thôi. Ba tôi viết thư khuyên. Tôi làm theo. Năm con cua đồng, rửa sạch, đập vỏ đập một chút. Một tách rượu trắng chưng cách thủy. Uống lấy rượu, ăn cả xác cua. Làm khoảng hai lần, cơ thể hồi phục hơn, ở thời trẻ tuổi.

Bây giờ đây hơn ba mươi năm qua. Vết lồi phía lưng thỉnh thoảng khi trở trời, thân thể yếu, làm mỗi, khó chịu khi nằm, ngược lại với hồi trước. Hơn ba mươi năm cuộc chiến lụn tàn, những ký ức mang theo không đánh mất. Tôi có thể nhớ rõ từng chi tiết một khi thời gian ở tuổi già, ở quá khứ qua đi. Điều tôi muốn nói ở đây, không phải là chiến công, trận đánh. Không có hào quang xúng tưng. Bởi ở chỗ đã kết thúc. Chúng tôi nhìn, dưới cái nhìn của người trong cuộc. Dù quan hay quân, ở đâu cũng có tấm lòng chân thật trong đối xử. Kỷ niệm sống chết ở tôi, ở anh em như một nặng nợ suốt đời mang theo.

Ngày Sấm tử trận, tôi nghe tin muộn một tuần sau đó. Thương nó, thương cảm cho cái tính trung hậu thật thà. Lo phần an nguy, tôi đã đưa Sấm về Ban 2 Trung đoàn. Gọi về trình diện. Sấm thưa, “Em không có chữ nghĩa làm sao

làm được.” Tôi nói, “Không cần, chỉ đúng gác, bảo vệ thôi.” Nhưng Sấm quyết liệt không chịu. Sấm nói, “Ông cho tôi về đây là tôi đào ngũ, tôi muốn sống ở đơn vị mình.” Tôi biết bản tính Sấm chân thật, không biết khôn ngoan nắm lấy cơ hội an thân, chỉ biết sống trong cái nhận chịu quen thuộc. Lúc Sấm chết, bấy giờ là Hạ sĩ Nhất. Tôi buồn, thật buồn.

Về phần Đại tá Căn, có thể từ lần rút máy bay sống chết đó, và tháng ngày làm việc gần gũi (tôi chỉ thuần túy theo ông ở mặt trận). ông có vẻ ưu ái nhiều mặt với tôi hơn. Có thể ông thích tôi vì bản tính ít nói. Có thể vì ông thích làm việc với người trẻ (lúc ông mang lon Đại tá là 33 tuổi). Qua đối xử, tôi cảm nhận một điều, cái tình anh em ông đối với tôi, hơn là cung cách của một người chỉ huy. Thật vậy, cho đến sau này, khi ông rời trung đoàn về làm Tỉnh trưởng Chương Thiện. Tôi nhớ mấy tháng sau, trung đoàn hành quân vùng Sư đoàn 21 trách nhiệm, sẵn dịp về BTL/SĐ 21 liên lạc tin tức tình hình. Tôi có dịp ghé qua thăm ông. Nghe sĩ quan chánh văn phòng báo tên tôi, ông rời văn phòng tỉnh, cặp cớ rủ tôi về nhà chơi (Dinh Tỉnh Trưởng). Lúc này trông ông thoải mái. Bàn ăn chỉ có hai người. Cũng thứ rượu quen thuộc. Buồn vui chuyện cũ, ngày nào ở trung đoàn, chuyện mới ở địa vị bây giờ, khó khăn đơn vị Địa Phương Quân giữ đồn bót, khó khăn ở khuôn thước một vị tỉnh trưởng. Vợ Đại tá Căn, tôi gọi danh xưng bằng “Cô” như lúc ở trung đoàn. Cô dẫn tôi ra phía sau trong dinh, khoe công trình của cô, trên là chuồng nuôi mấy con heo, dưới là ao thả cá. Tôi thấy hơi ngỡ ngàng ở địa vị mới của cô. Cô vẫn vậy, vẫn mộc mạc

đời sống thực tế của một người đàn bà vợ lính.

Bây giờ đây, chiến tranh Việt nam đã là quá khứ. Máu xương của người Việt, cái giá phải trả của người hai miền Nam, Bắc. Trong những người chết trận, những người thành danh quan chức, những chiến sĩ vô danh, những người cầm bút viết cho chúng tôi đọc. Anh – Đại tá Hồ Ngọc Căn – không là người cầm bút, mà là người cầm quân tôi cảm phục. Có biết bao đồng đội hy sinh ở chiến trường. Nhưng cái chết của Đại tá Hồ Ngọc Căn lại khác. Một cái chết đi vào lịch sử, biểu tượng bất khuất cô độc. Nhắc lại anh, là nhắc lại một tình thân, khơi lại vết thương lòng, nỗi đau tủi nhục của người mất nước sống lưu vong. Có điều an ủi, dù bẽ bàng cho một phận người. Năm mô chôn dập vùi hoang lạnh thân xác anh ngày nào, đã được đào lên, tro cốt mang ra đất nước tự do, yên nghỉ ở chùa nghe cầu kinh tiếng kệ siêu thoát.

Tôi sống ở đất nước này. Mỗi ngày y như giờ thường lệ. Lúc chiếc xe sắp đến sở làm cận phi trường Dulles, là lúc nhìn thấy những chuyến bay xuống thấp, xuống thấp nữa trước tầm mắt. Những chuyến bay an bình, thanh thản ở xứ người. Năm tháng qua đi, một thời chiến tranh chỉ còn lại trong sách vở. Đọc rồi bất chợt nhớ ngày nào. Đôi khi tôi muốn quên, không nhắc, không nhớ. Không nghĩ gì hết. Tôi sợ sống lại với nỗi đau không gì bù đắp nổi. Thà với hư không. Quá khứ là nỗi lặng. Mây vẫn bay trên đầu. Tôi sống lấy cùng tôi. ■

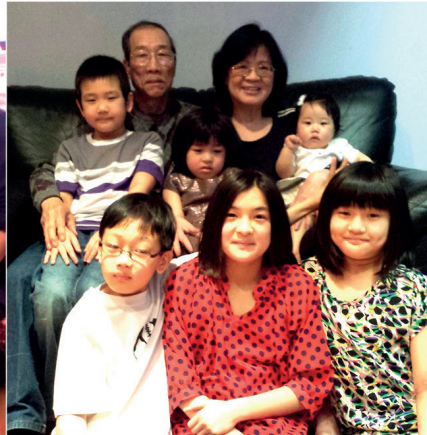
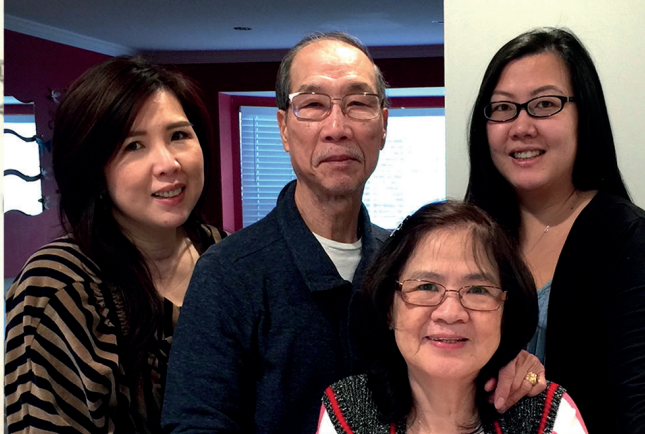
**HOÀI ZIANG DUY**



**TUỔI TRẺ  
HOÀI ZIANG DUY**







# GIA ĐÌNH HOÀI ZIANG DUY





# HOÀI ZIANG DUY Ở HOA KỲ





# HOÀI ZIANG DUY VÀ BẠN HỮU Ở HOA KỲ





Bà quả phụ Hồ Ngọc Cẩn (đứng giữa) và vợ chồng HZD (California, 2007)

## RẤT GẦN MÀ CŨNG RẤT XA

HOÀI ZIANG DUY

**B**a mươi sáu năm qua, đây cũng là lần đầu tôi gặp lại gia đình Đại tá Hồ Ngọc Cẩn. Tôi không nghĩ có ngày này, cuộc đời quá thật những gì đến sẽ đến. Một ngày trước khi chúng tôi xuống Nam Cali theo hẹn, qua điện thoại nói về chuyện đón tôi, anh Hiệp cho hay mấy ngày trước bỗng dưng chị Cẩn gọi nói “*Khi nào có anh em ở Trung đoàn 15 xuống đây, thì rủ xuống nhà chị chơi.*” Tôi nói lạ vậy, sao có sự trùng hợp, chị nhắc vừa đúng lúc thời gian tôi sẽ đến.

Trước đây tôi chỉ tiếp xúc với chị một lần, khi Đại tá Cẩn rủ tôi về dinh, lúc tôi ghé qua thăm ông ở Tòa Hành chánh Chương Thiện. Định cư ở Mỹ, tôi có hỏi thăm người bạn thường liên lạc với chị, nên có biết qua về tình hình trước

sau. Rồi do việc làm, lo đời sống gia đình tôi vẫn chưa có cơ hội gặp lại. Về Đại tá Cẩn, cái chết của ông đối với tôi là một nỗi đau khi nghĩ đến, bởi ngoài chuyện thượng cấp chỉ huy trong quân đội, với ông tôi có một tình thương mến, điều này chính từ tình cảm ngược lại trong đối xử. Ông thường gọi tôi đi bay lúc đơn vị dưới đất chạm địch, và nhiều lần xuống luôn, ngủ qua đêm (thời gian này tôi làm sĩ quan hành quân). Trong số sĩ quan ở Trung tâm Hành quân (T.O.C.), không biết sao ông thích chọn tôi đi chung ở những lần hung hiểm. Ông nhắc tới “*Mày coi tao làm sao thì làm vậy, cho quen đi để sau này đi bay một mình.*”

Lần này tôi xuống Cali, theo lời rủ rê để gặp lại anh em đơn vị. Đi xa cũng vì câu nói của người anh ở đơn vị lâu năm. “*Ông xuống đây gặp một lần đi, tôi có chết cũng vui lòng, anh em có mấy người gặp rồi, chỉ còn có ông là chưa thôi.*” Lúc này đây, sức khoẻ tôi không ổn, việc làm, đời sống kinh tế gia đình khó khăn, và một năm này không biết bao nhiêu là chuyện không may cứ đến. Những câu nói qua điện thoại từ anh, làm tôi vương vấn mỗi khi nghĩ đến. Cái tình đồng đội năm cũ tưởng đã đi xa, nhưng nay lại thấy gần.

Mười giờ đêm, anh Hiệp đón tôi ở phi trường Los Angeles. Người Tiểu Đoàn Trưởng của tôi năm xưa tóc giờ bạc trắng. Tôi nhận ra anh ở khuôn mặt, dù vóc dáng khác hơn trước. Bên anh một người đàn bà đi cùng. Tôi có hơi ngạc nhiên khi biết mười năm nay anh sống độc thân tại chỗ. Tôi hỏi nhỏ, “*Ai vậy?*” “*Mười năm tình cũ mới quay về hôm qua, có xe tốt thì nhờ đi rước dùm.*” Tôi cũng quá quen với cuộc sống anh trước đây, không có cuộc sống vợ chồng chính thức, giờ chắc vẫn vậy. Lần sau cùng gặp Đại tá Cẩn và anh, ở khoảng thời gian giữa năm 74. Lúc bấy giờ anh làm Quận trưởng Kiên Long, đang



chờ chuyến bay trở lại quận. Sở dĩ tôi còn nhớ rõ, bởi là lần gặp trong tình huống dễ phiên lòng, khó xử cho tôi. Hôm đó, sau chuyến bay sớm, giao bản đồ, phóng đồ cho các tiểu đoàn, chuyển vùng lãnh thổ hành quân, quay về phi trường Chương Thiện. Vừa xuống trực thăng, bên trái sân bay: Đại tá Khiếu Hữu Điều – Trung Đoàn Trưởng 15 – đang chờ sẵn, phía bên phải: Thiếu tá Hiệp. Đại tá Căn – Tỉnh trưởng – gọi, ngoắc tôi tới. (Tôi biết tính Đại tá Điều rất cao ngạo về thâm niên cấp bậc, nên không đứng chung với ai). Một bên là thầy cũ thân tình, một bên là trung đoàn trưởng đương nhiệm – ông là trung đoàn trưởng thứ 3, khi tôi làm Trưởng ban 2 Trung đoàn. Tôi hơi phân vân, nhưng nhanh chóng bước lại hướng này báo cáo vắn tắt cho Đại tá Điều, bước qua bên kia chào Đại tá Căn. Đại tá Căn quay sang Thiếu tá Hiệp, “*Mày cho tiền nó chưa?*” Một câu nói giản dị phóng khoáng nhà binh, cho tới bây giờ nghĩ lại tôi vẫn nhớ, nó hàm chứa cái tình thầy trò gần gũi trước đây. Đó cũng là lần cuối cùng tôi gặp Đại tá Căn... Cho đến bây giờ, ba mươi bảy năm qua, vẫn là hình ảnh đó. Một người đứng đón tôi hôm nay. Một người xác thân vinh biệt. Tự đứng lúc gặp, tôi lại có cảm giác này, để thấy lòng đau với nỗi xót xa, vận mệnh đối đời.

Ngày hôm sau, phải mất hơn một giờ đồng hồ lái xe, từ Fullerton, chỗ chúng tôi ở, để đến Stevenson Ranch. Chúng tôi đi chung gồm Thiếu tá Mạnh (Tiểu đoàn trưởng TĐ1/15), Thiếu tá Hiệp (Tiểu đoàn trưởng 3/15) cùng cô bạn gái, và vợ chồng tôi. Anh Hiệp giới thiệu tôi từ Virginia xuống. Chị Căn vui vẻ gặp lại anh em ở Trung đoàn 15, như ý chị muốn. Tôi gặp lại Nguyễn – đứa con trai 12 tuổi ngày nào – bây giờ cũng đã có gia đình sự nghiệp ổn định. Gặp lại chị, tôi nhận không ra. Thời đó chúng

tôi ở hành quân (chị ở hậu cứ trung đoàn), thêm nữa thời gian mấy mươi năm qua rồi nên phải nhắc lại để chị dễ nhận, “*Tôi là người bị thương chung với Đại tá Căn lần trực thăng bị bắn rớt.*”

Bây giờ đây, bao cảnh tang thương đời đời, đến với chị là đến với một tình thân gia đình, nghĩa cử thầy trò chung một đơn vị. Chị vẫn ở vậy thờ chồng nuôi con. Trên bàn thờ bức ảnh Hồ Ngọc Căn mang cấp bậc Thiếu tá (có lẽ tấm ảnh sót lại mang theo trên đường vượt biên, hương khói thờ đã lâu, nên để vậy?) Hỏi chị, chị mới mang ra hình chụp lớn trong khung mang cấp bậc Đại tá, chị mới có sau này. Anh em chúng tôi bày mâm quả đặt trên bàn thờ. Gia đình chị là người Công giáo. Nhưng không sao. Kể từ ngày vượt biên sang xứ người, trước ngày rước tro cốt chồng sang, chị đi chùa làm công quả, cầu nguyện. Nhờ vậy, có lẽ do duyên lành, mấy năm sau, chính vị sư trụ trì ở chùa là người giúp mang hũ tro cốt cố Đại tá sang Mỹ cho gia đình, trước tiên để ở chùa. Là người Công giáo, nhưng tro cốt, hương hồn ông mấy năm qua, nghe qua câu kinh tiếng kệ, trước khi lần nữa được đặt yên xuống lòng đất. Kể từ cái ngày oan nghiệt theo vận nước, tôi mới có dịp chào vĩnh biệt Đại Tá. Tôi cúi người thấp nhang trước di ảnh Người, đã bao lâu rồi cảm giác như dễ nặng, Hôm nay đây, trong không khí gia đình ông, lòng tôi thấy êm ấm khác thường.

Ngồi lại nghe chị nói mấy chuyện năm xưa, chúng tôi không khỏi đau lòng, nhất là những giờ phút cuối của gia đình chị. Chị kể từ lúc ông tử thủ cho đến giờ bị bắt, nghe chú lính cho hay, chị dân con lợi bộ từ Chương Thiện xuống tới Long Mỹ đón xe về Thủ Đức. Rồi mấy chục năm nay sang xứ người, chị lặng lẽ bên gia đình không tham dự với đoàn thể, phong trào đấu tranh xuống danh, truy điệu lần nào về cái chết của

chồng. Người đầu đàn tỉnh Chương Thiện đã chiến đấu đến giờ phút cuối cùng không hàng, để rồi bị bắt, bị làm nhục, bị hành quyết. Chị lặng lẽ sống bình thường, như trước đây, khi còn ở địa vị, chị cũng bình thường với thân phận người đàn bà, người vợ.

Tôi có coi hai bức ảnh trên youtube, lúc Đại tá Căn bị xử bắn. Từ một nhà thơ nữ đưa lên *net* để thiên hạ xác quyết hình nào là Đại tá Căn. Một ảnh: thân hình người ốm yếu mặc áo trắng, quần dài đen. Tôi chắc chắn là không phải. Một ảnh thứ hai: Đại tá Căn mặc áo bà ba đen, (gương mặt phẳng phất giống), nhưng khuôn mặt to hơn, kể bên là một bộ đội dùng súng Colt trong tư thế bắn vào màng tang. Nhìn hình này, tôi tự hỏi, làm sao tin vào thời điểm năm 75 đó, chưa có máy điện thoại cầm tay, và ai là người có đủ can đảm đứng ra chụp làm tài liệu lưu trữ, dù là chụp lén. Điều không đáng tin nữa là anh chàng bộ đội này dáng dấp quân áo sạch sẽ, đầu cổ rất ư là trau chuốt đẹp trai (cái vụng về để dễ nhận biết, là tên lính VC này, giống tài tử phim ảnh quá). Chụp hình là chuyện lạ ở thời điểm 75, tình trạng hỗn loạn lúc đó.

Khi Đại tá Căn bị xử bắn ở sân vận động Cần Thơ, chúng tôi đang bị giữ tập trung ở trường Phan Thanh Giản Cần Thơ. Sau cuộc hành quyết, viên chính ủy có về tập họp (gọi là "lên lớp") anh em chúng tôi lại. Tôi còn nhớ câu hán nói: “*Tên ác ôn này sau khi bị bắn ngã xuống, miệng vẫn còn chửi cách mạng, nên phải dùng lưỡi lê đâm vào cổ mới chịu yên.*” Như vậy là bắn với súng AK có khoảng cách. Nghe tin, tôi không khỏi bàng hoàng đau xót. Nhớ lại biết bao kỷ niệm thầy trò ngày nào còn gần gũi, trên chuyến bay đổ quân, hay những chiều mắc võng, ngủ lại qua đêm với tiểu đoàn trong vùng hành quân, nghe ông kể chuyện tình cảm đầu đó qua đường.

Ngày ông bị xử bắn, ngày 14 tháng 8 năm 1975, tôi chảy nước mắt một



mình lúc biết tin. Một ngày nắng ráo. Không phải như một nhà văn hải ngoại sống bên Pháp viết rằng, lúc đó, trời vẫn vũ bất chợt sấm chớp, rồi cơn mưa đổ xuống. Một đứa con gái nhào ra ôm xác kêu “Ba ơi, ba ơi.” Tôi đọc mà thấy ngỡ ngàng, tiểu thuyết hóa từ sự vờ vỏng tưởng tượng (tôi biết gia đình Đại Tá ở hậu cứ trung đoàn, chỉ có một đứa con trai lúc bấy giờ còn tuổi nhỏ).

Qua điện thoại sau này, hỏi chị về bức ảnh, “*Mấy sự việc này, chị có biết không?*” Chị nói, “*Hình đó, trong phim họ dàn dựng làm phim DVD bán, có mời chị hôm ra mắt. Chị không có tham dự.*” Phần tôi, cho đến bây giờ tôi mới biết sự thế, chưa có dịp coi, nên không biết nội dung thế nào. Hỏi chị. Chị nói, “*Họ dựng chuyện bậy bạ không đúng đâu vào đâu hết.*” Trong phim kể chị suốt ngày chỉ lo đi cờ bạc, thằng Nguyễn thì muốn người vú trông coi. Tôi hỏi, “*Chị không đồng ý sao không phản ứng, lên tiếng?*” Chị kể hồi trước một thân một mình, đâu có biết ai mà nhờ lên tiếng. Vậy rồi thôi, cho đến sau này, khi có một số người biết nơi mộ phần Đại tá Căn ở vùng Cali này, đến liên lạc với chị để đứng ra tổ chức truy điệu, làm giỗ. Chị thẳng thừng từ chối. “*Chị sợ.*” “*Sợ gì?*” “*Chị sợ những người lợi dụng. Chị không có khả năng để đánh giá thật giả. Tất cả những gì đã qua, cho qua đi.*” Chị không muốn làm rình rang mọi sự mọi chuyện, dù ở đó người ta tuyên dương chồng chị là một người hùng. Chị nói hãy để linh hồn anh ấy được yên, mấy chục năm qua rồi. Cho nên khi đến gia đình, hay đến thăm mộ phần là đến với tính cách cá nhân, đến với tình cảm năm xưa là tốt nhất.

Nghe chị nói, nhìn gia đình chị, bao cảnh truân chuyên. Mọi sự đã qua, thì thôi cứ để qua đi. Chúng ta ai cũng cần nhìn vào thực tại để sống, nhất là trên xứ người. Bây giờ chị cũng có tình thân chốn này để giúp chị, đó là

nhóm anh em Thiếu Sinh Quân thân tình với chồng chị.

Hôm nay anh em chúng tôi gặp lại nhau, qua đêm ở nhà anh Hiệp. Anh kể lại chuyện nhờ Đại tá Căn dùng trực thăng tản thương anh từ quận, chuyển bay cuối cùng hai ngày trước khi mất nước. Tôi cũng mừng gặp lại Thúc, bay từ Nebreska sang khi hay tin tôi xuống. Ba mươi sáu, ba mươi bảy năm qua rồi. Thúc và tôi là hai thằng một thời làm trung đội trưởng ở Đại đội 1, lúc mới ra trường (bấy giờ Thiếu tá Thiệp còn làm Đại đội trưởng Đại đội 3). Bao gian khổ hiểm nguy chửi đổng lên trời, khi mà trên tuyến đầu chỉ có hai thằng chịu trận. Bản thân tôi là người bị “đi” nhiều nhất trong hiểm nguy sống chết, quan cũng biết, mà quân cũng thấy, để rồi tiểu đoàn trưởng phải quan tâm. Tôi nhắc đến Thiếu tá Trần Văn Mỹ – Tiểu đoàn trưởng 3/15 – đã chỉ định tôi thay đại đội trưởng, trong lúc trận đánh đang diễn ra tại chiến trường Kampuchea (năm đầu hành quân vượt biên giới). Nghĩ lại, mà mền Thúc ở chỗ Thúc ra trường trước tôi mấy khóa, nhưng khi tôi chỉ huy đại đội, Thúc vẫn vui vẻ không tị hiềm, sống chung trong tình bạn cho đến lúc thuyền chuyển đi giữa năm 72. Bây giờ đây gặp lại, cảm động sau bao năm tưởng không tìm nhau được. Nhìn bên ngoài so với tôi, Thúc trông trẻ, thoải mái hơn. Ai cũng trách tôi coi già quá so với ngày xưa. Qua một đêm anh em ở chung nhà chuyện vãn, buổi sáng chúng tôi ngồi bên nhau, cho đến lúc tôi từ già đi nơi khác. Thúc cũng chia tay ra đi.

Trong số anh em chung cùng đơn vị, có lẽ tôi và anh Hiệp là hai người ở chung một tiểu đoàn, trung đoàn lâu nhất, tham dự đầy đủ các trận đánh, chiến thắng có, hoạn nạn có. Để rồi sau này tôi về trung đoàn làm sĩ quan hành quân, rồi chuyển sang coi Quân Báo. Anh về làm quận trưởng Kiên Long theo Đại tá Căn. Cuộc đời anh là một chuyện dài của

người độc thân, còn đó mất đó. Tôi biết anh không có thời gian để nuôi dưỡng những mối tình ở thời điểm còn lặn lội hành quân. Hôn nhân, đời sống gia đình, nếu phải có chọn lựa thì thực tế trong chiến tranh, tình yêu có quá nhiều phiền lưu, quá gần với vai trò làm goá phụ son trẻ.

Người đàn bà bên anh tôi gặp tối nay, chị là người hiền lành, anh chấp nói đùa sang, và như anh nói “mười năm tình cũ” cho có chút lãng mạn. Thật ra mười năm chị bỏ anh đi, sau năm năm sống chung. Ra đi rồi lại trở về. Nói không sợ mịch lòng. Chị không thể yên phận với anh, khi bên chị còn có trách nhiệm với con riêng, với cháu ngoại. Chị bỏ đi hay trở về, để anh thử thời vận có phải chị về thật? Ở anh, hay ở những người tuổi đã về chiều, chúng ta không còn là chỗ dựa ở thực tế đời sống hiện tại. Ngày hôm nay không phải là ngày tháng cũ đứng lại, thì thôi mười năm tình cũ hay năm năm gần có sống thêm, thì coi như tình bạn, *khi vui nó đầu khi buồn nó bay*. Phải nói lời cảm ơn chị, buổi hôm đầu tôi xuống về khuya, buổi cơm anh chị dọn ra, cá kho mua ngoài tiệm, với rau đắng. Loại rau đắng, mà năm đầu bị tù cải tạo ở Chi Lăng, hái loại rau đắng đất, rau đắng biển mọc hoang, quanh miệng giếng, thứ nào cũng đắng dữ dội. Không biết sao đêm nay đĩa rau đắng màu xanh tươi lại dễ ăn, món ăn nhà quê, cái tình chân thật đậm tình quê hương theo câu hát, như sống thật lòng. Lần này đây, lạ một điều, giống nhau ở chỗ, là anh em tác chiến chung cùng đơn vị tỵ nạn, chúng tôi không nói chuyện trận đánh, chuyện chiến tranh trong quá khứ. Hôm nay ngồi lại, nói chuyện hôm nay, nỗi băn khoăn ở tuổi sẽ tới. Sống lại với một tình thân ngày nào, hôm nay biết đầu ngày mai có còn được gặp?

Nói chung, nếu đường đời không đứt đoạn đổi thay, chắc gì cái tình năm xưa còn vương vấn. Nếu không thua cuộc đổi đời, tướng tá, quan



quản, đời sống bên ngoài việc ngồi lại gân nhau chắc khó có chung một bàn. Khi tất cả mất hết, danh vọng chỉ còn là phù phiếm, lạc lõng trên xứ người, cái tình đồng hương, dân tộc, cái chuyện năm xưa liếc mắt ngó qua, giờ đây lại thấy gân gù. Mỗi khuôn mặt, mỗi thân phận nhận nghi khác nhau. Tâm trạng của người ngạ quỷ tù đày còn ở lại, chắc một điều là khác đi quan điểm sống với những người vượt thoát khi mất miền Nam. Sự lộn xộn chung cùng trên một đất nước tự do, đường ai nấy đi, nhân cách ai nấy giữ, không có gì quan trọng ở danh xưng địa vị với người đối diện. Ở đã lâu, nhân vật nào rồi cũng như nhau. Cứ coi như là điều thanh thản, bình an trên một đất nước, như quê hương thứ hai, bởi không có một chọn lựa nào khác.

Trong những lần hội ngộ anh em, người cũ trước sau. Tôi nhớ căn nhà anh Hiệp: căn nhà liên dây dành cho người về hưu hưởng trợ cấp xã hội. Độc thân như anh, so với tôi anh có vẻ lạc quan trong cuộc sống. Mọi sự anh đều tập trung tại chỗ. Chỗ nằm, chỗ bàn ăn, chỗ đọc sách, xem ti-vi, cố tập thể dục, tất cả đều ở phòng ngoài với cửa kính, có màn che. Đặc biệt được vén khéo, trống một góc như anh chàng *manager* người Mỹ trắng trông coi căn dặn: *"Tôi biết ông ở một mình, khi nào không thấy ông vài hôm, tôi sẽ đến nhìn vào. Chỗ này là chỗ ông nằm tôi biết, và nhớ vén một góc màn cho tôi thấy, để biết ông còn hay mất."*

Nghe qua lời nói thật tình, tự đứng tôi thấy chua xót cho thân phận kiếp này. Những con người lẻ loi không có quê hương, trong đó có tôi, có anh, có anh em của một thời xa khuất. Giờ đây không biết đâu thực là nhà, ở tuổi xế chiều.

Tôi đi xa tưởng thành thói. Đâu ngờ khi về lại mang theo câu nói nặng lòng! ■

**HOÀI ZIANG DUY**

## thơ THẮNG TƯ ĐEN

### THẮNG TƯ, BỨC TƯỜNG ĐÁ ĐEN

Tôi đứng nhìn em  
Người thiếu phụ đứng ở bức tường đá đen  
Có chồng chết ở chiến trường Việt nam  
Mấy chục năm qua như lời em kể  
Mỗi năm tháng Tư  
Hoa đào mở hội  
Trên mặt phẳng đá đen cuộc đời tro bụi  
Năm mươi bảy ngàn chiến binh, quan,  
quân ghi dấu  
Thấy lại tên chồng  
Hồi ức chuyện năm xưa  
Mấy mươi năm qua lịch sử nhục vinh còn đó  
Tên kẻ tên không phân biệt chức danh  
Khi chết đi thân người nằm xuống  
Cũng cầm bằng  
Một nghĩa như nhau

Em trở về, tôi Tháng Tư Đen  
Tìm lại tên ai trên bức tường hồi ức  
Tôi bàng khuâng lòng đêm canh thức  
Xương máu đồng bào  
Đồng đội tôi  
Người lính vô danh  
Đâu có bức tường nào  
ghi đủ chiến cuộc Việt Nam  
Cả triệu người nhà tan phận nát  
Sau chiến tranh, chiến binh người lưu lạc  
Có còn đâu tổ quốc quay về  
Đầu hôm nay, cho cùng màu da mẫu hệ  
Thấy sống còn  
Đâu có nghĩa như nhau  
Hồi cô gái ở bức tường đá đen  
Em dò lấy tên người thân quá cố  
Có thấy tôi, mang tên người chết trước  
Sử xanh kia sao buông bỏ nửa chừng  
Không biết em nghĩ gì ở tháng Tư  
Tôi đứng đây vịn cành đào trĩu nặng  
Bức tường đen đứng ngoài xa thăm lạng  
Vẫn thấy gần nước mắt với khăn tang

### THẮNG TƯ, CÒN ĐÓ NỖI BUỒN

Buồn giùm tôi mỗi năm một tháng Tư  
Tháng Tư đau cả một miền đất nước  
Máu xương khô vắt bên đường xuôi ngược  
Hành phương Nam tang trắng quần xuôi dòng

Tiếng kêu thương tựa sóng gấm biển động  
Núi rừng sâu mưa mát hút lạc loài  
Súng tay buông, lòng còn như níu lại  
Ngóng bên trời cùng khắp những oan khiên

Nửa miếng cơm dở chừng ta khẩn nguyện  
Hồn linh thiêng theo mấy ải đèo bồng  
Nợ núi sông, đường còn xa trước mặt  
Đời chỉ như hơi thở ngắn sau cùng

Đêm là đêm cầu giấc ngủ mông lung  
Đêm như thể đổi ban ngày trận địa  
Mắt trẻ thơ mở trừng theo tiếng pháo  
Bao vọng hồn vất vưởng những vì sao

Đường giang sơn tô đậm nét máu đào  
Ai chấm phá bức tranh màu ly tán?  
Những đóa hoa nở trên đầu lửa đạn  
Sao nguội lòng từng giọt chảy trăm năm?

Đã lâu lắm một mùa tang sâu thẳm  
Vọng bên lòng buồn cố xứ quẩn quanh  
Người là Em? Những mỗ hoang cô quạnh  
Biết tìm đâu mẫu đất máu tạ từ

Nhớ giùm tôi mỗi năm một tháng Tư  
Tháng Tư đau mối tình ta vĩnh biệt  
Đời phù vân, anh làm mây thua thiệt  
Thời Nam Mô, lòng lắng dựa trăng Rằm. ■

**HOÀI ZIANG DUY**



## TRÒ CHUYỆN CÙNG NHÀ VĂN HOÀI ZIANG DUY

LƯƠNG THU TRUNG<sup>(x)</sup>

**Lời mở đầu của người thực hiện (LTT):** Qua giới thiệu của nhà thơ Trần Phù Thế (quê Sóc Trăng<sup>(1)</sup>), tôi đọc được tập truyện "Bốn Ngàn Năm Chen Lấn"<sup>(2)</sup> của tác giả Hoài Ziang Duy, người gốc Châu Đốc. Nhằm mục đích tìm hiểu công việc sáng tác của một tác giả gốc miền Tây Nam Phần, viết trước năm 1975 và nay còn tiếp tục sáng tác, nên tôi thử liên lạc với nhà văn Hoài Ziang Duy và có cuộc trò chuyện trực tiếp qua email này. Điểm đặc biệt là cuộc trò chuyện này rất bất ngờ, không có báo trước nên các câu hỏi và câu trả lời giống như cuộc nói chuyện thường trong một buổi uống cà phê vào một buổi sáng cuối tuần, nên các câu trả lời của tác giả rất cởi mở, tự nhiên chứ không phải là cuộc phỏng vấn có chuẩn bị trước. Sau đó, tôi mới đúc kết và gửi lại để tác giả Hoài Ziang Duy đọc và anh đã đồng ý cho phổ biến cuộc trò chuyện này.

**LƯƠNG THU TRUNG (LTT):**  
**K**ính chào anh Hoài Ziang Duy, Tôi đã đọc tập truyện "Bốn Ngàn Năm Chen Lấn" của anh trong mấy tháng qua, thêm vào đó, được biết anh "khởi viết từ năm 1965 trên các báo và tạp chí ở Sài Gòn", xin anh có thể chia sẻ một chút về những ngày đầu viết văn làm thơ ấy được không?

**Nhà văn HOÀI ZIANG DUY (HZD):**  
Anh à, những người viết văn làm thơ sớm, là mang khổ lụy vào

thân. Kể ra khoảng thời niên thiếu học trung học, tôi đã viết truyện để kiếm tiền trang trải sống cho bản thân mình, nhiều hơn là lo học. (Cứ mỗi ngày mở báo ra là có đăng bài tôi). Cũng may là đường khoa cử cũng trơn tru. Hồi đó mỗi lần một bài truyện đăng báo, được trả 300 đồng (thời giá may một cái quần tây vải Dacron là 300, một cái đồng hồ hiệu Telda, hay Luran là 350 đồng). Đăng ở nhật

báo Tia Sáng, Ngày Mới, Dân Ta, Dân Tiến, Tiểu Thuyết Thứ Năm, Sống, Sống Thân, Đời,... và các tạp chí văn học,... Năm học lớp Đệ Nhị, thơ tôi được giới thiệu "Thơ và Tác Giả" trên Đài phát thanh Sài Gòn (chương trình "Tuần báo Nghệ Thuật Truyền Thanh"). Sau này đi lính thì chỉ còn có thì giờ viết cho các tạp chí. Tôi thường xuyên viết cho tạp chí Trình Bày của Thế Nguyên. Mang tiếng là

<sup>(1)</sup> "Sóc Trăng" (theo cách viết của Vương Hồng Sển), ngoài ra còn viết thành "Sóc Trăng"

<sup>(2)</sup> Tập truyện Bốn Ngàn Năm Chen Lấn của Hoài Ziang Duy do Thư Ấn Quán (Hoa Kỳ) ấn hành năm 2010





Hội Văn nghệ sĩ Quân đội, nhưng binh nghiệp thì ở đơn vị tác chiến, hành quân. Đời sống tôi rất cô độc (con út trong một gia đình, mất mẹ lúc lên 5, 6 tuổi). Sống ở đơn vị mà chỉ viết báo ngoài để lãnh tiền, khi về Sài Gòn thì ghé qua lấy.

Trong lãnh vực văn giới thì như anh đã biết rất hiếm người miền Nam cầm bút, rất hiếm người miền Tây, chuyện bè phái thói phong cho nhau, trước đây hay bây giờ, ở đâu người miền Nam, miền Tây vẫn thua kém người các miền khác.... Tôi chỉ một thân một mình đi lên bằng chính khả năng viết lách của mình. Sang Mỹ năm 1991, sau đó ít năm gửi bài đi thì anh Nguyễn Mộng Giác (Văn Học), Khánh Trường (Hợp Lưu) có thư liên lạc để cộng tác. Phải nói những năm đầu ở Mỹ, anh Nguyễn Mộng Giác đã liên tục giới thiệu thường xuyên bài truyện của tôi. Vì nghĩa tình đó, mà tôi đọc quyền bài mới cho Văn Học rờng rã suốt 15 năm cho đến ngày báo đóng cửa. Mấy sách tôi in ra có cái may là lúc nào cũng có độc giả ủng hộ. Lân rồi đi Boston nghe anh em nhắc anh và Trần Phù Thế, Vũ Thất cũng khen anh. Chưa biết anh, nhưng qua anh em, tôi có niềm tin và tình cảm quý mến anh, những người miền Tây, miền Nam lạng lẹ sống và viết cũng lạng lẹ một mình.

*LTT: Rất cảm ơn anh đã phác họa lại khá chi tiết về những ngày đầu ấy. Giờ xin trở lại tập truyện "Bốn Ngàn Năm Chen Lấn" (BNNCL), trong các nhân vật của anh qua 14 truyện ngắn trong tập truyện BNNCL này*

*dường như nhân vật nào cũng mang chút bi quan bên những cảnh đời nhiều biến đổi, nhất là nó dường như hiển hiện ở những câu kết của các truyện? Anh nghĩ sao về nhận xét này?*

HZD: Với tôi trong cách dựng truyện, tôi thường lấy căn bản trên những câu chuyện có thật làm nền, cộng thêm cái thật của xã hội (thời sự) đang diễn tiến, thêm vào hư cấu để đặt thành một đề tài mà người đọc có cảm giác có mình trong đời sống nhân vật, để kết thúc bằng điều tự hỏi với bản thân người đọc. Cho nên có thể nói một điều, qua những truyện ngắn tôi viết, bạn đọc không thể đoán được đoạn kết. Mười bốn truyện, mỗi truyện đều có hàm ý riêng, như ở "Bốn Ngàn Năm Chen Lấn", cái bất lực của nhân vật người Bắc vào Nam, không phải là cái bất lực (về tình dục) mà ý muốn nói sự bế tắc về tình trạng kinh tế, hỗn loạn trong đời sống. Truyện "Nghe Những Tự Tình" nói về cách dựng truyện và kết cấu của bài viết, tâm trạng người viết. Chuyện thật về đời sống tôi, cha tôi là truyện "Nhân Gian Một Chỗ". Còn truyện "Lạ Một Chỗ Ngồi" tôi viết vào thời điểm mà các câu viết nữ rộ lên, viết về tình dục trơ trẽn quá nhiều. Qua mỗi truyện của tôi (nói như Hà Thúc Sinh) là xếp sách lại, đọc lại, nghĩ lại, mới thấy được nội dung. Cho nên tôi biết mình có cái dở là có một số người đọc văn tôi không hiểu. Theo như nhà văn Xuân Vũ nói chuyện với tôi trước đây là "không ai viết giống em được, cứ giữ cái style vậy mới là văn phong của mình."

Anh hỏi tôi, kết thúc đều là những nghi suy buồn? Vàng, cuộc đời tôi cô độc, có đời sống buồn,

trong cuộc đời buồn. Nên kết thúc truyện ở tôi là những điều để bạn đọc chia sẻ, ngẫm lại với chính mình.

*LTT: Rất cảm ơn anh đã chia sẻ về cách dựng truyện cùng kết cấu nhân vật; nhờ những câu giải đáp này người đọc đến gần với các truyện của anh hơn. Thưa anh, nhân anh có nhắc hiện tượng các nhà văn nữ nổi lên với những sáng tác nặng phân tính dục, theo anh đây có phải đã đến lúc cái chất văn chương đẹp và trong sáng ngày xưa đã quá cũ rồi chăng? Và theo anh, anh thấy thế nào về tương lai một nền văn học Việt Nam nơi hải ngoại này khi lớp người đọc trẻ ít đọc sách tiếng Việt và người đọc già như thế hệ tôi thì quá già? Trong hoàn cảnh như vậy, anh có nghĩ là mình sẽ viết cho các bạn đọc trẻ trong nước không?*

HZD: Tôi không nghĩ văn chương trong sáng, cái sâu sắc trong một tác phẩm, lại có thể bị đê bẹp bởi những ngôn từ quá sức lộ liễu đến độ thô tục, do người viết gài vào các tác phẩm văn học, để dễ câu đọc giả, hay cho là cách làm mới nội dung, văn phong bây giờ. Hiện tượng này đã có người chống, kẻ khen hay. Nhưng rồi thời gian qua đi, như anh thấy, nó không nổi đình đám nữa. Bởi đã là hiện tượng thì nó chỉ có tính giai đoạn mà thôi.

2. Chuyện văn chương VN ở hải ngoại, điều lo nghĩ ở anh cũng đúng, khi các nhà xuất bản đóng cửa, đầu sách in thừa đi, cũng như khó bán sách, vì đa số người đọc đều từ lứa tuổi 40 trở lên, và hiện tượng đọc trên Internet có sẵn,



ảnh hưởng phần lớn đến việc mua sách. Có lo, cũng là cái lo chung.

Nhưng riêng tôi, tôi tin một điều là còn tiếng nói trong giao tiếp, còn có ngôn ngữ chữ Việt, thì sẽ có những người tiếp nối viết. Nếu có người viết thì sẽ có người đọc. Tôi không tin nó tan biến. Bây giờ mở tờ báo tuần, báo tháng, anh sẽ thấy rất nhiều người mới, tên tuổi mới cầm bút viết. Những người trẻ viết cũng rất hay, bút pháp mới không ảnh hưởng bởi chiến tranh đê nặng, tư tưởng sẽ thoáng hơn. Thêm nữa, anh thử đọc người trẻ chuyển ngữ từ tác phẩm tiếng Anh ra chữ Việt. Văn phong chữ Việt rất hay, sâu sắc. Từ Anh, Pháp ngữ ra chữ Việt được, thì ngược lại họ viết bằng chữ Việt ý tình cũng phải trơn tru. Đâu có gì khẳng định là thành phần này sẽ không dài lâu. Năm xưa thời trẻ, từ lúc còn học trung học, rồi đi lính, tôi cũng đâu nghĩ mình vẫn cầm bút sau lúc đi hành quân về, rồi ra tù, rồi sang định cư ở xứ người. Viết, sáng tác, như một cái nghiệp đeo đẳng cho đến bây giờ.

3. Câu anh hỏi là có nghĩ sẽ viết cho bạn trẻ trong nước đọc không? Thật sự tôi viết không nhằm vào đối tượng trẻ già, trong hay ngoài nước. Điều tôi quan tâm là chuyển tải cái nội dung trong tác phẩm đến với người đọc. Có sự đồng tình bởi người đọc thấy mình trong đó, thấy cái thế giới mình đang sống, sự việc, hoàn cảnh như thể là mình, và khi đọc xong, người đọc hiểu người viết muốn nói một cái gì. Đó là điều tôi mong muốn.

Tình hình bây giờ nhờ có Internet, tôi nghĩ người trong

nước cũng dễ dàng đọc tác phẩm của người viết bên ngoài, khi lên net. Tôi có đọc một số ý kiến của người trong nước đọc tác phẩm tôi qua các websites. Thấy cũng vui và an ủi phần nào. Ở VN bây giờ họ lại kiếm mua, hay lục tìm coi sách báo trước 75. Họ muốn đọc, muốn tìm hiểu đời sống văn học trước kia, đọc để rồi có cái so sánh với văn học miền Bắc trong thời chiến và văn học chỉ đạo bây giờ.

*LTT: Thưa anh Hoài Ziang Duy, lâu nay tôi có đọc thơ anh như "Bài Tình Nhân Xưa" có đoạn:*

*Điên điên vàng bông con nước nổi  
Nhớ đồng An Phú túi lòng thương  
Nhớ đất Vĩnh Ngươn trời hiu hắt  
Nghe tiếng buồn rơi rụng cuối vườn  
hoặc như bài "Đứng Tựa Bên Đồi"  
có bốn câu dưới đây:*

*Ta sống đời nhau trong quá khứ  
Lòng cũng theo buồn ở cuối đồng  
Đôi khi nước mắt giùm nhật thực  
Nghĩa, tình, tụ lấy một dòng sông*

*Với văn xuôi trong tập truyện BNNCL của anh, dường như hơi khô nếu không muốn nói là ở đó hơi nhiều lý lẽ và khá lạnh lùng, khó đọc, và ngược lại mấy vần thơ tôi vừa dẫn lại đậm thắm, nồng nàn, lãng mạn, thiết tha. Theo anh, có phải vẫn là viết cho người khác đọc và thơ là làm cho mình?*

HZD: Thưa anh, đọc mấy lời trong câu hỏi của anh, quả tình thật tình tế trong nhận xét, khi so sánh văn và thơ của tôi. Từ trước tới nay, viết và chọn chỗ đăng bài, hầu như tôi chỉ gởi đăng ở các tạp chí thuần về văn học. Ở đó như anh biết số độc giả này chịu bỏ tiền mua, và trình độ thưởng ngoạn của họ cũng khác với thành phần độc giả đọc chơi giải trí

trước khi ngủ. Tôi cũng biết văn tôi không giản dị, dễ thấy ngay những ẩn tình sâu kín, người đọc sẽ cảm thấy áp lực nặng khi phải theo dõi những trang kế tiếp. Điều này tôi cũng tự biết khi phải đào sâu trong cốt truyện, trong cách viết của mình, không nhẹ nhàng thoải mái như nhà văn khác. Tôi cũng có thử, nhưng không được anh à. Cho nên bài viết đặt đúng chỗ thì mới hợp tình hợp lý (Nhật Hoàng ở báo Trẻ-Texas có xin bài, nhưng tôi thấy bài truyện của tôi không hợp với báo Trẻ được). Tôi có viết thường xuyên ở mục "Sống và Viết" trong Thư Quán Bản Thảo của Trần Hoài Thư, lối viết và nội dung dễ đọc thoải mái trong cuộc sống đời thường (chắc anh có đọc). Cho nên viết một bài truyện, tôi đặt nặng tính sáng tạo, nội dung có chiều sâu để theo, và tùy hoàn cảnh nhân vật để ứng xử ngôn ngữ. Trong các truyện của tôi, anh sẽ không thấy tả cảnh thường tình, hầu như tôi hay chú tâm về thân phận, tâm trạng, cảm nhận của con người nhiều hơn. Ấu đó cũng là một lối của riêng mình anh à.

Còn thơ tôi, những lãng mạn, nồng nàn thiết tha như anh thấy trong nhận xét. Quả tình tôi cũng yếu đuối sống thật với chính mình qua những bài thơ. Khác với thực tế sống bên ngoài, đời sống tôi chùng mực, trật tự, không có lối buông thả, rượu chè (có lẽ vì vậy mà tôi ít có bạn bè, ít hình tượng làm dáng của một văn nghệ sĩ). Tôi vẫn thích làm thơ hơn, bởi nó trang trải những cảm nghĩ rung động kịp thời, hơn là một bài văn đòi hỏi sự chuẩn bị sống cho nhân vật, không phải sống thật với mình.



*LTT: Đọc mấy lời chia sẻ của anh, thật tình cờ, tôi thấy những tâm tư ấy nó rất khế hợp với câu: "Tôi không cho mình là nghệ sĩ phải sống làm dáng. Tôi chỉ là một người tầm thường sống lẫn trong đám đông. Từ lúc trưởng thành bước vào đời. Tôi có mối tình đầu. Ở đó có người con gái đã nuôi dưỡng những mộng mơ, lãng mạn một thời, sống với thực tế đời sống cho tôi..." trong truyện "Dường Như Hiu Hắt Bay" (ở trang 230, BNNCL). Điều đó cho thấy có sự liên hệ mật thiết giữa nhân vật trong truyện và tác giả. Như anh nói, văn anh thực sự rất khó đọc. Nó khó đọc không phải vì nó quá xa lạ mà chính vì trong các truyện của anh có quá nhiều sự kiện và sự kiện nào cũng chứa đựng những hàm ý bên trong, nên nó dễ mang đến cho người đọc giải trí hơi lười suy nghĩ một chút như tôi là họ sẽ bỏ dở những trang sách một cách dễ dàng. Chẳng hạn như mâu đối thoại ngay trong truyện "Tình Yêu Tay Dài" mà tôi xin trích dưới đây nó có vẻ như chứa đựng một chút Thiên trong lòng các lời đối đáp ấy:*

- Thế ông không mù à?
- Thưa không.
- Vậy ông ngồi đây làm gì?
- Tôi ngồi giữ chỗ giùm ông bạn.
- Thế ông mù mỗi ngày xin tiền đâu?
- Thưa, ông ấy đi coi chiếu bóng.
- Anh nói giỡn hả? Vậy là không mù à?
- Ai biết, anh ấy có cho là mình mù đâu?
- Thế thì ngồi đây làm gì?
- Tôi chỉ ngồi đây, có mở lấy câu nào." (trang 228)

*Theo tôi hiểu, người mù đâu phải cái gì họ cũng mù. Họ vẫn còn có những nhu cầu trong các phân khác trong đời sống của họ. Họ vẫn phải ăn, phải ngủ, phải nghe, phải suy nghĩ và nhất là*

*phải suy nghĩ về thân phận của họ nữa chứ... Thế nên, những người mù ngồi xin tiền nơi các bến xe, bến bắc, hoặc bên lề đường xó chợ họ thấy hết cảnh đời chung quanh họ, và nhất là họ thấy hết tấm lòng của mọi người cư xử với họ, với mọi người. Thành ra hề nói tới người mù mà cứ chỉ nghĩ họ không thể xem chiếu bóng là cái nghĩ hơi gàn quá phải không, thưa anh? Thành ra, đọc văn anh tôi thấy khó là vậy. Theo anh, anh nghĩ sao về nhận xét này?*

*HZD: Thưa anh, thật ra ở đoạn này tôi chỉ muốn nói, người sáng mắt còn lăm lăm, tưởng người khác là mù. Chỉ có câu "ông ấy đi coi chiếu bóng" để bạn đọc hiểu ra sự ngộ nhận này. Còn vấn đề có Thiên, triết lý hay không, trong những câu văn, ý tôi viết, thì tôi hoàn toàn không có đặt để chủ trương này, có thể tôi bị ảnh hưởng nhiều từ tư tưởng Phật giáo?*

*Mấy ngày nay đối đáp qua lại với anh, làm tôi nhớ đến họa sĩ Nguyễn Văn Minh (mất mấy năm nay, người vẽ bức tranh lớn ở tường, trong phòng khánh tiết Dinh Độc Lập). Anh ấy rất thích đọc văn tôi, và điều đặc biệt là nhớ rất kỹ từng nhân vật, câu văn, và mỗi lần gặp nhau là anh ấy thích bàn về tác phẩm.*

*LTT: Mặc dù chưa gặp anh lần nào, nhưng biết quê anh ở Châu Đốc, mà tôi thì Long Xuyên, nên thư từ qua lại như quen từ lâu vậy. Thế nên muốn biết rõ về những sinh hoạt văn học nghệ thuật vùng Châu Đốc những năm thập niên 1960 - 1970, không gì hơn là tìm hiểu qua nhà văn gốc Châu Đốc như anh. Vậy rất mong anh thông*

*cảm. Thưa anh, những người viết cùng thời với anh gốc gác Châu Đốc ngày này còn nhiều không? Và anh có tin tức gì về các giá này không? Anh có thể nào ghi lại một vài tác phẩm tiêu biểu của các tác giả này không?*

*HZD: Thưa anh, mấy hôm nay chắc anh có đọc qua bài viết "Dòng Sông Xuôi Cháy" trên TSCD rồi? Lúc bấy giờ, một người bạn trẻ chịu chơi là Lưu Nhữ Thụy. Lân đầu tiên anh gia nhập sinh hoạt văn nghệ, bỏ tiền rủ tôi ra báo. Lưu Nhữ Thụy, vẽ, trình bày đẹp. Đặc biệt anh kẻ chữ theo lối chữ in rất có nét. Chúng tôi thực hiện tập san văn nghệ Hiện Điện, hướng đi của những người viết và nghĩ tự do. Số đầu mang chủ đề "Thực Chất Tình Yêu và Chiến Tranh Hiện Tại". Lưu Nhữ Thụy đứng tên chủ trương. Tôi chỉ lo phụ trách phân bài vở cho tờ báo. Chủ biên, để tên chung: Hoài Ziang Duy, Mặc Lan Hoài, Mộng Linh. Cộng tác gồm có: Ngô Nguyễn Nghiễm, Trương Thảo Mộc, Hàn Thanh, Giang Thu, Phương Thảo Huyền, Uyên Linh, Thạch Cương, Mặc Nghiệm Tường, Sa Duyên, L t Tho, Hoài Lan Vân, Trần Xuân Huyền, Hoài Nga, Thủy Linh, Hoài Linh Trang.*

*Sau đó không lâu Ngô Nguyễn Nghiễm đứng ra lập nhóm Khai Phá, ra báo Trình Điện Tuổi Đất, trước đặt địa chỉ ở Châu Đốc, rồi dời lên Sài Gòn. Sau này Lưu Nhữ Thụy về Sài Gòn lập nghiệp, gần gũi với Ngô Nguyễn Nghiễm, sống nghề vẽ cho các báo. Ngoài một số anh em khác tỉnh, khác miền nhập cuộc với Khai Phá như Lâm Chương, Phạm Nhã Dự, Hà Thúc Sinh, Nguyễn Lê La Sơn,... Châu Đốc còn có thêm các nhà thơ mới*



như Trịnh Bửu Hoài, Nguyễn Thành Xuân.

Không khác gì hoạt động văn nghệ với nhiều người viết ở miền Trung, miền Tây lúc bấy giờ cũng đông đảo người cầm bút xuất hiện trên các mặt báo chí, ở mỗi quận, tỉnh, địa phương đây đây những anh em bạn trẻ mới lớn, tham dự, xuất hiện trên văn đàn, như Yên Uyên Sa, Mây Viễn Xứ (Lâm Hào Dũng), Phù Sa Lộc, Hạc Thành Hoa, Thy Lan Thảo, Triều Uyên Phượng,... Vào thời điểm này, cây bút nữ viết tùy bút, tạp ghi đều đặn trên các nhật báo là Hoài Dân (cô bạn ở Nguyễn Huỳnh Đức, Phú Nhuận). Về phía thơ nói về lính có MH Hoài Linh Phượng. Thời đó anh em học trò làm văn nghệ thường quen nhau qua thư từ trao đổi (thời đó chưa có *cellphone*), năm đó chúng tôi có thêm bạn phương xa Từ Kế Tường, Trần Hồng Nhan, Triệu Cung Tinh.

Một người mà tôi không ngờ, rất ư là Châu Đốc là nhà văn, họa sĩ Phạm Thăng, ở Canada. Anh viết rất nhiều, rất rành về Châu Đốc, từ câu chuyện địa danh, đến tên tuổi thầy cô, kỷ niệm sống ở đó. Biết ra, với anh dù không là nơi sinh trưởng, nhưng cả một quãng đời niên thiếu anh đã lớn lên, học hành ở đây, khác gì một quê hương thứ hai như anh đã nói.

Một người rất dễ mến nữa là là nhà văn Vũ Thất, anh chỉ thỉnh thoảng viết, thích đọc người khác viết hơn. Hầu hết những người văn nghệ quê nhà cùng thời, mỗi người một điều kiện khác nhau sống nơi xứ người. Ở đời sống mới

khó khăn ngôn ngữ, đa số hầu như vì sinh kế không còn viết, hay không còn viết nổi nữa. Một thời tuổi trẻ lãng mạn qua rồi.

Ngoài ra còn thấy có Song An Châu còn yêu văn thơ, còn xông xáo, nhưng tuổi cũng đến lúc về hưu. Mặc Lan Hoài còn có khả năng sáng tạo (đọc qua mấy bài thơ của anh) nhưng không thấy anh xuất hiện đâu cả, ngoại trừ tôi gọi lấy bài cho báo tôi.

Hầu hết những người Châu Đốc tôi kể tên trong bài viết đều làm thơ, và sau này (lúc còn ở VN) không có chỗ đứng trên các tạp chí. Như anh biết, làm thơ mà không có cách làm mới ngôn ngữ hay ý thơ không có chiều sâu thì khó mà thành công ở đường dài. Đọc qua vài câu thơ thôi, là người đọc có thể thẩm định một bài thơ hay, trình độ của tác giả. Ở trong nước, hiện tại chỉ còn có Ngô Nguyễn Nghiễm là còn in thơ, Lưu Nhữ Thụy vẽ cho các báo, tạp chí, Trịnh Bửu Hoài thì hiện tại làm chủ tịch Hội Văn Nghệ tỉnh An Giang (mình không có ý kiến). Còn ở hải ngoại chỉ còn có tôi cu-ky một thân một mình. Thấy anh em Quảng Nam đông đảo nhân tài, mà thấy buồn cho người Châu Đốc của mình. Hôm nay mới có thì giờ trả lời anh. Gửi anh coi (*scan* hình) hình bìa tạp chí Trình Bầy số 18 (ra ngày 22 tháng 4 năm 71), một trong những tạp chí tôi viết thường xuyên (thời gian này tôi ở hành quân, sáu tháng đi hành quân mới về nghỉ 4 ngày, đêm ngồi viết tay gửi đi). Đến ngày thứ năm thì đơn vị đi vào mặt trận. Bài truyện

viết ở thời điểm này trả ba ngàn. Tôi tìm mua được mấy cuốn báo cũ này ở chợ trời, lúc đi ở tù về.

*LTT: Rất cảm ơn anh. Như anh biết, qua những trao đổi vừa qua, tôi có ý muốn trò chuyện với một tác giả viết trước năm 1975 và nay vẫn còn tiếp tục viết như anh; vậy xin anh vui lòng cho biết viết ở thời nào anh viết dễ hứng thú hơn và dĩ nhiên, tôi cũng tò mò muốn biết tác phẩm thời nào hay hơn?*

HZD: Thưa anh, theo như anh nói, anh tìm người viết trước 75 và hiện còn viết để hỏi đôi điều, làm tôi rất ngại. Tôi là người cầm bút thâm lặng và đời sống văn nghệ của tôi cũng lặng lẽ, chứ không nổi đình đám anh em bạn bè đông đảo, bởi khi tôi vào quân ngũ (lúc hành quân về) tôi vẫn viết bài gửi đăng, và đôi khi nửa năm tôi mới về Sài Gòn, ghé qua thăm hỏi và nhận tiền. Tôi không tham dự thường xuyên, mỗi ngày mỗi buổi quanh năm với anh em văn nghệ ở hậu phương, ở thành phố. Như anh biết, thời gian tôi mặc áo lính, đời sống gắn liền với hành quân, mặt trận. Duy trì được viết lách ở thời trẻ tuổi đó, tới giờ tôi cũng không hiểu sao, tôi có thể ép mình làm vậy. Trước đây – tức thời gian trước năm 75 – những người cầm bút sáng tác hoàn toàn có tự do trong nhận nghĩ và viết. Chúng tôi không bị lệ thuộc vào sự yêu cầu hay chỉ huy tư tưởng của ai, cũng như không nhằm phục vụ cho một đơn vị đoàn thể, tổ chức nào. Thích thì viết, không thời thì thôi. Kể cả Hội Văn nghệ sĩ Quân đội cũng không chi phối được nhà văn mặc áo lính.



Câu anh hỏi viết thời nào dễ hứng thú hơn? Phải chăng anh muốn hỏi thời trước 75 và bây giờ ở hải ngoại? Đối với tôi, khi viết xong phần kết một bài truyện, là lúc tôi sung sướng và thấy thoải mái như vừa xong một gánh nặng (nghĩ một hai ngày rồi viết tiếp truyện khác). Bởi vấn đề viết với tôi, không phải chờ lúc hứng thú (như lúc làm thơ), mà viết với tôi là một việc làm đều đặn mỗi ngày. Khi tôi ngồi xuống là tôi viết được nhiều hay ít, tùy theo ý tình... Ngày xưa tôi viết lúc còn ở thời học trung học. Đi lính tác chiến, vẫn viết được. Cho nên thời trước hay bây giờ ở xứ người, hứng thú với tôi không là vấn đề đòi hỏi. Điều quan trọng là khi nào tôi có ý, có đề tài là tôi viết được ngay. Ở thời tuổi trẻ, còn sung mãn, có nhiều ý tưởng trong sáng tạo, viết nhanh, viết nhiều. Nhưng so với tuổi đời về sau, nội dung trong đề tài mình viết, văn phong có chiều sâu hơn, kỹ thuật viết cũng chính hơn.

Câu anh hỏi: Tác phẩm thời nào hay hơn? Câu hỏi này chắc phải để độc giả đánh giá một tác phẩm hay so sánh. Với tôi một tác phẩm hay, phải có giá trị thời gian (có nghĩa là mấy chục năm sau). Người đọc, đọc lại vẫn thấy hay, vẫn thấy có điều gì mới, trong khám phá, không trùng lặp với một nội dung nào khác. Tác phẩm thời nào cũng hay khi nó gắn liền với xã hội, thực tại, sự kiện hoàn cảnh sống

*LTT: Thưa anh, tôi rất muốn nghe anh chia sẻ về những suy nghĩ và các bí quyết khi anh sáng*

*tác trước kia cũng như bây giờ; nhưng vì anh khá bận, nên xin trở lại cuốn BNNCL của anh một chút xíu nhé. Tập truyện với 14 truyện ngắn, có nhiều tựa truyện rất hay, mang hình ảnh những câu ca dao như "Lạy trời mưa xuống", "Cởi áo cho nhau". Thường thường tác giả hay chọn những truyện ứng ý đặt tên cho quyển truyện; trường hợp truyện ngắn Bốn Ngàn Năm Chen Lấn có phải được sự ưu ái của anh như vậy không? Anh có thể chia sẻ một chút về cách đặt tên truyện này?*

HZD: Thưa anh, thường thì trong một tập truyện, sẽ lấy một câu chuyện cho là ứng ý nhất để làm tựa sách. Với tôi không hẳn là vậy, dù truyện BNNCL đầy đủ hình ảnh cuộc sống mới lạ của người dân hai miền, sau ngày mất miền Nam, và nối tiếp thực tế một đời sống thực của người trẻ, người già trên xứ người. Truyện hợp với tâm tư tình cảm tôi lại là truyện "Nhân Gian Một Chỗ", một thời ấu thơ của tôi, và hình ảnh ba tôi ngồi trên cái bục xi-măng trước nhà đợi chờ con đi tù về, là một ám ảnh khôn nguôi.

Nhân nhắc đến cái tựa truyện *Bốn Ngàn Năm Chen Lấn*, tôi kể anh nghe chuyện này. Cách đây mấy năm trước, tuần báo Văn Nghệ (số 2, số 3 gì đó), ở tiểu bang Virginia có xin bài truyện này đăng báo. Cũng tuần đó, một tờ báo trong vùng này cho đăng một thư nói là thư độc giả (viết tay, nhưng không ghi tên, địa chỉ), kêu gọi tẩy chay tờ báo Văn Nghệ (của Nguyễn Minh Nữ) vì đăng bài truyện tựa này (nhưng không

nói tên tác giả HZD) cho là bôi bác cộng đồng vì có đoạn đề cập đến chuyện ca sĩ VN sang hát, con thì đi coi ở trong, cha thì ở ngoài biểu tình, và đưa tên ca sĩ (trong truyện tên Thu) là trùng hợp với tên ca sĩ thứ thiệt.

Tuần sau đó tờ báo Văn Nghệ lên tiếng cho biết là truyện ngắn này đã đăng trên tạp chí Văn Học ở Cali cách đây một năm (bây giờ báo Văn Nghệ đăng lại). Như vậy rõ ràng là nội dung hư cấu viết trước đây một năm lại trùng hợp với sự kiện này, một năm sau. Mấy tuần kế, nhà thơ Trần Nghi Hoàng (báo Lẽ Phải) có gặp tôi và cho hay, có người bảo tôi là VC, và rủ Trần Nghi Hoàng viết bài phản bác. Anh trả lời là: "*HZD uống cà phê với tôi hoài, VC cái gì?*"

Như anh thấy đó, chỉ một cái tựa tếu cười và nội dung gây ra chuyện, thì thôi chi bằng lấy nó làm tên bìa sách cũng đáng phải không?

*LTT: Xin chân thành cảm ơn anh đã chia sẻ những bí quyết trong cách viết truyện của anh. Vì đây là lần đầu tôi thử làm công việc trao đổi giữa người đọc và người viết, và cũng là lần đầu tôi thư từ với anh qua không gian Internet này dù trước đây có đọc văn anh nhưng chưa được quen biết và chưa gặp anh lần nào, nên có gì sơ suất trong các câu hỏi, mong anh thông cảm và bỏ lỗi cho. Kính chúc anh nhiều sức khỏe và sáng tác mạnh. ■*

Houston ngày 22-11-2010

**LƯƠNG THƯ TRUNG**

HOÀI ZIANG DUY

# BỐN NGÀN NĂM CHEN LẤN



Thư Âm Quán xuất bản 2010

Sài Gòn bây giờ mưa hay nắng. Tôi tần ngần mấy lần cầm điện thoại nhấc lên, rồi hạ xuống. Cứ tưởng đầu dây bên kia reo, giọng anh ấy. Năm năm qua rồi. Tôi sẽ nói, nhưng lần này, mấy câu ngắn gọn. Rồi thôi.

Sao tôi phải làm chuyện này. Có cần không? Hay mấy ngày tự đứng suy gẫm lại câu nói của Tân. Khi không anh nói đất nước ta có "bốn ngàn năm chen lấn", thay vì bốn ngàn năm văn hiến. Đời sống hiện thực tạo nên những câu nói chát chúa phản ánh tâm tình của người đàn ông xa xứ. Ngược lại, mấy nhà văn nữ bây giờ cũng không vừa. Từ tình trùng, buồng trứng, bộ phận cơ thể đàn ông đàn bà, đem ra nói tuốt luốt. Không cần biết đạo đức giả hay thiệt. Nó như âm thanh từ tiếng đàn dương cầm đồng loạt khua lên, không phân tiết tấu. Người viết nổi loạn, hay văn chương chữ nghĩa làm loạn. Họ muốn viết, muốn làm khác bằng những sống sượng, ai chấp nhận hay không mặc kệ.

Còn tôi. chôn này đây lặng lẽ. Từ chỗ mẹ về, người mẹ một thời có khoảng cách với tôi, nhưng chính ngày tháng cuối đời này, mới gán lại từ những cái không còn. Tôi cần phải nói, phải gọi anh ấy. Tôi cần phải hoàn tất những chương cuối cho đời mình. Cái bắt đầu trải dài từ năm tháng cũ, trải dài trên đời sống xứ người, để coi có phải không "bốn ngàn năm chen lấn".

Tôi không phải là người chuyên nghiệp để bắt đầu câu chuyện. Tôi chỉ là một cô gái trời không bắt xấu, đang tập viết lách. Biết đọc sách, mê chữ nghĩa, mê thiên tài thứ thiệt. Nhưng biết thế nào là thứ thiệt nhỉ. Liệu khi tôi tập tành câu chuyện kể, bạn có vừa ý hay không, chắc cũng không ai hoan hô một cô gái có máu cà rơn như tôi. Như vậy chương bắt đầu, chắc ăn hơn hết là giới thiệu về mình.

Khi tôi trưởng thành, gia đình chỉ còn mấy anh chị em và mẹ sống chung. Nhà máy cao su bị tịch thu, các bất động sản khác bị quản lý. Cha tôi đi như thế nào không rõ, chỉ biết người sống ở nước ngoài, là cái phao cứu rỗi trong việc bảo lãnh mấy chị em chưa chồng ra đi. Chị tôi vừa lập gia đình không lâu, đã thành danh như một ca sĩ nhà nghề, có nơi chốn riêng ít khi lui tới gia đình. Mẹ tôi người đàn bà sống với tiền bạc còn giấu lại, bệnh tiểu đường ngày càng không khá hơn. Mọi việc trong nhà một tay anh Hai và bà chị đầu cầm nắm quyền hành. Tôi không biết anh chị làm gì, chỉ thấy sáng ra đường, chiều về. Đất nước này có nhiều nghề khó hiểu vẫn sống được. Dưới mắt anh, nữ sinh ngoại tộc. Dưới mắt mẹ, tôi là cô gái cứng đầu, không nghe lời ai, nhất là từ khi tôi yêu anh ấy. Tôi không nghĩ mình lảng mạn. Không phải từ sách vở cũ, mới, đâu độc tôi. Đừng đổ oan vậy. Niềm vui



của tôi ở đó, kiến thức hiểu biết phân nào về năm tháng xưa cũ, phân biệt những gì qua đi cho đến nhiều nhường bây giờ.

Tôi làm việc trong sân chay Tân Sơn Nhất. Không phải tự mình tài giỏi để chen chân được chốn này. Từ chị tôi, cô ca sĩ quen biết nhiều sắp lớn, giới thiệu để trở thành nhân viên bưu điện. Khác với mẹ, chị tôi thoải mái, bắt thiệp giao tiếp với nhiều hạng người, có sự nghiệp. Mẹ không thích chị đi hát, không thích lối sống phóng túng ở chị. Mẹ không thích tôi yêu anh ấy. Cái gì mẹ cũng không vừa ý. Đối với mẹ, không hiểu sao có gì nghi kỵ làm mẹ con tôi xa cách thế này. Mẹ bảo tôi hay cãi. Tôi đáp, *Con chỉ nói theo lý lẽ của mình*. Mẹ nói, *Đừng thương ai hết. Kẹt ở lại thêm khổ*. Tôi không ngại. Đã yêu là chấp nhận cái lý tưởng đời mình.

Anh ấy, người đàn ông lớn hơn tôi mười tuổi. Chúng tôi quen nhau, cái hôm tôi buồn tình, giận mẹ, cùng mấy đứa bạn đi hát hò theo kiểu nghiệp dư, nói theo ngôn từ thời thượng bây giờ. Anh là người đánh đàn, soạn hòa âm, phụ trách một chan nhạc ở tụ điểm ca hát. Anh nhìn tôi nói những lời ngon ngọt, dỗ dành khi những giọt nước mắt không biết từ đâu chực hồ đồ xuống. Không ai hiểu nổi lòng, cảm giác của một đứa con như tôi, lạc lõng xa lạ trong ngôi nhà trú ngụ. Tôi đến cùng anh hay anh đến cùng tôi, hẹn hò sau những chiều tan sở.

Bất cứ lúc nào tôi cần đến. Một lời nhắn, một cú điện thoại, là anh có mặt trên từng cây số đón đưa. Với tôi, anh là người đàn ông tuyệt diệu, chần chừ ở tình yêu, lãng mạn ở cuộc đời. Bên cây đàn, cái âm thanh, những ca khúc như chia sẻ nói dùm tôi, nói giùm cuộc tình trong ngày tháng này.

Di nhiên, mẹ, anh Hai, là người phản đối nhiều nhất. Mẹ bảo không thể yêu một người đàn ông hơn mình mười tuổi. Không thể có tình yêu lúc này, dẫu đưa không thuận lợi cho hồ sơ chờ bảo lãnh ra đi. Hầu như ở đây ai cũng muốn ra đi, dưới mọi dạng, hầu như ra khỏi nước là chắc hẳn phải khá hơn cái mình đang có hay không có. Điều cần được nhắc nhở nữa là, không thể yêu một người đàn ông từ Bắc vào Nam theo thời cuộc.

Còn anh Hai xác nhận anh cùng chị dẫu ở lại căn nhà này, không đi đâu cả. Con gái có tình ý, có chồng là dứt khoát đi ra, không dính líu chia chác. Thật sự tôi có được gì ở gia sản còn lại. Ngôi nhà và địa thế tốt là điểm thuận lợi cho biết chao người muốn bán buôn. Một tay anh nhảy ra hùn hạp để làm giám đốc, làm ăn chung với người ngoại quốc. Anh là một nhà giáo có bằng cấp trước đây. Bây giờ đổi đời, dưới mắt anh, ai cũng ngu dốt. Anh nói, *Không thể để tụi nó ngồi trên đầu mình mà ra chỉ thị*. Vậy rồi anh lập công ty riêng, dựa hơi bỏ phần hùn. Cái lối trưởng giả chỉ tay năm ngón ở anh, nguyên tắc lễ lối thương trường, cứ thẳng mà đi, rớt lại anh đi đứt thua lỗ. Lui về, anh không ngừng chửi bới xã hội ngu dốt, con người ngu dốt. Thật ra lúc này thì dốt mới ăn nên làm ra, phát cở nổi đình nổi đám hơn cả. Tiếng nói ở anh là tiếng nói của người trí thức ở lại, lỡ thời với bản thân, hoàn cảnh.

Theo thời thế, anh chuyển qua bán đồ cổ. Khởi đầu là lúc vô tình có bọn cò con dẫn khách lạ đến xem mấy món đồ trong nhà. Từ cái ghé ngôi, tranh treo hay mọi thứ. Tôi không ngờ gia đình tôi, hay nói đúng hơn cha tôi đã mua sắm những món như vậy. Cái gì cũng có giá thuận lợi hết. Món đầu tiên

anh bán, theo anh là bị hổ. Rút kinh nghiệm anh cho đẹp hết, giữ riêng như thể sở hữu để anh bảo quản. Anh bắt đầu lục lợi mua sách cũ, loại sách bàn về đồ cổ để học khôn ra, rồi từ đó nghề dạy nghề, theo suy luận hay cùng phe ta bàn bạc. Những bình sứ trắng men đời Minh, đời Nguyên, hay mọi thứ trên đời thường. Đời sống trong xã hội mua bán, đổi chác, giá trị mọi thứ lên xuống, tùy theo mỗi người mỗi ý, canh bạc đời ngả nghiêng, không còn ai biết, chỉ còn lại cái tôi của mình. Một đứa con gái như tôi có gì bám víu, ngoài một tình yêu anh ấy. Anh là người tình đầu, chốn nương thân mà tôi cần có ở ngày tháng này.

Mấy lần tôi ước thứ:

- Anh có tính chao giờ mình cưới nhau?

- Khó quá, để từ từ, anh còn đàn em nheo nhúc

- Kéo dài cho đến chao giờ?

- Liệu gia đình em có chịu không? Anh hỏi lại.

- Mặc kệ đi, em theo anh.

Không trả lời. Lần nào cũng vậy. Anh nín thính. Nỗi lặng yên ở anh làm tôi không hiểu được. Có cái gì không ổn để anh nhùng nhằng thế này. Có thể anh mang mặc cảm, có thể mẹ tôi không ưa con trai Bắc kỳ, nhất là loại Bắc kỳ sau Bảy lăm vào Nam lập nghiệp. Tôi biết mẹ bị cú sốc gia đình ly tán, nhà cửa mất hết, sự nghiệp đi xuống. Mẹ căm giận, oán thù, và biết chao điều kéo theo sau nhì nhằng, than thở, đổ lỗi. Tại sao anh phải gánh những tai kiếp này. Anh chỉ như tôi, một con người lớn lên trong xã hội đã sẵn, có tội tình gì. Tuổi trẻ chúng tôi khác biệt từ đó. Tôi có thể giúp anh xin việc ở cơ quan tôi làm. Lý lịch người ở đảng ngoài, là một hành vi chính trị tốt để anh có thể nhận việc dễ dàng



hơn. Nhưng không, anh từ chối mấy lần với tôi. Anh nói lâu rồi anh sợ cái không khí tù hãm, giờ giấc bó buộc. Anh sợ tiếng keng mỗi sáng ra đồng. Anh sợ tiếng hô tập hợp phân phối thực phẩm thi đua. Điều anh cần là sự tự do cho con người, cho bản thân anh.

Nhi nhằng cả năm, tôi mới đến gia đình anh được. Anh khó khăn giấu tôi cũng phải. Gia đình anh có hoàn cảnh thương tâm hơn tôi nghĩ. Mẹ anh, người đàn bà bị bệnh thần kinh suy nhược, buồn vui nói năng không đoán được, chỉ có lặng lẽ. Chồng bà, người họa sĩ tài danh đã qua đời. Khi ông chết đi, tranh ông mới được lòng kiếm mua, nhắc đến, so với lúc sống ông nghèo đói, tiếng tăm ề uột. Cái giá của đời nghệ sĩ nước ta là vậy.

Anh ngoài khả năng chơi đàn, còn lắm nghề vật vãnh. Gia đình anh sống bằng nghề mua bán bong bóng, chạy hàng cung cấp cho các tiệc cưới sinh nhật, làm đẹp, làm vui thiên hạ. Dưới nét vẽ của anh, chỉ cần một vài nét phác họa, đơn giản lẫn sắc sỡ, đa dạng hình hài. Anh là một tay vẽ có sẵn tiềm năng, chờ thời, một họa sĩ chuyên vẽ trên bong bóng, khác với cha anh trên vải sơn dầu. Mẹ anh, mỗi lần nhìn những hình vẽ theo bóng chạy lên, là lúc bà thỏa mãn vui sướng ra mặt. Có những uẩn ức nào khiến bà mang bệnh tâm thần như vậy? Tôi hỏi. Anh đáp, *Không rõ lắm. Có thể mẹ sống với quá khứ thừa bố còn sống. Bố vẽ chân dung cho mẹ, vẽ tranh cho khách. Mẹ là con gái của một gia đình giàu có, bỏ mọi thứ để lấy bố, người họa sĩ mà mẹ tin tưởng sẽ làm nên danh tiếng sau này.*

Anh nói, *Như em biết đó. Trước đây là thời kỳ chiến tranh, đời sống khổ. Ăn không đủ, mặc không có, thì làm gì có nghệ thuật trang trí. Tiếc là bố không biết làm thơ ca tụng, thơ bợ*

*đít cũng là một cách sống, đọc lúc ngồi câu. Bố bị phê bình, vẽ bức nào cũng không có lửa, thuần một màu xanh, màu đất âm đạm của cuộc đời, bị chỉ trích còn lập lờ chỗ đứng. Mẹ sống trong nghèo đói, ước mơ hy vọng có một ngày. Chung cuộc, khi người nằm xuống, cái nghệ thuật già nua chết theo. Mẹ sống lẫn lộn với ngày tháng cô độc, cho đến ngày chúng tôi quyết định khăn gói vào Nam, làm cuộc cách mạng cho đời sống gia đình. Phải nói khó khăn lắm, mới thuyết phục mẹ chịu bỏ nơi chốn một thời ra đi. Bám víu làm gì, khi mà tuổi trẻ và tương lai chúng ta, cần những cái bắt đầu cho năm tháng tới. Anh nói, Cả một đời em biết không. Sống là phải biết chọn lựa, con đường mình phải sống.*

- Lúc ấy mẹ anh mang bệnh chưa?

- Đời sống trong Nam xa lạ, có cái háo hức để biết, nhưng ngược lại nỗi cô đơn sâu thẳm, nhớ nơi chôn nhau cắt rún, hình như làm mẹ tư lự nhiều hơn.

- Vậy thời lúc nào anh làm họa sĩ vẽ bong bóng thế này?

- Bài học đầu tiên, là dịp anh đứng nghe mẫu đối thoại tình cờ giữa người đặt hàng và người thực hiện.

"Ông muốn vẽ cọp nằm hay cọp chạy?"

"Tôi đặt ông vẽ cọp, chứ cọp nào biết chạy? Bộ cọp rừng khác cọp thành phố?"

"Ý tôi nói là giá cả, nghệ thuật không nằm ở đó, mà chính ở chất liệu để tính thành tiền."

Tôi ngỡ ra, chưa hiểu nổi lời anh kể.

- Vẽ cọp nằm, nước sơn tốt mắc tiền hơn, tính giá cao. Cọp chạy nước sơn dỏm, giá bèo hơn. Mưa xuống một trận, sơn chạy hết, cọp cũng chạy luôn. Giá cả là vậy.

Khi các em anh sống nghề bán bong bóng. Anh nghĩ đến bố. Lần đầu tiên vẽ thủ, mẹ khen đẹp, bong bong bùng

tay, chạy lên. Mẹ mừng lắm. Mẹ nói, *Bố con vẽ đó. Từ nay người ta biết đến bố, biết đến hội họa nhà mình.* Không cần ai cổ vũ, tự nó chạy lên, tự nghệ thuật chạy lên, tự tài năng chạy lên, nó có sức đẩy của chính nó. Không cần ai tiếp sức hà hơi. Một chút, một chút thôi chạy lên trời xanh rộng mở. Mẹ vui lắm, không còn nét tư lự, niềm hãnh diện thoát ra ở mẹ lúc ấy. Anh muốn làm vui lòng người. Anh muốn mẹ sống với hình bóng bố. Không phải là anh. Là nét vẽ, là hội họa, là mơ ước một đời thành danh. Anh nhớ thuở nhỏ nhìn bố vẽ. Anh hỏi, *Vẽ làm gì hở bố? Đẹp đó, mà thấy bố có bán được nhiều đâu. Họ coi thì nhiều không mấy người mua.* Bố cười. Bố cũng không hiểu sao mình theo đuổi vậy. Có lẽ từ tình yêu của mẹ. Bố thích thì bố làm, sống lãng mạn cho mình trước đã. Anh không hiểu cái đam mê ở bố như thế nào. Việc nhà một tay mẹ buôn bán lẻ. Bố phụ giúp phân nào, thời gian còn lại bố chỉ thích cặm cụi với tranh vẽ, với nước chè gừng. Bạn bố, những người thích ngồi tán gẫu nhiều hơn là làm ra tiền. Họ đều là người nghèo cả.

Tôi nói, *Vậy là anh có nhiều nghề quá, vừa đàn hát vừa là họa sĩ nữa.* Anh nói, *Đàn, anh chỉ lập lại cung điệu âm giai có sẵn. Hát là hơi thở, là tự do của con người mình. Nhưng họa, nói ra phải xấu hổ thừa nhận rằng, anh không phải là họa sĩ trường lớp, siêu thực lẻo người. Có người đổ màu vào vải, lắc lắc cho màu sắc muốn đi đâu thì đi, hay gấp lại thành hình rồi tô thêm, thành tranh tạo hình. Họ cho là trường phái riêng, tự phong cho mình danh xưng họa sĩ. Anh chỉ là người vẽ bong bóng đứng, hay bong bóng chạy, làm đẹp, trang trí trong chốc lát, một hai ngày, bóng xẹp xì hơi, hình ảnh cũng ngum cù tèo. Thử hỏi như vậy*





có cần gọi là họa sĩ không nhỉ. Thơ ai cũng làm được. Vẽ ai cũng vẽ được. Xứng danh ai cũng xứng được. Cái gì cũng được hết, dễ dàng quá.

Tôi nói theo:

- Ủi thì từ Bắc xuôi Nam, nối liền ra nước ngoài, ở đâu ai cũng thấy mình là thiên tài cả.

Anh nói ở nước mình làm nghệ thuật chưa chắc họ cần nhận. Làm ca sĩ như chị em có lẽ khá hơn. Hát hò văng vẳng bên tai, nghe thành thói quen, không thích cũng phải nghe. Dầu sao cạp nầm, cạp chay, nước sơn thiệt, nước sơn dôm là bài học cho người, cho cách sống, cho thực tế bắt đầu dựng lại ở tôi.

Tôi phục anh quá. Con người anh trầm lặng, lý tưởng sống đầy người. Cái khoảng cách tuổi tác với anh tôi không ngại, có điều cách sống cư xử, anh thiếu cái háo hức của một đứa con trai, thiếu cái lãng mạn ở người tình. Những lần bên nhau, lúc mà tôi tưởng chừng đi xa hơn đời con gái, là lúc anh tự chủ lấy mình để dừng lại. Câu nói của anh, *Để dành đi*. Thái độ đáng kính ở anh, là người đàn ông không đặt nặng xác thịt thường tình? Trong lòng tôi, anh là người đàn ông có tư cách, chững chạc với mô lý thuyết lập thân trong đời sống.

Có lần tôi hỏi:

- Anh có muốn đi nước ngoài không?

- Làm cách nào?

- Thì cưới nhau xong, bỏ túc hồ sơ bảo lãnh.

Anh như dẫn đo:

- Anh chưa có chuẩn bị tinh thần để đi hai lần xa như vậy.

- Hai lần là thế nào?

Anh giải thích:

- Em từ chỗ này ra đi, dù có háo hức vẫn là một đống vỡ lớn ở chính tâm hồn mình, đời sống mình. Em nghĩ lại

mà coi, biết chao điều dự tính phân vân đắn đo, chọn lựa thử thách, sung sướng đau khổ, bùi ngùi lẫn lộn. Có phải vậy không?

Thấy tôi nín thinh, anh tiếp:

- Một lần với anh, gia đình anh từ Bắc vào Nam cũng mang tâm trạng vậy. Đi thêm một lần nữa, xa thêm một lần nữa, kéo khoảng cách dài hơn, tâm tư anh thật sự trống rỗng. Hướng hồ chi em đã sống nơi này, phân anh đến đây là vùng đất mới. Hãy để cho gia đình anh, con người anh phù hợp với chốn này trước đã. Dầu sao cũng khá hơn ngoài đó. Có khá hơn thì mới có lựa chọn di cư như thế này.

- Nếu anh không thích thì em ở lại, chúng mình cưới nhau.

Anh nín thinh. Cái nín thinh không ý kiến ở anh đã làm tôi bực biết chao lần. Mỗi lần nói chuyện hôn nhân là anh như có gì vướng mắc, có rào cản lặng lẽ chắn lại. Tôi cần giải quyết vấn đề này. Làm sao anh biết, ở gia đình tôi cơn chống đối âm ỉ lúc nào cũng bùng trôi dậy. Giấy tờ bảo lãnh đăng ký chuyển chạy, mọi việc hình như chỉ còn kéo dài vài tháng nữa. Đi hay ở, phân tôi là tình yêu anh, là sự dũng cảm cần có ở anh để níu chân tôi lại. Một đảng tôi chuẩn bị mọi thứ, một đảng tôi luyện lư. Thế mới biết cảm giác của những ngày chờ ra đi, là cảm giác xao xuyến lạ thường. Không biết diễn tả thế nào, cái dở dãn trong người, lúc có lúc không.

Sài Gòn với cơn mưa đầu mùa đổ xuống, kéo dài không lâu, rồi tạnh hẳn. Cả tháng nay, mấy lần tôi muốn kể anh nghe, nghĩ đi nghĩ lại rồi thôi. Lần đầu tiên một giọng đàn ông lạ, gọi nhâm số điện thoại đến nhà. Câu xin lỗi từ đầu giầy bên kia, bỏ xuống. Thứ Bảy tuần sau cũng giọng nói đó. Tôi có hơi bực. Đầu dây bên kia, giọng nói

chán nản. Sao cứ phải nhâm số này. Tôi hỏi, *Anh gọi số nào vậy? Sao lần nào cũng rớt vào đây*. Anh ta đọc số và người anh muốn tìm. *Anh ở đâu gọi vậy?* Tôi hỏi. Đầu dây bên kia trả lời, *Tôi ở vùng kinh tế mới, xa Sài Gòn lâu quá, muốn kiếm bạn cũ, lại phiền cô*. Sau khi cúp máy tôi gọi số anh vừa nói để xác nhận thật giả. Đúng là anh ta lộn thật. Tôi chuyển lời dùm anh. Tuần sau anh gọi lại, lần này anh kiếm tôi. Cái giọng anh ngang ngang bất cần đời, lạ tai phân nào. Chuyện tào lao thiên tặc tán tỉnh đủ thứ. Tuần qua tuần, cuối cùng anh nói, nếu tôi đồng ý, anh sẽ xin nghỉ phép về thăm tôi. Tôi hỏi lại:

- Ở kinh tế mới mà cũng nghỉ phép hả?

Đầu dây bên kia:

- Cái quan trọng là em chịu đón anh không?

- Đón ở đâu? Tôi hỏi lại.

- Ở phi trường.

Tôi hơi ngạc nhiên.

- Từ tỉnh lên sao phải đón ở phi trường?

- Nói thật nghe, anh đang ở Mỹ.

- Anh nói thiệt hay giỡn đó, cả tháng nay nói điện thoại mỗi lần cũng gân tiếng đồng hồ, vậy mà anh chịu chi tiền à, không tin đâu.

- Chuyện nhỏ thôi. Có chịu đón hay không thì về.

Bất ngờ trước câu chuyện. Tôi hỏi lại.

- Anh không có thân nhân hả? Còn anh bạn hôm trước đâu?

- Bây giờ không có ai hết. Em đón anh nghe.

Phải nói thật. Tôi vừa buồn cười cho cái ngờ ngẩn ở mình qua những lần nói chuyện trước đây, vừa thú vị cho anh chàng từ phương xa về muốn gặp. Có lẽ độ chừng dăm cha tháng nữa, tôi cũng sẽ lên đường. Như vậy biết thêm một người nữa cũng tốt. Đi



hay ở còn phải chờ ý anh ấy, biết đâu cũng là dịp để anh có quyết định dứt khoát hơn. Mọi việc còn quá sớm. Anh Hai và mẹ biết chuyện này. Cả nhà có vẻ khuyen khích tôi nhiều hơn. Dù mọi người nghĩ thế nào. Với tôi nó chỉ đơn giản một điều. Mọi việc sẽ không đi quá xa như cả nhà mong đợi.

Tôi đón anh ở sân chạy, theo giờ hẹn. Giữa hải quan và bưu điện phi trường là hai cơ quan thường qua lại với nhau, cho nên tôi đón anh từ phía trong để dễ dàng nhận diện. Cảm giác đầu tiên khi thấy anh làm lòng tôi chùng xuống. Anh thấp người hơn tôi tưởng. Anh có vẻ giản dị đến độ qua loa trong cái áo thun, quần *jean*, trên tay một túi xách, một máy ảnh. Hình ảnh một người nào đó, từ giọng nói qua điện thoại, như không phải là người tôi nghĩ. Nhưng rồi lại chính là anh. Anh khen tôi đẹp hơn anh tưởng. Anh nói nhiều, Con trai Bắc kỳ xa xứ vẫn vậy. Tôi đón anh và sự thật anh còn một người anh rể chồn này, đó là địa chỉ trú ngụ.

Ngày hôm sau và cả tuần tôi đi với Tân, tên anh. Dĩ nhiên tôi phải đi những con đường, và nơi chốn không có tình yêu tôi đi qua với người cũ. Gần bên Tân tôi mang một cảm giác khác. Tân có vẻ ngang bướng hay giữ ý kiến mình, không giống như anh ấy. Tân kể tôi nghe về đời sống nước ngoài. Anh nói những khó khăn tôi sẽ gặp. Cuối cùng là lời an ủi, *Không sao, điều quan trọng là đi trước đã. Chúng ta sẽ liên lạc sau.* Với Tân cái khoảng cách trai gái còn đó. Tôi chỉ có một tình yêu anh thôi. Tân không để gì chiếm đoạt. Chúng tôi bên nhau trong tình bạn. Một lần anh đưa tôi về, cái hôm trước ngày anh trở lại Mỹ, anh nói với mẹ tôi, hy vọng tôi chấp nhận để tiến xa hơn. Mẹ tôi có vẻ vui nhiều. Bà chị nói.

Nó hơi lùn, nhưng cũng được, có nghề nghiệp nơi xứ người là ổn rồi.

Còn tôi, tôi nghĩ gì? Sau một tuần gần bên Tân, tôi nghe cảm giác khác, đôi lúc thôi thúc bùng lên. Mấy lần tôi đập thẳng ngăn lại với chính mình, lòng tự nhủ, *Còn quá sớm. Có nên tin không.* Nếu phải so sánh giữa Tân và anh ấy. Tôi có phải là người ham mới nổi cũ không. Thực tế một điều, nổi xao xuyến ở chính mình, như có điều gì đó đánh thức, rồi tự hỏi, với anh ấy có phải là tình yêu chẳng? Hay bản thân tôi chỉ là bé gái được nuông chiều. Tôi đang bám víu để không phản bội, làm người phụ bạc. Lúc nào tôi cũng muốn gìn giữ cho anh, dù đôi lúc có những lãng mạn chen vào. Tân đến với tôi, như một cuộc gặp gỡ ly kỳ, bắt nguồn từ lần gọi nhầm số điện thoại. Tân như một chuyến xe đổ xuống đột ngột, hoàn tất cuộc chơi mà cả hai không biết sẽ về đâu. Tân bạo phổi, dám làm những gì anh ấy hứa. Chỉ một cố tật, anh chửi bới xã hội hơi nhiều, chửi bới cả những người Việt sống cùng anh ở nước ngoài. Tôi nói nước ta có truyền thống dân tộc mà. Anh nói bốn ngàn năm văn hiến ở đâu chẳng thấy, mà chỉ thấy *bốn ngàn năm chen lấn.* Chao nhiều chuyện đấu tranh, phản kháng đối lập, biểu tình chống đối, không ai chịu nhường ai, cuối cùng chỉ còn câu ca, *mình ta với mình.* Anh còn thêm, *Ở đâu có nhiều người Việt làm chung, là ở đó có chuyện.* Có thật vậy không? Đầu căn xa, tôi đang ở đất nước này, cùng một màu da, ngôn ngữ. Chuyện xảy ra, vẫn là chuyện phải xảy ra hàng ngày, ngoài trong, có khác gì nhau.

Một tuần sau ngày Tân trở về Mỹ. Tôi nhận giấy tờ hoàn tất, chỉ còn chờ đăng ký chuyển chạy. Vậy là xong mọi việc đến hồi kết thúc, nhanh hơn tôi tưởng. Tôi không thể chờ đợi được

nữa. Lòng tôi đang rối trăm bề. Mọi thứ sắp sửa cho mẹ, cho cuộc đi xa. Thôi thì mọi thứ liệt kê, như thế cho một lần đi không trở lại. Mẹ cùng tôi và cha. Chúng tôi sắp sửa hội ngộ để có một đời sống gia đình mới. Chao năm chờ đợi ở mẹ tôi, lúc này là lúc bà ôn lại biết chao kỷ niệm, nắng nhớ mưa thương cho một cuộc tình đứt đoạn, nay được trùng phùng. Chính nhờ những thôi thúc này mà bệnh tiểu đường của bà bỏ quên đi. Mẹ phẩn chấn, ăn uống bớt đi phần kiêng cử. Mẹ làm đẹp bằng những bộ quần áo mới, làm đẹp cho chính mình hơn.

Phản anh ấy, khi nhận tin, anh buồn hơn mọi ngày. Tôi rủ anh đi chơi xa, cuộc hẹn hò phải nồng thắm, sôi nổi hơn trong tình cảm lứa đôi. Tôi cần sắp xếp một lần cho anh ấy, từ đó anh sẽ vững tâm níu tôi ở lại, giúp anh vượt qua mặc cảm nghèo khó ở chính gia đình. Tôi sẽ ở lại. Mẹ sẽ có cha tôi chờ đón ở phần đất mới. Tôi có anh, khu vườn của một thời thơ ấu bám vào.

Cuối cùng tôi rời xa anh ấy lên đường. Mặc cho bạn bè chửi rủa, đầu người biết ai phụ tình ai. Ôn huệ họ dành cho anh là vào hẳn phía trong phòng cách ly đưa tiễn. Anh khóc như một đứa trẻ biết khóc lần đầu, làm tôi bùi ngùi không ít. Tôi đã mong ước, sẵn lòng hiến dâng cả một đời con gái cho anh. Nhưng không, lần này anh dừng lại như mọi lần. Tôi đã phải ham hố hơn, cương bức anh đi xa hơn cho một tình yêu trọn vẹn. Tôi cần tìm biết ở bản thân, ở xác thịt phàm trần, ở lý thuyết gia mà tôi không tin mình không đủ sức hấp dẫn để đưa anh vào trận. Cái khám phá ở vườn địa đàng, ở chăn gối đôi mắt, là sự bất lực ở anh. Làm sao tôi dám hỏi. Anh dừng lại tháng thốt như kẻ phạm tội, chỉ biết ve vuốt nhìn ngăm.



Từ căn bệnh thuở nhỏ của anh. Từ cái điều không bình thường trở thành người cao cả. Anh đóng vai trò người bạn lúc gâu gũ, không phải là người tình để đồng lõa kéo tôi ở lại. Những nguyên nhân lặng lẽ, không nhận lời cuộc sống gia đình. Giờ đây nó trần trướng từ xác thịt ở cả hai, trần trướng từ ý nghĩ lập thân, lý tưởng ở cuộc đời, bị lột sạch lộ nguyên bản con người, của một kịch bản chưa có lời kết. Đó là lý do anh không kéo tôi ở lại, đó là lý do tôi bị tiếng thị phi, không lời giải đáp. Cái bất lực không biện giải của tôi, nó khác đi cái bất lực sinh lý của một người đàn ông ở anh. Và như vậy tôi còn gì để nói, mặt mũi nào chứng minh cho bạn bè ở lại, thấy được sự thật phũ phàng cho khát vọng tương lai.

Giọt nước mắt bây giờ anh khóc, có phải là một nỗi tiếc, không đi đến hồi kết cuộc, diễn tiến trong tình yêu thánh thiện hiền hòa. Tôi nói tôi sẽ chờ anh, liên lạc với anh sau, hy vọng có một ngày. Hình như kẻ ở người đi ai cũng an ủi lẫn nhau vậy. Chao năm gâu gũ, lớn lên ở đất nước này, nói câu giã từ cho chính bản thân mình, làm sao không nào lòng, đứt ruột. Tình yêu tôi ở lại đó. Nó như một cành cây khẳng khiu chờ đâm chồi nảy lộc. Chốn xa, cái phao tôi cần có người nứu kéo, có lẽ phải là Tân. Tôi cần có sự che chở buổi đầu, rồi sao cũng được. Cánh hoa vừa nở ra, giọt sương rơi xuống chưa ấm nổi ân tình.

Tất cả là thực tế đứt khoát khi chuyển chạy bốc lên cao, lòng tôi chùng xuống, xuống thấp đỡ dần trong màn sương phía dưới. Con sông, cái cầu, mảnh đất quê hương, mờ nhạt. Biết có ngày trở lại, nhưng sao mình khóc lúc nào không hay. Tôi chỉ là một cô gái thường tình như chao người khác. Nước mắt nói dùm tôi biết chao điều chưa xót, héo hon.

Tôi sẽ viết thế nào ở chương tiếp nối này. Hay không viết gì hết. Tôi sẽ nói cùng ai điều này. Mấy lần điện thoại cầm lên. Tôi muốn gọi anh ấy, nói thật cùng anh. Giờ đây tôi cũng mang chứng bất lực như anh. Có thể lúc này là lúc anh hiểu tôi. Cả hai chúng tôi, người ở trong, kẻ ở ngoài với tỉ số huê nhau. Cái bất lực trước cuộc đời, nó khổ hơn cái bất lực của một người đàn ông trước ham muốn dục tình đối với đàn bà. Bắt đầu làm sao cho câu chuyện?

Mẫu đối thoại nửa năm sau ngày đoàn tụ gia đình.

- Có lẽ mình phải làm thủ tục ly dị. Cha nói.

- Ông chán chê tôi hả?

Tôi biết mình không giúp gì được. Mẹ khóc.

- Cha nghĩ có tàn nhẫn không, chao năm chờ đợi... Tôi nói.

- Không phải như những gì ở mẹ con nghĩ. Thực tế trước đã, chúng ta làm trên giấy tờ thôi, chỉ có cách này mai hậu mới chịu nổi chi phí cho căn bệnh của mẹ con. Đời sống ở đây khác, tình nghĩa còn đó, nhưng cha không gồng gánh nổi.

- Liệu họ có tin không? Tôi hỏi trong lúc mẹ khóc.

- Không tin cũng không được, mình làm theo pháp lý. Cha dọn ra riêng, thỉnh thoảng mới lui tới để họ không nghi ngờ.

Tôi nhìn cha tôi. Một người đàn ông mà sau này tôi mới biết, có nhiều chức danh trong hoạt động xã hội cộng đồng. Ông có nhiều việc phải làm, hợp hành không lương. Cái địa vị, cái danh xưng, thật ra nó không dính dáng gì đến việc làm chính nuôi lấy bản thân gia đình. Giờ đây có phải thật sự là gia đình tôi đang đi vào chỗ báo động như người nói. Cha thay đổi nhiều quá. Có thể mẹ bây giờ không là hình ảnh ngày

nào cha mang đi, không là cô gái một thời đã làm người đắm say mặn nồng. Cha làm bốn phận một người chồng, người cha đối với gia đình, bằng cách bảo lãnh. Không biết cha có hối hận, khi sự thật trở thành một gánh nặng cho người?

Ngày đó mẹ còn đẹp, còn mặn mà như mỗi lần thư cha nhắc nhở. Mẹ không nói căn bệnh của mẹ. Mẹ giấu kín những lần soi gương lược chải, tóc mẹ rụng nhiều, đôi mắt mờ đi. Có lẽ cha chỉ nhớ hình ảnh ngày nào. Cha quên mẹ đã già hơn cha tưởng tượng. Cha nghĩ mẹ cũng khỏe mạnh như ngày nào. Nghĩ về một người đàn bà, là nghĩ đến cái đẹp, cái nhan sắc một thời. Cha quên đi mấy chục năm qua rồi. Giờ là con, chứ không phải mẹ. Con nhí nhảnh háo hức với tương lai, hơn là sự trầm lặng ở mẹ. Đời sống hai xã hội thật cách biệt. Lúc mà tuổi đời cha vẫn còn quân quật làm nhiều giờ, còn nghĩ mình còn trẻ, còn nghị lực, là lúc cũng từng tuổi này, mẹ theo quan niệm đời sống ở quê nhà muốn thu mình lại. Đã khác rồi. Hai thế giới khác, trong một quan niệm gia đình. Cho nên đề nghị cha đưa ra nghe thật chán chê, nào lòng. Cha an ủi:

- Mình chỉ làm giả thôi, không phải thật.

Mẹ tự ái:

- Thật giả, oan ức cho tôi, còn danh dự, tiếng đồn.

Cha nói như năn nỉ:

- Mình phải lo xa hơn, căn bệnh của bà xú này chỉ cầm hơi thôi, y học chưa trị dứt được

Mẹ hờn dỗi, oán trách:

- Đến từng tuổi này còn bàn đến chuyện ly dị, rõ là ông không có tình người.

Cái khoảng cách thật ra giữa cha mẹ, không phải bây giờ mới thành sự thật. Mẹ mê đắm trong hạnh phúc không



nhìn thấy cái khó chịu ở cha, khi mẹ bỏ ngõ mọi thứ. Cha lặng lẽ hơn những khi mẹ nhắc về kỷ niệm. Có thể thời đó đã qua đi, cha mệt mỏi không còn muốn nghĩ đến. Cha đang muốn tiến về phía trước, cha giảng giải mọi thứ mọi chuyện, như thể trên đời này mẹ con tôi không biết cách sống, cách làm người. Mẹ tủi thân hơn trong xa cách. Sao mẹ không thấy được điều này. Còn Tân, anh rất vui khi nghe tôi đến chốn này, nói chuyện qua điện thoại ở tiểu bang khác. Hẹn gặp nhưng chờ dịp. Tất cả không đơn giản như tôi đã nghĩ.

Cha mẹ tôi ly dị thật. Lúc đầu cha thỉnh thoảng có đến rồi thưa thốt dần. Không phải cha phụ bạc. Cha thú thật không có khả năng tài chánh, để đùm bọc mẹ, mai hậu cần có xã hội, chương trình y tế giúp đỡ. Mẹ không cần đọc, tự ái ký vào để làm thủ tục. Lý do cha đưa ra thật đơn giản. Mẹ bệnh nhiều không làm tròn bốn phận chăn gối, thế là xong. Cha lặng lẽ như vừa trút đi gánh nặng, tự khen mình việc phải làm. Có thể từ đó mẹ mang mặc cảm, buồn rầu, bệnh phát nặng hơn, là lúc mất mồi, đi đứng khó khăn. Tôi giận cha ghè gớm, trong lòng khinh khi người đàn ông thiếu trách nhiệm gia đình. Chính vì điểm này, người ít lui tới hơn. Thăm hỏi mẹ lúc này, với bà là sự lạnh lùng. Với tôi, không muốn trả lời. Cha nói, *Rồi sau con sẽ hiểu*. Thật ra tôi phải hiểu thế nào. Hạnh phúc khi đến gần, nó trở thành xa lạ trong tính toán. Nó khác hẳn những lúc đùm bọc cho người thân ở quê nhà. Cái bóng mát dung thân trở thành tẻ nhạt.

Tôi vừa rời chốn mẹ trở về, ít nhất một lần trong ngày lui tới. Có thêm Di Hạnh, người đàn bà làm trong cơ quan xã hội, đã hướng dẫn giúp đỡ mọi thủ tục giấy tờ. *Lúc khốn khổ, có*

*quối nhưn phù hộ*. Mẹ nói theo kiểu thường tình.

Bây giờ có còn ai, ngoài hai mẹ con chốn này.

- Mẹ phải hiểu cho con, không làm sao khác hơn là đưa mẹ vào *nursing home* này. Con cần đi làm để sống. Mẹ cần có nơi săn sóc, điều trị.

- Mẹ muốn về nhà mình. Ở đây ngôn ngữ bất đồng, nói cái gì cũng phải kiếm người nhờ. Không có ai cho mẹ kể lể, mẹ cảm thấy cô độc.

- Ủ thì bệnh khỏi con sẽ đưa mẹ về, lúc này bỏ mẹ ở nhà một mình, có gì thêm ân hận.

- Mẹ biết trong mình không sao, chỉ khó khăn đi đứng thế thôi.

- Chính vì điều này mẹ phải ở đây.

- Cha bỏ mẹ, rồi tới con rồi mẹ.

- Không ai bỏ mẹ hết, chỉ có hoàn cảnh, mẹ bệnh hoạn nên phải như thế này. Mẹ nghĩ lại mà coi. Không ai trả nổi tiền bệnh của mẹ lâu dài. Cha biết trước điều này, bây giờ con cũng hiểu vậy.

Mẹ người ngoa.

- Mẹ có cần gì thêm?

- Với mẹ bây giờ chỉ có sự chờ đợi, chờ con hay chờ ai khác, không biết. Mẹ cần có người đến, cần tiếng nói, cần tình thân. Ngoài những điều này, có gì bầu bạn!

Lần nào gặp nhau mẹ cũng khóc. Tôi không khóc lúc này. Làm sao mẹ thấy được tâm trạng con khi trở về nhà một mình. Trong cái vắng vẻ ngày một ngày qua đi không còn giọt nước mắt, khóc thay cho sự cô độc chính mình. Tôi bây giờ đã quen, quen cánh cửa vào, rẽ về trái đi qua hành lang trái dài. Ở đó có mấy người ngồi trên chiếc xe lăn, có thân nhân đẩy hộ, hay trên băng ghế những người đàn ông, đàn bà ngồi đó, mắt nhìn vào ti-vi được mở thường xuyên. Cuộc đời xé

chiều như thế đó. Niềm vui chính từ đủ hạng người trước lạ sau quen, chung đụng một nhà. Rồi mình cũng vậy sao, trên đất nước này? Hay còn quá sớm nghĩ cho tuổi đời mình.

Tôi có khác không ngày cũ, có khác không cuộc sống chính mình, cho những hệ lụy khác. Từ một tình thân, từ mỗi ngày mỗi buổi chỉ biết ăn, ngủ, đi làm và kiếm tìm hạnh phúc. Hạnh phúc bây giờ ở đâu? Hay chỉ còn trong đêm, ký ức sót lại trống vắng. Tôi có còn là tôi, là tình nhân buổi nào hò hẹn. Có còn không anh ấy lúc này. Có còn không anh chàng Tân hứa hẹn đủ điều, than thở, lúc này thua *stock* thê thảm quá, cụt hứng mọi điều, *job* làm trở cơn không biết *lay-off* ngày nào. Không còn tinh thần động cõn nữa. *Chờ đi, thế nào anh cũng qua. Bên này độc thân nhau đám cưới làm gì cho tốn kém*. Nếu hợp, yêu nhau thì cái tình cũng đủ cho tác lòng. Cái lý luận ở anh giờ đây nó khác những toan tính bên nhà.

Sao người ta thực tế nhiều quá. Không ai thấy những lãng mạn tôi cần có. Không ai hiểu được những khát khao. Ở đây người ta ca tụng đàn bà, ca tụng thân xác, phim ảnh đủ thứ, mọi điều. Con gái như một trò chơi, mặc cả dưới mọi hình thức. Và như vậy, chữ nghĩa văn chương tôi phản kháng cách nào. Bức tranh toàn cảnh xã hội tôi mang qua xứ người rao bán, trở nên thừa thãi. Không ai cần biết đến. Cái dân tộc nhược tiểu lúc nào cũng đi nước đôi để giữ mình, và chung quanh cái chức danh của người cùng đường tự thấp sáng niềm tin. Họ cố vươn lên tạo thành một xã hội nhỏ trong đời lớn, ở đó con người hoàn cảnh như một xứ sở ngày nào, như thể có một trật tự luật pháp riêng mà không thật. Dù có đứng bên lề hay không, tôi vẫn



phải tìm đến như một thứ ngôn ngữ, một quê hương cội nguồn. Làm sao mẹ hiểu được cha bây giờ thỉnh thoảng đến với con như người khách lạ. Cái tình thân càng lúc chỉ còn cái nghĩa. Cha đến thăm mẹ những khi mẹ trở cơn bệnh nặng. Con gọi, người đến lúc mẹ còn say ngủ, say thuốc. Cái tình chồng vợ che giấu đằng sau cái mặt nạ xã hội. Đành chịu thôi.

Có mấy lần mẹ nhắc đến hôn nhân tôi cần có. Mẹ thăm hỏi Tân. Mẹ tình tảo hôn, hỏi cả về anh ấy, người đàn ông tôi bỏ lại quê nhà. Mẹ nhắc, *Tội cho nó, phải chi hồi trước mẹ không can ngăn, giờ này chắc có cháu bông, vui của vui nhà không phải đến chốn này.* Tôi cay đắng nói, *Mẹ phải đi để có hạnh phúc của mẹ chứ. Chao năm chỉ mong có ngày.* Mẹ đáp, *Ừ thì có ngày như bây giờ đây thôi.* Mẹ không muốn nghĩ gì nữa. Quên hết mọi chuyện, biết đâu tình thân yên ổn hơn. Mẹ nghĩ được điều này thì tốt quá. Thời gian sẽ làm mẹ chai lì, không buồn không vui, an phận mà sống. Mẹ ơi sống trên xứ người là phải chịu vậy thôi, không có mùi đất nồng quê nhà, ở cơn mưa đầu mùa đổ xuống, tất cả là cơn hồ hững đi qua, như người khách không buồn ngó lại.

Mấy ngày nay tự đứng mẹ nói, *Mẹ sợ cái tĩnh lặng của đêm tối, nhất là lúc đêm lắng sâu thật lặng lẽ. Mẹ nằm một mình lòng chùng xuống. Mẹ biết sợ tuổi già, biết nghĩ đến một mai không còn trên cõi đời này, mẹ phân vân cho chính mình. Mẹ muốn gặp lại đủ đầy các con.* Nghe mẹ nói vậy tôi đâm lo. Tôi ôm lấy người, tôi không cần được yêu, không cần làm người lớn. Mẹ không già, mẹ sống đời với con. Không có lời cho tôi nói lúc này. Từ xúc cảm tôi khóc như một đứa trẻ thơ.

Ở mẹ, người chờ đợi gì?

Ở tôi, tôi chờ đợi gì?

Đâu ai biết điều gì sẽ đến. Điều không ngờ là chị Thu qua thật. Cô ca sĩ nhà tôi sang trình diễn bên này. Trong điện thoại gọi qua, chị biểu lộ cái háo hức được trông thấy chân trời mới, mua sắm mọi thứ mang về, phục vụ cho bản thân trình diễn của chị. Chị mừng vui sẽ gặp lại gia đình. Tiếng hát, danh vọng sẽ chạy cao hơn. Ước vọng của chị, nghe qua thì dễ cảm thông, nhưng thật ra còn biết chao điều ngại nói. Lúc này đây là lúc bệnh mẹ trầm trọng hơn. Mẹ không ăn được nữa. Người nằm đó, những dây nối liên các tín hiệu tim mạch. Đời sống người như một đời sống thực vật.

Mấy năm xa cách chị như khác hẳn ra. Chị ngỡ ngàng nhìn lấy căn phòng tôi trú ngụ, ngỡ ngàng nhìn thấy mẹ tôi một mình chốn này.

- Sao em để mẹ một mình như vậy? Chị hỏi.

- Biết làm sao hơn. Ở đây sẵn sóc đầy đủ, được vậy là quý rồi, ai cũng vậy, không ai có thì giờ lo cho ai. Tôi đáp.

- Nhà không muốn người làm được sao?

- Được, nhưng gia đình đâu đủ khả năng.

Tôi giải thích thêm nhiều điều với chị, kể cả một mai mẹ mất đi, cũng sẽ từ nơi chữa trị mà đi luôn chứ không trở lại nhà. Điều kiện y tế bắt buộc là vậy. Chị như ngỡ ra, bỏ ngỡ. Cái gì cũng khác bên nhà. Tôi nói cho dễ hiểu là, những gì bên đó nghĩ, cứ tính ngược lại là đời sống bên đây.

Chị nói:

- Bên nhà ai cũng tưởng sống ở nước ngoài là thiên đường.

Tôi đáp:

- Thiên đường mù cho người sáng mắt lao vào. Có tất cả, nhưng phải trả bằng tiền, không thể thiếu mà sống được. Nó như món nợ đời đeo đẳng. Có sống trong cuộc mới biết.

- Mới vài năm mà em lớn người ra. Tôi cay đắng nói:

- Không phải là em, là cha dạy em nói những suy nghĩ này từ người. Ở hai chân trời, hai thế giới chênh vênh thì có chao giờ cân bằng được.

Thực tế mấy ngày đã làm tinh thần chị bất an:

- Sao người mình biểu tình chống tụi con vậy?

- Chống chế độ đi ra ngoài này. Không ai quên mối nhục lý tán ra đi. Cha đáp.

*Chị Thu ơi, tôi hỏi. Lúc bấy giờ chị có sợ không?* Chị nói hồi hộp lẫn sợ hãi, muốn khóc đi khi thấy tình cảm mang đến thật bẽ bàng. Nhưng lúc hát, tiếng hát vượt lên, tiếng hát nghề nghiệp, tiếng hát làm nên danh phận, nuôi lấy bản thân. Tiếng hát của nghệ thuật sống thờ chính mình, làm chị quên hết, không còn là mình.

Cha khuyên chị ở lại cho một chọn lựa. Chị nín thính.

Tôi nhìn chị, nhìn cha. Ngộ thiệt. Ở một nơi khác, hai cha con đứng hai bờ khác nhau, nhưng chốn này tình thân gia đình vẫn là một. Lịch sử Việt Nam theo cha không ngừng tranh đấu, và dân tộc ta chưa có ngày yên ổn thật sự. Từ lúc dựng nước, khởi nghĩa chống đô hộ. Từ Trịnh Nguyễn phân tranh, kéo dài cho đến đời con cháu sau này, chiến tranh hai miền Nam, Bắc, dân tộc ta chưa có ngày hòa bình đúng nghĩa. Chao năm qua đi, hai lý tưởng, hai chủ nghĩa, chống nhau trong cùng một dân tộc. Tất cả những thảm trạng, thảm cảnh, tai ương tạo ra chung cùng máu mủ, một màu da. Còn bây giờ trong ngoài chống nhau. Trong chống trong. Ngoài chống ngoài. Thật sự có chao giờ yên ổn. Chưa kể người ta cái gì cũng chống, quên cả chống chính bản thân mình. Cha nói vậy, cha nói



hay, như anh ấy, người tình nhân tôi. Anh có lý của anh, sống tách rời theo luận thuyết mình. Ai cũng đúng cả. Hình như có vậy mới làm nên đất nước, mới làm nên tinh thần người Việt mình. Cái dân tộc có con số 3 gắn liền. Cái gì cũng từ con số tam hoa tụ đỉnh này mà ra. Từ cha nước Đông Dương, đến cha miền Nam, Trung, Bắc. Từ cha ngày Tết, bộ tam sên, đến cha ngày mở cửa má, hay cha năm tiết hạnh khả phong thủ tiết thờ chồng. Từ tam bộ nhất bái, qua cửa tam quan, đến cha nhang một lúc, cho cha lạy cúng đường. Từ dân ca cha miền, tam đoạn luận, tam đầu ché. Từ thông báo thời cuộc cha năm học tập cải tạo. Biết chao điều liên hệ, cay đắng từ con số 3 này. Ngẫm lại mà coi.

Cuộc đời cha, là cả một đời phản kháng đấu tranh, cao ngạo, không chấp nhận ngày tàn cuộc chiến. Và mẹ, một người mẹ Việt Nam không bến bờ, trôi nổi từ con nước cạn cho đến bờ đại dương mệnh mỏng chìm đắm. Chúng con, đứa ở lại, đứa mới vào, đứa ra đi, tình thân đó, tình yêu đó. Cái tình dân tộc cũ không quên, mới không ưa, già không đối, lỗi không nhận. Lịch sử dân tộc ta là lịch sử buồn. Biết chao hỗn loạn ở bên nhân gian này.

Tôi nghĩ chị Thu không ở lại. Không có gì làm chị đam mê hơn danh vọng bây giờ. Chị có đủ hào quang để sống. Ai làm gì mặc kệ. Thương cha mẹ đi nữa, chị cũng có phần đời riêng của gia đình chị. Mưa trên trời mưa xuống, như mẹ nói, tuổi già là lúc con cái mang theo tình thương đi hết, còn lại chỉ là nỗi cô độc chính mình. Cha ơi lúc này sao không là lúc cha thương đùm mẹ. Xã hội này tạo những mâu thuẫn như cha nói, *Có thương cũng không đủ tiền mà gồng gánh*. Có làm vào hoàn cảnh

ốm đau mới hiểu được cảnh nhà tan cửa nát, có khác gì một cuộc chiến đời người. Mặt trận sinh tồn sẽ làm người ta quên hết. Tân sẽ quên tôi. Anh ấy sẽ quên tôi. Cuộc sống có những lựa chọn về phía trước.

Tôi sẽ viết thế nào cho chương kết gia đình. Chả lẽ nhai lại Sài Gòn bây giờ mưa hay nắng, mắc mớ gì trong đời sống còn lại. Có thể điện thoại này bắt lên, gọi anh ấy lần cuối. Hôm nay sinh nhật tôi. Nói với anh tôi có nhiều bè bạn, nhiều câu chúc lành. Sống giả dối với anh như từ chao năm tôi gọi về. Tôi hạnh phúc, tôi có nhiều hạnh phúc đối trá che lấp hạnh phúc thật của mình. Trong căn phòng này, mỗi mùa sinh nhật qua đi, chỉ một ngọn nến. Ánh sáng lóe lên, nhìn bóng mình trên vách. Tôi bây giờ biết trang điểm kỹ hơn, làm đẹp hơn trước. Đừng nghĩ mọi chuyện buồn phiền sẽ bỏ quên nhan sắc. Không đâu. Nếu bây giờ có anh ấy, có Tân, sẽ thấy cô bé ngày nào, hôm nay soi gương sắc sảo hơn nhiều. Bong bóng ở phòng này, không có nét vẽ của anh, lý thuyết gia ngày nào của tôi. Cái thực tế cho thấy nó chỉ là hình bóng, có rồi mất. Tôi có thể nào sống và bám vào đó. Mở cánh cửa sổ, mùa hè đêm sinh nhật, trời ấm, lửa cho bóng chạy lên. Qua khung cửa, nhìn thấy trời cao rộng mở. Có gì, còn gì. Hay chỉ một mình ta. Bên lề quá khứ, tôi còn hiện thực với ngọn nến này. Cháy lên, cháy lên niềm tin, dù đêm có tàn, nên kia có tắt, tôi vẫn là tôi với tiếng kêu, *Tôi ơi đừng tuyệt vọng*.

Quả thật tôi không tuyệt vọng, khi đưa tác phẩm này cho cha. Tôi muốn ông đọc quãng đời sau để sống cho đời trước. Chỉ có cách này tôi mới dám nói cùng cha những điều mình muốn nói. Cho đến hôm cúng thất, đi thăm

mẹ, tro cốt cất giữ trong từng hộc tường đứng của nghĩa trang. Cái tình, cái nghĩa cha còn đó. Nay còn có Di Hạnh đi kèm. Tôi trách mình không lường trước tấm lòng chao dung này. Cha giới thiệu với Di Hạnh, sách tôi có năm nhân vật chánh đáng kể. Di cười, miệng pha trò:

- Ôi chà năm nhân vật há. Vô làm ngũ bá hay ngũ hành sinh khắc?

Tự đứng tôi đăm ngượng. Tôi học của mẹ câu trả lời:

- Nó là ngũ uẩn.

Cha đưa lại cho tôi quyển tập không có chữ nào trong đó. Cha muốn phủ nhận. Cha muốn đẩy lùi tất cả? Chỉ một màu giấy trắng.

Tôi nói, *Có thấy chữ nào đâu*. Cha nói, *Viết chi cho bọn đục*.

Câu nói của cha như đánh thức tôi dậy. Từ đó cho đến bây giờ. Tôi đã viết xong nhiều tác phẩm, nhiều mảnh đời với bốn ngàn năm chen lấn. Gởi ở đâu, họ cũng từ chối. Chưa có danh thì không làm nên nghiệp. Mỗi lần vậy, tôi thay bằng quyển giấy trắng. Như thế tôi chưa làm gì hết. Tôi chưa đi đến thành công, nghĩa là bên lề không có sự thất bại. Tôi hy vọng có người chịu đọc đàng sau trang giấy trắng này.

Rõ là khủng. Câu mắng nhiếc làm tôi nghe lạnh lẽo. Không ai thừa nhận, dám nhận, dám in, tác phẩm không có chữ viết nào. Vậy thì viết cho ai đọc và phục vụ cho ai. Biết chao người không viết, không cần nói. Cuộc đời vẫn vậy. Có cần thiết không trong cuộc sống? Hay cái cần là chỉ có mình cần. Có chữ nghĩa là có hình bóng. Hướng gì ở đây là một tác phẩm trắng. Họ sợ. Tôi cũng sợ. Màu giấy trắng trong, hiển lộ chân tánh làm người. ■

HOÀI ZIANG DUY

# thơ phổ nhạc

## MUA BAY TRONG ĐỜI

thơ HOÀI ZIANG DUY  
phổ nhạc ANH BẰNG  
tiếng hát NGỌC QUÝ  
<https://www.youtube.com/watch?v=19A06A2Eauc>

Anh vẫn chờ em vẫn đợi em  
Dù trăng chệch bóng đứng bên thêm  
Ngàn năm mây có bay trăm nẻo  
Một nẻo đi về thương nhớ thêm

Anh vẫn chờ em vẫn thấy em  
Trong đời mắt sáng ướm môi mềm  
Chợt nghe trái chín sâu hạnh phúc  
Rụng xuống đầu đời lạnh giấc đêm

Yêu đã bao chiều vẫn thấy yêu  
Ngàn năm mưa vẫn nói trăm điều  
Bằng khoảng nghe chút tình chẵn chiếu  
Ai lấp ban đầu nỗi tịch liêu

Anh vẫn chờ em vẫn đợi em  
Ngàn năm vàng đá có quên nào  
Trăm năm con nước xô ghênh đá  
Canh cánh bên lòng đêm khát khao.

## CHIỀU NHỚ TÌNH NHÂN

thơ HOÀI ZIANG DUY  
phổ nhạc VĨNH ĐIỆN  
tiếng hát ĐÔNG NGUYỄN  
<https://www.youtube.com/watch?v=qqUeNaYFMgQ>

Thời không nhớ những ngày xưa  
Tháng cũ  
Lời tự tình như nước chảy trôi xuôi  
Ngó tương lai mưa mù che hai mắt  
Mà cũng thời ngào nghẹn chút yên vui

Đá có buồn rừng xưa thời cũng mặc  
Dù cố quên nhưng cõi nhớ cứ mang  
Anh bước đi cửa đời sau khép lại  
Lửa đời nhau soi thấy cũng muộn màng

Như ước vọng trời bằng gai lâm lũ  
Lá mùa thu ngậm đắng giọng tình đầu  
Ôi chim tha sợi mây hồng xây tổ  
Áo lụa bay ai bước nhẹ qua cầu

Và cứ thế anh ngủ đời nhân ái  
Buồn có đeo song cũng ngụi tay chào

Gọi tên nhau quện tròn cầu ăn ái  
Cõi đời yên nghe gió thoảng xôn xao

Rồi khoảnh khắc chạy dân xa cửa kính  
Ở trời xa dĩ vãng sẽ mang thai  
Ôi chiều hôm nọ hồ sương muối đó  
Quãng đời sau gìn giữ biết cho ai.

## CHÀO EM CON CHIM NHỎ

thơ HOÀI ZIANG DUY  
phổ nhạc THY PHƯƠNG  
tiếng hát THU TRANG  
[https://www.youtube.com/watch?v=Gkv\\_l1lxzy4](https://www.youtube.com/watch?v=Gkv_l1lxzy4)

Chào em cô bạn nhỏ  
Áo mơ vàng chưa phai  
Người ơi hoa nở đó  
Mỗi mộng cười trái say

Tìm nhau trong hơi thở  
Nhỏ giọng đời yêu thương  
Chắt chiu lòng trứa ngủ  
Nhớ người sao vấn vương

Chào em con chim nhỏ  
Rút rít cành tay mang  
Mời em quanh trái cấm  
Để thấy trời thành thang

Chào em cô bạn nhỏ  
Tiếng cười chen chúc vui  
Ngậm lời đan kỷ niệm  
Tháng ngày xanh đã lui

Người ơi thôi cứ bước  
Lấn quẩn lòng ta khua  
Ai bảo đời mẽ mẽ  
Hoa đã nở hẹn mùa

Cười em em như thỏ  
Dũi trốn nhìn bóng nhau  
Chờ trăng tình mới tỏ  
Cũng xế lòng anh đau

Này em cô bạn nhỏ  
Đến chung cùng giấc mơ  
Giận chi lòng mở ngõ  
Tình xót tình vẫn vơ

Chào em chào tuổi nhỏ  
Lấn quanh đời mệnh mang

Này thương đời má đỏ  
Gởi nhau nụ hoa vàng.

## MẤT NHAU RỒI MỚI HIỂU NỤ MỒ CÔI

thơ HOÀI ZIANG DUY  
phổ nhạc VĨNH ĐIỆN  
tiếng hát THỤY LONGG  
<https://www.youtube.com/watch?v=91Uk7bo8dAc>

Người đi nhẹ  
Mang tình ta trần trở  
Giọt sương khuya  
còn đọng trước hiên nhà  
Đêm dẫu yêu trăng già theo nhịp thở  
Thời gian ơi gần lại buổi tình xa

Em đi rồi  
Còn ai nghe tiếng hát  
Cung đàn xưa  
phím nhẹ bước dây chùng  
Bờ vai anh tàn Đông cây đứng gió  
Dậy trong lòng  
tiếng sóng vô yêu thương

Ngôi xuống đây em  
Nhớ chiều mưa tình tự  
Căn nhà xưa, sau, trước, bồi hồi  
Ngoài sân kia đoá hoa vàng mới nở  
Mất nhau rồi mới hiểu nụ mồ côi

Rồi hôm nay  
Ta không còn trẻ nữa  
Em đi rồi ấm lạnh buổi hoàng hôn

Về đây em  
Như ban đầu buổi trước  
Phút ngại ngần em mặc áo mơ phai  
Thoáng bằng khoảng  
như ân tình kiếp trước  
Đuổi tìm nhau  
theo biển rộng sông dài

Này em nhé  
Dừng chân tình thơ dại  
Bến lòng anh cơn mơ giấu trời xa. ■

HOÀI ZIANG DUY



# HOÀI ZIANG DUY, NGƯỜI TÌNH THƠ VĂN

PHƯƠNG THẢO HUYỀN

**T**ôi biết Anh từ lâu lắm. Ở cái thuở còn bé, chưa biết mộng mơ, chưa biết văn chương nghệ thuật là gì. Chỉ biết có sách, có chữ là đọc, là xem. Cho qua thời gian trong lúc trông coi cửa tiệm. Tôi đọc ngấu ngiến những chuyện Tàu, từ Tam Quốc Chí đến Chung Vô Diệm,... Tôi xem sách hình Tàu một cách thông thạo... Rồi quay sang các tờ nhật báo, tuần báo,... Đọc không sót chữ nào, từ trang tin tức bên ngoài, tới tin rao vặt cũng không chừa... Tôi dần đi vào thế giới văn thơ.

Tôi đọc bài văn, tôi thường thức bài thơ bằng thái độ an nhiên, không rộn ràng như khi vừa giải xong một bài toán khó, hoặc cố tìm hay nghiền cứu một cách giải ngắn gọn hơn, khoa học hơn. Vậy mà, thơ Anh, truyện Anh đã làm tôi bồi hồi. Lúc đó tôi không sao giải thích

được. Chỉ biết ở đấy có một tâm tình đồng cảm, một chất sống ray rứt, một nội tâm phong phú, đang muốn bút xé, tuôn tràn... Tôi biết Hoài Ziang Duy dù chưa một lần biết mặt Anh.

Tôi đã gặp Anh, trong buổi tiệc văn nghệ, báo chí của trường. Tôi có chút không vui. Hoài Ziang Duy trong tôi không là Anh, người con trai trước mặt. Khuôn mặt thật sáng với nụ cười tự tin, trang phục tươm tất, chiếc đồng tiền trên má tạo nét trẻ thơ, mà tôi không thấy trong văn thơ Anh. Ở đó có trái tim uất nghẹn sao? Ở đó có sự cô đơn, cần người chia sẻ sao? Tôi thật sự không cảm nhận được những điều ấy trên nhân dáng Anh lúc bấy giờ.

Và rồi chúng tôi quen nhau qua những cánh thư văn nghệ. Bàn chuyện

văn chương, trao đổi sách báo mới xuất bản. Tôi tập tành làm thơ tình dưới sự khuyến khích của Anh. Tình cảm thật trong sáng giữa chúng tôi. Sau đó, tôi biết về Anh nhiều hơn, hoàn cảnh gia đình và cuộc sống hiện tại, đã kéo chúng tôi lại gần nhau.

Mẹ mất khi Anh vừa lên sáu. Ba đi dạy, ở vậy với đàn con. Người chị duy nhất theo nghiệp cha và nuôi lớn hai đứa em nhỏ, chưa nghĩ đến phận mình. Mấy anh trai lần lượt vào đời với cuộc sống riêng. Anh lớn lên trong sự bảo bọc của ba, của chị mình. Anh trưởng thành, cũng là lúc người chị vu quy, mức lương hưu của ba không thể nuôi Anh vào đại học. Anh đã dùng tiền nhuận bút, để tự sắm cho mình bộ đồng phục đi học (chỉ có một bộ, nên phải giặt ủi kịp thời, để không bị phết).





Anh luôn trang bị cho mình một phong thái đủ đây, từ tinh thần đến vật chất, để lấp đầy tự ái cá nhân, để ba không buồn, để chị được vui. Nhưng bên trong Anh, là nỗi khát khao có được sự bình yên, vượt thoát cõi tối tăm, cô đơn buồn nản. Và Anh đã đưa hết vào văn thơ.

Trong tâm thức Anh, ba là người cha tuyệt vời. Hình ảnh người cha bằng bạc trong chuyện. Từ "Bên Trường Giác Đẩu" với cảnh người cha đi nuôi con bị thương mất cả hai chân: "Con hãy sống cùng ba. Đời ba bây giờ chỉ có mình con, ba sẽ đẩy con đi chơi. Buổi chiều, buổi sáng con vẫn thấy mặt trời, vẫn thấy cuộc đời mà..." Đến "Ông Tướng Sang Sông" với việc bốc mộ cho cha (trang 74 -76), hoặc trong "Đầu Côi Đi Về" hay qua "Đám Tang Chữ Nghĩa".

Hình ảnh người phụ nữ trong văn thơ Anh thật nhiều. Dậm nét nhất là sự dịu hiền của người mẹ. Anh mất mẹ khi còn rất nhỏ, nhưng Anh vẫn nhớ hoài sự yêu thương của mẹ dành cho mình. Anh không nhớ mặt mẹ từng đường nét, nhưng bút mực Anh đã vẽ lên từng khuôn mặt mẹ dịu dàng. Qua hầu hết những chuyện Anh đều có Mẹ, có Dì, có Chị. Như trong Cánh Lá Ưu phiền, Chị, Nghe Những Tự Tình,...

Lời thơ Anh mượt mà, câu văn Anh trau chuốt. Anh dùng chữ rất bén và ý nghĩa.

Anh làm ai kia thao thức, bởi:

*Buổi nay em không đến*

*làm anh cô đơn*

*Mây bay đi có những lúc buồn*

*Nói khẽ, bây giờ nhớ bé quá*

*Phải làm sao cho con mất nhẹ cười...*

*(Chuyện Kể - Lá Tình Thư)*

Anh cũng đã làm rơi bao nhiêu nước mắt của nhiều người, khi nghe con trẻ đọc bài:

*Buồn trông con nhện giăng tơ*

*Mà thương người cũ đợi chờ bao năm*

*Là sáu kín nổi ám thâm*

*Bước hành lang gõ*

*giọng trầm chân khua...*

*(Ca dao)*

Và cũng khúc khích cười vì Anh:

*Cười em, em như thỏ*

*Dũi trốn nhìn bóng nhau*

*Chờ trăng tình mới tỏ*

*Cũng xé lòng anh đau...*

*(Chào Em Con Chim Nhỏ)*

Hay ganh tỵ với "Tình Nhân Xưa":

*Ta sống xứ người câu thăm hỏi*

*Châu Đốc có còn thơ ấu xưa*

*Có đem theo gió Cầu Quan gọi*

*Tình lặng Bô Đề cội giấc trưa*

Để rồi vẫn là nỗi nhớ:

*Sáng thức dậy*

*Đứng lên từ quá khứ*

*Chỗ em nằm là chỗ trống đời ta*

*Chiều hôm qua nắng tìm chim bỏ xứ*

*Trong mắt em*

*Giọt nước đọng bên nhà*

*(Thương Lấy Đời Nhau)*

Anh khó tánh và nguyên tắc, nhất là trong văn chương chữ nghĩa. Anh không thích câu "viết chơi" hay "làm chơi", mà Anh luôn khẳng định việc mình làm, mình viết là "thiệt" là đúng. Nếu không biết nhiều, người ta sẽ cho Anh là tự cao, tự phụ; nhưng nếu biết đoạn đường làm việc của Anh, từng bài thơ, từng đoạn văn Anh dệt thành, thì cảm giác trên không còn nữa.

Anh yêu việc viết lách hơn mọi thứ trên đời. Ngày còn đi học, Anh có khiếu vẽ Y Dược, chỉ cần nhìn qua viên thuốc, đọc các dược liệu,... là Anh nhớ mãi. Nhưng Anh biết hoàn cảnh gia đình, nên chỉ ghi danh học Luật. Rồi tổng động viên. Khi ra trường Bộ Binh Thủ Đức, vào chiến trường hiểm nguy, Anh vẫn viết. Khi đi tù "cải tạo", Anh vẫn làm những bài thơ, tâm hồn Anh vẫn hoài rung động trước mọi thứ, kể cả khi thân xác đã hao mòn. Anh đã sử dụng châm cứu trong ngục tù, để cứu giúp bạn bè chung cùng cảnh ngộ. Khi về, Anh tiếp tục... Cứ ngỡ Anh sẽ quên đi việc viết lách, nào ngờ khi sang được Mỹ, Bob Johnson (người được Anh châm cứu trị hết bệnh tuyến tiền liệt) đã tìm cách bảo trợ Anh đi học lại, nhưng Anh từ chối. Và trở lại làm nghề mình yêu thích: viết văn, làm thơ.

Viết văn, đối với Anh không khó, bởi trong môi trường sống, Anh luôn tích tụ trong đầu, những hình ảnh đặc trưng để làm tư liệu khi cần. Anh có thói quen đặt tựa bài trước (tựa bài Anh luôn là niềm hãnh diện trong tôi, vì lạ và rất hay). Anh ngồi trước máy, gõ nhẹ, xuyên suốt, thời gian không kịp trôi theo từng con chữ, không gian như ngưng đọng theo Anh... Anh ít nói, ít bạn bè, nên mọi thứ Anh dành hết cho các nhân vật của mình. Anh vào vai chính, thủ luôn vai phụ. Lời nói, biểu cảm khi dịu dàng, lúc cộc lốc, có cả câu chữ thể, nói tục. Anh phân hoá từng vai một, rất xuất thần, cho mỗi vai một nhiệm vụ để cứu mạng, bộc bạch những gì Anh mong ước. Viết xong, in ra và đọc lại. Bôi đi xoá lại cho hoàn chỉnh theo ý mình. Và tôi vẫn là người xem đầu tiên. Anh lắng nghe lời tôi góp ý, ban đầu còn nhân nhượng, càng về sau càng quyết liệt, bảo vệ ý mình và cuối cùng vui vẻ với nhau bên đứa con tinh thần mới.

Ngược lại, khi làm thơ Anh rất thoải mái, chỉ thoáng chút là xong. Ở thơ, Anh không cần sống cho ai, cho lý tưởng gì. Chỉ cho Anh, một mình Anh thôi. Trong Anh, thơ - nhạc vốn là một, thơ tuôn ra với âm sắc lên xuống tự nhiên, hoà quyện cùng nhau, một cách thuần thực. Nhưng chưa đủ, thời gian kế mới là đáng nể, Anh trau chuốt lại từng ngôn từ, so sánh lại từng giai điệu... Nên thơ Anh rất đặc biệt, trong thanh có sắc, trong buồn có chút hy vọng.

Với tôi, cả thơ lẫn văn Hoài Ziang Duy đã chinh phục trái tim này. Anh đã đặt vào đó tất cả tâm huyết mình, những suy tư, những dằn vặt không mở nổi. Để rồi, người đọc tự tìm một câu trả lời cho riêng mình, không ai giống ai.

Riêng tôi, cho đến bây giờ vẫn còn câu thắc mắc: Không biết có phải mối tình đầu quá êm đẹp, một hạnh phúc đến thật gọn nhẹ, không cần phải tranh đấu, đã làm Anh thật yên bình, không cần nghĩ suy nữa. Và tôi đã không tìm thấy mình trong những tác phẩm của Anh? ■

**PHƯƠNG THẢO HUYỀN**

Virginia, tháng 5/2022

# HOÀI ZIANG DUY



## CÒN KHÔNG CHỖN QUAY VỀ

• tự truyện

Tôi muốn sống bằng tâm tình ngày cũ. Có được đâu khi mà không còn ai chung cùng một đời sống, không còn ai chia sẻ chốn này. Quê nhà đã xa, dù lòng chưa lạ. Tôi đâu muốn đi về một thời chiến tranh, ở đó cầm bút, cầm súng vào thân chung cùng mặt trận.

Tôi đang sống trên đất nước tự do, có người Mỹ, người bạn đồng minh, những người trước đây cùng tham chiến ở Việt Nam. Bản thân họ vẫn có niềm tự hào vì lý tưởng tự do cùng chúng tôi chung vai chiến đấu, cho dù giới truyền thông trước đây tiếp tay thành phần phản chiến bóp mép sự thật, bôi nhọ hào khí chiến đấu của Quân lực miền Nam, khiến con dân người Mỹ dự phân không nhận được sự ủng hộ, đồng tình ở chiến tranh Việt Nam. Tôi vẫn không tin, bởi trước mắt tôi những người Mỹ, những người bạn quốc gia đồng minh khác. Họ vẫn vui vẻ nói về sự có mặt của mình ở chiến trường năm xưa.

Tôi nghĩ chính thực, những người bạn tôi đã gặp. Họ là người lính ở chiến trường, ở hành quân mặt trận. Loại lính này, thì quân đội nào ở đâu, cũng chỉ biết làm theo lệnh, tuân theo thượng cấp chỉ huy, sống chết với đồng đội. Họ nhắc nhớ về nơi chốn đóng quân, thành phố đã đi qua. Cho dù giọng phát âm địa danh không rõ, chúng tôi vẫn đoán, hiểu được để lắng nghe.

Ngược lại, khi hỏi chúng tôi buồn không với thân phận bây giờ? Chốn này?

Có phải buồn không, cái giá phải trả ở cuộc chiến đất nước

**G**ìờ này Khánh Ly hát bản Ru Ta Ngậm Ngùi. Cô đứng hát trên sân cỏ quán Văn, khán giả ngồi dưới. Còn tôi đang ngồi trước màn hình nhỏ. Thời gian, không gian Sài gòn ngày trước.

Trong đêm, tôi thấy lòng bâng khuâng, khi những hình ảnh năm xưa tạo cảm giác bồi hồi. Ba mươi bảy năm qua, một thoáng nào đó, nó *ru ta ngậm ngùi* với những mắt mát qua đi, đi qua đời nhau trong chiến tranh, đi trên nỗi buồn một thời ấu thơ vội vàng đánh mất.

Như đêm này tôi chợt hỏi. Còn không chốn quay về?

Về đâu? Về đâu?

Cái âm thanh rớt vào khoảng không nghe xa lạ.

Không gian xưa không còn nữa. Không là chốn hẹn hò.



mình? Mấy mươi năm sau, những bí mật an ninh quốc phòng có thời hạn đã được giải mã, để thấy quân đội miền Nam bị bỏ rơi như thế nào. Sau cùng là một lời xin lỗi. Miền Nam đã thua tại mặt trận chính trị Hoa Thịnh Đốn. Do chính họ, chính giới người Mỹ. Sự thế đã rồi.

Cũng bằng thực tế hôm nay. Bắc Việt Nam với niềm tự hào chiến thắng, thắng Mỹ, chiếm miền Nam. Nay lại đưa thành phần của hải lực không quân, chuyên viên, công an các ngành đến đất nước Hoa Kỳ cho "người Mỹ thua cuộc" huấn luyện. Sự đời lắm éo le, như bàn tay với hai mặt trên dưới, cho chúng ta nhìn thấy. Còn về "phía thắng cuộc", có cần suy gẫm lại không để thiết phần chuyện ai thắng ai?

Lâu rồi, không nghe lập lại, nhắc tới vinh quang trong chiến thắng. Đối với người Việt lưu vong, chúng ta còn phân biệt hai miền Nam, Bắc. Nhưng sống ở đây, sẽ thấy dưới mắt chính giới người Mỹ, chỉ có một Việt Nam theo chiến lược dài lâu của họ.

Có điều, hơn hai mươi năm sống ở xứ này, tôi thấy lạ là giới truyền thông không bao giờ loan tin về chiến thắng của quân đội Mỹ ở nước ngoài. Dĩ nhiên đưa quân tham chiến, vùng trú đóng là có hành quân, có đụng trận. Nhưng chưa bao giờ chúng tôi đọc được những hàng tin về chiến công của quân đội Mỹ. Bù lại là tin tức về những chết chóc, hình ảnh các quan tài đưa về, được đón tiếp ở nơi chốn sinh sống ra đi. Và như vậy ở đâu thấy được sự hy sinh?

Ở đâu thấy được tinh thần chiến đấu của người lính, quân đội Mỹ?

Đưa vấn đề này ra hỏi anh em cựu chiến binh. Họ chỉ cười trừ không biết, cũng không hiểu vì sao. Do vậy cho thấy, thành phần phản chiến thật dễ dàng vịn vào các cơ quan truyền thông, truyền hình đưa tin làm nản lòng thân nhân, dấy lên phong trào phản đối từ trong nước. Đối với cuộc sống tự do, đủ đầy, người dân Mỹ không chịu đựng được ở cuộc chiến dài lâu khi phải dự phần. Tinh thần của quân đội chỉ qua những khẩu hiệu. Thấy chằng là những công bố về vũ khí mới, biểu diễn máy bay, tàu chiến có tính cách khoe hàng cho việc bán buôn. Nói chung ở một nước tự do, không có chiến tranh đến được phần đất này. Hình ảnh người lính như một cái bóng, chỉ làm bốn phận theo mệnh lệnh từ trên xuống dưới. Xã hội chỉ thấy vai trò những người đại diện dân cử là nặng ký.

Mấy mươi năm qua chiến tranh đã lụn tàn theo thời gian, lòng người xa xứ cũng nguội ngoai do phải đương đầu với cuộc sống trước mặt. Thời gian và tuổi về chiều là lúc chúng ta nhìn lại. Bây giờ, bên gia đình, bạn hữu có những điều thường tình để nói, dù nhỏ nhặt, nhưng lại là điều cần thiết trong cuộc sống còn.

Thế hệ chúng ta với ba phần tư cuộc đời là sống cho quá khứ. Một phần tư còn lại chia hai, một phần sống cho tương lai, một nửa là đợi chờ trong thực tại. Nói vậy để thấy khi bất chợt với tân số cùng nhịp đập. Nghe lại bài hát

cũ, ở cùng tâm trạng, khua dậy nỗi niềm tưởng chừng đã yên, để rồi sống theo cái tám mươi phần trăm thường tình của một con người như mọi người.

Còn không chốn quay về?

Về đâu, về đâu?

Về nơi chốn bước chân ra đi, về với quê hương ngậm ngùi? Đâu có ai đi hết, biết hết mọi miền đất nước dân tộc mình. Đi qua trong thời chiến chinh bom lửa, chết chóc. Đi qua một thời tuổi trẻ. Điểm son không phải là nụ hồng, vết son môi. Điểm son là những chàm tọ độ trên phóng đồ nối liền kéo dài. Đi không biết ngày mai, không biết điểm dừng lại ở cuộc chiến. Bây giờ đã đi quá xa, quá đà. Đi như thế một đi không trở lại, thì câu hỏi về đâu cho ngày sau vẫn là điều phân vân, không thành câu trả lời dứt khoát trước cảnh đời này.

Từ những ngày đầu tiên đến xứ người, coi như lần nữa phải làm lại. Khác chằng một chặng đường đời đã đổi, đã đi qua những tủi nhục đau thương trong chốn lao tù. Khác chằng bây giờ, một thân xác không còn trẻ như ngày nào, và một tâm tình bi thương ai oán. Khi ngày đó tương lai tuột dốc xuống tận cùng hố thẳm, khi tình đời đối diện với thiện ác, bạn thù. Trong cơ cực chịu đựng với hoàn cảnh trái ngang, con người cũng hiện thực với khí tiết, ươn hèn. Cũng từ những cảnh ngộ đó, bước ra cuộc đời làm lại, quan điểm, háo hức khôn ngoan, trong tâm nhìn khác đi năm xưa, biết cách sống, hiểu thân phận làm người đàng sau cuộc chiến, đàng sau



một xã hội đời đời đảo lộn, và hơn hết là nỗi cảm thông với sự cùng cực nghèo khổ, hợp âm với thành phần trắng tay, không còn gì trong xã hội.

Ngoài sứ mệnh người lính lập thân, tôi đã sống trọn vẹn với vai trò cầm bút chính mình. Nó là sự đeo đẳng mà mấy chục năm qua, từ thuở ấu thời cho đến bây giờ vẫn không ngừng nghỉ. Tôi không nghĩ là nỗi đam mê, bởi đam mê chỉ có giai đoạn thời khắc qua tuổi tác thời gian. Còn ở đây, nó đi liền với đời sống ăn ngủ, cùng chung một nhịp đập ở sự sống con người.

Tôi đã sống tử tế với người bạn cầm bút trong tôi, chia sẻ ngọt bùi cái tình thân thiết, yêu người như yêu chính bản thân tôi, mọi nơi mọi chốn với tình huống nào. Vậy mà theo thời gian nhìn quanh, vẫn không thấy người bạn dấu yêu cầm bút nào có một đời sống phú quý, kinh tế sang giàu, thành thời với hiện tại. Phải chăng đời sống tinh thần ở chúng tôi đi về một hướng khác, cái hướng mai hậu khi nằm xuống mới có sự đền bù nhắc nhở. Có điều an ủi là bạn bè trong giới văn nghệ, không gặp vẫn thấy quen, vẫn thấy một tình thân thiết tìm nhau. Nó không có biên giới đất đai lãnh thổ, tuổi tác. Sống, sinh hoạt với một tình người đồng cảm từ văn chương.

Có thể dựa vào tình thân phóng khoáng ở giới văn nghệ. Người ta kêu gọi sự đồng hành cảm thông xóa bỏ, mọi tranh chấp hận thù đối đầu. Anh em chúng tôi có giận ai đâu, khi anh cùng là người cầm

bút. Có phiên đầu khi anh viết những sự thật tỏ tường, sự thật ở đời sống, người quanh nhìn thấy. Có túi nhục, có hận đầu khi anh không từng bị đối xử ngược đãi ở thân phận con người không còn là con người. Nếu anh nhanh chân chạy đi không ở lại, không sống trong xã hội thời đó, như ly cà phê đắng, quên bỏ đường, thì thôi xí xoá pha lại ly khác. Đằng này thực tế, nhà cửa nát tan, đời đời di chuyển, mất hết mất sạch. Tất cả phải làm lại, đa phần ở người đàn bà vừa phải nuôi chồng ở trong, nuôi đàn con bên ngoài, đời sống kinh tế để có miếng ăn từ những phần đất hoang vu, rừng thiêng nước độc, khác gì thời xa xưa ông cha dựng nghiệp khai phá. Vậy thời những con người trong cảnh ngộ, với tâm phàm còn vương tục, thì làm sao dễ dàng buông bỏ, quên đi. Hai thế giới, cách biệt. Hai xã hội, trên một đất nước, không gian thời gian cùng lúc. Đời sống nào có thể sống, đời sống nào không còn nghĩa sống. Nói một cách khác, nếu anh không ở lại, không sống chung cùng trong lòng xã hội, thì nói sao anh cũng không hiểu, không tương được. Bởi vì nó đi ngoài cái thế giới thực tại, từ những điều không thật để thành sự thật, rồi như không thật.

Bây giờ ngồi đây, đêm nay nghe Khánh Ly hát, như đã nói phân trên. Cái cảm giác bồi hồi, xao xuyến quá. Tôi muốn sống lại nhiều hơn cái hạnh phúc khi tôi còn đất nước. Tôi muốn yêu thương nhiều hơn, ngoài tình yêu ban đầu. Đã bao lần nhìn lại,

những thước phim năm xưa. Hình ảnh đơn sơ, cảnh đời thường với người dân gánh gồng bán buôn vỉa hè, anh chàng đạp xích lô che mặt nằm ngủ, hay mấy cô gái trẻ mặc áo dài ăn hàng rong. Tất cả những khuôn mặt đó, năm xưa mỗi ngày đang sống cùng chúng tôi. Sao hồi trước không hề có cảm giác nào, như bây giờ nhìn lại? Đầu phải là hạnh phúc tìm gặp. Phải chăng nó là nỗi đau ly tán mất hết, vỡ ra từng mảnh, còn sót lại.

Bây giờ đây nếu phải trở lại, nhận chân một số kiếp ở thời đao binh, hiểm nguy rình rập. Dù thân phận mình không biết ngày mai, không có tương lai trong một đất nước chiến tranh. Tôi vẫn muốn có mình ở vòng quay cuộc đời trở lại, hơn là bây giờ tất cả không còn tổ quốc, không còn quê hương. Trên xứ người, đâu có mấy ai chịu nhận mình là người Việt Nam sau năm 1975. Bởi nỗi đau khi thấy dân tộc khác họ ré rúng người mình từ thực tế buôn người, lường gạt lao động xuất khẩu, hay làm gái mãi dâm. Nếu còn chút lòng nhân, sao không thấy thương tâm, khi nhìn lại quê nhà. Vẫn còn thảm nạn bắt bớ giam cầm, cướp nhà cướp đất. Tại sao xã hội sản sinh đây đây những con người khác thường, sẵn lòng làm những điều lường gạt chính người dân mình. Hay tại những người sống ngoài nước mới thấy. Còn ở trong, dù có thấy coi như không. Những tiếng nói lạc lõng, đánh động lương tâm rồi cũng không đi đến đâu. Người bạn ở



lại trong nước nói với tôi, *Phải có chút hèn mới sống được*. Câu nói không giải thích, làm tôi có chút suy nghĩ. Ba mươi tám năm qua rồi. Trời đất vẫn đều hieu, năm tháng như mọi ngày.

Bây giờ đây. Ở một tuổi về chiều của tầng lớp người ra đi năm xưa, điều tự vấn ở quãng đời sau cùng, là hai tiếng "Về đâu?" Vàng. Có biết bao người ra đi quay về, từ một tình thân gia quyến, từ một tinh thần cộng tác văn nghệ sĩ. Hay từ một tinh thần chính trị cùng chiến. Thực tế cho thấy, có hồ hào, có chửi bới bản thân, có nhục danh tiếng tăm, người nghệ sĩ lớn, thủ lĩnh lớn. Mọi việc đều phải cúi đầu như xin một ân huệ, được nhìn nhận, cho hát, cho phổ biến, cho sống còn. Có cần làm vậy không?

Lại đêm này. Đêm nay lại khác. Không có Khánh Ly thuở còn tóc ngắn hát lúc này. Không có nỗi buồn ở một thời quá khứ đi theo bên cạnh. Tôi đang quay về. Về đâu?

Trở về với căn nhà tôi đang ở, trở về như hàng đêm ở thực tế một đời sống phải đối diện với hiện thực. Đồi khi cần phải quên, nhẹ đi một thời quá vãng, coi như được phân nào hay phân nấy. Sống ở đây mới thấy thân phận một nước nhỏ, nghèo, đều phải tùy thuộc vào cái lộng của đàn anh bao che. Còn cá nhân chúng ta có định đoạt, đòi hỏi được gì. Trên bàn cà phê, trà rượu, anh nói tôi nghe. Là nghe, có chút ý kiến, qua lại. Thế hệ tuổi đời chạy đi

chúng ta còn làm được gì ở bàn cờ vận mệnh, chuyển vận từ bàn tay người điều khiển Có chẳng là tầng lớp trẻ tiếp nối. Rồi ngày sau có biết sẽ ra sao?

Hiện tại, có phải mỗi ngày tôi quay về với cái tôi đích thực. Là cuộc sống, là đi trọn hành trình của người cầm bút lỡ thời lỡ vận, không có sự nghiệp. Có là sống với niềm an lạc chính mình. Vậy mà có trọn vẹn một con đường thẳng cho tương lai đâu? Trong sinh hoạt văn nghệ, lần hồi nhà xuất bản, tạp chí thuần văn học không còn. Sự lặng lẽ rút êm so với mười lăm năm trước đây ồn ào nở rộ. Từ một tình hình chung biến đổi? Từ một lớp người viết già đi, không còn viết nổi? Hay từ một thực tế không còn người đọc. So với báo chợ để sẵn, đây đây hàng hàng lớp lớp người hiện ngang kiếm tìm mang về đọc. Rõ ràng đâu phải chữ nghĩa không còn quyến rũ, thiếu người đọc. Hay tại họ thích đọc trên *net* khỏi phải tốn tiền, không cần đi xa.

Nói thật một điều, cho tới bây giờ tôi vẫn thấy sung sướng cầm trên tay đọc một bài viết trên báo, tạp chí in, hơn là đọc trên *web*. Trên máy tính, cái đọc có tính vội vã, thoáng qua rồi nhảy sang cái khác. Nó thiếu đi cái từ tốn, thưởng thức, thấm thía từ chung cùng một đáp số nhận nghĩ, bắt gặp. Bài vở xuất hiện trên *web*, có đông người thấy để mắt vào (chưa hẳn đọc). Sự có mặt của một bài văn, thơ chỉ như một cơn gió thoảng, một viên sỏi

ném xuống mặt hồ, khuấy đi toả ra trong chốc lát, rồi tan biến. Có thể đa phần theo trào lưu sống vội vã, không cần thiết phải vướng bận, thì để tâm chi những bài viết của tác giả này, nhà thơ nọ. Về phần người viết thì lại khác. Chúng ta trân quý những dòng chữ từ tim óc. Đầu ai biết, có những kết cấu truyện, những bài thơ, câu thơ, ý thơ, vương vấn, khổ sở mang theo trong đầu làm đêm mất ngủ. Với tôi, đọc cảm xúc được, đó là lúc chúng ta sống cùng bài viết. Ý tình trong thơ, cái hồn, cái nhạc trong thơ nó không mang tính vỏ vắn, dễ dãi như mì ăn liền, làm cho có làm. Bởi, tác phẩm làm nên tác giả, thiếu cần trọng, coi thường người đọc, chữ nghĩa múa bút vung tay, dễ dàng quá, thì chính mình tự xoá đi tên tuổi mình đối với người đọc.

Tôi đã viết, nói nhiều điều lan man. Có phải tôi đang nói với chính mình, những bế tắc, vòng lẩn quẩn không thoát được ở đời sống bủa vây. Xã hội này, thế giới này có những điều khó hiểu hơn sự giản dị đơn thuần đang sống. Bốn câu thơ tôi viết trước đây. *Khi nói ra nhận mình người nước Việt. Chỗ trú chân vẫn lạc địa chỉ buồn. Cảm ơn đời chỗ dung thân lớn. Nhưng nhỏ nhoi tội lấy cội nguồn.*

Chia sẻ với tôi điều này, như một tâm tình cảm thông. ■

**HOÀI ZIANG DUY**

# đứng tựa bên đời



HOÀI ZIANG DUY

## CẢM TÁC VỀ TẬP THƠ 'ĐỨNG TỰA BÊN ĐỜI'

MARVIN TRAN

Lâu lắm rồi, tôi không có dịp luận thơ. Nhưng hôm nay tình cờ nhận được tập thơ của Hoài Ziang Duy, Như một người đang đói bữa ăn, tôi ngẫu nhiên đọc! Đọc như một sự thỏa mãn cho nhu cầu của cái bao tử trống rỗng... Hôn bâng khuâng theo từng dòng chữ như con thủy triều què hương... Tôi lảng lảng lúc nào không hay, tôi bồi hồi khi nào cũng không biết... Hôn tôi đã bị mê hoặc mịt mù trong vùng trời ký ức dấu yêu... Cho tôi xin cảm tạ thi sĩ Hoài Ziang Duy trước nghen, và tôi xin phép nói về bài thơ đã đánh trúng quả tim của tôi hãy còn đây mấy ngàn tâm thất này! Tôi muốn nói bài: “An Lộc, Chiến Tích Ngậm Ngùi” (chuyện kể).

Đúng như tác giả đề tựa, dù là một bài thơ thất ngôn tự do “An Lộc, Chiến Tích Ngậm Ngùi” nhưng nguyên bài đã thể hiện như là một chuyện kể... Mà

chuyện này, không những chỉ Hoài Ziang Duy là chứng nhân, mà cá nhân YDI tôi cũng đã một thời miệt mài nơi vùng đất đỏ lấm nổi đau thương: Bình Long, An Lộc!

*Tháng Năm, còn nhớ lần tăng viện  
Cả chiến đoàn quân đi chuyển xa  
Cuộc chiến ngày đêm đang khốc liệt  
Giải tỏa đầu cũng đất nước nhà*

Tôi ra trường và về đơn vị cũng vào khoảng tháng Tư... Ngày đó kho đạn Lai Khê vừa bị nổ xong. Những quả đạn lép, những mảnh đạn bằng gang còn vương đầy trên mặt đất đỏ Căn cứ Lai Khê ... vẫn còn nóng hổi. Mùi thuốc đạn vẫn còn nặc nồng say say thì cũng là lúc Hoài Ziang Duy sắp sửa nhập cuộc tham chiến... Những thằng bạn Pháo Binh cùng khóa với tôi, sau ngày ra trường Pháo Binh Dục Mỹ, tưởng như khó gặp lại nhau, vì khi ấy mỗi đứa phải chọn đơn vị một nơi khác tỉnh, khác vùng... Nhưng rồi không ngờ vài đứa chúng tôi lại hội ngộ tại chiến trường này. Trong đó có anh, có Hoài Ziang Duy... Anh bảo “Giải tỏa đầu cũng đất nước nhà” làm tôi chạnh lòng khi thấy mấy thằng bạn cùng khóa của tôi từ các đơn vị Vùng 4 lên tiếp viện mà mang dây ba chạc chỉ có một bi-đồng nước khiến tôi chọc què: “Tụi bây Rắn, Rít, Cá Sấu, Le Le, Bim Bim, Thần Sấm, Thần Sét,... quen vùng sông nước, hôm nay lên Cao nguyên núi rừng mà mang có một bi-đồng, coi chừng bị chết khát trước khi đụng trận...”

Thế rồi người lính trẻ Hoài Ziang Duy đã uy dũng chấp nhận sứ mệnh của một Kinh Kha thời đại, cưới vợ vừa được dăm tháng thôi, mà hiện ngang góp mặt cùng núi sông nơi vùng rừng thiêng đất đỏ:

*Đổ quân bay thấp vào trận chiến  
Pháo địch, phòng không nổ chập chùng  
Xuống thấp lên cao rừng ẩn hiện  
Tan hoang, thành phố chết lạnh lùng*

Vàng! Chỉ bốn câu thất ngôn đơn giản thôi, và mấy con chữ sắp xếp tài tình, Hoài Ziang Duy đã mô tả chiến trận thật là rõ nét! Chúng tôi là những người lính trận tại địa phương này đã



chúng kiến cảnh chiến trường An Lộc thật tang hoang khốc liệt và dã man đúng y như Hoài Ziang Duy đã mô tả! Chúng tôi bóp cò không phải là vì hận thù dân tộc... Chúng tôi chiến đấu không nhằm mục đích tiêu diệt dân Nam... Chúng tôi chỉ tự vệ để bảo vệ quê hương... Cho nên chỉ có Dịch và Ta:

*Chiến trận dần chào địch án ngữ  
Che chắn hầm đào với chiến xa  
Ta quân giải tỏa, đảm phòng tuyến  
Trước mặt đất trời, địch với ta*

Chưa đủ lắm nỗi gian nan của chiến trường đang khốc liệt, không những chỉ thiếu thốn giấc ngủ, hay cái ăn chốn ở, ngay cả nước để ngâm gạo sấu cũng là khan hiếm lắm rồi, nói chi tắm rửa ... chỉ được mỗi tháng một lần!

*Hơn tháng trời nay không tắm rửa  
Đất đỏ nhuộm thay áo trận màu  
Cứ mỗi chiều hôm ta chờ sẵn  
Xe tăng bộ chiến địch tràn vào*

Anh đã quen chưa địa thế chiến trận? Anh có sợ không trước sợi chỉ mảnh treo chuông? Dù thế nào, trong tâm anh vẫn còn sáng chói một tấm lòng lương thiện sống còn cùng quê hương:

*Đã quen thuộc quá lần thứ lữa  
Sá chi cái chết, chẳng ai màng  
Thời gian đâu để phân vân đợi  
Chuyện nước chuyện nhà chốc nát tan*

*Hung hiểm gân kẻ ta với địch  
Chỉ còn tiếp tế thả dù bung  
Thay nhau tâm mắt hầm trấn thủ  
Là nơi chia chác chết chung cùng*

Anh nói đúng đó, Hoài Ziang Duy ơi! Những quân nhân Huynh Đệ Chi Bình lúc ấy chẳng những chia nhau cùng gánh vác gian nan, nhưng vẫn cùng nhau chiến đấu bảo vệ quê hương... Không nói gì cao cả hơn, không phải như Tướng Lê Nguyên Vỹ dù trong chiếc áo thun nhà binh cũng đã hiện ngang gương nòng M72 ... là một quân nhân đầu tiên trong Quân sử VNCH bắn hạ chiếc T-54 đó hay sao!

Cái hay, cái nhân bản của Hoài Ziang Duy tuy phải tranh sống chết giữa trận mạc khốc liệt, nhưng lời thơ và ý tình của anh hoàn toàn không

mang sự hận thù. Tất cả dù bên này hay bên kia chỉ có "chuyện nước nhà" không thôi! Hay chưa cái nhân bản thánh thiện này! Anh Hoài Ziang Duy đã cho ta thấy rõ cái chân lý này như là một sự mặc khải:

*Đã quen thuộc quá lần thứ lữa  
Sá chi cái chết chẳng ai màng  
Thời gian đâu để phân vân đợi  
Chuyện nước chuyện nhà chốc nát tan*

Phải không Hoài Ziang Duy: Chúng ta dù mang thân phận người lính trấn thủ lưu đồn... Để rồi khi người lính làm thơ trong giao thông hào, Hoài Ziang Duy đã thốt:

*Có lúc vẫn vợ ngời nhớ đủ  
Thoáng chốc rồi thôi tiếng nổ rền  
Tháng Hai ta mới tròn hôn ước  
Chẳng lẽ chiến trường sớm gọi tên*

Bốn câu thơ này cho ta thấy rõ, người lính trẻ, nhà thơ cảm hứng vừa thất bại tở hồng chỉ vừa đôi tháng... Tuân trăng mặt chưa hết thâm thấu mà đã vội chia xa... Ôi, nàng chinh phụ tóc mai chưa kịp vén đã vội đôi mắt trông vời bóng chinh phu. Đạo ấy không những người lính trận chấp nhận hy sinh, mà người vợ trẻ cũng sẽ nguyện thề chung thủy để phu quân an lòng ra trận... Cao quý thay... Cho tôi kính lời ca tụng những người vợ trẻ thời chiến chinh năm xưa... Chắc chắn là trong đó có chị Hoài Ziang Duy!

Vâng! Không thể bỏ qua vai trò của cái bóng của những chinh nhân. Chúng ta đều phải tôn vinh vai trò của những bông hồng thời chinh chiến năm xưa! Hình ảnh nào đẹp hơn, người con gái e ấp trong chiếc áo dài thấp thoáng đứng cạnh bên người chồng vừa mới cưới... rượu hợp hôn chưa cạn tới đáy cốc, đèn loan phụng chưa tàn nửa cây, rồi mình sẽ chia tay, em sẽ tiễn anh về vùng gió cát để dân thân bảo vệ xóm làng quê hương:

*Ta biết ngày về còn xa lắm  
Sao dám bồi hồi phút ái ân  
Lộc Ninh, điểm tiếp theo trận chiến  
Nói chi hạnh phúc tưởng như gần*

Bước chân anh đã qua, bao lần giẫm nát từng địa danh lịch sử... Những áp

Xa Cam, Xa Cát có phải là thành trì chiến đấu hay sao... Chỉ là những người dân nghèo xơ xác... Chỉ là những đồng bào thiếu sô chân chất người S'tiêng, người Radhé thôi, y phục chưa che trọn tám thân đen dúa mà họ đành trở thành bãi chiến trường... Rồi những Cần Lê, Xa Trạch, Tàu Ô, Đồi Gió, Đồng Long, An Lộc, Chơn Thành, Lai Khê,... bụi đỏ hoạt thạch bám đầy trên mảnh chinh y. Tất cả lui dần vào vùng ký ức:

*Lính chết chôn theo hào chiến tuyến  
Nằm yên dựng dậy pháo mời chào  
Thế như cái chết hai lần chết  
Mới thỏa lòng người tận đón đau?*

*Bao năm ta giữ hòm thư chết  
Xa Cát, Xa Cam ở bản đồ  
Vị trí mộ chôn chưa lấy hết*

*Vẫn trực tung hoành, điểm xương khô*  
Đoạn cuối của câu chuyện kể của Hoài Ziang Duy tuy không hận thù cay đắng, nhưng nó mang mác nỗi ngậm ngùi xót xa... Thương quá người lính trận, chí trai đã không thành, đành thôi mang nỗi hổ thẹn với non sông:

*Dẫu biết bao năm tình nghĩa cũ  
Môi lữa khơi lên thẹn với lòng  
Như thế phụ người cầu khí tiết  
Cũng đành lỡ hẹn với non sông*

Và rồi ... vận nước nổi trời, lịch sử sang trang, người lính năm xưa nay đã da môi tóc bạc, chinh y cởi bỏ bên trời, chí trai chỉ còn ngậm ngùi cùng hồn thiêng sông núi... Còn lại gì đây hở anh, Hoài Ziang Duy? Cả anh và tôi, tội mình đành thôi ngồi bên góc trời nhớ về quê hương nhìn tám thế bài năm xưa bị bỏ quên với nỗi nhớ và niềm thương:

*Theo chân người lính hơn vong quốc  
Chỉ giữ còn đây tám thế bài  
Một kiếp một đời than mất nước  
Mai sau người có nhớ thương ai.*

Hy vọng khi đọc xong hết tập thơ "Đứng Tựa Bên Đời" của Hoài Ziang Duy sẽ cho ta thấy nhiều hơn nữa những cảm xúc của một thời xa xưa.

**MARVIN TRAN**



# CHUYỆN NGƯỜI NĂM CŨ

HOÀI ZIANG DUY

*Chuyện này tôi viết đã lâu, lúc mấy năm đầu đến Mỹ định cư, rồi xếp lại bỏ đó, do những thương tâm không muốn nhắc. Thời gian, lúc mà mọi người tưởng rằng đã quên, tôi cũng sợ mình quên thật, nên lại đem ra tưởng nhớ những người năm cũ. Coi như chuyện đời xưa, xưa thật là xưa. Đọc để thấy lại lúc mình chưa già?*

**B**ây giờ tôi không nhớ chính xác tháng năm ngày cũ. Chỉ còn những khuôn mặt đã có thời gian bên nhau chung cùng số kiếp. Nói do định mệnh hay do số phận đất nước? Bằng cách nào, mọi chuyện đã qua đi. Năm tháng không chờ đợi ai, và những người thân, bạn bè quen biết, lần hồi trước sau già biệt, theo tuổi đời đã luống hay tai ương nghiệp số.

Những đêm khuya tôi ngồi một mình bên bàn viết. Tôi sợ nỗi sâu thẳm khi bất chợt nghe một giọng hát nào đó văng lên từ lúc này. Phản ứng đầu tiên là đưa tay tắt máy. Đêm qua mau, trong lúc đời sống chữ nghĩa quá gần gũi với một hai tiếng đồng hồ. Một ngày như mọi ngày và đêm lặp lại như tôi đã

sống với những nghi suy chính mình. Cho ai? Cho nhân vật trong bài viết, hay cho phần đời còn lại?

Đêm nay tôi có niềm vui thức dậy. Không ai nghĩ người bạn tưởng đã mất đi ở một chốn rừng sâu vượt trại. Bấy giờ mới có tin. Là thật, là còn sống? Tại sao trong những người vắng mặt tôi phải nhớ hẳn nhiều. Tội nghiệp. Vâng, tội nghiệp những bài nhạc phổ từ thơ tôi, và những bản tình ca tôi viết lời. Thời gian và không gian ngày cũ, những ngày lén lút làm những bài thơ, bài nhạc, và hát trong sinh hoạt trại tù. Tôi đã mang theo tập nhạc phổ thơ ở chuyến đi đầu tiên qua cửa xét hỏi. Tôi trân quý những dòng tâm huyết của người không còn ở trên cõi đời này, như tôi thường nói với bạn hữu. Vậy mà bây giờ, sau hai mươi lăm năm, chúng tôi mới có tin nhau.

Nỗi xúc cảm hân hoan này làm tôi mất ngủ. Vấn vợ tơ tưởng cái dòng đời quán quanh, mà kỳ lạ thật. Tưởng thế là yên một phần hẳn. Nhưng không. Bên nỗi trần trọc, các nhân vật trong truyện tôi viết, được nước đời hỏi phải cho họ một mệnh số, chả hạn như tự do yêu đương, sống chết, không thể lơ lửng ở những lần kết thúc. Làm như vậy chỉ chờ gọi tên sấm vai và dựng lại nhân vật lần nữa.

Từ cố sự này, sao không nói những khổ nạn một đời nhau. Bằng hữu nhắc tôi điều đó. Tôi sợ người đọc sẽ than phiền. Chiến tranh đã kết thúc. Khổ đau năm cũ có người mang, có người không biết. Và những kẻ đứng bên lề lại không muốn nghe. Họ chỉ muốn nhìn về một tương lai mới. Một đời sống hội nhập, để quên hết. Nhưng thật ra mở đường ra phía trước, những người cùng thời với chúng tôi chỉ thấy cái quá khứ sâu thẳm chắn ngang trước mặt. Những người không tham dự trong cuộc chiến. Những người không hiểu tai ương chiến tranh. Những người không bị tên bay đạn lạc, không bị đàn áp, mất mát, hy sinh, gánh chịu,





nghĩa là họ không thấy không biết, vô tâm của người xa lạ, đòi hỏi lòng vị tha cho một đời sống mới chung cùng. Họ giả bộ như quên hàng trăm ngàn người nằm xuống, là chuyện xa xưa một thời khuất bóng sử xanh.

Tôi là tôi ở đời sống, ở sinh hoạt cơm áo, chứ không là nhân vật trong tình tiết, sống đam mê một đời theo văn chương thi phú. Và như vậy *truyện* hay *chuyện*, sự việc dưới ngòi bút không có mới cũ, chỉ có chiều sâu cảm nhận, và giá trị thời gian.

Không ai muốn nhắc tuồng tích cũ. Chuyện Tê Thiên quậy phá Vườn Đào của Tây Vương Mẫu năm xưa. Tuổi thơ sống dưới phân đất miền Nam Việt Nam, không ai là không biết. Ở đó có đào tiên trái lạ, có đây đủ các tiên các thánh về phổ hội, trăm năm mới có một lần. Vậy mà khi tàn cơn phong nguyệt, văn tuồng tiếp vận, Tê Thiên ta, đành đoạn ném báng hiệu Vườn Đào xuống trần thế nào chuyện nhân gian. Đúng là trăm năm mới có một lần. Chuyện khó tin nhưng có thật. Chuyện gì cũng có thể xảy ra trên cõi đời này. Nếu đã không, thì nói làm gì.

Ở đây, anh xe lôi, người đưa đồ, người dân trong chợ quận Cai Lậy, không ai là không biết Vườn Đào. Không phải là chỗ tập nập cho trọn một niềm vui, mà là chỗ tập trung buồn. Người xuôi ngược hầu hết là các bà, các cô, dắt diu em bé, ông già, bà nhạc. Tựa đề phim "Đến Hẹn Lại Lên" được nhắc tới như lời mỉa mai lúc này. Con đường lộ nhỏ lờm chờm đá hoang vu, vậy mà tập nập kể từ ngày trở thành "trại cải tạo". Dân chúng nói, trước ở đây là xóm cùi giải tán. Có hay không cũng vậy thôi. Bởi tất cả là khoảng trống trống mênh mông, không còn một tàn tích nào lưu dấu. Mặt bằng thiên nhiên. Không có bảng hiệu, không có phở trương, không cho ai mướn chỗ. Chỉ có bộ đội với chòi canh vọng gác, hàng rào kẽm gai bao bọc cá nằm trong rọ. Vườn Đào, cái

tên cho người côi trên, bây giờ xuống trần gian như gánh Sơn Đông mãi võ. Kẻ rao bán buộc người đứng coi. Hay nên chăng, cái tên Đào Viên kết nghĩa, cái tình huynh đệ thể nguyên để cùng chung vượt trại. Ở ngoài họ nói ra ngô gặp anh hùng. Ở trong phe ta nói, đi vào đúng người quân tử.

Cái tháng là tháng mùa nước. Cơn lũ lụt kéo đến nhanh. Buổi trưa nước bắt đầu lấp xấp mặt bằng trong trại. Bốn giờ chiều nước bắt đầu dâng. Anh em dùng đất cát, trộn với rơm cố ngăn nước tràn vào. Sáu giờ chiều, nước càng lúc càng lên. Mạnh ai nấy lo đào đất, lấy đất ngoài sân chặn cửa. Nước không vào ngà đó, mà từ dưới phun lên trong nhà. Thế là lấy đất đào chung quanh để đắp cao chỗ nằm.

Nước chơi trò đuổi bắt. Cho đến đêm thì chõ ngủ, đụng đến mái nhà. Anh em đầu trần chui lên khỏi nóc. Nhìn lên trời ngắm mấy vì sao, tâm trạng không biết đi về đâu. Chung quanh biển nước mênh mông, không còn phân biệt đâu là chỗ thả chân xuống đất. Tất cả bồng bênh như thời mặt vận. Một màu trắng xóa, nước ơi là nước. Ai bảo ta mất nước, giờ đây nước ầu yếm gân gủi vô cùng.

Đây là trại chuyển tiếp, trại thứ ba chúng tôi cùng đi chung nhau. Cứ mỗi lần chuyển trại, họ tạo không khí như thể sắp thả về để trấn an, đánh đu với thời gian chờ đợi. Giai đoạn này bộ đội quản lý, trước khi toàn bộ giao lại cho công an miền Bắc "lý quản". Đã là công an, thì phải là người miền Bắc rặt ròng mới biết coi tù, còn người nói giọng miền Nam không bao giờ có lần trong thành phần công an này. Bộ đội giữ tù có dễ thờ đòi chút, so với công an về sau, nhưng tính cách làm càng làm bậy, bất chấp luật lệ, trở thành mối đe dọa bất cứ lúc nào đối với sinh mệnh người tù.

Chỉ một đêm, nước lo việc nước dâng cao. Sáng ngày hôm sau, toàn bộ sinh hoạt như ngừng hẳn. Không lao động, không làm gì hết, chỉ ngồi

ngó lẫn nhau, ngó trời ngó đất. Ngó xuống dưới cá lội nhón nhơ. Đúng như bài học đầu tiên về đất nước ta giàu đẹp, tài nguyên phong phú. Lý rằng, trên trời có chim bay, rừng có muông thú, dưới nước có cá lội. Chúng mình câu đất nước ta giàu đẹp là thế đó. Để khỏi mịch lòng cá, anh em thăm viếng nhau, là cứ ở trường nhảy xuống nước, khiến bạn tôi có mấy câu thơ rằng: *Con cá lòng tong, lội vòng vòng, ria đầu không ria, ria nhằm thẳng con...*

Ở đây. Leo lên mình khô, bước xuống mình ướt. Ở đâu cũng nước. Cơ hội tốt để lội tới các trại bên gần bạn bè. Cách ngăn vẫn là hàng rào kẽm gai trên mặt nước, chỉ cần lặn xuống để qua phía bên kia. Tất cả lòng vòng vây vùng bên trong. Nhà câu phóng uế thả nổi. Các chòi canh vọng gác còn đó, bộ đội di chuyển chống xuống. Anh em tù làm người nhái, như thế sống trong hồ bơi. Chắc chắn trần ai không nơi đâu độc đáo bằng. Mặc kệ cho thế sự, nước lên theo mưa giông bão lụt, cứ theo thế là chịu trận. Thật tình mà nói nhà trại có thương đi nữa, cũng không có phương tiện gì để giải tỏa di chuyển. Có chết bết cũng nên. Cứ đổ cho tai trời ách nước, tàn dư chế độ cũ để lại, là xong. Bài bản đầu vào đó.

Thật ra cũng nhờ nước dâng cao ở những ngày đầu, mà anh bạn tù người Miền lai, trung úy già với năm đứa con nít, tham dự học tập hơn cả năm trời mới được thả về. Đó là câu chuyện tình người vợ sang ngang, trước lúc già từ đã đem một lúc năm đứa con giao lại cho chồng. Gia quyến bên ngoài thì không bà con họ hàng, hay nếu có, không mất nhà thì cũng đã đi vùng kính tế mới. Còn nếu có ở lại, chắc không ai gánh nổi một lúc năm, sáu miệng ăn. Chi bằng cho vô tù là có cái gì vô miệng. Chị vợ đầu hiệu lúc này là lúc muốn có ăn, thì bảo ở nhà lên lút gỏi vô. Nhà trại chỉ có bo bo buổi sáng. Buổi chiều một



cục bột đủ làm một ổ bánh mì nhỏ nhân. Gạo nấu cháo lúc này, đội bốn mươi người được cấp một chén cơm. Nếu chia đều tính ra phát mỗi người một muống. Bài học chính trị dạy rằng, khó khăn là khó tạm thời, mai một tiến mạnh tiến vững chắc, mặc sức mà ăn.

Cũng nhờ mùa lũ lụt dâng cao, con nước nổi đe dọa, mà trẻ nhỏ giúp anh được thả về. Không biết ra ngoài ai lo tiếp tế cho anh. Hay kế hoạch chị ta làm vậy để anh được thả. Tính ra nếu là vậy, thì chị sung sướng quá, chỉ tội trẻ thơ đã sớm biết mùi tù cải tạo. Nói là nói, đoán vậy có đúng không, hay sự thật vẫn là một bước sang ngang, đường ai nấy bước. Chị khác với người đàn bà ở trại Chi Lăng miền núi. Buổi sáng thăm nuôi, người đàn bà dẫn con vào thăm chồng. Đêm đó ngủ lại ngoài nhà dân trước cổng trại. Sáng hôm sau phát hiện chị uống thuốc tự vẫn, vì không chịu nổi áp lực của người cha tập kết trở về. Trong lá thư để lại chị kể rõ sự tình như vậy. Và cuối cùng anh chàng đại úy Quân Cảnh ra nhìn xác vợ và dẫn đứa con năm tuổi vào ở tù chung với anh em. Cháu ngoan, học thơ Kiều, từ các anh em dạy. Không biết ai bày, ai rủ thi hào Nguyễn Du cùng vào dự phần trong này. Nhà trại có thêm con nít, ai có con nhỏ trước ngày ra đi, trông thấy thêm nhớ cảnh cũ người xưa, đau lòng xót dạ. Đôi khi tưởng đơn giản vậy, nhưng lại là hình phạt cái tình chia cắt khổ lụy chính mình. Đâu ai nghĩ thăm cảnh gia đình, và bao điều rối rắm. Đàn bà trong trời đất nhân gian, đi cùng một chữ nghèo đói, không phương xoay trở. Như nổi vô vọng không biết ngày nào gặp lại.

Có một điều buồn cười đáng nói, cái chữ "lao động là vinh quang" như sợ ai giành. Anh em nào cấp bậc, chức vụ nhẹ, thì được đi lao động. Làm ruộng thì hai người kéo một cái cày bắc ngang cổ, thay cho trâu bò. Đốn tràm thì vác từ rừng về, vác không nổi

thì buộc vào cổ kéo lê dưới nước. Còn thành phần nguy hiểm thì ở tại chỗ, không được đi làm. Anh em tú tán đi lòng vòng các nơi, bán sức lao động, hứa hẹn về. Rốt lại đưa về một mối tập trung trước khi phân tán lúc đầu. Có nghĩa là trở lại Vườn Đào.

Khi nước rút xuống, tới kỳ thăm nuôi. Quang cảnh như một kịch bản.

Con đường lộ xe, xuống bơi đưa đón những người đàn bà ghé bến.

Ở trong, nghe gọi tên thăm nuôi thì mượn chào, nổi làm phao. Một tay đẩy, một tay cầm quân áo giơ cao cho khỏi ướt, lội ra đặng đồ tiếp tế đẩy vào.

Nhớ. Bình tâm nghĩ lại. Có khác gì cái cảnh mua bán lẻ ven sông chợ làng. Có khác chăng là hai đầu có hai vệ binh "bảo vệ tổ quốc" canh chừng, kiểm soát lời tâm tình mặt vắn.

Có thương có nhớ gì được. Cái tình cảm dồn nén bao giờ cũng nín cảm.

Một câu, *Mạnh giỏi*. Hai câu, *Nói chuyện cho nhanh những gì cần nhắc*.

Một màn kịch nhiều người cùng diễn. Coi như...

*Chỉ có đôi mắt*

*Quay vào ngóng*

*Rối*

*Thần thờ*

*Ngó lại*

*Chùng đó thôi*

*Mới thấy được hết tâm lòng,*

*thấy được cái tình gia đình*

*Nói dùm thôi, điều mình tự nói,*

*tự nghĩ*

*Quên đi một đêm đau khổ*

*Cứ giả dụ như là tình yêu.*

Nước rút xuống, tình lại nổi lên. Có gần nhau dù trong thoáng chốc, là quên đi chịu đựng, không dần nên nổi những xúc cảm thiết tha mời gọi.

Nguyễn Văn Minh, người Cai Lậy. Đêm đó một thân một mình trốn trại, sấm tuồng đi thẳng một lèo ra cổng. Viên vệ binh ngủ gà ngủ gật, ngó thấy nhưng lòng đang ngủ. Tự dưng Minh khựng lại lên tiếng, "Bảo cáo

*cán bộ cho phép tôi ra ngoài."* Viên vệ binh hoảng hốt bản chỉ thiên. Báo động, tiếp ứng. Minh bị bắt, lôi vào dưới cột cờ. Họ tra tấn trong đêm. Như một trò chơi đồng bọn. Chỉ còn nghe tiếng la, tiếng rên gầy tay của Minh. Lúc gân sáng thì Minh chết. Không biết ngoài kia, có người đàn bà nào chờ Minh. Không biết ngoài kia có bao người chờ sáng, nghe được tiếng ai oán nào lòng.

Cái chết của Minh lặng lẽ. Như bao người, cái chết nào cũng có giấy khen thưởng học tập tốt, cải tạo tốt. Đó là thủ tục kèm theo, đối với thân nhân người oan mạng.

Còn mấy khuôn mặt nổi, anh em từ buổi nhập chung trại chung không ai là không biết: Quách Được Thanh, Khóa 1 Đại Học Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt. Người ốm cao, đầy nhiệt huyết trong việc nghiên cứu Mác - Lê Nin. Chịu khó học tập, thảo luận, lên lớp diễn giảng ở mười bài học. Mười bài học lường gạt ở buổi đầu, như thể học xong là được thả về bình an. Anh Nguyễn Đức Xích, cựu nghị sĩ, nghe nói hai mươi tám tuổi đã làm tỉnh trưởng dưới thời Đế Nhất Cộng Hòa. Một Hoàng Đình Khang - người được nhà trại chú tâm nhiều nhất - là Cha Tuyên Ủy ở Hà Tiên, thuộc diện tôn giáo. Nguyễn Đức Xích biểu lộ anh hùng tính từ đầu đến cuối, bằng ngôn ngữ phát biểu mồm là không khuất phục, những lần họp hành trước đám đông. Chả hạn như so sánh trình độ giữa hai miền Nam, Bắc. Anh cho rằng miền Bắc có nhiều nhân tài, học giỏi, bằng cấp đầy đủ. Anh lấy ví dụ trong lúc mà một nhà máy trong Nam chỉ có một hai kỹ sư, thì ôi thôi ngoài Bắc, kỹ sư đếm không hết. *Này nhé. Nào kỹ sư gác cổng, kỹ sư kéo cần mở máy và cả kỹ sư tắm hôn có tinh thần học hỏi. So lại thì miền Bắc giỏi hơn vì đào tạo nhiều kỹ sư.* Anh nói một lèo. Anh em nghe khoái quá vỗ tay hưởng ứng. Anh bị cán bộ nhà trại để ý nhiều nhất.



Phải chăng, đó là lý do khiến anh chết sớm hơn. Nguyễn Đức Xích bị dẫn ra gân rào, từ sau bản tới lúc nửa đêm gân sáng, rồi đổ cho tội vượt trại, sau năm đầu tiên. Nghe bàn, người em anh là linh mục có lên đài VOA phát biểu, chống đối, nên kết quả là vậy. Lại thêm bác sĩ Tài, ở Cần Thơ bị bắn ở vòng rào buổi sớm khi đi vệ sinh, không rõ nguyên do. Xác đem chôn, thân nhân không biết đầu mà tìm. Sau này – thời gian lúc tôi ở tù về – không biết do ai chỉ, thân nhân của bác sĩ Tài có tìm đến nhà, kiếm tôi hỏi nơi chôn cất. Tôi cũng trả lời thật tình hôm đó tôi không có trong top người đi chôn nên không biết.

Cha Khang là người được lòng anh em, bị nhà trại buộc phải lên phát biểu mỗi lần họp để theo dõi quan điểm. Cha Khang nói hay, lập luận vững, tựu chung quan điểm tốt đẹp của cách mạng, theo anh cái nào cũng giống những điều Chúa dạy. Nhưng không. Cách mạng không nhìn nhận Chúa, có nghĩa là không nhìn nhận vai trò của Cha Khang. Sống chung với Cha Khang là Cha Miên. Cha Miên phục vụ ở Long Xuyên, vừa học xong ở Rome về, ăn nói lập luận chưa có khả năng đối đầu, có vẻ an toàn, ít bị dòm ngó hơn. Cha Khang có một đời sống bình dị, sống như một người không phải là tu xuất. Cha hòa đồng theo trong việc văn nghệ, viết bè hợp ca chỉ huy hợp xướng. Gân Cha Khang, Cha Miên như người em, mọi sự có sự huynh Khang sáng đáng, đỡ đầu.

Riêng Quách Dực Thanh hoạt bát, thông suốt đường lối Mác - Lê Nin hơn. Anh chịu khó nghiên cứu, và có lần phát biểu xin được vào đảng, hay được đảm nhận vai trò lên lớp hướng dẫn học tập chính trị. Cho dù Quách Dực Thanh có nghĩ có làm, có dự mưu như thế nào đi nữa, anh vẫn là người tù binh, nhất chung với anh em. Điều anh được quan tâm nhiều nhất chính sự khôn ngoan, giỏi lập luận ở anh trong thế giới những

người dốt, chỉ biết im lặng. Bên ngoài Thanh có vẻ được lòng cán bộ do sự gân gỏi thường xuyên lên xuống bộ chỉ huy nhà trại. Không ai biết dự tính của anh như thế nào. Chung cùng một phận, nhưng quan điểm sống mỗi người mình tự biết.

Thêm một phần ra rá bên tai là cái loa treo trong trại, đọc trực tiếp trên *micro* gọi là "đài phát thanh". Ngoài chuyện đọc báo vụ mùa sản xuất, công đức ông Hồ, cộng thêm bài của anh em, ca tụng thành quả cách mạng, người tốt việc tốt, trong đó bài của Võ Văn Phát, được đọc mỗi ngày. Anh ta khoái cái tiếng "nhà báo", gò lưng viết, trình kiểm duyệt để được phát thanh. Phát chỉ hí hửng có vậy, chứ bụng dạ không báo cáo ai. Anh rủ tôi viết bài. Tôi trả lời không quen viết trước đây, chỉ biết cầm súng. Năm gần bên anh, nghe anh khoe thành tích viết văn, nghĩa là có bài được chọn đọc mà thấy tội cho anh. Trong cái nhà tù rộng lớn, tâm hồn anh còn thư thả ồm cái mộng về làng xã làm nhà báo, thật là hạnh phúc.

Có sống trong hoàn cảnh tù đầy, người lớn, người trẻ, cấp bậc cao thấp, vàng thau lẫn lộn, mới thấy khí tiết, bản chất con người khác nhau. Lăn trong anh em Vùng 4 đồng đảo, anh em quê từ miền Trung, Đà Nẵng đổ vào đều chung một chuyến trước sau cùng nhà trại di chuyển tới lui. Tôi còn nhớ, lần đầu tiên tập họp. Cán bộ trại hỏi: "Trong này anh em nào biết chữ, lên đọc cái này." Không ai giơ tay trả lời. Cả hội trường không ai biết chữ hết. Thế là cán bộ đọc lấy, như thế chỉ có anh ta là người có học, biết chữ và biết đọc. Sau đó là tiếng vỗ tay liên tục, khi anh ta tự hào người có văn hóa, khác với anh em miền Nam.

Trở lại câu chuyện. Không biết lý do gì mà buổi sáng ngày hôm đó, Quách Dực Thanh cắt cổ tay tự vận. Anh để lại bức thư cho Đặng,

người nằm kê bên. Thanh được đưa lên bệnh xá cấp cứu (lúc bấy giờ bác sĩ Thành ở Tịnh Biên thay thế bác sĩ Trần Văn Đỗ, trung tá y sĩ trưởng Sư Đoàn 9 thả về trước đó). Cánh thư tuyệt mạng bị tịch thu tức thì (nhưng phân chắc là Đặng đọc trước), sau đó là cả nhà trại tập họp để nghe chính trị viên lên lớp. Thì, là rằng: "*Thanh là con người núp bóng 'cách mạng', nghiên cứu thâm sâu chủ nghĩa cộng sản để phản lại cộng sản, gân cách mạng để tìm hiểu vận dụng lý thuyết chống đối. Hành động tự vận của Thanh là vì biết cách mạng không tin dùng. Trong nội dung lá thư Thanh để lại nhắn bảo vợ, sau khi Thanh chết, sẽ có anh Ba Minh, chính trị viên sẵn sóc phân đờn còn lại. Đây là dụng ý của Thanh để gán ép cho 'cách mạng' cướp vợ Ngụy. Nhưng tất cả bị 'cách mạng' phát hiện, nên sau khi cấp cứu, Thanh sẽ bị cùm gian riêng, không cho học tập nữa.*"

Sau phần lên án của chính trị viên hàm đại úy, là phần phát biểu của chính ủy nhà trại. Anh ta nói không cần giấu giếm về chính sách. Đến phút này coi như không thả ai về. Tất cả mọi người theo kế hoạch của đảng và nhà nước, sẽ chỉ định cư trú, lập vùng quy khu, anh em đưa gia đình vào đó sống mãi đời, coi như khu vực riêng. Không khí lặng lẽ. Không ai buồn nói, hỏi thêm gì cả. Số phận như an bày. Tin tức nấy làm đau lòng, thất vọng không ít mấy người thời cơ, chăm chỉ tuân theo qui luật lao động, một lòng với anh Ba, anh Tư mong sớm làm tốt để được thả về. Giờ này đây, ai cũng như ai, trước sau như một, có nghĩa là trước sau gì cũng không thả về. Nói là nói vậy, nghe vậy, biết vậy.

Bàn thêm. Nếu không có cuộc chiến từ Trung Quốc đánh sang, Việt Cộng tiến đánh Kampuchia, khiến kế hoạch thay đổi thì giờ này đây, chắc không còn ai để có dịp đem *tâm tình viết lịch sử*.



Nhà trại sau thời kỳ nước rút vấn đề ăn ở vệ sinh dĩ nhiên tồi tệ hơn, nhất là nước uống. Ở ngoài, có nghĩa là trong vòng kẽm gai đã khó khăn, huống gì trong nhà cùm có mấy anh em trong đó, dịch tiêu chảy xảy ra. Bác sĩ Thành đề nghị nấu nước đun sôi cho anh em uống, để tránh bệnh tật. Từ chuyện nhỏ nhoi kia, mượn cơ bác sĩ Thành có ý chống đối, bảo vệ cho người đang bị kỷ luật, nên lệnh cùm bác sĩ Thành luôn. Người tù cải tạo, anh em sĩ quan vào giai đoạn này, nói chung hầu như còn ngây thơ chưa hiểu về "cách mạng". Kể sĩ, người hùng, kẻ bợ đỡ câu thân, tâm tánh phát tiết ra lúc này. Vàng thau lẫn lộn. Sự nhầm lẫn này giống cái ý của bà già miền Nam phát biểu, (nghe người nhà bên ngoài kể lại dịp thăm nuôi) rằng: *"Nhờ có cách mạng về, nên Việt Cộng đỡ pháo kích chết dân."* Thay đổi một chế độ, áp đặt trại tù cho cả nước, đặt tâm tư người dân về một phía hoài nghi. Không thể nói xấu, nói đụng chạm cách mạng. Coi là tội phản động. Trước sau như một, có nghĩa là bây giờ cho đến về sau, không ai có quyền ý kiến, tự do phát biểu, ngoài đảng viên. Bài học này thật ra rất ư là thực tế cho tình hình chính trị, làm kinh tế sau này.

Hồi mới vào, nhìn thành phần anh em sĩ quan, chính khách, chính trị, bằng cấp nhỏ, bằng cấp lớn. Ai cũng tự hỏi. Làm cách nào, gọi là "lên lớp", trong lúc mà thành phần quản giáo cho tới vệ binh, đều nói như học thuộc lòng. Họ được trang bị trình độ văn hóa "đại học rừng U Minh", hay "vừa học vừa làm" lúc vượt Trường Sơn. Sau này có chung đụng, qua thực tế chứng minh một điều: Chính cái dốt làm họ thắng tất cả. Không ai có thể cãi được với người không biết gì hết, ngoài một lập luận như con vẹt bị mớm môi, phải nói như vậy. Muốn nói khác cũng không biết gì mà nói,

huống chi không được phép nói. Người Mỹ và người ngoài nước, đánh giá họ quá cao. Thực sự có sống trong trại tù, có sống trong đất nước vào giai đoạn này, mới thấy được trình độ dân trí của người chiến thắng vào Nam. Bệnh khoán lác là một chủ nghĩa để khoa trương làm càn, lối bịch buồn cười trước những vật chất tiện nghi xa lạ, không có trong đời sống của người miền Bắc trước đây. Người miền Nam bị ép, chỉ biết cười khi dễ. Vô hình chung một cái hố phân chia hai miền hình thành từ đó.

Trong trại, không ai biết gì về đời sống thiếu thốn khổ sở bên ngoài. Cách mạng che đậy để vịn vào đó sống trong ảo tưởng, chính họ từ trên gạt xuống lẫn nhau. Còn thân nhân không dám nói thật, sợ đau lòng, mang tiếng chống đối. Rốt lại tất cả bị kìm đôi mắt bằng tấm vải đen, một màu đen thăm cuộc đời đi xuống.

Chỉ có một đôi mắt mở, đôi mắt mở trừng của Quách Dực Thanh bị nhận nước chết, ở cái mương sâu trước đây lầy đất đắp nên nhà. Cái tiếng giã giũa, tiếng hét hực hực của người không còn sức phản kháng.

Không ai biết điều này. Đêm đó vào khoảng gần ba giờ sáng. Đêm không trăng. Trời lặng gió nín thở. Chỉ có bóng tối, kẻ đồng lõa.

Sáng sớm, tin đưa ra Quách Dực Thanh đêm qua đi tắm, ngập nước chết. Nhà trại công bố điều đó. Không nói ra, nhưng anh em cảm thấy âu lo cho số phận bác sĩ Thành đang bị cùm riêng trong đó. Sẽ tới phiên ai đây?

Cùng lúc, nhà trại thuộc bộ đội quản lý phải bàn giao gấp tất cả các trại cải tạo cho công an theo tình hình chính trị. Chúng tôi không lường giá được tình hình bên ngoài. Thực ra có nghe biết gì bên ngoài đâu mà phán đoán. Số phận bác sĩ Thành, may mắn là người nhà chạy lo? Bởi ít ngày sau, một sĩ quan từ quân khu xuống

gặp chính ủy nhà trại dàn xếp. Ngày hôm sau bác sĩ Thành được đưa đi nơi khác. Anh em thở ra nhẹ nhõm.

Cùng lúc trong tuần, chúng tôi bị chuyển đi hai nơi giam giữ khác do công an từ ngoài Bắc vào bàn giao quản lý. Đó là Pleiku và Xuyên Mộc. Tôi không còn biết tin tức anh Hoàng Đình Khang về sau. Vườn Đào kết nghĩa vẫn tuồng từ đó.

Câu chuyện kể, coi như dừng ở đây.

Tôi đã nói lại với người thanh niên, em ruột Quách Dực Thanh, một ngày chúng tôi gặp nhau trên bệnh xá khu A. Người thanh niên nhìn tôi rướm rướm nước mắt. Tôi nói số phận anh như tôi, cả hai chúng ta đều chung một hoàn cảnh, khác chăng tôi tù sĩ quan cải tạo, không có án, nghĩa là không biết ngày về. Còn anh chống chính quyền, bị xếp loại phản động hiện hành, có án tù mười năm, mười lăm năm gì đó, còn có hạn mần. *Nói thật nghe, tôi không thân với Thanh, ở chung thì biết nhau. Nhiều năm, nhiều tháng, nhiều người. Biết bao chuyện nói. Nhưng thôi. Tôi chỉ kể anh nghe mấy người trong cuộc có liên quan đến Thanh.*

Ở đây, rừng Xuyên Mộc bịt gió. Năng chói chang hừng hực. Hầu hết các tỉnh miền Tây, sĩ quan đều bị thăm hỏi, một tuần sau ngày sập tiệm. Từ địa phương anh em bị đưa về tập trung ở quân lao, trường Phan Thanh Giản Cần Thơ, lên Chi Lăng, xuống Vườn Đào ngập nước, lên Xuyên Mộc. Trại với ba khu theo thế tam giác giữa rừng khai hoang, khu A, B, C. Mỗi khu khoảng bảy tám trăm người, lẫn lộn tù hình sự, tù phản động chống chính quyền, phân chia theo từng dãy. Ở đây, khu A có Hồ Hữu Tường, có Nguyễn Mạnh Côn chết. Có ký giả Sức Voi ốm tong. Có giáo sư dóm Nguyễn Minh Luân tự xưng dạy Sorbone đại học Pháp, có



Duyên Anh mang tai tiếng nhiều. Có Đảng Giao ở khu C khiêng bệnh sang. Có Thầy Năm Ngã Bảy, viết một chữ bùa để gói nằm bệnh nhân, khiến cán bộ cho chuyển bệnh về Chợ Rẫy lúc ngặt nghèo. Anh em ở bệnh xá nhiều lần nhờ vả. Và có bao thầy tử vi, tử bình, mai hoa độn pháp, coi lá số cho nhau, an ủi ngày trở về.

Cuối cùng tôi về thật. Và câu chuyện cũ, đã cũ được lặp lại thay cho đoạn kết.

Bảy năm sau đó. Người cháu hàng xóm, dân miền Nam đi nghĩa vụ quân sự xuất ngũ trở về. Trong một dịp tình cờ hỏi tôi, *Chú có biết Quách Được Thanh, Nguyễn Đức Xích, Cha Khang không? Tôi ngạc nhiên, Sao cháu biết mấy người này? Hẳn nói, Đơn vị bộ đội cháu giữ tù bên đất Miền, sau lúc quân đội ta làm nhiệm vụ quốc tế. Tôi thờ thần. Biết. Hẳn nói tiếp, Mấy trại tù do bộ đội coi trước đây ở miền Nam, tiếp tục làm nhiệm vụ đó trên đất bạn. Ở đó họ kể nhiều chuyện về sĩ quan cải tạo. Họ kể về những thủ đoạn, rình rập đối xử với tù hàng binh. Trong chỗ riêng tư, cao hứng, khoe khoang thành tích, về những đối xử không khoan nhượng với kẻ thù. Mấy cái tên cháu hỏi chú là một ví dụ thật, trong học tập sinh hoạt bộ đội, dạy cách ứng phó với tù binh.*

Câu chuyện tôi nghĩ chắc không mấy thú vị lắm. Nhưng đã ngộ đối mặt thì lịch sự phải nghe. *Người giết Quách Được Thanh là ai, chú biết không?* Câu hỏi này làm tôi chú ý. Chính hẳn, chuẩn úy Bé, chuẩn úy bộ đội, đơn vị bảo vệ trại cải tạo Vườn Đào. *Hình như đó là năm bảy sáu, bảy bảy gì hả chú.* Tôi nói thì chỉ có trại đó lúc mở ra, và lúc giải tán, chỉ có nó thôi, đầu lằm lằm với tên trại nào khác.

Theo lời chuẩn úy Bé khoe khoang thành tích. Sau cuộc họp chi bộ Đảng

ủy, coi như quyết định, không thả mấy có người có tên trong danh sách riêng, phân loại những người có nguy cơ lồi cuồn người khác trong trại. Để rồi đêm đó, chuẩn úy Bé nhận nhiệm vụ thay thế viên vệ binh vào giờ gác khuya. Quách Được Thanh bị dẫn ra bờ kinh. Nghe tới đây tôi nhớ. Nói là con kinh cũng không đúng lắm. Nó là phân đất trước đây, bị đào lấy đất đắp nền nhà, nằm cặp theo nhà trại. Nước này là nước ao tù, lúc lên, ròng xuống, như chung một kiếp từ có bao giờ chảy ra sông. Chuẩn úy bộ đội tên Bé, tuổi mới trên hai mươi, một mình đưa Thanh xuống kinh nước cho tắm rửa coi như ân huệ lâu ngày, được nhìn đêm không trăng, được thở cái không khí tự do, chung quanh là bạn tù còn đó.

Trong một lúc bất thần, hai cánh tay Bé trấn cổ Thanh xuống nước. Quách Được Thanh đã ốm, còm rỗng, nhót cả tháng, đâu còn mấy sức lực. Ban đầu còn giãy giụa quơ quào, theo bản năng tự vệ của một con người cầu cứu. Nhưng lúc này có ai, ngoài ai, ngoài chuẩn úy Bé, chính ủy, chính trị viên ở trong theo dõi tình hình, tiếp ứng.

Con kinh nước khuấy theo với tiếng động, của một thân người ốm yếu, chìm lằm xuống. Cuối cùng xuôi tay. Chuẩn úy Bé lúi xác Thanh lên bờ, bỏ đó.

Tự đứng tôi thấy bất nhẫn phải nghe sự việc thế đấy. Bạn hay tôi, dẫu sao cũng đứng về một phía. Chúng ta có tình đồng đội của người lính, có tâm trạng của người tù binh chung cùng số phận. Có nỗi đau nhục nhã ở ngày tháng bị giam cầm. Còn nợ lấy tấm lòng những người đàn bà tiếp tế thăm nuôi chồng. Ngày trở về không chốn nương thân, khi mỗi tuần phải đi trình diện đồn công an, bị theo dõi cả tháng, cả năm, cả đời như một cái ách vô hình đeo đẳng.

Nghe đến đây tôi không muốn biết thêm nữa. Không đứng trong lòng tôi dậy lên mỗi thương tâm của một con người. *Về sau này chú biết không, đứa cháu nói, trước ngày cháu xuất ngũ, đơn vị đang coi trại tù ở Tà Keo, Kampuchia. Một ngày như lệ thường, dẫn tù Miền đi đào đất bắt chuột ngoài đồng, lúc chuẩn úy Bé, đang cúi đầu quỳ khom lưng ở hang chuột, bất trợn gói không chia phần ai. Hình như có dự mưu, sắp xếp sẵn. Một cái cuốc của người tù Miền, từ phía sau đập bổ vào ót Bé, tấn công xong là cả bọn đào thoát chạy. Chuẩn úy Bé chỉ kịp hự lên một tiếng, rồi gục xuống, chết liền. Mất mở trùng như nhìn thấy rõ oan khiên, nghiệp báo.*

Tự đứng tôi thấy rõ ràng hai cái chết. Một cái chết sao lại phải chết? Một trả lời cho mệnh số trả vay.

Bây giờ. Tất cả đã qua đi. Những người năm cũ kẻ còn người mất. Những điều không thể tưởng cũng đã xảy ra. Nói hoài, cũng không nói hết những mảnh đời đau thương lằm quanh đầu đó. Mỗi trại, mỗi người có biết bao chuyện muốn nói. Nói từ lúc ban đầu hay nói về sau này. Câu chuyện vẫn còn sự thật đó.

Ba mươi năm sau ngày đổi chác mất miền Nam Việt Nam. Cuộc đời những người năm cũ, anh em chúng ta, thành người lưu lạc. Ở đó xa lấy quê hương nghìn trùng. Ở đó xa lấy những người còn ở lại. Tất cả buồn như nhau. Chỉ có chúng ta, chung một thời qua đi, mới hiểu lấy, ngậm ngùi niềm đau thương bi thiết này.

Thế hệ con cháu sau này, chỉ biết sinh ra lớn lên nơi xứ người. Trả lời câu hỏi từ đâu, do đâu, lập thân lập nghiệp? Chắc chỉ vòn vẹn một lời đáp đơn giản: Từ sau cuộc chiến Việt Nam. Chừng đó thôi. Ai còn ai mất. Ai hiểu lòng ai? ■

**HOÀI ZIANG DUY**

HOÀI ZIANG DUY



CÒN KHÔNG  
CHỖN  
QUAY  
VỀ  
• tự truyện

ĐỌC  
**CHUYỆN NGƯỜI NĂM CŨ**

DOÃN CẨM LIÊN

**N**gôi nơi đây, thành phố Garden Grove, thời gian tháng 5 năm 2022, để quay về quá khứ thời 1976, 1977 đọc Tự Truyện của Hoài Ziang Duy – Còn Không Chỗn Quay Về, để mà chiêm nghiệm nhiều điều trên cõi đời. Ngay từ truyện đầu tiên, Chuyện Người Năm Cũ, tác giả viết lại không gian Vườn Đào, tỉnh Cai Lậy, cho đến lúc giải tán cái trại này. Hoài Ziang Duy như đang quay một cuốn phim “document”, loại không chỉnh sửa, quay nhát gừng, cảnh này đến cảnh khác, cốt để người xem thấy rõ một cách chân thật không kỹ xảo điện ảnh, chuyện tù đầy sau ngày miền Nam Việt Nam mất vào tay cộng sản.

Tác giả Hoài Ziang Duy kết thúc Chuyện Người Năm Cũ bằng: “*Thế hệ con cháu sau này, chỉ biết sinh ra lớn lên nơi xứ người. Trả lời câu hỏi từ đâu, do đâu, lập thân lập nghiệp? Chắc chỉ vồn vện một lời đáp đơn giản: Từ sau cuộc chiến Việt Nam. Chừng đó thôi. Ai còn ai mất. Ai hiểu lòng ai?*”

Đọc giả, thuộc hàng con cháu, đã thẩm cảm ơn ông Hoài Ziang Duy những điều không thể biết được, nếu không đọc ông. Bố của đọc giả cũng đã từng ở tù cộng sản, những hai lần, cả hai lần đều bị giữ ở vùng miền Trung. Ông thụ án hơn mười hai năm tù, nhưng đến khi về với

vợ con thì biệt không một câu chuyện nào ông nói ra. Cho nên bạn tù của ông kể lại những thủ đoạn của cai tù ở đây có khác với ở Cai Lậy, vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long. Thật là nhiều điều đáng ghê tởm về CS!

Tác giả Hoài Ziang Duy tính không viết xuống những điều mắt thấy tai nghe trong thời gian tù đầy, nhưng thấy lại: “*Chuyện này tôi viết đã lâu, lúc mấy năm đầu đến Mỹ định cư, rồi xếp lại bỏ đó, do những thương tâm không muốn nhắc. Thời gian, lúc mà mọi người tưởng rằng đã quên. Tôi cũng sợ mình quên thật, nên lại đem ra tưởng nhớ những người năm cũ. Coi như chuyện đời xưa, xưa thật là xưa. Đọc để thấy lại lúc mình chưa già?*”

Chính nhờ vậy chúng ta mới có được những chứng cứ thật một thời khi cộng sản lên ngôi.

Văn phong ông Hoài Ziang Duy rất thật, không làm dáng văn chương, có một chút khô hài đen, có đôi khi câu chuyện không câu kết, mà cứ để lửng lơ để mặc đọc giả tự cho kết luận. Có những đoạn thời gian là hiện tại, nhưng lại có câu chuyện quá khứ đan xen vào để bổ xung. Một kỹ thuật viết, có bố cục đọc đảo khiến người đọc muốn và háo hức đọc tiếp.

Trại tù Đào Nguyên, thoạt nghe tên cứ ngỡ như chốn bồng lai cho các huynh đệ kết nghĩa

kết tình với nhau. Thi ở nơi đây cũng anh em kết nghĩa với nhau đó, nhưng là những tù nhân đang ở cảnh khổ cùng tù đầy, phải đoàn kết với nhau để sống còn. Tù cộng sản. Chính quyền CS dùng khu nhà cho người bị phong cù ở thời trước 1975, thị xã Cai Lậy, nhốt các người thuộc chính quyền Việt Nam Cộng Hòa. Nó thích hợp vì là khu tận cùng làng xã. Nó trở thành địa ngục thực sự khi triều cường của dòng sông Cửu Long lên xuống khiến nhà cửa được bao phủ bởi nước. Có lúc nước ngập lên mái nhà, người tù bị quản thúc tại đây càng thêm điều đúng gian truân vì nước.

Thật là hay, khi cuộc sống quá ư khổ khổ thì con người lại tự chế ra được một cái gì để giải bớt đi cái khổ như bài thơ tù “... Lý rằng, trên trời có chim bay, rừng có muông thú, dưới nước có cá lội. Chứng minh câu đất nước ta giàu đẹp là thế đó. Để khỏi mịch lòng cá, anh em thăm viếng nhau, là cứ ở trường nhảy xuống nước, khiến bạn tôi có mấy câu thơ rằng: ‘Con cá lòng tong, lội vòng vòng, rìa đâu không rìa, rìa nhằm thẳng con...’”

Lại còn cảnh oái oăm, người vợ đi lấy chồng khác, mang năm con giao lại cho chồng đang ở tù nuôi. Cái tình huống này mới là hay! Trại tù đã phải nuôi một miệng ăn của bố, nay



nhận thêm năm miệng của năm con, tổng cộng tăng thành sáu. Chị vợ muốn đi lấy chồng khác, ý rằng vô tù là có sẵn thứ để ăn, đầu hiểu rằng bốn mươi (40) con người chỉ có được một chén cơm, bằng một nồi cháo loãng! Thế rồi, kết quả là nhân vụ lũ dâng này, cả sáu bố con được tha về. Một câu hỏi bật lên trong độc giả này: À thì ra đảng và cách mạng cũng có nhiều lòng từ đấy nhỉ? "Tù" thứ nhất là chấp nhận cho năm con vào ở với bố. "Tù" thứ hai là đã thả sáu người ra khỏi tù sớm hơn dự định. Võ tay!

Rồi lại có chuyện kể ở trại Chi Lăng miền núi, chị vợ dắt con đi thăm chồng ngày hôm trước, sáng hôm sau uống thuốc độc tự tử ở phía ngoài trại tù. Người chồng ra nhận mặt vợ và mang con vào cùng ở tù với mình. Thế là thằng bé được các tù viên dạy đọc Kiều ở tuổi lên năm!

Vấn với chữ dùng của kẻ thắng cuộc "Lao động là vinh quang" được máu khô hài đen của tác giả làm nổi bật lên cái ý nghĩa lố bịch như thế nào "Cái chữ 'Lao động là vinh quang' như sợ ai giành. Anh nào cấp bậc, chức vụ nhẹ, thì được đi lao động. Làm ruộng thì hai người kéo một cái cày bắc ngang cổ, thay cho trâu bò. Đón trà thì vác từ rừng về, vác không nổi thì buộc vào cổ kéo lê dưới nước. Còn thành phần nguy hiểm thì ở tại chỗ, không được đi làm." Đúng nghĩa là ĐƯỢC đi lao động.

Người dốt thích nói chữ hay thích đọc chữ, chuyện cả trại nhận là mình không biết đọc để dành cho cán bộ có chút chữ đọc thông báo. Tác giả kể bằng một giọng văn bình bình, dành phần kết cho độc giả viết tiếp. Rồi đến chuyện bác sĩ Thành quân đội VNCH bị cùm vì tội chống đối cách mạng. Ông nói ban quản giáo đùn sô nước uống cho tù nhân để phòng bệnh đường ruột, thì được ghép tội bảo vệ người đang bị kỷ luật. Cũng do vì bác sĩ thuở ban đầu còn ngây thơ chưa hiểu thế nào là con người cách mạng.

Người miền Nam ngày thơ hay là tâm tính lành thiện của họ được thể hiện ở câu chuyện "... Sự nhâm lẫn này giống cái ý của bà già miền Nam phát biểu 'Nhờ có Cách Mạng về, nên Việt Cộng đỡ pháo kích chết dân.'" Rồi thì nhiều bài học "bị" học, người dân ngày thơ cũng đã hiểu rằng: "Trước sau như một, có nghĩa là bây giờ cho đến về sau, không ai có quyền ý kiến, tự do phát biểu, ngoài đảng viên."

Rồi đến chuyện thương tâm của tù nhân Quách Dược Thanh. Tác giả đã dùng một lối viết thật lạ, mang quá khứ về hiện tại, rồi hiện tại đi ngược về quá khứ, để rồi kết luận "Nghịệp báo": "Nhân - Quả" không sai. Chuyện kể: Anh Thanh đã từng thông suốt đường lối Mác - Lênin, tự xét và xin vào đảng khi đang là tù nhân. Cán bộ nhà tù không tin và bị kết tội là khôn ngoan, giỏi lập luận. Anh tự vận nhưng được cứu sống để rồi trong một đêm, cán bộ trại dắt anh đi thủ tiêu bằng cách trần nước cho đến ngộp thở chết ở một bờ nương sâu. Cái chết này được cán bộ rao truyền là tắm đêm và bị chết đuối.

Câu chuyện anh Quách Dược Thanh và nhiều mẩu chuyện trừng phạt khác không dùng lại mà được lưu truyền trong giới quản giáo các trại tù như những bài học cho bọn họ. Bài học lưu truyền đến vài thế hệ đàn em của giới cán bộ, đến tai một người cháu của tác giả. Mở toang ra sự thật, bàn tay nhúng chàm người giết tù nhân Quách Dược Thanh đến tội "... Một ngày như lệ thường, dẫn tù Miên đi đào đất bắt chuột ngoài đồng. Lúc chuẩn úy Bé, đang cúi đầu quì khum lưng ở hang chuột, bắt trọn gói không chia phần ai. Hình như có dự mưu, sắp xếp sẵn. Một cái cốc của người tù Miên, từ phía sau đập bổ vào ót Bé, tấn công xong là cả bọn đào thoát chạy. Chuẩn úy Bé chỉ kịp hự lên một tiếng, rồi gục xuống, chết liền. Mắt mở trừng như nhìn thấy rõ oan khiên, nghịệp báo."

Sống và tin vào Nghịệp Báo, tin vào thuyết Nhân Quả thì con người không cần đến ngành luật, không cần đến luật sư biện hộ đúng sai. Vì chính Nhân Quả là đã rất chính xác, không sai trật một li nào về tội trạng, về kết tội và ra án. Nó đúng và chính xác và chỉ chờ thời gian hiển hiện lên mà thôi.

Nóng lòng mong muốn hoặc quên khuấy nó đi đều không được!

Kính mong tác giả Hoài Ziang Duy luôn được thân tâm an lạc cho dù cuộc đời có những khúc thật đáng rơi lệ. ■

California, ngày 12 tháng 5, 2022

**ĐOÀN CẨM LIÊN**

**BÀN TAY,  
CÓ ĐIỀU CHƯA NÓI HẾT**

Năm xưa anh cầm lấy tay em  
Năm ngón tay nông nân nỗi nhớ  
Tình yêu trong chiến cuộc trao nhau  
Khác gì thân gác trọ  
Ở một thướ vào nơi gió cát  
Có giữ được bao lâu  
Bàn tay ước vọng thanh bình  
Trong đôi mắt chia xa  
Ngày về

Nhớ một lúc anh cầm lấy tay em  
Tay không dung già từ vũ khí  
Khi chiến tranh ngơ ngác ngã xuống  
Hòa bình mặt lạ đứng lên  
Có lòng người vui rộng mở  
Có tiếng bị thương cuồng nộ  
Cùng tấu khúc ở một không gian  
Cơn đau chiều hấp hối

Đâu ai tưởng có một ngày thật thà  
Một ngày người không giống ai  
Một ngày không như mọi ngày  
Đặt để số phận chúng ta  
Chung cùng  
Cộng nghiệp

Em đã sống cùng anh thời khắc qua đi  
Cảm như kinh nhật tụng đi qua, đi qua  
Có nghe thấy tiếng thầm tự hỏi  
Ở đâu có bàn tay quê hương?  
Để lúc túi lòng níu lấy  
Khóc dùm đau bể tang thương  
Giòng lệ khô là lúc nhìn nhau  
Rỏ mặt

Năm này anh cầm lấy tay em  
Năm ngón tay đau khi tiết trời trở lạnh  
Bàn tay xưa một thời chờ chể  
Đã già theo  
Nhọc nhằn tù ngục  
Ngày lớn dần đêm cũng thay tên  
Như tình ta sống gần hơn trước  
Có biết buồn, cũng buồn theo vận nước  
Giỡn chiêm bao mà sống thật với lòng  
Một đời người,  
Nửa kiếp sống lưu vong  
Biết bao mùa rừng cây xanh  
Trút lá

Hôm nay ta cầm lấy tay nhau  
Cũng có lúc buông rời  
Sau  
Trước  
Khi lẻ loi mới biết xa rời hẹn ước  
Đâu ai hiểu hạnh phúc gần  
Ở một bàn tay  
Không tưởng là mình  
Không là của ai  
Ở một lần vượt mặt. ■

**HOÀI ZIANG DUY**

**Đ**ọc lại. Tôi cũng không hiểu sao phải bắt đầu như thế này.

Nhiều lần tôi ngồi rất lâu, lòng chùng xuống, khi nghe tin bạn bè mất đi. Ít khi tôi viết lời bày tỏ nỗi đau như anh em đã làm. Tôi vụng về trong phần ứng đối xử? Nhưng tôi biết một điều, chỉ ngần ấy, nó là cơn đau gặm nhấm thấm dần, để rồi không viết, không nói gì hết. Tôi sống ngoài mặt bình tâm hay thật mềm lòng? Đối với tôi nỗi buồn sâu kín đến thật muộn màng và ở lại. Chính trong sự gẫn gũi bình tâm này, nó trở thành người láng giềng khó quên.

Tôi không nhớ lúc nào tôi quen biết họa sĩ Nguyễn Văn Minh ở Virginia. Anh lớn hơn tôi nhiều tuổi, mỗi lần họp mặt chung vui, anh vẫn thường nhắc tôi có mặt. Anh thích đọc truyện tôi viết, và điều đặc biệt, anh đọc nội dung rất kỹ. Anh nhớ cả chi tiết, câu văn, nhân vật trong truyện để bàn đến. Điều này cho thấy cái thú đọc sách ở anh, thường thức và sẵn lòng phê phán, phản ứng trước một đoạn văn, một câu thơ của tác giả nào đó. Anh bộc trực thẳng tính, cái tính của người miền Nam. Đáp lại tôi coi anh như một người anh trong tình cảm chân thật. Anh mất đi mấy năm qua rồi! Không hiểu sao tôi vẫn thường nghĩ đến, nhắc, nhớ, hình ảnh anh. Tháng ngày cuối, nhiều lần hỏi thăm để đến với anh, nhưng lần nào cũng nhiều lý do về phía người quen biết anh ngăn cản. Để rồi sau này nghĩ tới, tôi thấy ân hận trong lòng. Câu anh

nói, "Anh viếtùm cho tôi một truyện tình nào, nó tàn nhẫn vô nhân đạo, khó chấp nhận theo nghĩa thường tình..." Lúc đó tôi không hiểu anh muốn nói gì. Anh muốn tôi bày tỏ những ẩn ức gì cho anh qua ngòi bút. Mãi đến khi anh mất đi, tôi mới hư cấu hình thành truyện "Tình Yêu Tay Dài". Nó có bề bằng, tàn nhẫn như thế nào. Chắc chỉ ngần ấy thôi. Trút hết ra, nó vẫn hiền lành như bàn chân đất lội ruộng của người miền Tây.

"Lần Theo Nỗi Chết", tôi lại nhắc đến tình người đã khuất. Phải chăng một lúc nào đó khi cảm thấy cuộc đời, là những con số không hoàn trả, chùng ấy mỗi người chúng ta rất dễ thuận thời quay đầu ngoá lại. Người quen sau này, cái tình trên xứ người, còn chạnh lòng nhớ. Hướng gì ở một thời tuổi nhỏ, chung một mái trường, sống cùng đất địa quê nhà. Có tình nào chân thật hơn ở buổi đầu mới lớn?

Đã hơn bốn mươi năm qua, nói lại chuyện văn nghệ, những người quanh tôi, kể còn người mất. Người buông tay bỏ nghiệp cầm bút. Kể còn nặng nợ với cái tình năm xưa. Còn đeo đẳng là còn nghèo cơm áo. Được chăng là niềm vui sống với chính mình, với anh em bạn hữu. Tôi chỉ viết lại theo trí nhớ. Chuyện buổi đầu ở tỉnh lẻ, vùng đất Thất Sơn từ những năm 64, 65 về sau. Mượn câu chuyện bạn tôi, chuyện hàng xóm, những người cầm bút trước năm 75, trong sinh hoạt văn nghệ cùng thời, như một tâm tình xót chia.

Khởi đầu từ nhà thơ Thương Hoài Diệp, tức Phạm Yến Anh. Người ban thơ, có thơ đăng báo nhiều nhất trong thời điểm này. Không mấy người biết, tôi rất thân với anh trên lãnh vực thơ văn, trong lúc người bạn chí tình bên tôi là Hoài Nga. Cùng trường, sống cùng địa phương, chúng tôi gặp nhau, khi cả hai có bài đăng báo, dĩ nhiên anh là người xuất hiện trước tôi trên văn đàn. Lúc bấy giờ rất nhiều nhà thơ ở tỉnh tôi như các anh Mạc Phong Lan, Nghi Do Thái, Mạc Lan Hoài, Hoài Lan Vân, Song An Châu, Hàn Thanh, Ngô Nguyên Nghiễm, Mai Thanh Tuyền,... Nhiều thi văn đoàn thành lập, sinh hoạt, làm báo,... Lúc này Thương Hoài Diệp không lập thi văn đoàn, mà lập nhóm Cô Đơn, rủ tôi gia nhập. Bài giới thiệu nhóm đăng trên báo Thời Luận, do anh Ngọc Hoài Phương phụ trách trang văn nghệ. Nhóm khoảng năm, sáu người, nhưng chủ lực viết bài đăng báo, chỉ có tôi với anh.

Là một quận, tỉnh sát biên giới. Người phương xa, vùng ngoài nghe nói dân Bảy Núi là mường tượng đến nơi chốn quê mùa lạc hậu, vô biên. Chính bản nhạc Dòng An Giang của nhạc sĩ Anh Việt Thu đã mang đến cho người nghe hình ảnh một đời sống thơ mộng hiền hòa bên dòng sông, ruộng lúa. Tiếp theo là những ca khúc như Tám Diệp Khúc, Đa Tạ,... một thời được ưa chuộng. Người nghe chỉ biết chừng ấy, nhạc và tên tác giả. Cho đến bây giờ không có một tài liệu rõ ràng nào về một Huỳnh Hữu Kim Sang (nhạc sĩ Anh Việt Thu). Phải chăng

## DÒNG SÔNG XUÔI CHẢY

HOÀI ZIANG DUY



Từ trái: HOÀI ZIANG DUY | THƯƠNG HOÀI DIỆP | MẠC LAN HOÀI | NGÔ NGUYÊN NGHIỄM | LƯU NHỮ THỤY | LÂM HỮU NHẤT | MỘNG LINH





bản chất hiền lành, chất phác của người miền đồng bằng, nó lặng lẽ không thích nói về mình, là sự thua thiệt khi bước ra cuộc đời, bên lề cuộc sống bon chen.

Nói đến Thất Sơn, không biết lúc nào, khách thường nghĩ đến bùa chú, thần linh. Ở đây miền đất xa thủ đô, xa ánh sáng văn minh, náo nhiệt. Nhưng bao quanh khu vực địa phương, quả thực có rất nhiều huyền thoại để nói về đời sống tâm linh, về chuyện Bảy Núi, thú rừng cây cỏ thuốc men,... Châu Đốc cũng là điểm hẹn cho các lần tranh giải võ thuật, ở thập niên 50 - 60. Các cuộc đấu võ đài sống chết với sự tham dự của các lò võ Việt, Miên, Lào, thường tổ chức tại rạp hát Lạc Thanh, khu vực chợ. Lại một điều, giới trẻ ở đây sinh hoạt văn nghệ rất mạnh. Ban nhạc chuyên nghiệp với nhạc sĩ Hoàng Bích, một thời nổi đình đám. Ban nhạc học trò có ban Solitaire (Phước, Đăng, Thành, Tò) với đàn *guitar* điện, trống, đầy đủ dàn âm thanh, khí cụ của một ban nhạc đúng nghĩa, phục vụ sinh hoạt địa phương. Phải nói vào thời điểm này, bỏ tiền ra để mua sắm những dụng cụ, thành lập ban nhạc, không phải là một số tiền nhỏ. Nếu không có Đăng (tiệm vàng Kim Quang) chịu chi, chắc không có ai đủ khả năng để ban nhạc Solitaire thành hình. Nhiều tờ đặc san được các thi nhóm in ấn, phát hành với giấy phép, kiểm duyệt của Ty Thông Tin. Tờ tập san in đẹp là tờ Thế Kỷ Mới.

Một người bạn trẻ chịu chơi là Lưu Nữ Thụy. Lần đầu tiên anh gia nhập sinh hoạt văn nghệ, bỏ tiền rủ tôi ra báo. Lưu Nữ Thụy, vẽ, trình bày đẹp. Đặc biệt anh kẻ chữ theo lối chữ in rất có nét. Chúng tôi thực hiện tập san văn nghệ Hiện Diện, hướng đi của những người viết và suy nghĩ tự do. Số đầu mang chủ đề "Thực Chất Tình Yêu và Chiến Tranh Hiện Tại". Lưu Nữ Thụy đứng tên chủ trương. Tôi chỉ lo phụ trách phần bài vở cho tờ báo. Chủ biên, để tên chung: Hoài Ziang Duy, Mặc Lan Hoài, Mộng Linh. Cộng tác gồm có: Ngô Nguyên Nghiễm, Trương Thảo Mộc, Hàn Thanh, Giang Thu, Phương Thảo Huyền, Uyên Linh, Thạch Cương, Mặc Nghiễm Tường, Sa Duyên, L t Tho, Hoài Lan Vân, Trần Xuân Huyền, Hoài Nga, Thùy Linh, Hoài linh Trang,...

Sau đó không lâu Ngô Nguyên Nghiễm đứng ra lập nhóm Khai Phá, ra báo Trình Diện Tuổi Đất, trước đặt địa chỉ ở Châu Đốc, rồi dời lên Sài Gòn. Sau này Lưu Nữ Thụy về Sài Gòn lập nghiệp, gần gũi với Ngô Nguyên Nghiễm, sống nghề vẽ cho các báo. Ngoài một số anh em khác tỉnh, khác miền nhập cuộc với Khai Phá như: Lâm Chương, Phạm Nhã Dự, Hà Thúc Sinh, Nguyễn Lê La Sơn,... Châu Đốc còn có

thêm các nhà thơ mới như Trịnh Bửu Hoài, Nguyễn thành Xuân.

Không khác gì hoạt động văn nghệ với nhiều người viết ở miền Trung, miền Tây lúc bấy giờ cũng đông đảo người cầm bút xuất hiện trên các mặt báo chí, ở mỗi quận, tỉnh, địa phương đây đây những anh em bạn trẻ mới lớn, tham dự, xuất hiện trên văn đàn, như: Yên Uyên Sa, Mây Viễn Xứ, Phù Sa Lộc, Hạc Thành Hoa, Thy Lan Thảo, Triệu Uyên Phương,... Vào thời điểm này, cây bút nữ viết tùy bút, tạp ghi đều đặn trên các nhật báo là Hoài Dân (cô bạn ở Nguyễn Huỳnh Đức, Phú Nhuận). Về phía thơ nói về lính có MH Hoài Linh Phương. Thời đó anh em học trò làm văn nghệ thường quen nhau qua thư từ trao đổi (thời đó chưa có điện thoại), năm đó chúng tôi có thêm những bạn phương xa là Từ Kế Tường, Trần Hồng Nhan, Triệu Cung Tinh,...

Tuổi trẻ sung mãn, buổi đầu ở người cầm bút, là những sáng tạo kỳ thú bất ngờ, coi như tài không đợi tuổi. Dòng xuôi chảy đó thẳng tiến về sau, định vị cho danh phận mỗi người, đường dài ở cuối cuộc chơi như một mệnh nghiệp trong cuộc sống.

Tình hình sinh hoạt chung là vậy. Có điều đặc tính của địa phương, của người miền Tây là bề ngoài rộn ràng xôm đám, nhưng thật ra, hể hà, tụ lại chơi chung, buông ra là đường ai nấy bước. Không có gì ràng buộc. Hay nói một cách khác là không thích có chân trong hội hè, đoàn thể, phe phái. Điều này cũng là sự thua lỗ trong tính đoàn kết, thống nhất trong vấn đề. Để rồi mỗi người tự liệu theo sinh hoạt đơn độc ở mình.

Trong văn nghệ mỗi miền có cung cách riêng. Văn nghệ sĩ người miền Bắc di cư có vẻ kết đoàn hơn. Văn nghệ miền Trung thì đông đảo anh em bạn trẻ, hoạt động mạnh. Người miền Nam không có thói quen giao tế này (kiểu khen chéo tay ba, rồi ai cũng được đánh bóng). Viết bài khen lẫn nhau, ngại mang tiếng nịnh bợ. Ngược lại nghe người khác ca tụng mình quá, thấy cũng nhột. Đặc tính chung này, nó ăn sâu bao đời kiếp. Người miền Nam, hay dân miền Tây, có thể vì đời sống thoải mái, thích ăn nhậu, thật thà, nói thẳng, sống một mình, dễ bỏ qua. Dù rằng ở đâu cũng có người tốt kẻ xấu, đôi khi ngoại lệ, thủ đoạn vượt bậc không chừng.

Phải nói tình thần văn nghệ ở tuổi trẻ chúng tôi tự phát. Giản dị một điều: ưa thích là làm. Biết yêu cái đẹp, sống với tâm hồn lãng mạn là gần với thơ văn. Ở đây hoàn toàn không có tính cách chính trị, đảng phái. Vào thời điểm đầu ở lãnh vực này không ai biết, nghĩ gì về chính trị. Văn thơ chỉ để bày tỏ những điều mình muốn nói. Như một niềm kỳ vọng, một tiếng hát cất cao giữa trời cao biển

rộng. Một lời tỏ tình, hay nỗi đau tình lỡ, một hiện thực xã hội, đề tài chiến tranh. Tất cả là một tâm tình rất thực ở tuổi đời mới lớn.

Cuộc chơi văn nghệ nổi đình đám, cùng lúc với cường độ chiến tranh đi lên. Sau lúc rời mái trường trung học, điểm chuẩn là sau kỳ thi Tú tài 2. Tất cả tan tác theo dòng đời. Tuổi vào đại học, hay lên đường tham dự vào cuộc chiến. Không phải bằng văn thơ lãng mạn, mà bằng máu xương, mất mát hy sinh. Anh em chúng tôi cũng xa nhau từ đó. Mỗi người còn nặng nợ với văn nghệ hay không, cũng từ ở giai đoạn này, giai đoạn thực sự bước chân vào thực tế, đời sống, sự nghiệp, hạnh phúc gia đình, lập thân. Có còn không tâm tình ngày cũ. Có còn không đời sống văn thơ trong máu huyết. Có còn không mang cái nghiệp văn nghệ vào thân. Và như vậy chúng ta gặp nhau, là gặp lại cái bút hiệu ngày nào, xuất hiện ở tuần báo, tạp chí văn nghệ... Ở nơi nào đó, trên mọi miền đất nước, khung cảnh thời gian nào đó. Quảng đời có xa, nhưng gần lại vô cùng với chữ nghĩa trước mặt, để rồi thấy đó, nhận ra cái tình bạn hữu năm xưa, bắt nhớ lại một thời qua.

Kể từ ngày vào quân ngũ, rồi ở tù về. Mười mấy năm anh em mỗi người mỗi ngả. Bấy giờ về sống nơi quê nhà, gặp lại Thương Hoài Diệp. Bạn bè bây giờ không còn ai, tất cả đã rời xa. Người bạn chí thân của tôi cũng ra đi tìm đường tự do. Nhìn quanh quất người ở lại, là những người bạn một thời tù, chung trại, cùng một mệnh số. Bạn văn nghệ không còn mấy tay, thuận theo ý trời, chúng tôi lại chơi thân hơn trước, bởi cùng một hoàn cảnh giống nhau, đứng về một phía. Thương Hoài Diệp lấy lại tên thật Phạm Yến Anh.

Nói chuyện văn thơ, ở người có cùng một tâm hồn, cách nhìn. Những sáng tác, viết chỉ để đưa nhau đọc. Hoàn cảnh chúng tôi, ở tù ra, xả chế hay chưa xả chế, vẫn bị rình rập theo dõi, báo cáo, trình diện, đi đứng phải xin phép. Mỗi ngày lên khu vực chợ, Yến Anh chịu khó ngồi chờ ở quán cà phê cách nhà mấy căn, chờ tôi xong khách bệnh, để gặp nhau. Hay có lúc tôi xuống nhà anh, một phòng học ở trong trường (cho giáo viên trú ngụ, nơi người vợ đi dạy). Chúng tôi thường ngồi trước hàng hiên, chuyện văn. Nhìn ra sân trường quanh què. Tôi nhớ cảm giác một thời đi học, mùa hè trường cũng lạnh vắng như thế này. Còn bây giờ ngồi lại, tất cả một thời qua đi, mất hết, buồn một thân phận chung.

Trịnh Bửu Hoài, lúc bấy giờ làm chủ tịch Hội Văn Nghệ thị xã (sau nghe nói lên chủ tịch Hội Văn Nghệ tỉnh) rủ chúng tôi viết trở lại. Để nghị in



một tập thơ tình gồm các cây bút cũ phe ta, xen vào mấy cây bút mới. Hồi gồm có ai? Hoài kể một lô tên quen biết. Nghe cũng có lý vui chơi. Mấy tháng sau, thực hiện in. Hoài cho hay bài bị kiểm duyệt, loại bỏ, cắt xén hết. Một lần đó rồi thôi. Chúng tôi biết không thể có địa bàn viết lại như trước, dù Trịnh Bửu Hoài tử tế với anh em cầm bút cũ, nhưng bây giờ là việc mới.

Bạn bè lần hồi lo liệu ra đi theo chính sách của người Mỹ can thiệp. Phạm Yến Anh cũng nôn nóng chờ đợi. Tôi còn nhớ chút chi tiết nhỏ này. Chuyện ở năm 90, buổi trưa gần 12 giờ, Yến Anh đến tìm tôi. Anh cho hay mới bị mời làm việc (bị thẩm vấn). Địa điểm trong phòng khách sạn Mỹ Lộc. Hai người thẩm vấn anh từ Sài Gòn xuống. Nhìn gương mặt còn ầu lo, tôi nghĩ bạn mình nói thật. Nhất là nội vụ vừa mới xong khoảng năm phút. Trên đường về phải ngang qua nhà tôi, cách đó một dãy phố. Theo Yến Anh nói lại nội dung, họ nói ba điều bốn chuyện, hỏi thăm đời sống, rồi vào vấn đề thẳng. "Anh có muốn đi Mỹ theo diện HO không?" "Tôi đâu ở tù đủ 3 năm để được đi." "Anh đừng lo, chúng tôi làm lại giấy ra trại, hợp thức theo tiêu chuẩn để anh ra đi sớm. Nhưng, với điều kiện, sang đó anh phải hoạt động cho chúng tôi. Anh về suy nghĩ lại, chúng tôi không bắt buộc, nếu đồng ý, thì cho biết." Yến Anh hỏi tôi thấy thế nào? Tôi không biết tình hình, sinh hoạt gì bên Mỹ. Theo công tâm mà nói. Nhận lời để được đi, làm hay không làm, cái nào cũng khó sống.

Và như vậy Yến Anh ở lại. Như bao người khác, sống cầm hơi theo năm tháng, mong mỗi có phép màu sáng sủa, khảm khá cho đời mình.

Ra hải ngoại, tôi cầm bút viết lại, chung cùng với anh em bạn hữu ngày trước 75, bạn văn nghệ có, bạn nhà binh, bạn tù hay những người mới quen sau này. Tôi viết, như thể cần viết, nơi chốn dung thân, tôi tìm lại chính mình. Rất nhiều, qua ngòi bút mọi điều mọi chuyện để khóa lấp đời sống, những đau thương chịu đựng, và gần nhất là sự cô độc nơi xứ người. Một người mà tôi không ngờ, rất ư là Châu Đốc: nhà văn, họa sĩ Phạm Thăng, ở Canada. Anh viết rất nhiều, rất rành về Châu Đốc, từ câu chuyện địa danh, đến tên tuổi thầy cô, kỷ niệm sống ở đó. Biết ra, với anh dù không là nơi sinh trưởng, nhưng cả một quãng đời niên thiếu anh đã lớn lên, học hành ở đây, khác gì một quê hương thứ hai như anh đã nói. Một người rất dễ mến nữa là nhà văn Vũ Thất, anh chỉ thỉnh thoảng viết, thích đọc người khác viết hơn... Hầu hết những người văn nghệ quê nhà cùng thời, mỗi người một điều kiện khác nhau sống nơi xứ người. Ở đời sống mới khó khăn ngôn ngữ, đa số hầu như vì sinh kế không còn viết, hay không còn viết nổi nữa. Một

thời tuổi trẻ lãng mạn qua rồi. Thấy có Song An Châu còn yêu văn thơ, còn xông xáo, nhưng tuổi cũng đến lúc về hưu. Mặc Lan Hoài còn có khả năng sáng tạo (đọc qua mấy bài thơ của anh) nhưng không thấy anh xuất hiện đâu cả, ngoại trừ tôi gọi lấy bài cho báo tôi.

Quê nhà còn lại mấy người, sáng tác đều đặn như Ngô Nguyên Nghiễm, Nghi Do Thái, Lưu Như Thụy.

Cuộc đời tròn xoay, có xa, có gần. Lần về quê nhà, Yến Anh đưa tôi mấy bài thơ sáng tác sau này. Tôi đọc, không ý kiến nhiều. Tôi biết từ nay anh không còn là một Thương Hoài Điệp lãng mạn ngày nào. Thơ anh bây giờ trần trụi, với thực tế khổ đau, nói thẳng nói thực. Như bốn câu trong Giữa Cảnh Đời Sắc Không:

*Giữa những màu mè,*

*những giọng cười sảng khoái*

*Sau những tảng bốc khoe khoang còn lại*

*Một mình tôi, một khoảng trống chán chường*

hay mấy câu trong bài Thư Cám Ôn Người:

*Thương cái thời gian nan, áo lính*

*Mỗi lần tan hàng, mỗi lần cố gắng*

*Mà bây giờ lực bất tòng tâm*

*Mà bây giờ đã ba mươi năm*

*Thời gian biến ta thành ông già quần trí*

Đời sống văn nghệ, đầu óc của người làm văn nghệ năm xưa bây giờ cùn khổ, cạn kiệt như thế đó. Nếu tôi không bước ra thế giới bên ngoài, chắc tôi cũng cùng chung số phận. Một người cầm bút không có đất địa văn học, khác gì người ca sĩ không có sân khấu. Một người thích đọc sách, không trao đổi được gì trong sáng tạo, tư tưởng mới, kỹ thuật viết. Không hội nhập đồng điệu với một nền văn học, thì làm sao đời sống không buồn nản, khi chính mình đọc mình, rồi không đi tới đâu. Nói cho cùng, muốn cũng không làm sao có, không có sách báo, tư tưởng nào, ngoài sự rập khuôn qui định. Không có chọn lựa nào khác ngoài không đọc... Cho đến tháng 8 năm 2006, nhận tin bạn mất đi (anh mất đi ở tuổi 65). Nghe tin, lòng tôi cảm thấy đau xót vô cùng. Đến tháng 3 năm 2009 đến lượt Mạc Phong Lan cũng ra đi trên xứ người.

Nhiều đêm trên đường đi làm trở về. Tôi đã nhớ rất nhiều về kỷ niệm, tình thân ngày cũ. Cứ tưởng trở lại quê nhà, từ nay không còn người bạn bên bàn cà phê, nói chuyện năm xưa, chuyện đất trời thời cuộc. Tôi cảm thấy nuôi tiếc xót xa. Đến với nhau từ buổi đầu, duyên tình văn nghệ, gắn bó tình thân từ đó, cho đến lúc bạc đầu... Xa nhau, rồi gặp lại. Rồi xa nhau. Nhưng lần này, thực là lần cuối trong đời. Tập thơ, bạn bè giúp Phạm Yến Anh in ấn ở quê nhà, anh có gửi tôi. Không đẹp về kỹ

thuật, chắc in lộn, nhưng chan chứa tình anh em, sống thật lòng.

Nhớ Yến Anh là nhớ bài Áo Kỷ Niệm. Đó là bài thơ lần cuối, mấy năm trước phụ trách làm tờ báo, anh nhờ đứa con chuyển qua mấy bài không bỏ dấu, tôi phải đánh lại.

*Chợ trời thấy áo em treo*

*Bốn mươi năm mới biết nghèo là đây*

*Áo ngày xưa sao ở đây*

*Em đem bán rở qua ngày hẩm hiu*

*Chưa bình minh đã xế chiều*

*Chưa sung sướng đã phải nhiều đắng cay*

*Nhọc nhàn thân ngựa dậm dài*

*Nổi vui cố tạo mỗi ngày một vui*

*Niềm tin ngày tháng rã rời*

*Cho tôi sống lại quãng đời hôm qua*

*Mùa xuân là của người ta*

*Mùa đông tôi đó, nắng tà phai phôi*

*Ơi em, lòng bỗng ghen lời*

*Thèm làm sao một nụ cười cảm thông*

*Một mình đi giữa phố đông*

*Áo vu quy thấy bán trong chợ trời*

Tôi chọn bài thơ này. Bài thơ buồn như đời sống, bề bồng trong tình yêu nghèo khó, không giải quyết một hoàn cảnh thực của người ở lại, và hơn hết là chất thơ của Thương Hoài Điệp ngày cũ. Như tôi đã nói, tôi chậm. Buồn mà không nói, không viết lời ai oán mấy năm trước, không nói gì hết. Là nỗi lặng. Nhưng bây giờ trong nỗi nhớ muộn màng này, quá khứ tưởng chừng qua nhanh, thật ra lại sống gần kề.

Nói về một Thương Hoài Điệp năm xưa, hay Phạm Yến Anh mất đi, phải chăng là cái cơ để sống hoài niệm về ngày cũ, một thời tâm hồn còn đơn giản, trong lành, chưa tắt bật với đời sống, nặng nợ áo cơm. Ở đó thuở đầu đời yêu em, biết lãng mạn, biết làm thơ. Những bài thơ tình dẫn sâu vào đời sống, nghiệp dĩ sau này.

Hơn bốn mươi năm sau nhìn lại một quãng đời qua, những mái đầu đã bạc. Chiến chinh, sương gió, tù đày, lỡ làng, mất mát. Cái giá chúng ta phải trả là hiện thực đời sống bây giờ. Tâm tình chúng ta còn giữ lại phải chăng là những bài thơ muộn phiền. Một câu, một lời thôi để nhớ, là hạnh phúc cho người cầm bút.

Một vắng trắng lơ lửng. Một rừng cây trút lá. Rồi thôi, cuối cùng tựa như một dòng sông xuôi chảy. ■

HOÀI ZIANG DUY

(2014)

# Văn hoá VIỆT NAM

(The Vietnamese Culture Magazine)

SỐ TÁM MƯƠI CHÍN  
MÙA HÈ  
2020

VĂN HOÁ CÒN



DÂN TỘC CÒN

## ĐÔI DÒNG NGHĨ VỀ NHÀ VĂN HOÀI ZIANG DUY

LÊ CẦN THƠ

Nhà văn HOÀI ZIANG DUY tên thật Thái Sanh Lợi. Ông sinh năm 1948 tại Châu Đốc miền địa linh Thất Sơn, biên giới Tây Nam Việt Nam.

\* Từ năm 1965, Hoài Ziang Duy khởi viết rất sớm và định hình tài hoa rõ rệt trong những tác phẩm sáng tác đồng song với Nguyễn Tôn Nhan và Từ Kế Tường.

\* Ông sớm hiện diện trên các báo và tạp chí ở Sài Gòn. Thơ được giới thiệu và đọc trên đài truyền thanh của nhóm Trần Dạ Từ, Trần Đức Uyển.

\* Sau 1975, Hoài Ziang Duy định cư tại Virginia, Hoa Kỳ.

\* Đã xuất bản: Ông Tướng Sang Sông (truyện - 1999), Lối Đi Dưới Lá Đồi Thà Như Mưa (thơ - 2007), Bốn Ngàn Năm Chen Lán (truyện

- 2010), Những Bài Thơ Tháng Tư (CD - 2014), Còn Không Chốn Quay Về (tự truyện - 2017), Đứng Tựa Bên Đồi (thơ - 2019).

\* Tuyển tập in chung: Trong Cơn Vật Vờ (1988), Tuyển Tập 14 tác giả (2000), Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến (2007), Văn Miền Nam (2009), Một Người Một Về - 14 tác giả (sách phỏng vấn 2012).

Trên đây là những ghi nhận được từ chính nhà văn HOÀI ZIANG DUY cung cấp, trước khi tạp chí Văn Hoá Việt Nam số 89 (số cuối cùng đình bản). Tôi phụ trách chủ bút của tạp chí từ số đầu tiên xuất bản mùa hè 1998 và số cuối cùng đình bản mùa hè 2020, chúng tôi muốn được tất cả các văn thi hữu cộng tác với tạp chí tặng đôi dòng để chào tạm biệt bạn đọc quý mến giữ lưu niệm với từng tác giả. Mặc dù tạp chí xuất bản 89 số (mỗi ba tháng ra một cuốn liên tục) nhưng mãi đến VHVN số 79 (mùa đông 2017) bạn Hoài Ziang Duy mới cộng tác truyện Không Còn Chốn Quay Về; VHVN số 81 với hai bài thơ Lặng Một Đời Riêng và Kiếp Sau Còn Có Thệ Nguyên?; VHVN số 86 với bài tạp văn Có Chẳng Một Mùa Thu Ở Lại; VHVN số 89 cuối cùng với truyện Quê Nhà, Ấu Thời Gặp Lại. Phần tôi, ở hải ngoại này chỉ duy nhất một lần gặp nhau khi bạn từ Virginia qua Houston, Texas mà thôi.

Trước năm 1975, bạn Hoài Ziang Duy ở Châu Đốc và sinh hoạt trong nhóm Khai Phá với nhà văn Trịnh Bửu Hoài, Ngô Nguyên Nghiễm,... còn tôi thì hoạt động trong "Văn nghệ Về Nguồn Tây Đô" tại Cần Thơ, có đôi dịp chúng tôi gặp nhau... Biền cố 30-4-1975, tôi phải vào tù đến năm 1981 mới được thả ra. Mãi đến tháng 6 năm 1993 mới



được sang định cư tại Houston Texas Hoa Kỳ. Và chúng tôi gặp lại nhau chỉ một lần vừa nhắc ở trên. Dù vậy, tình bạn văn học nghệ thuật vẫn giữ mối thân tình.

Tôi xin phép mượn những dòng sau đây, nói đôi nét về nhà văn Hoài Ziang Duy mà bạn văn gần gũi nhất với anh là Ngô Nguyễn Nghiễm đã viết: "Suốt hơn 40 năm đọc hành theo ngõ sống, lập luận của nhà văn quá là hướng đi tự lập, riêng mình, khó lẫm lẫm với đối tác văn chương khác. Phương vị thật đơn lẻ và độc lập, nhưng sáng tạo trong phong cách viết Hoài Ziang Duy là một dấu ấn chân phương. Ngồi đọc lại những tuyển truyện Hoài Ziang Duy viết từ thập niên 60 vừa qua, mới nhận thấy sự đa dạng của một tài hoa tuổi trẻ dù bước vội vàng theo văn nghệ, đã chất mót được từ nhân dáng những giọt tinh hoa sáng hoá riêng mình, từ *Thế Kỷ Mới*, *Văn Nghệ Học Sinh*, *Hiện Diện...*" và "*Quãng đường gần nửa thế kỷ nay, suốt đời cặm cụi sáng tác của nhà văn Hoài Ziang Duy, bao giờ cũng đầy đặn nét sáng tạo tư duy nhất quán, hồn hậu của con suối dòng sông, của ngọn núi tĩnh lặng, của mệnh mang đồng bằng... Nhà văn vác trên vai một hướng đi tự lập, mà phong cách sáng tạo trong văn phong là một độc đáo riêng biệt, đầy tình người, bằng một lối viết mà nhà văn Xuân Vũ bật lên lời kính ngạc: 'Lối viết của Hoài Ziang Duy là một lối viết lạ kỳ, không giống ai, hoặc tôi chưa từng thấy giống ai trong nghệ thuật viết truyện ngắn. Cái lạ kỳ này có hai nhánh. Lạ kỳ quái gở và lạ kỳ nghệ thuật. Truyện của Hoài Ziang Duy nằm ở nhánh thứ hai.'" (Ngô Nguyễn Nghiễm - *Chân Dung Văn Nghệ Sĩ Qua Góc Nhìn Ngô Nguyễn Nghiễm - quyển thượng, trang 286*)*

Được biết, Hoài Ziang Duy sau ba tuần nằm bệnh viện mới trở về nhà tiếp tục tịnh dưỡng. Tôi thâm nguyện sức khoẻ bạn sớm bình phục để vui sống bên người thân yêu nhất trong gia đình, với bạn bè văn nghệ cùng bạn đọc khắp nơi vốn yêu thích từng trang chữ đầy tâm huyết của một nhà văn "BIỂU TƯỢNG MỘT VĂN PHONG HIỆN THỰC ĐẦY SÁNG HOÁ" qua góc nhìn của Ngô Nguyễn Nghiễm.

Bài viết ngắn này tôi vừa chuyển đến toà soạn KBC thì được tin qua điện thoại báo cho biết Hoài Ziang Duy đã từ trần. Tôi lặng người, cảm nhận đôi mắt mình cay xè dòng nước, bởi không đành được xúc động trước tin vĩnh biệt này. Tôi mở máy chuyển tin buồn đến bạn hữu văn nghệ năm xưa còn trong nước biết để chia buồn cùng Chị và tang gia; cùng góp lời cầu nguyện hương linh bạn sớm an nhiên tự tại nơi cõi Vinh Hằng. *Hoài Ziang Duy - Thái Sanh Lợi ơi... Huyền Vân Thanh và Kiều Diễm Phượng (Văn Nghệ VỀ NGUỒN TÂY ĐO năm xưa) xin đời đời vĩnh biệt Anh...* ■

Houston, Texas  
5/29/2022 & 6/01/2022

**LÊ CẦN THƠ**

(Nguyên chủ bút tạp chí  
VĂN HOÁ VIỆT NAM)

**CẢM TẠ**

Gia đình chúng tôi chân thành cảm tạ:

- Thầy Thích Từ Trung, Thầy Thích Trí Nhân
- Ban Hộ Niệm của Đạo Tràng Liên Hoa
- Nguyệt san KBC
- Anh Chị Em Văn Nghệ Sĩ vùng Hoa Thịnh Đốn, hải ngoại và trong nước
- Trang mạng PHẠM CAO HOÀNG
- Trang mạng Thất Sơn Châu Đốc, Hội Thân Hữu Châu Đốc Georgia, Trường Trung Học Công Lập Tân Châu
- Hội Thân Hữu Châu Đốc Hải Ngoại
- Thầy Cô trường Thủ Khoa Nghĩa Châu Đốc, trường PTTH Tân Châu
- Bạn hữu cựu Học sinh Trường Thủ Khoa Nghĩa
- Tiểu Đoàn 3/15/SĐ9BB
- Các anh em trong Quân Đội VNCH
- Các em cựu học sinh Tân Châu, Châu Đốc trong và ngoài nước
- Các bạn trên FB
- Anh Chị Em đồng nghiệp Bưu Điện vùng Hoa Thịnh Đốn
- Cộng đồng Lào - Thái vùng Hoa Thịnh Đốn
- Gia đình hai bên sui gia
- Quý thân bằng quyến thuộc, con cháu trong và ngoài nước

Đã đến tụng niệm, thăm viếng, gửi vòng hoa, nhang phúng điệu, dâng Phấn Ưu, điện thoại, email, gửi thiệp chia buồn, viết bài, làm báo và tiễn đưa Chồng, Cha, Ông Ngoại, Em, Chú, Cậu, Dượng của chúng tôi là:

**Ông THÁI SANH LỢI**  
(Nhà văn/Nhà thơ HOÀI ZIANG DUY)

Đã tạ thế ngày 1 tháng 6 năm 2022  
(Mồng 3 tháng 5 năm Nhâm Dần)  
tại thành phố Sterling, Virginia

**HƯỞNG THỌ 75 TUỔI**

Sự quan tâm và lòng thương mến của quý vị là niềm an ủi vô cùng quý báu đối với gia đình chúng tôi trước mất mát lớn lao này.

Trong lúc tang gia bối rối, có điều chi sơ suất, kính xin quý vị niệm tình tha thứ. Tang gia đồng thành kính tri ân và bái tạ.

Thay mặt tang quyến  
**Bà Quả Phụ THÁI SANH LỢI**  
(Nhũ danh ĐỖ BÌNH)





**TANG LỄ HOÀI ZIANG DUY  
NGÀY 10 THÁNG 6 NĂM 2022 TẠI VIRGINIA, HOA KỲ**

